## TUẦN 1

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn: | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**Tiết 1: Văn bản: PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH**

Lê Anh Trà

**I. Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Thấy được một số biểu hiện của phong cách Hồ Chí Minh trong đời sống và sinh hoạt. Ý nghĩa của phong cách Hồ Chí Minh trong việc giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc.

- Đặc điểm của kiểu bài nghị luận xã hội qua một văn bản cụ thể.

***2. Kĩ năng:***

- Nắm bắt nội dung văn bản nhật dụng thuộc chủ đề hội nhập với thế giới và bảo vệ bản sắc văn hoá dân tộc.

- Vận dụng các biện pháp nghệ thuật trong việc viết văn bản về một vấn đề thuộc lĩnh vực văn hoá, lối sống.

***3. Thái độ:***

- Trân trọng vẻ đẹp phong cách Hồ Chí Minh.Có ý thức học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

**II. Trọng tâm**

***1. Kiến thức:***

- Ý nghĩa của phong cách Hồ Chí Minh trong việc giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc.

- Đặc điểm của kiểu bài nghị luận xã hội qua một đoạn văn cụ thể.

***2. Kĩ năng:***

- Nắm bắt nội dung văn bản nhật dụng thuộc chủ đề hội nhập với thế giới và bảo vệ bản sắc văn hoá dân tộc.

- Vận dụng các biện pháp nghệ thuật trong việc viết văn bản về một vấn đề thuộc lĩnh vực văn hoá, lối sống.

***3. Thái độ:***

- Trân trọng vẻ đẹp phong cách Hồ Chí Minh.Có ý thức học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

***4. Năng lực cần hình thành cho HS:***

- Hình thành năng lực tự giải quyết vấn đề, hợp tác, phân tích.

- Sáng tạo, vận dụng giải quyết những tình huống trong thực tiễn cuộc sống…

**III. Chuẩn bị** :

+Thầy:- Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

Phương pháp: Đọc diễn cảm, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, phân tích, giảng bình...

+ Trò: Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học:**

1. Ổn định tổ chức.

2. Kiểm tra sgk và việc chuẩn bị bài của học sinh.

3. Tổ chức dạy và học bài mới:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thầy** | **Trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| **\* HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:**  - Thời gian: 4 phút  - Mục tiêu:Giúp học sinh tạo tâm thế tốt vào bài học.  - Phương pháp: thảo luận nhóm, thuyết trình  - Kĩ thuật: Động não | | |  |
| -Yêu cầu lớp trưởng điều hành, chia lớp thành 2 nhóm, thi đọc thơ, nêu tên những mẩu truyện về Bác.  *- Giới thiệu vào bài*:  Hồ Chí Minh không chỉ là anh hùng dân tộc vĩ đại mà còn là danh nhân văn hoá thế giới. Bởi vậy, phong cách sống và làm việc của Bác Hồ không chỉ là phong cách sống và làm việc của người anh hùng dân tộc vĩ đại mà còn là của một nhà văn hoá lớn, một con người của nền văn hoá tương lai. Vậy vẻ đẹp văn hoá của phong cách Hồ Chí Minh được hình thành và biểu hiện trong suốt cuộc đời của Người ra sao? Chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài hôm nay. | - Thực hiện theo yêu cầu của lớp trưởng.  - Lắng nghe, suy nghĩ | - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |  |
| **\* HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:** | | |  |
| \***Hoạt động 2:** **Tri giác**  - Thời gian dự kiến: 8 phút  - Mục tiêu: Nắm được về tác giả, tác phẩm, cảm nhận bước đầu về văn bản qua việc đọc.  - Phương pháp: Đọc diễn cảm, vấn đáp, thuyết trình.  - Kĩ thuật: Động não, các mảnh ghép... | | |  |
| **\* HD tìm hiểu chung** | **I. Tìm hiểu chung** | **I. Tìm hiểu chung** |  |
|  |  | ***1. Chú thích*** |  |
| ? Nêu hiểu biết của em về tác giả của văn bản? | - Dựa vào chú thích trả lời. | a. Tác giả  Lê Anh Trà |  |
|  |  | b. Tác phẩm |  |
| ? Nêu xuất xứ văn bản ? | - Dựa vào chú thích trả lời. | \* Xuất xứ: Văn bản trích từ bài viết “Phong cách Hồ Chí Minh, cái vĩ đại gắn với sự giản dị” của Lê Anh Trà in trong tập “Hồ Chí Minh và văn hóa Việt Nam” |  |
| ? Trong những từ ngữ của 12 chú giải, những từ ngữ nào là từ khó? Tại sao?( Từ Hán Việt) | - Giải thích từ khó. | c. Từ khó |  |
| - Hướng dẫn HS đọc: Giọng chậm rãi, khúc chiết.  - Giáo viên đọc mẫu một đoạn  -Gọi HS đọc, nhận xét. | - Nghe  - Đọc, nhận xét. | ***2. Đọc*** |  |
| - Yêu cầu HS xác định kiểu loại văn bản.  ? Vì sao gọi đây là văn bản nhật dụng? | - Nhận diện kiểu VB.  - Tự bộc lộ. | ***3.Thể loại***  \* Kiểu văn bản: Nhật dụng |  |
|  |  | ***4. Phương thức bỉểu đạt*** |  |
| ? Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản? | - Phát hiện trả lời. | - Nghị luận. |  |
| ? Nêu bố cục của văn bản trích?  +Bố cục: 3 đoạn  - Từ đầu... rất hiện đại: Quá trình hình thành và điều kì lạ của phong cách văn hóa Hồ Chí Minh  - Tiếp... “hạ tắm ao”: Những vẻ đẹp cụ thể của phong cách Hồ Chí Minh  - Còn lại: bình luận và khẳng định ý nghĩa của phong cách Hồ Chí Minh.  ? Nhận xét cách chia đoạn? | - Xác định bố cục  - Nhận xét. | ***5. Bố cục***  \* Bố cục: 3 đoạn |  |
| **\* Hoạt động 3: Phân tích, cắt nghĩa**  - Thời gian dự kiến : 60 phút  - Mục tiêu : Nắm được một số biểu hiện của phong cách Hồ Chí Minh trong đời sống và sinh hoạt; ý nghĩa của phong cách Hồ Chí Minh trong việc giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, đặc điểm của kiểu bài nghị luận xã hội qua một văn bản cụ thể.  - Phương pháp: Đọc, vấn đáp, thuyết trình, bình giảng, hoạt động nhóm  - Kĩ thuật: Dạy học theo góc, các mảnh ghép. | | |  |
| **II. Phân tích** | **II. Phân tích** | **II. Phân tích** |  |
| - Gọi học sinh đọc phần đầu văn bản.  ? Theo em câu văn nào thể hiện rõ nhất nhận xét của tác giả về sự tiếp xúc, am hiểu của Bác đối với văn hóa nhân loại?  + “Trong cuộc đời...”  + “ Có thể nói...”  -Tác giả nhận xét trên hai bình diện ở Bác: “Hiểu nhiều, hiểu sâu”. Dựa vào đâu mà tác giả nhận xét như vậy? Hãy chứng minh bằng các chi tiết trong văn bản?(Năm 1911 từ bến cảng Nhà Rồng, Bác đã ra đi...)  ? Như vậy bằng cách nào Người có vốn văn hóa sâu rộng như thế?  - Nói và viết bằng nhiều thứ tiếng, nắm vững phương tiện giao tiếp là ngôn ngữ  - Làm nhiều nghề, học hỏi qua lao động.  - Đến đâu cũng học hỏi học, hỏi tìm hiểu đến mức sâu sắc.  ? Bác đã tiếp thu nền văn hóa nhân loại theo cách riêng của mình như thế nào?  - Tiếp thu cái mọi cái hay, cái đẹp.  - Phê phán những tiêu cực.  - Theo em điều kì lạ nhất để tạo nên phong cách Hồ Chí Minh là gì?  ? Sự tiếp thu văn hóa thế giới tạo nên vẻ đẹp gì ở Bác qua câu văn cuối đoạn?  - Có ý kiến cho rằng đây là câu văn hay nhất đoạn, em có đồng ý không? Tại sao? ? Để làm nổi bật vẻ đẹp của Bác qua tiếp thu văn hóa nhân loại, đoạn văn đã sử dụng nghệ thuật nào?Tác dụng? - Câu văn khẳng định, dùng điệp từ, từ ngữ truyền cảm.  -Khép lại ý của đoạn 1:  + Kết hợp các phương thức biểu đạt: kể kết hợp bình  + Dùng từ ngữ có sức truyền cảm  \* Qua tìm hiểu em rút ra nhận xét gì về phong cách Hồ Chí Minh?  -Gọi học sinh đọc phần 2  ? Lối sống rất bình dị, rất Việt Nam, rất phương Đông được tác giả giới thiệu tập trung ở những phần nào?  ? So sánh với những gì em đã quan sát được từ thực tế khi thăm lăng Bác hãy nhận xét cách giới thiệu của tác giả ?  =>Trình bày, giới thiệu chân thực khách quan chính xác.  + Sử dụng câu khẳng định sức thuyết phục cao  ? Qua lời giới thiệu của tác giả và qua văn bản “Đức tính giản dị của Bác Hồ” em hình dung như thế nào về cuộc sống của Bác?  ? Ví sao có thể nói lối sống của Bác là sự kết hợp giữa giản dị và thanh cao?  GV: Nêu những câu thơ, câu văn viết về cách sống của Bác.  *+ “Bác để tình thương cho chúng con*  *Một đời thanh bạch, chẳng vàng son*  *Mong manh áo vải hồn muôn trượng*  *Hơn tượng đồng phơi những lối mòn”*  *+ “Bác Hồ đó chiếc áo nâu giản dị...”*  ? Để nêu bật lối sống giản dị của Bác, tác giả đã sử dụng nghệ thuật nào? Tác dụng của biện pháp nghệ thuật này?  \* NT: - Liệt kê  - So sánh  - Kể, bình luận  ? Việc so sánh cách sống của Bác với cách sống của Nguyễn Trãi, Nguyễn Bỉnh Khiêm là tác giả muốn nhấn mạnh điều gì?  ? Lời văn thuyết minh kết hợp với bình luận có tác dụng gì?  - Khắc họa lối sống của Bác trên nhiều khía cạnh. =>Niềm kinh yêu vô hạn đối với Bác. | - Đọc  - Phát hiện trả lời.  - Thảo luận theo bàn trả lời.  - Suy nghĩ trả lời.  - Suy nghĩ trả lời.  - Tự bộc lộ.  - Suy nghĩ trả lời  - Tự bộc lộ.  - Suy nghĩ trả lời  - Khái quát trả lời.  - Đọc  - Vận dụng vốn kiến thức thực tế so sánh, nhận xét.  - Nhận xét khái quát.  - Tự bộc lộ  - Trả lời.  - Suy nghĩ trả lời.  - Trình bày cảm nhận.  - Suy nghĩ trả lời. | **1.Con đường hình thành phong cách văn hóa Hồ Chí Minh**  ***-Người học hỏi trong quá trình hoạt động cachcs mạng. Tiếp thu vốn văn hóa tri thức sâu rộng của phương Đông và phương Tây, từ châu Á đến châu Âu.***  ***-Tiếp thu một cách có chọn lọc.***  ***-Trên nền tảng văn hóa dân tộc mà tiếp thu những ảnh hưởng quốc tế.***  .  ***-> Nhân cách và lối sống rất bình dị, rất Việt Nam, rất phương Đông, rất mới, rất hiện đại.***  **2. Những nét đẹp trong lối sống của Hồ Chí Minh**.  ***- Từ nơi ở, bữa ăn đến lối sống của Bác rất giản dị nhưng gần gũi, thanh cao, nhẹ nhàng, luôn hướng về nhân dân, đất nước.***  **3. Ý nghĩa của phong cách Hồ Chí Minh.**  ***- So sánh cách sống của Bác với cách sống của Nguyễn Trãi, Nguyễn Bỉnh Khiêm là tác giả nhấn mạnh tính dân tộc, tính truyền thống trong lối sống của Bác: Cái đẹp là ở sự giản dị, tự nhiên; sự quyện hoà giữa lối sống của nhà chính trị, nhà văn hoá, nhà cách mạng lớn của dân tộc.*** |  |
| **\* Hoạt động 4:Đánh giá, khái quát**  - Thời gian dự kiến : 5 phút  - Mục tiêu : Khái quát giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản.  - Phương pháp : vấn đáp, thuyết trình  - Kĩ thuật : Động não | | |  |
| **\* HD tổng kết:**  ? Để làm rõ và nổi bật những vẻ đẹp và phẩm chất cao quý của phong cách Hồ Chí Minh, người viết đã dùng những biện pháp nghệ thuật nào?  ?Cảm nhận của em về vẻ đẹp phong cách Hồ Chí Minh? | **III. Tổng kết:**  - Khái quát trả lời  - Rút ra nội dung ghi nhớ. | **III. Tổng kết:**  *\*Nghệ thuật:*  - Kết hợp hài hòa giữa thuyết minh với lập luận.  - Chọn lọc chi tiết giữa thuyết minh với lập luận.  - Ngôn từ sử dụng chuẩn mực.  *\*Nội dung:*  Sự kết hợp hài hòa giữa văn hóa dân tộc với tinh hoa nhân loại; giữa cái vĩ đại mà giản dị; giữa cái giản dị và thanh cao. |  |
| **\* Hoạt động 5: Luyện tập:**  - Thời gian dự kiến : 5 phút  - Mục tiêu : Củng cố được nội dung, nghệ thuật, các nhân vật trong VB.  - Phương pháp  : Vấn đáp, thuyết trình.  - Kĩ thuật : Dạy học theo góc, động não. | | |  |
| **\* HD luyện tập, củng cố:**  - Cho HS hoạt động nhóm, chọn mẩu chuyện mình thích, kể trước lớp. | **IV. Luyện tập:**  - Thảo luận, trình bày. | **IV. Luyện tập:**  ? Kể những mẩu chuyện về lối sống giản dị của Bác mà em biết |  |

**\* HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP:**

**\* HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:**

**\* HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG:**

**4. Củng cố: 2'**

?Từ văn bản trên em có suy nghĩ gì về việc hình thành phong cách sống của thế hệ trẻ hiện nay?

**5. HDVN:**

- Đọc lại văn bản, thuộc ghi nhớ. Thuộc lòng một đoạn văn bản mà em thích nhất.

- Chuẩn bị bài cho tiết học sau: Phương châm hội thoại ( Đọc các ví dụ,

trả lời các câu hỏi/ Sgk).

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn: | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**Tiết 2: CÁC PHƯƠNG CHÂM HỘI THOẠI**

**I. Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Nắm được những hiểu biết cốt yếu về hai phương châm hội thoại: phương châm về lượng, phương châm về chất.

***2. Kĩ năng:***

- Nhận biết và phân tích được cách sử dụng phương châm về lượng và phương châm về chất trong một tình huống giao tiếp cụ thể.

- Vận dụng phương châm về lượng, phương châm về chất trong hoạt động giao tiếp.

***3. Thái độ:***

**-** Có ý thức vận dụng phù hợp các phương châm hội thoại trong giao tiếp.

***4. Năng lực cần hình thành cho HS:***

- Hình thành năng lực tự giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp.

- Sáng tạo, vận dụng giải quyết những tình huống trong thực tiễn cuộc sống…

**II. Trọng tâm:**

***1. Kiến thức:***

**-**  Nội dung phương châm về lượng, phương châm về chất.

***2. Kĩ năng:***

- Nhận biết và phân tích được cách sử dụng phương châm về lượng và phương châm về chất trong một tình huống giao tiếp cụ thể.

- Vận dụng phương châm về lượng, phương châm về chất trong hoạt động giao tiếp.

***3. Thái độ:***

**-** Có ý thức vận dụng phù hợp các phương châm hội thoại trong giao tiếp.

***4. Năng lực cần hình thành cho HS:***

- Hình thành năng lực tự giải quyết vấn đề, giao tiếp.

- Vận dụng giải quyết những tình huống trong thực tiễn cuộc sống…

**III. Chuẩn bị :**

+Thầy: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án, bảng phụ.

Phương pháp: Nêu vấn đề, thảo luận nhóm, quy nạp...

+ Trò: Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học:**

1. Ổn định tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ: 5'

Từ văn bản“Phong cách Hồ Chí Minh” em có suy nghĩ gì về việc hình thành phong cách sống của thế hệ trẻ hiện nay?

3. Tổ chức dạy và họcbài mới:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thầy** | **Trò** | | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** |
| **\* HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:**  - Thời gian: 1'  - Mục tiêu :Giúp học sinh tạo tâm thế tốt vào bài học.  - Phương pháp:Thuyết trình  - Kĩ thuật: Động não | | | |
| ***\* Giới thiệu vào bài***:Trong giao tiếp, để đạt được hiệu quả giao tiếp cao người nói cần tuân thủ các phương châm hội thoại. Vậy đó là những phương châm hội thoại nào? Cụ thể ra sao? Chúng ta sẽ tìm hiểu bài học hôm nay. | - Lắng nghe, suy nghĩ | | - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **\* Hoạt động 2,3,4: Tri giác; phân tích, cắt nghĩa; đánh giá, khái quát:**  - Thời gian: 17'  - Mục tiêu: Nắm được nội dung phương châm về lượng, phương châm về chất.  - Phương pháp: Vấn đáp, thuyết trình, thảo luận nhóm  - Kĩ thuật: động não, khăn trải bàn. | | | |
| **\* HD tìm hiểu phương châm về lượng:**  - Đưa bảng phụ ghi đoạn đối thoại trong SGK gọi học sinh đọc  ? Nhận xét về nội dung đoạn thoại?  =>Nội dung không bình thường  - Chỉ ra chỗ không bình bình thường trong nội dung đó?  - *“ở dưới nước”*  ? Điều mà bạn An muốn biết là gì?  =>Địa điểm mà Ba học bơi: sông, hồ, bể bơi thành phố...  ? Theo em Ba phải trả lời ntn cho hợp câu hỏi của An?  - *“Tớ học bơi ở bể bơi trung tâm thành phố”*  ? Từ đó em rút ra bài học gì trong giao tiếp?  -Kể lại truyện “Lợn cưới áo mới”?  ? Vì sao truyện lại gây cười?  =>thừa thông tin, các nhân vật nói nhiều hơn những gì cần nói  ? Theo em ở câu chuyện này, các nhân vật phải hỏi như thế nào và trả lời như thế nào?  ? Nếu chỉ hỏi và trả lời vừa đủ, truyện còn gây cười nữa không?  (Đặc điểm của truyện cười: tạo ra tiếng cười từ cái đáng cười)  ? Từ câu chuyện, em thấy khi giao tiếp cần tuân thủ điều gì?  ? Rút ra kết luận về phương châm về lượng?  - GV chốt kiến thức.  **II.Phương châm về chất**:  - Gọi học sinh đọc câu chuyện *“Quả bí khổng lồ”*  ? Truyện cười này nhằm phê phán điều gì?  ? Chỉ ra chi tiết khoác lác trong truyện?  ? Từ đó rút ra điều gì cần tránh khi giao tiếp?  ? Qua đây em hiểu thế nào là phương châm về chất? | **I.Phươngchâm về lượng:**  - Đọc đoạn đối thoại  - Nhận xét  - Phát hiện trả lời.  - Suy nghĩ trả lời.  - Rút ra nhận xét.  - Kể lại truyện.  - Suy nghĩ trả lời.  - Học sinh nêu ý kiến.  - Suy nghĩ trả lời.  - Rút ra nội dung ghi nhớ.  - Nghe, ghi chép.  **II.Phương châm về chất**:  - Đọc truyện cười  - Suy nghĩ trả lời.  - Phát hiện trả lời.  - Học sinh rút ra nội dung ghi nhớ  -Khái quát trả lời. | | **I.Phương châm về lượng:**  **1.Xét ngữ liệu:**  \*Ví dụ (SGK)    - Nói phải có nội dung đáp ứng yêu cầu của giao tiếp  -Nội dung của lời nói vừa đủ, không thừa, không thiếu  **2.Bài học:**  ***- Khi giao tiếp, cần nói có nội dung;. Nội dung của lời nói đáp ứng yêu cầu của cuộc giao tiếp không thừa, không thiếu***  **II.Phương châm về chất**:  **1.Xét ngữ liệu:**  \*Ví dụ:  Truyện cười nhằm phê phán tính nói khoác |
| ? Để tuân thủ phương châm về lượng và phương châm về chất khi giao tiếp ta cần chú ý điều gì? | - Khái quát trả lời. | | **2. Bài học: *Khi giao tiếp, đừng nói những điều mình không tin là đúng hoặc không có bằng chứng xác thực*** |
| **\* Hoạt động 5:Luyện tập:**  - Thời gian:20'  - Mục tiêu: Nhận biết và phân tích được cách sử dụng phương châm về lượng và phương châm về chất trong một tình huống giao tiếp cụ thể.Vận dụng phương châm về lượng, phương châm về chất trong hoạt động giao tiếp.  - Phương pháp: Vấn đáp, thuyết trình, thảo luận nhóm.  - Kĩ thuật: động não, các mảnh ghép ... | | | |
| **\* HD luyện tập**:  - Gọi học sinh đọc yêu cầu của bài tập 1, vận dụng phương châm về lượng để giải bài tập.  - Chọn từ ngữ thích hợp điền vào chỗ trống?  ? Trong truyện cười phương châm hội thoại nào không được tuân thủ? | **III.Luyện tập**:  - Xác định yêu cầu của đề, làm bài tập.  - Điền từ.  - Thảo luận nhóm, trả lời. | **III.Luyện tập**:  Bài tập1/10  a,thừa cụm từ:“nuôi ở nhà”  b,thừa cụm từ: “có 2 cánh”  Bài tập2/10  a,Nói có sách, mách có chứng  b,....nói dối  c,...nói mò  d,....nói nhăng nói cuội  Bài tập3/11  Thừa câu: “Rồi có nuôi…”  =>vi phạm phương châm về lượng | |

**4.Củng cố**

- Tuân thủ phương châm về chất trong hội thoại là như thế nào?

**5. HDVN:**

- Hoàn thành bài tập, học thuộc ghi nhớ

- Chuẩn bị bài: Sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh ( đọc trước bài, trả lời câu hỏi)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn: | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**Tiết 3: SỬ DỤNG MỘT SỐ BIỆN PHÁP NGHỆ THUẬT**

**TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH**

.

- Vận dụng các biện pháp nghệ thuật khi nói, viết bài thuyết minh.

***3. Thái độ:***

**-** Giáo dục cho học sinh thêm yêu, tự hào cảnh đẹp quê hương đất nước.

- Lồng ghép giáo dục môi trường sống: giữ gìn bảo vệ cảnh quan thiên nhiên.

***4. Năng lực cần hình thành cho HS:***

- Hình thành năng lực tự giải quyết vấn đề, giao tiếp.

- Sáng tạo trong tạo lập văn bản, vận dụng giải quyết những tình huống trong thực tiễn cuộc sống…

**II. Trọng tâm kiến thức, kĩ năng**

***1. Kiến thức:***

- Văn bản thuyết minh và một số phương pháp thuyết minh thường dùng.

- Vai trò của các biện pháp nghệ thuật trong bài văn thuyết minh.

***2. Kĩ năng.***

- Nhận ra các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong các văn bản thuyết minh.

- Vận dụng các biện pháp nghệ thuật khi nói, viết bài thuyết minh.

***3. Thái độ:***

**-** Giáo dục cho học sinh thêm yêu, tự hào cảnh đẹp quê hương đất nước.

- Lồng ghép giáo dục môi trường sống: giữ gìn bảo vệ cảnh quan thiên nhiên.

***4. Năng lực cần hình thành cho HS:***

- Hình thành năng lực tự giải quyết vấn đề, giao tiếp.

- Sáng tạo trong tạo lập văn bản, vận dụng giải quyết những tình huống trong thực tiễn cuộc sống…

**III. Chuẩn bị** :

\*Thầy:

+ Sưu tầm văn bản thuyết minh về Hạ Long( không sử dụng biện pháp nghệ thuật)

+ Tranh ảnh về Hạ Long.

\* Trò: Đọc kĩ bài, trả lời câu hỏi tìm hiểu trong SGK

**IV. Tổ chức dạy và học:**

1. Ổn định tổ chức.

2. Kiểm tra bài cũ: 5'

Khi giao tiếp muốn người nghe hiểu rõ, hiểu đúng vấn đề ta cần chú ý điều gì? 3. Tổ chức dạy và họcbài mới:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thầy** | **Trò** | | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** | | **Ghi chú** |
| **\* HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:**  - Thời gian: 1'  - Mục tiêu :Giúp học sinh tạo tâm thế tốt vào bài học.  - Phương pháp:Thuyết trình  - Kĩ thuật: Động não | | | | |  |
| ***Giới thiệu vào bài:*** Ở lớp 8, các em đã được tìm hiểu về kiểu bài thuyết minh. Tuy nhiên để bài thuyết minh sinh động, hấp dẫn và có thể truyền đạt tri thức một cách hiệu quả nhất đến người đọc ta có thể sử dụng các biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh. Vậy những biện pháp nghệ thuật nào thường được sử dụng trong kiểu văn bản này? Vai trò cụ thể ra sao? Chúng ta cùng đi tìm hiểu bài học hôm nay. | - Lắng nghe, suy nghĩ | | - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. | |  |
| **\* Hoạt động 2,3,4: Tri giác; phân tích, cắt nghĩa; đánh giá, khái quát:**  - Thời gian: 17'  - Mục tiêu: Củng cố văn bản thuyết minh và một số phương pháp thuyết minh thường dùng. Nắm được vai trò của các biện pháp nghệ thuật trong bài văn thuyết minh.  - Phương pháp: Vấn đáp, thuyết trình, thảo luận nhóm  - Kĩ thuật: động não, khăn trải bàn. | | | | |  |
| **\* HD tìm hiểu 1 số biện pháp nghệ thuật trong VB thuyết minh:**  -Văn bản thuyết minh có những tính chất gì?  -Trình bày, giới thiệu đặc điểm tính chất của sự vật.  - Mục đích của văn bản thuyết minh?  -Cung cấp những tri thức khách quan về những sự vật,hiện tượng.  - Nêu các phương pháp thuyết minh đã học?  - Gọi học sinh đọc văn bản  ? Văn bản thuyết minh về đặc điểm gì của Hạ Long?  - Sự kì lạ của Hạ Long  ? Tác giả có cung cấp đựơc tri thức khách quan về Hạ Long không? Đó là gì?  - Có. Sự kì lạ của Hạ Long là do Đá và Nước tạo nên  ? Câu văn nào trong văn bản đã khái quát sự kì lạ của Hạ Long? *“ Chính nước ....”*  ? Văn bản đã sử dụng phương pháp thuyết minh chủ yếu nào?  - Phương pháp thuyết minh: liệt kê  ? Kết hợp với liệt kê tác giả còn sử dụng biện pháp nghệ thuật nào nữa?  - Tìm 1 số câu văn miêu tả sinh động ?  - Sự biến hóa kì diệu được thể hiện qua những từ ngữ nào?  + Chính nước làm cho đá sống dậy, làm cho đá vốn bất động và vô tri bỗng trở nên linh hoạt...  - Biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng ở câu văn trên?  ? Như vậy các biện pháp nghệ thuật nào đã được sử dụng để thuyết minh cho sự kì lạ của Hạ Long? Tác dụng? | **I.Tìm hiểu 1 số biện pháp nghệ thuật ...**  - Nhớ lại kiến thức đã học ở lớp 8 trả lời.  - Suy nghĩ trả lời  - Đọc văn bản.  - Phát hiện trả lời.  - Suy nghĩ trả lời  - Phát hiện trả lời.  - Suy nghĩ trả lời  - Phát hiện trả lời.  - Khái quát trả lời | | **I.Tìm hiểu 1 số biện pháp nghệ thuật trong VB thuyết minh**  1.Ôn tập văn bản thuyết minh  2.Viết văn bản thuyết minh có sử dụng một số biện pháp nghệ thuật  - Văn bản: “Hạ Long - Đá và Nước”  - Phương pháp thuyết minh: liệt kê  - Biện pháp nghệ thuật:  + Liên tưởng  + Tưởng tượng  + Miêu tả, so sánh  + Nhân hóa  \*Kết luận:  ***=> Các biện pháp nghệ làm cho văn bản thuyết minh trở nên hấp dẫn, sinh động*** | |  |
| - Qua việc tìm hiểu, em rút ra kết luận gì về việc sử dụng biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh?  \* Lưu ý: các biện pháp nghệ thuật chỉ được coi là phụ trợ... | -Rút ra nội dung ghi nhớ. | | Ghi nhớ:(SGK) | |  |
| **\* Hoạt động 5:Luyện tập:**  - Thời gian:18'  - Mục tiêu: HS vận dụng lí thuyết giải quyết các bài tập. Nhận ra các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong các văn bản thuyết minh.Vận dụng các biện pháp nghệ thuật khi viết văn thuyết minh  - Phương pháp: Vấn đáp, thuyết trình, thảo luận nhóm.  - Kĩ thuật: động não, các mảnh ghép ... | | | | |  |
| **\* HD luyện tập**:  - Yêu cầu HS đọc văn bản: Ngọc Hoàng xử tội Ruồi xanh  ? Nêu yêu cầu bài tập, giải bài tập?  - Bài văn có tính chất thuyết minh không? Tính chất ấy được thể hiện ở những điểm nào?  - Phương pháp thuyết minh nào được sử dụng?  - Bài thuyết minh này có gì đặc biệt? | | **III. Luyện tập**  - Đọc  - Nêu yêu cầu của bài tập?  - Thảo luận nhóm trả lời. | | **III. Luyện tập**:  Bài tập1  - Có tính chât thuyết minh: cung cấp tri thức khách quan về loài ruồi.  => nêu định nghĩa, liệt kê, nêu số liệu...  - Câu chuyện tồn tại dưới hình thức một phiên tòa... |  |

**4. Củng cố: 2'**

Những biện pháp nghệ thuật thường sử dụng trong văn bản thuyết minh?

**5. HDVN: 2'**

- Xem lại bài, thuộc ghi nhớ. Hoàn thành bài tập.

- Chuẩn bị bài cho tiết : Luyện tập sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh ( Đọc trước bài, trả lời các câu hỏi/ Sgk)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn: | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**Tiết4,5:**

**LUYỆN TẬP SỬ DỤNG MỘT SỐ BIỆN PHÁP NGHỆ THUẬT TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH**

**I. Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Nắm được cách sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh.

- Cách làm bài thuyết minh về một thứ đồ dùng (cái quạt, cái bút, cái kéo...).

***2. Kĩ năng.***

- Xác định yêu cầu của đề bài thuyết minh về một đồ dùng cụ thể.

- Lập dàn ý chi tiết và viết phần Mở bài cho bài văn thuyết minh (có sử dụng một số biện pháp nghệ thuật) về một đồ dùng

***3. Thái độ:***

**-** Có ý thức vận dụng các biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh khi cần thiết để làm rõ đối tượng thuyết minh.

**II. Trọng tâm**

***1. Kiến thức:***

- Cách làm bài thuyết minh về một thứ đồ dùng (cái quạt, cái bút, cái kéo...).

- Tác dụng của một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh.

***2. Kĩ năng.***

-Xác định yêu cầu của đề bài thuyết minh về một đồ dùng cụ thể.

- Lập dàn ý chi tiết và viết phần Mở bài cho bài văn thuyết minh (có sử dụng một số biện pháp nghệ thuật) về một đồ dùng

***3. Thái độ:***

**-** Có ý thức vận dụng các biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh khi cần thiết để làm rõ đối tượng thuyết minh.

***4. Năng lực cần hình thành cho HS:***

- Hình thành năng lực tự giải quyết vấn đề.

- Sáng tạo trong tạo lập văn bản, vận dụng giải quyết những tình huống trong thực tiễn cuộc sống…

**III. Chuẩn bị**:

+Thầy: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án, bảng phụ.

Phương pháp: Nêu vấn đề, thảo luận nhóm, thực hành luyện viết...

+ Trò: Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học:**

1. Ổn định tổ chức.

2. Kiểm tra bài cũ:

- KT khi luyện tập

3. Tổ chức dạy và họcbài mới:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thầy** | **Trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| **\* HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:**  - Thời gian: 2'  - Mục tiêu :Giúp học sinh tạo tâm thế tốt vào bài học.  - Phương pháp:Thuyết trình  - Kĩ thuật: Động não | | |  |
| ***\* Giới thiệu vào bài:***  Tiết trước các em đã được tìm hiểu cách sử dụng các biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh. Để củng cố kiến thức, hôm nay chúng ta sẽ đi vào thực hành luyện tập về kiểu bài này. | - Lắng nghe, suy nghĩ | - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |  |
| **\* Hoạt động 2,3,4: Tri giác; phân tích, cắt nghĩa; đánh giá, khái quát:**  - Thời gian: 43'  - Mục tiêu: Nắm được cách làm bài thuyết minh về một thứ đồ dùng (cái quạt, cái bút, cái kéo...). Tác dụng của một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh.  - Phương pháp: Vấn đáp, thuyết trình, thảo luận nhóm  - Kĩ thuật: động não, khăn trải bàn. | | |  |
| **\*Kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh:**  - Treo bảng phụ, ghi các đề bài(SGK), gọi học sinh đọc  (Mổi nhóm đã được phân công chuẩn bị một đề bài)  ? Nhắc lại yêu cầu của văn bản thuyết minh ?  - Văn bản thuyết minh phải nêu được công dụng, cấu tạo, chủng loại, lịch sử của 1 trong các đồ dùng trên.  - Phải biết vận dụng một số biện pháp nghệ thuật để bài văn thuyết minh thêm sinh động, hấp dẫn.  ? Nêu một số biện pháp nghệ thuật thường được sử dụng trong văn bản thuyết minh ?  - Yêu cầu đại diện từng nhóm trình bày dàn ý  ( ***Hết tiết 4, chuyển tiết 5)*** | **I. Kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh**  - Đọc lại các đề bài:  - Thuyết minh cái quạt  - Thuyết minh cái bút  - Thuyết minh cái kéo  - Thuyết minh chiếc nón  - Nhớ lại kiến thức cũ trả lời.  - Nhớ lại kiến thức cũ trả lời.  - Hoạt động nhóm.  - Đại diện nhóm trình bày | **I. Kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh**  1. Yêu cầu của văn bản thuyết minh  a. Về nội dung:  b. Về hình thức:  Kể chuyện, tự thuật, hỏi đáp theo lối nhân hóa...  2. Dàn ý  **VD:** Thuyết minh chiếc nón  ***\*Mở bài :***  - Giới thiệu chung về chiếc nón  ***\*Thân bài:***  - Lịch sử chiếc nón  - Cấu tạo chiếc nón  - Quá trình làm ra nón  - Giá trị kinh tế, văn hóa của nón  ***\*Kết bài:***  - Cảm nghĩ chung về chiếc nón trong đời sống hiện tại.  - Các nhóm nhận xét chéo và gv thống nhất dàn ý chung. |  |
| **\* Hoạt động 5:Luyện tập:**  - Thời gian:33'  - Mục tiêu: Xác định yêu cầu của đề bài thuyết minh về một đồ dùng cụ thể. Lập dàn ý chi tiết và viết phần mở bài cho bài văn thuyết minh (có sử dụng một số biện pháp nghệ thuật) về một đồ dùng.  - Phương pháp: Vấn đáp, thuyết trình,thực hành luyện viết.  - Kĩ thuật: động não, các mảnh ghép ... | | |  |
| **\* HD luyện tập:**  - Viết đoạn văn cho phần mở bài.  \*  - Giáo viên gọi HS trình bày và nhận xét  - Giáo viên nhận xét chốt lại các ý cần thiết của phần thân bài.  - Hãy viết đoạn văn cho phần thân bài (mỗi nhóm một đoạn của phần thân bài) ?  - HS viết đoạn, trình bày  - GV nhận xét, chữa. | **II.Luyện tập:**  - Độc lập viết đoạn mở bài  - Đại diện nhóm trình bày  - Viết đoạn văn.  - Trình bày  - Viết đoạn văn.  - Trình bày | **II. Luyện tập:**  1, Viết phần mở bài  VD: Trong các đồ dùng học tập,chúng tôi là loài đồ dùng đc các cô cậu học sinh hay sử dụng nhất. Các bạn thể đoán xem chúng tôi là ai vậy? Chúng tôi là họ nhà bút tiêu biểu là tôi cậy bút viết...  2, Viết phần thân bài  ( HS tự viết) |  |

**4. Củng cố : 10**

- GV gọi 2- 3 HS trình bày miệng cho các đề trên.

**5. HDVN: 2'**

- Tập viết bài hoàn chỉnh cho 1 trong 4 đề trên.

- Chuẩn bị bài: Đấu tranh cho một thế giới hoà bình:

(Đọc văn bản, trả lời các câu hỏi/Sgk, sưu tầm tư liệu về việc ngăn chặn chạy đua vũ khí hạt nhân)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn: | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**Tuần 2:**

**Tiết 6:** **ĐẤU TRANH CHO MỘT THẾ GIỚI HÒA BÌNH**

(G.Mác- két)

**I. Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Nhận thức được mối nguy hại khủng khiếp của việc chạy đua vũ trang, chiến tranh hạt nhân.

- Một số hiểu biết về tình hình thế giới những năm 1980 liên quan đến văn bản.

- Nắm được hệ thống luận điểm, luận cứ, cách lập luận trong văn bản.

***2. Kĩ năng.***

- Đọc - hiểu văn bản nhật dụng bàn về một vấn đề liên quan đến nhiệm vụ đấu tranh vì hoà bình của nhân loại

***3. Thái độ, phẩm chất:***

- Có ý thức yêu mến, bảo vệ hòa bình, ngăn chặn chiến tranh.

- Có trách nhieemjj với cộng đồng, nhân loại.

**II. Trọng tâm**

***1. Kiến thức:***

- Một số hiểu biết về tình hình thế giới những năm 1980 liên quan đến văn bản.

- Hệ thống luận điểm, luận cứ, cách lập luận trong văn bản.

***2. Kĩ năng.***

- Đọc - hiểu văn bản nhật dụng bàn về một vấn đề liên quan đến nhiệm vụ đấu tranh vì hoà bình của nhân loại

***3. Thái độ, phẩm chất:***

- Có ý thức yêu mến, bảo vệ hòa bình, ngăn chặn chiến tranh.

- Có trách nhiệm với cộng đồng, nhân loại.

***4. Năng lực cần hình thành cho HS:***

- Hình thành năng lực tự giải quyết vấn đề, hợp tác.

- Năng lực cảm thụ thẩm mĩ

- Sáng tạo, vận dụng giải quyết những tình huống trong thực tiễn cuộc sống…

**III. Chuẩn bị**:

+ Thầy: Chân dung tác giả, một số hình ảnh về chiến tranh hạt nhân, nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

-Phương pháp: Đọc diễn cảm, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, phân tích, giảng bình...

+ Trò: Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học:**

1. Ổn định tổ chức.

2. Kiểm tra bài cũ: 4'

H: Thuyết minh ngắn gọn về cái quạt (có sử dụng các biện pháp nghệ thuật)?

3. Tổ chức dạy và họcbài mới:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thầy** | **Trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** | **Ghi chú** |
| **\* HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:**  - Thời gian: 1 phút  - Mục tiêu: Giúp học sinh tạo tâm thế tốt vào bài học.  - Phương pháp: Thuyết trình  - Kĩ thuật: Động não | | |  |
| ***\* Giới thiệu vào bài:*** Chạy đua vũ khí hạt nhân là việc làm phi nghĩa, đi ngược lại sự văn minh và tiến hoá của loài người, nó đang đe doạ cuộc sống của chúng ta từng ngày, từng giờ. Hiểm hoạ khôn lường của nó như thế nào? Chúng ta phải làm gì để bảo về nền hoà bình thế giới-bảo vệ chính cuộc sống của mỗi chúng ta? Câu trả lời đó phần nào sẽ giải đáp qua văn bản "Đấu tranh cho một thế giới hoà bình" của G. Mác-két | - Lắng nghe, suy nghĩ | - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |  |
| \***Hoạt động 2:** **Tri giác**  - Thời gian dự kiến: 7 phút  - Mục tiêu: Nắm được về tác giả, tác phẩm, cảm nhận bước đầu về văn bản qua việc đọc.  - Phương pháp : Đọc diễn cảm, vấn đáp, thuyết trình.  - Kĩ thuật : Động não, các mảnh ghép... | | |  |
| **\* HD tìm hiểu chung** | **I. Tìm hiểu chung** | **I. Tìm hiểu chung** |  |
| - Quan sát chú thích \* nêu hiểu biết về tác giả, xuất xứ của văn bản?  - Kiểm tra việc tìm hiểu chú thích: 1, 2, 3, 4, 5, 6của học sinh. | - Nêu hiểu biết về tác giả.  -HS giải thích từ khó. | 1.Chú thích:  a.Tác giả, tác phẩm.  Tác giả: G.Mác-két - nhà văn Colombia  ( Nam Mỹ)  + Sáng tác theo khuynh hướng hiện thực huyền ảo.  Tác phẩm nổi tiếng:” Trăm năm cô đơn”  + Văn bản trích trong tham luận ông đọc tại Mê-hi-cô...  b.Từ khó: SGK. |  |
| - Hướng dẫn đọc: Chính xác, dõng dạc, làm rõ các luận cứ.  - Giáo viên đọc mẫu một đoạn.  - Gọi học sinh đọc văn bản, nhận xét. | - Nghe  - Hai học sinh đọc văn bản. | 2. Đọc |  |
| **?** Tại sao nói đây là văn bản nhật dụng?  - Đề cập đến vấn đề bức xúc trong đời sống xã hội. | - Suy nghĩ trả lời. | 3.Thể loại  \* Kiểu văn bản: nhật dụng |  |
| ? Phương thức biểu đạt? | - Suy nghĩ trả lời. | 4. Phương thức bỉểu đạt  \* PTBĐ: Nghị luận chính trị xã hội. |  |
| ? Xác định luận điểm và hệ thống luận cứ trong văn bản?  - Luận điểm: Chiến tranh hạt nhân là một thảm họa khủng khiếp... Vì vậy, đấu tranh cho một thế giới hòa bình là nhiệm vụ cấp bách của toàn nhân loại.  - Luận cứ:  + Kho vũ khí hạt nhân đang được tàng trữ có khả năng hủy diệt cả trái đất.  + Cuộc chạy đua vũ trang là phi lí.  + Chiến tranh hạt nhân không chỉ đi ngược với lí trí loài người mà còn ngược lại với lí trí của tự nhiên...  + Mọi người phải có nhiệm vụ ngăn chặn chiến tranh hạt nhân, đấu tranh cho 1 thế giới hòa bình...  - Nhận xét về hệ thống luận cứ?  ? Với luận điểm và hệ thống luận cứ như thế ta có thể chia bố cục đoạn trích như thế nào? | - Hoạt động nhóm, đại diện trình bày.  - Xác định bố cục. | 5. Bố cục  \* Hệ thống luận cứ rất mạch lạc, chặt chẽ, sâu sắc, đã làm nổi bật luận điểm.  \* Bố cục: 3 phần:  + Từ đầu -> "... tốt đẹp hơn" (Nguy cơ chiến tranh hạt nhân đang đè nặng lên toàn trái đát)  + Tiếp -> "... xuất phát." (Chứng lí cho sự nguy hiểm)  + Còn lại. (Nhiệm vụ của chúng ta và đề nghị khiêm tốn của tác giả). |  |
| **\* Hoạt động 3: Phân tích, cắt nghĩa**  - Thời gian dự kiến: 22phút  - Mục tiêu : Có được một số hiểu biết về tình hình thế giới những năm 1980 liên quan đến văn bản. Nhận thức được mối nguy hại khủng khiếp của việc chạy đua vũ trang, chiến tranh hạt nhân. Nắm được hệ thống luận điểm, luận cứ, cách lập luận trong văn bản.  - Phương pháp : Đọc, vấn đáp, thuyết trình, bình giảng, hoạt động nhóm  - Kĩ thuật: Dạy học theo góc, các mảnh ghép. | | |  |
| **\* HD phân tích** | **II. Phân tích** | **II. Phân tích** |  |
| - Gọi học sinh đọc đoạn đầu.  - Nhận xét cách mở đoạn của tác giả? Những thời điểm và con số đưa ra có tác dụng gì?  ? So sánh nào đáng chú ý ở đây?  - So sánh với điển tích cổ phương Tây, với dịch hạch.  ? Em hiểu thế nào về thanh gươm Đa-mô-clet ? Dịch hạch?  + Đa-mô-clet:thần thoại Hy-Lạp mối nguy cơ đe dọa sự sống của con người  +Dịch hạch:bệnh truyền nhiễm nguy hiểm lây lan nhanh.  ? Tác giả đã đưa những lí lẽ và chứng cớ nào để làm rõ nguy cơ chiến tranh hạt nhân?  ? Chứng cớ nào làm em ngạc nhiên nhất? Vì sao?  ? Cách đưa lí lẽ và dẫn chứng của tác giả có gì đặc biệt?  - Lí lẽ kết hợp với dẫn chứng đều dựa trên tính toán khoa học và thái độ của tác giả nên có sức thuyết phục cao.  ? Đoạn mở đầu gây cho em ấn tượng gì?  - Người đọc nhận thức được sức mạnh ghê gớm của hạt nhân và tác giả muốn khơi gợi sự đồng tình ở người đọc.  **-** Gọi học sinh đọc phần 2.  ? Nghệ thuật đặc sắc nào được sử dụng? ( So sánh)  ? Qua các con số và các ví dụ hãy lập bảng thống kê để so sánh giữa chi phí cho mọi lĩnh vực đời sống với chi phí cho một cuộc chạy đua vũ trang?  ? Qua bảng so sánh em rút ra kết luận gì?  - Chạy đua vũ khí hạt nhân vô cùng tốn kém…  ? Nhận xét về cách đưa dẫn chứng và so sánh của tác giả? Tác dụng ?  ? Em rút ra điều gì ở đoạn trích này? Em hiểu như thế nào về lí trí của tự nhiên?  - Tại sao danh từ “Trái Đất” được nhắc đi, nhắc lại ở đoạn trích này?  \* GV: TĐ là một hành tinh nhỏ nhưng là hành tinh duy nhất có sự sống, TĐ đã sản sinh ra tất cả, là mẹ của muôn loài, là thiêng liêng, cao quý đáng được trân trọng…  ? Dẫn chứng nào được đưa ra để chứng minh: chạy đua vũ trang đi ngược lí trí tự nhiên?  - Qui luật của tự nhiên , thiên nhiên, logic tất yếu của tự nhiên :380 triệu năm con bướm mới bay; 180 triệu năm bông hồng mới nở; 4 kỉ địa chất...  - Chỉ một tích tắc của chiến tranh hạt nhân ....  ? Qua đó em hiểu gì về lời bình luận của tác giả ở đây?  - Nghệ thuật tương phản -> chạy đua vũ khí hạt nhân là cực kì ngu ngốc, man rợ, đáng xấu hổ và phi nghĩa.  - Đọc đoạn cuối văn bản cho biết nội dung?  ? Thái độ của tác giả sau khi cảnh báo hiểm họa của chiến tranh hạt nhân và chạy đua vũ trang?  ? Tác giả có sáng kiến gì tác dụng của nó như thế nào?  - Mở ngân hàng lưu giữ trí nhớ  ? Qua các phương tiện thông tin đại chúng em hãy cho biết loài người đang làm như thế nào để ngăn chặn chiến tranh hạt nhân? | - Đọc .  - Suy nghĩ trả lời.  - Suy nghĩ trả lời.  - Tự bộc lộ.  - Nhận xét  - Tự bộc lộ.  - Đọc.  - Phát hiện, trả lời.  + Lập bảng so sánh  - Kết luận.  - Nhận xét  - Tự bộc lộ.  -Suy nghĩ trả lời  - Nghe  - Phát hiện trả lời.    - Nêu cảm nhận  - Đọc  - Suy nghĩ trả lời.  - Phát hiện trả lời.  (Thảo luận nhóm),tự bộc lộ  +Chiến tranh I-Rắc.  +Mĩ và Nam Triều Tiên.... | **1. Hiểm họa của chiến tranh hạt nhân**  ***- Cách vào đề trực tiếp và những dẫn chứng xác thực đã gây ấn tượng mạnh mẽ về tính chất hệ trọng của vấn đề hạt nhân.***  ***- Chiến tranh hạt nhân là sự tàn phá, hủy diệt: tiêu diệt tất cả các hành tinh, phá hủy thế thăng bằng của hệ mặt trời.***  ***- Phát minh hạt nhân quyết định sự sống còn của thế giới.***  **2. Cuộc chạy đua vũ khí hạt nhân và hậu quả của nó.**  ***-Tác giả đưa dẫn chứng, so sánh cụ thể toàn diện,đáng tin cậy để người đọc thấy rõ sự tốn kém của cuộc chạy đua vũ khí hạt nhân.***  ***-Chạy đua vũ trang là phi lí, vô nhân đạo, nó tước đi khả năng có thể làm cho cuộc sống của con người tốt đẹp hơn. Đi ngược lí trí con người, lí trí tự nhiên***  **3. Bàn về nhiệm vụ cấp bách: Đấu tranh cho 1 thế giới hòa bình**  ***- Kêu gọi mọi người đoàn kết xiết chặt đội ngũ đấu tranh vì một thế giới hòa bình.***  ***- Phản đối, ngăn chặn chạy đua vũ trang.***  ***=>Nhân loại cần giữ kí ức của mình, lịch sử sẽ lên án nhũng thế lực đẩy nhân loại vào chiên tranh hạt nhân.*** |  |
| **\* Hoạt động 4:Đánh giá, khái quát**  - Thời gian dự kiến : 3 phút  - Mục tiêu : Khái quát giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản.  - Phương pháp  : vấn đáp, thuyết trình, bình giảng.  - Kĩ thuật : Kĩ thuật khăn trải bàn. | | |  |
| **\* HD tổng kết:**  ? Qua văn bản tác giả đã đấu tranh cho một thế giới hòa bình bằng cách riêng của mình như thế nào? | **III. Tổng kết**  - Nhắc lại các nội dung đã tìm hiểu rút ra ghi nhớ. | **III. Tổng kết**  \*Ghi nhớ: SGK |  |
| **\* Hoạt động 5: Luyện tập**  - Thời gian dự kiến : 4 phút  - Mục tiêu : Củng cố được nội dung văn bản, có nhận thức, hành động đúng để góp phần bảo vệ hoà bình.  - Phương pháp  : Hoạt động nhóm, thuyết trình.  - Kĩ thuật : Động não, các mảnh ghép. | | |  |
| **\* HD luyện tập**  - Yêu cầu HS thảo luận theo bàn, trả lời các câu hỏi. | **IV. Luyện tập**  - Thảo luận, tự liên hệ, trả lời. | **IV. Luyện tập**  -Trình bày ý kiến của riêng em về cuộc chạy đua vũ khí hạt nhân trên thế giới hiện nay? |  |

**4. Củng cố**:2'

? Sau khi học xong văn bản em nhận thức thêm được điều gì sâu sắc về thảm họa chiến tranh hạt nhân, về nhiệm vụ của mỗi người?

**5. HDVN: 2'**

- Xem lại văn bản

- Học thuộc ghi nhớ

- Chuẩn bị cho tiết sau: ***“Các phương châm hội thoại***

( Đọc trước bài, trả lời các câu hỏi)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn: | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**Tiết 7. CÁC PHƯƠNG CHÂM HỘI THOẠI**( tiếp theo)

**I. Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Nắm được những hiểu biết cốt yếu về ba phương châm hội thoại: phương châm quan hệ, phương châm cách thức, phương châm lịch sự.

***2. Kĩ năng.***

- Biết vận dụng hiệu quả phương châm quan hệ, phương châm cách thức, phương châm lịch sự.

***3. Thái độ:***

- Có ý thức vận dụng phương châm hội thoại phù hợp với từng tình huống giao tiếp.

**II. Trọng tâm**

***1. Kiến thức:***

- Nội dung phương châm quan hệ, phương châm cách thức, phương châm lịch sự.

***2. Kĩ năng.***

- Vận dụng phương châm quan hệ, phương châm cách thức, phương châm lịch sự trong hoạt động giao tiếp.

- Nhận biết và phân tích được cách sử dụng phương châm quan hệ, phương châm cách thức, phương châm lịch sự trong một tình huống giao tiếp cụ thể.

***3. Thái độ:***

- Có ý thức vận dụng phương châm hội thoại phù hợp với từng tình huống giao tiếp.

***4. Năng lực cần hình thành cho HS:***

- Hình thành năng lực tự giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp.

- Sáng tạo, vận dụng giải quyết những tình huống trong thực tiễn cuộc sống.

**III. Chuẩn bị :**

+Thầy: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án, bảng phụ.

Phương pháp: Nêu vấn đề, thảo luận nhóm, quy nạp...

+ Trò: Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra bài cũ: 5'***

Hỏi: Thế nào là phương châm về lượng, phương châm về chất? Cho VD.

**TL:**+Phương châm về lượng:

- Nói phải có nội dung đáp ứng yêu cầu của giao tiếp

-Nội dung của lời nói vừa đủ, không thừa, không thiếu

+Phương châm về chất: Đừng nói những điều mình không tin là đúng hoặc có bằng chứng xác thực

***3. Tổ chức dạy và học bài mới:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thầy** | **Trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** |
| **\* HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:**  - Thời gian: 1'  - Mục tiêu: Thu hút sự chú ý của HS vào bài mới.  - Phương pháp:Thuyết trình  - Kĩ thuật: Động não | | |
| ***\* Giới thiệu vào bài:*** Khi giao tiếp , ngoài việc tuân thủ phương châm về lượng, phương châm về chất, để có được hiệu quả giao tiếp cao ta cần tuân thủ phương châm quan hệ, phương châm cách thức và phương châm lịch sự. Để hiểu cụ thể hơn về các phương châm hội tho  ại đó chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay. | - Lắng nghe, suy nghĩ | - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **\* Hoạt động 2,3,4: Tri giác;phân tích, cắt nghĩa; đánh giá, khái quát:**  - Thời gian: 17'  - Mục tiêu: Nắm được nội dung phương châm quan hệ, phương châm cách thức, phương châm lịch sự.  - Phương pháp: Vấn đáp, thuyết trình, phân tích ngữ liệu.  - Kĩ thuật: động não, | | |
| **\* HD tìm hiểu phương châm quan hệ:**  **-** GV đưa bảng phụ có VD.  ? Thành ngữ “ Ông nói gà, bà nói vịt” dùng để chỉ tình huống giao tiếp như thế nào?  -Chỉ tình huống hội thoại mà mỗi người nói một đằng, không khớp nhau, không hiểu nhau.  ? Nếu tình huống hội thoại như trên xuất hiện thì điều gì sẽ xảy ra?  - Con người không hiểu nhau, không thể thực hiện giao tiếp, xã hội trở nên rối loạn.  ? Qua đây em có thể rút ra bài học gì trong giao tiếp?  - GV chốt lại phần ghi nhớ:  **\* HD tìm hiểu phương châm cách thức:**  ? Thành ngữ “ Dây cà ra dây muống”,“lúng búng như ngậm hột thị” dùng để chỉ những cách nói ntn?  ? Hai cách nói trên ảnh hưởng như thế nào đến giao tiếp?  - Người nghe khó tiếp nhận hoặc tiếp nhận không đúng nội dung truyền đạt.  ?Em rút ra bài học gì khi giao tiếp?  - GV chốt lại phần ghi nhớ:  Khi giao tiếp, cần nói ngắn gọn,rành mạch. Tránh cách nói mơ hồ.  **\* HD tìm hiểu phương châm lịch sự:**  - Đọc truyện “Người ăn xin”  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm, trình bày.  Nội dung:  Vì sao người ăn xin và cậu bé trong truyện đều cảm thấy mình đã nhận từ người kia một cái gì đó?  GV: Tuy cả hai đều không có của cải tiền bạc gì để cho nhau nhưng cả hai đều cảm nhận được tình cảm mà người kia dành cho mình, đặc biệt là tình cảm của cậu bé đối với ông lão ăn xin. Ông lão ở vào hoàn cảnh tội nghiệp, khốn khó vậy mà cậu bé không hề xa lánh khinh miệt mà vẫn có thái độ hết sức chân thành, thể hiện sự tôn trọng...  ? Có thể rút ra bài học gì từ câu chuyện?  ? Để tuân thủ phương châm quan hệ, phương châm cách thức, phương châm lịch sự, khi giao tiếp ta cần chú ý điều gì?  - GV chốt lại phần ghi nhớ:  Khi giao tiếp, cần tế nhị và tôn trọng người khác. | **I.Phương châm quan hệ**  - Đọc VD.  - Suy nghĩ trả lời.  - Tự bộc lộ  -HS rút ra nội dung ghi nhớ 1  - Nghe, ghi chép.  **II.Phương châm cách thức**  - Suy nghĩ trả lời  - Suy nghĩ trả lời  - Rút ra bài học  -Nghe, ghi chép  **III. Phương châm lịch sự**  - Đọc.  - Thảo luận nhóm trả lời  - Nghe.  Rút ra bài học  - Khái quát trả lời.  - Nghe, ghi chép. | **I.Phương châm quan hệ**  **1.Xét ngữ liệu:**  \*Ví dụ:  Thành ngữ: Ông nói gà, bà nói vịt  **2. Bài học**  ***- Khi giao tiếp, cần nói đúng đề tài giao tiếp, tránh nói lạc đề.***  **II.Phương châm cách thức**  **1.Xét ngữ liệu:**  \*Ví dụ:  - Thành ngữ: “ dây cà ra dây muống”,“lúng búng như ngậm hột thị”  + Chỉ cách nói rườm rà, dài dòng  +Chỉ cách nói ấp úng, không rành mạch, không thành lời.  **2. Bài học**  ***Khi giao tiếp, cần nói ngắn gọn, rành mạch. Tránh cách nói mơ hồ.***  **III. Phương châm lịch sự**  **1.Xét ngữ liệu:**  \* Ví dụ:  Truyện “Người ăn xin”  - Cần tế nhị và tôn trọng người khác khi giao tiếp  **2. Bài học**  ***-Khi giao tiếp, cần tế nhị và tôn trọng người khác.*** |
| **\* Hoạt động 5:Luyện tập:**  - Thời gian:20'  - Mục tiêu: Vận dụng phương châm quan hệ, phương châm cách thức, phương châm lịch sự trong hoạt động giao tiếp.Nhận biết và phân tích được cách sử dụng phương châm quan hệ, phương châm cách thức, phương châm lịch sự trong một tình huống giao tiếp cụ thể.  - Phương pháp: Vấn đáp, thuyết trình, thảo luận nhóm.  - Kĩ thuật: động não, các mảnh ghép ... | | |
| **\* HD luyện tập**  - Vẽ sơ đồ biểu diễn các phương châm hội thoại đã học  - Nhận xét sơ đồ  ? Những câu tục, ca dao khuyên ta điều gì?  *“ Lời chào cao hơn...”*  *“ lời nói chẳng mất tiền..”*  ? Phép tu từ nào đã học có liên quan trực tiếp đến phương châm lịch sự  - Yêu cầu HS điền từ thích hợp vào chỗ (…) | **III. Luyện tập**  - 1 HS lên bảng vẽ, các HS còn lại vẽ vào vở.  - Thảo luận nhóm trả lời.  - Suy nghĩ trả lời độc lập.  - 1 HS lên bảng điền, các HS còn lại làm vào vở. | **III. Luyện tập**  Bài tập 1/23  => Khẳng định vai trò của ngôn ngữ trong giao tiếp, khuyên nọi người nên dùng lời lẽ lịch sự khi giao tiếp..  Bài tập 2/23  - Phép tu từ nói giảm, nói tránh  Bài tập 3/23  a, … nói mát  b, … nói hớt  c, … nói móc  d, … nói leo  e, ... nói ra đầu ra đũa |

**4. Củng cố: 2'**

- Hiểu biết của em về các phương châm hội thoại đã học?

**5. HDVN:3'**

- Học thuộc các ghi nhớ, hoàn thành các bài tập.

- Chuẩn bị bài: Sử dụng yếu tố miêu tả trong văn thuyết minh ( đọc văn bản/ Sgk, tìm ý, lập dàn ý cho bài văn.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn: | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**Tiết 8:**

**SỬ DỤNG YẾU TỐ MIÊU TẢ TRONG VĂN**

**BẢN THUYẾT MINH; LUYỆN TẬP**

**I. Mức độ cần đạt:**

**1. Kiến thức:**

- Củng cố kiến thức đã học về văn thuyết minh.

- Hiểu vai trò của yếu tố miêu tả trong văn thuyết minh.

**2. Kĩ năng.**

- Biết sử dụng và có ý thức sử dụng yếu tố miêu tả trong làm văn thuyết minh.

**3. Thái độ:**

- Giáo dục cho học sinh thêm yêu, tự hào cảnh đẹp quê hương đất nước và giữ gìn vệ sinh.

**II. Trọng tâm**

**1. Kiến thức:**

- Tác dụng của yếu tố miêu tả trong văn thuyết minh: làm cho đối tượng thuyết minhhiện lên cụ thể, gần gũi, dễ cảm nhận hoặc nổi bật, gây ấn tượng.

- Vai trò của miêu tả trong văn bản thuyết minh: phụ trợ cho việc giới thiệu nhằm gợi lên hình ảnh cụ thể của đối tượng cần thuyết minh.

**2. Kĩ năng.**

- Sử dụng ngôn ngữ miêu tả phù hợp trong việc tạo lập văn bản thuyết minh.

**3. Thái độ:**

- Giáo dục cho học sinh thêm yêu, tự hào cảnh đẹp quê hương đất nước và giữ gìn vệ sinh.

***4. Năng lực cần hình thành cho HS:***

- Hình thành năng lực tự giải quyết vấn đề, hợp tác.

- Sáng tạo trong tạo lập văn bản, vận dụng giải quyết những tình huống trong thực tiễn cuộc sống…

**III.Chuẩn bị**

+Thầy: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án, bảng phụ.

Phương pháp: Nêu vấn đề, thảo luận nhóm, dạy học theo mẫu...

+ Trò: Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học:**

1. Ổn định tổ chức:

2. Kiểm tra bài cũ: 5'

- Yêu cầu HS thuyết minh miệng cho đề văn đã làm ở tiết Luyện tập sử dụng biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh ( TM cái quạt, cái kéo, cái bút bi)

3. Tổ chức dạy và học bài mới:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thầy** | **Trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** |
| **\* HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:**  - Thời gian: 1'  - Phương pháp:Thuyết trình  - Mục tiêu: Thu hút sự chú ý của học sinh vào bài mới.  - Kĩ thuật: Động não | | |
| ***\* Giới thiệu vào bài:*** Mục đích của văn bản thuyết minh là cung cấp những tri thức khách quan về đối tượng thuyết minh. Để làm cho bài thuyết minh thêm sinh động hấp hấp dẫn, đối tượng thuyết minh được nổi bật, bên cạnh việc sử dụng các biện pháp nghệ thuật, ta cần sử dụng các yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh. Vậy sử dụng yếu tố miêu tả như thế nào, tác dụng cụ thể ra sao chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay. | - Lắng nghe, suy nghĩ | - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **\* Hoạt động 2,3,4: Tri giác; phân tích, cắt nghĩa; đánh giá, khái quát:**  - Thời gian: 17'  - Mục tiêu: Nắm được tác dụng của yếu tố miêu tả trong văn thuyết minh, vai trò của miêu tả trong văn bản thuyết minh.  - Phương pháp: Vấn đáp, thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy học theo mẫu...  - Kĩ thuật: động não, khăn trải bàn. | | |
| **\* HD tìm hiểu yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh:**  - Yêu cầu học sinh đọc văn bản.  ? Hãy giải thích nhan đề của văn bản ?  -Vai trò của cây chuối trong đời sống vật chất và tinh thần của người Việt Nam; thái độ của con người trước giá trị của cây chuối  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm:  ? Tìm những câu văn thuyết minh về những đặc điểm tiêu biểu của cây chuối? ( gạch chân những câu văn đó)  + Hầu như ở nông thôn nhà nào...  + Cây chuối rất ưa nước... vô tận.  + Người phụ nữ nào mà chả liên quan đến cây chuối... hoa quả.  + Quả chuối là một món ăn ngon  + Nào chuối tương,chuối ngự..  - Mỗi cây chuối đều cho 1 buồng...  + Có buồng chuối...  + Quả chuối ăn vào...  + Nếu chuối chín là món ăn sáng, trưa, chiều...  - Gọi đại diện các nhóm trình bày.  HS, GV nhận xét.  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm:  ? Chỉ ra những câu văn có yếu tố miêu tả trong bài?  - Gọi đại diện các nhóm trình bày.  HS, GV nhận xét.  ? Cho biết tác dụng của yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh cây chuối?  + Để thuyết minh sinh động hấp dẫn, bài thuyết minh sử dụng yếu tố miêu tả...  + Yếu tố miêu tả làm đối tượng thuyết minh nổi bật gây ấn tượng  - Theo yêu cầu chung của văn bản thyết minh bài này có thể bổ sung thêm những gì?  VD: + Thân cây chuối non có thể thái ghém làm rau sống  + Thân cây chuối già làm bè tập bơi, vượt sông...  ? Cho biết thêm công dụng của thân chuối, lá, nõn, bắp chuối...?  ? Qua bài văn thuyết minh có sử dụng yếu tố miêu tả về cây chuối trong đời sông Việt Nam, em rút ra kết luận gì về việc sử dụng yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh?  - GV chốt nội dung ghi nhớ. | **I.Tìm hiểu yếu tố miêu tả ...**  - Đọc VB  - Suy nghĩ trả lời.  - Thảo luận nhóm, trình bày.  (nhận diện các yếu tố thuyết minh)  - Thảo luận nhóm, trình bày.  (nhận diện các yếu tố miêu tả)  - Tự bộc lộ.  - Khái quát trả lời  - Nghe, ghi chép. | **I.Tìm hiểu yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh**  **1. Xét ngữ liệu**  Ví dụ:  Văn bản: Cây chuối trong đời sống người Việt Nam  + Đoạn 1: Thân mềm như những trụ cột...xanh mướt.  Gốc chuối tròn như...  Chuối phát triển nhanh:...  + Đoạn 3: quả chuối chín cho ta vị ngọt ngào và hương thơm...  +Vỏ chuối ...vỏ trứng cuốc  + Không thiếu những buồng chuối dài...  + Thân chuối gồm nhiều lớp bẹ...  + Lá chuối...  + Nõn chuối...  + Hoa chuối...  + Quả chuối...  Nhận xét:  - Các yếu tả trong bài thuyết minh làm cho đối tượng thuyết minh (cây chuối) nổi bật hơn, gây ấn tượng hơn đối với người đọc.  **2. Bài học**  ***Để thuyết minh cho cụ thể, sinh động,háp dẫn, bài thuyết minh có thể kết hợp sử dụng yếu tố miêu tả. Yếu tố miêu tả có tác dụng làm cho đối tượng thuyết minh được nổi bật, gây ấn tượng***. |
| **\* Hoạt động 5:Luyện tập:**  - Thời gian:18'  - Mục tiêu: HS vận dụng lí thuyết giải quyết các bài tập. Biết sử dụng ngôn ngữ miêu tả phù hợp trong việc tạo lập văn bản thuyết minh.  - Phương pháp: Vấn đáp, thuyết trình, thảo luận nhóm.  - Kĩ thuật: động não, các mảnh ghép ... | | |
| **\* HD luyện tập:**  ? Bổ sung yếu tố miêu tả vào các chi tiết thuyết minh sau?  - Yêu cầu HS hoạt động đọc lập, trình bày.  - Gọi các HS khác nhận xét.  - Giáo viên chữa.  ? Tìm yếu tố miêu tả trong các văn bản ở bài tập2,3? | **II.Luyện tập:**  - HS tự làm vào vở -> trình bày.  - Phát hiện trả lời.  - HS đọc văn bản.  -Thảo luận nhóm xác định các yếu tố miêu tả trong văn bản ở BT2,3 | **II.Luyện tập:**  Bài tập1(26)  Bổ sung yếu tố miêu tả:  VD:  - Thân của cây chuối có hình dáng thẳng, ròn như một cái cột trụ mọng nước gợi cảm giác mát mẻ, dễ chịu.  - Lá chuối tươi xanh rờn, cong cong,dưới ánh trăng  thỉnh thoảng lại vẫy lên phần phật như mời gọi ai đó trong đêm khuya thanh vắng  - Lá chuối khô màu nâu  - Quả chuối chín vàng vừa bắt mắt vừa dậy mùi  thơm ngọt ngào quyến rũ  Bài tập 2(26)  \*Yếu tố miêu tả :  Tách….nó.  Chén ta không có tai.  Khi ta mời ai …mà uống rất nóng.  Bài tập 3(26)  - Qua sông Hồng sông Đuống ... mượt mà.  - Lân được trang trí công phu …hoạ tiết đẹp.  - Múa lân rất sôi động…quân cờ... |
| - Yêu cầu HS đọc đề bài.  ? Đề bài thuộc thể loại gì?  + Chỉ rõ đối tượng thuyết minh? Nêu giới hạn?  ? Cụm từ “Con trâu ở làng quê Việt Nam” bao gồm những ý gì?  - Đặc điểm, vị trí của con trâu trong đời sống của người nông dân Việt Nam  - Con trâu trong một số lễ hội  - Con trâu gắn với tuổi thơ.  ? Nội dung cần thuyết minh ở phần mở bài?  ? Em học được gì từ văn bản thuyết minh về con trâu trong SGK?  - GV chia nhóm. Cho thảo luận thống nhất kết quả đãchuẩn bị ở nhà.  - Gọi đại diện các nhóm trình bày.  - Yêu cầu HS nhận xét và bổ sung hoàn chỉnh đàn ý (cần vận dụng một số biện pháp nghệ thuật, sử dụng yêu tố miêu tả vào việc giới thiệu con trâu)  - GV nhận xét, cho điểm | - Đọc đề bài  - Phân tích đề.  - Xác định phạm vi tri thức cần thuyết minh.  - Nêu nhiệm vụ của phần mở bài.  - Suy nghĩ trả lời.  - Thảo luận.  - Trình bày dàn ý.  - Nhận xét chéo, bổ sung.  - Nghe, ghi nhớ kiến thức. | **Bài 4** (Bài tập trong tiết luyện tập)  Đề: Con trâu ở làng quê Việt Nam  1, Tìm hiểu đề  - Thể loại văn thuyết minh.  - Đối tượng thuyết minh: con trâu.Giới hạn: ở làng quê Việt Nam.  2, Tìm ý và lập dàn ý  a, Mở bài  - Giới thiệu chung về con trâu trong đời sống Việt Nam.  b, Thân bài  - Giới thiệu nguồn gốc, hình dáng, quá trình sinh trưởng của con trâu(xen yêú tố miêu tả)  - Giới thiệu con trâu trong nghề làm ruộng:  + Sức kéo để cày, bừa  + Kéo xe, trục lúa  -Giới thiệu con trâu trong lễ hội:  + Hội đâm trâu ở Tây Nguyên  + Hội trọi trâu ở Đồ Sơn, Hải Phòng.  - Giới thiệu con trâu - nguồn cung cấp thịt, da, sừng để làm đồ mĩ nghệ..  - Con trâu là tài sản to lớn của người nông dân Việt Nam:”Con trâu là đầu cơ nghiệp”  - Con trâu với trẻ em nông thôn..  c,Kết bài:  - Tình cảm của người nông dân đối với con trâu . |

**4. Củng cố: 2'** (HS trình bày định hướng còn viết đoạn hoàn chỉnh ở nhà)

- Tác dụng của yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh?

Nhóm 1:Viết đoạn văn cho phần mở bài (chú ý nội dung TM và sử dụng yếu tố miêu tả)

VD: Bao đời nay, hình ảnh con trâu kéo cày trên đồng ruộng đã trở nên quen thuộc, gần gũi với người nông dân Việt Nam. Vì thế, con trâu-người bạn tâm tình của người dân quê đã đi vào ca dao một cách tự nhiên, thân thiết;

“trâu ơi...’

Nhóm 2,3:Viết đoạn văn giới thiệu con trâu trong từng việc ?

Chú ý: thuyết minh trâu cày, bừa ruộng, miêu tả con trâu trong từng việc.

VD: Ánh chiều nhạt nắng, hoàng hôn trải khắp con đê xanh. Có lẽ chẳng có gì yên lành ngọt ngào hơn khi được nằm dài trên bờ đê ấy ngắm trời mây và những con trâu gặm cỏ. Bạn đã bao giờ tận hưởng phút giây đó chưa? Khi trời tắt nắng trâu cũng bình tĩnh bước ra về. Những bước đi của chúng có cái tần tảo của người nông dân, có cái hiền lành, chất phác,cái đằm thắm mặn mà của làng quê Việt Nam.

**5. HDVN: 2'**

- Học lí thuyết, hoàn thiện các bài tập.

- Chuẩn bị cho hoạt động trải nghiệm sáng tạo:

- Nhóm 1: Sưu tầm tư liệu, tranh ảnh, clip giới thiệu về cuộc đời hoạt động cách mạng và những nét đẹp trong phong cách Hồ Chí Minh.

- Nhóm 2:Sưu tầm và kể những mẩu chuyện về Bác Hồ.

- Nhóm 3: Đóng tiểu phẩm về Bác.

- Nhóm 4. Hùng biện: Thế hệ trẻ Việt Nam với việc hình thành phong cách sống của bản thân.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn: | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**Tiết thứ: 9,10**

**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, SÁNG TẠO: TÌM HIỂU,**

**GIỚI THIỆUVỀ TẤM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH**

**I. Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Qua hoạt động trải nghiệm, học sinh nắm được những nét chính về cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Thấy được một số biểu hiện của phong cách Hồ Chí Minh trong đời sống và sinh hoạt. Ý nghĩa của phong cách Hồ Chí Minh trong việc giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc.

***2. Kĩ năng:***

- Kĩ năng đọc, kể diễn cảm.

- Kĩ năng nói, viết, thuyết trình…

***3. Thái độ, phẩm chất.***

- Kính yêu và biết ơn Chủ tịch Hồ Chí Minh, học tập và làm theo tấm gương đạo đức của Người.

- Có ý thức giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc.

**II. Trọng tâm:**

***1. Kiến thức:***

- Những nét chính về cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Thấy được một số biểu hiện của phong cách Hồ Chí Minh trong đời sống và sinh hoạt.

- Ý nghĩa của phong cách Hồ Chí Minh trong việc giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc; trong việc hình thành phong cách sống cho bản thân.

***2. Kĩ năng:***

- Kĩ năng đọc, kể diễn cảm.

- Kĩ năng nói, viết, thuyết trình…

***3. Thái độ, phẩm chất.***

- Kính yêu và biết ơn Chủ tịch Hồ Chí Minh, học tập và làm theo tấm gương đạo đức của Người.

- Có ý thức giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc.

**4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:**

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ

**III. Chuẩn bị**

1. **Thày:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:*

Từ hoạt động trải nghiệm, học sinh nắm được những nét chính về cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Thấy được một số biểu hiện của phong cách Hồ Chí Minh trong đời sống và sinh hoạt, có ý thức học tập và làm theo tấm gương đạo đức của Người.

*+ Nội dung của hoạt động:*

- Nhóm 1:Sưu tầm và kể những mẩu chuyện về Bác Hồ.

- Nhóm 2: Sưu tầm tư liệu, tranh ảnh, clip giới thiệu về cuộc đời hoạt động cách mạng và những nét đẹp trong phong cách Hồ Chí Minh.

- Nhóm 3: Đóng tiểu phẩm về Bác.

- Nhóm 4. Hùng biện: Thế hệ trẻ Việt Nam với việc hình thành phong cách sống của bản thân.

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* Dạy học dự án, thảo luận nhóm, đóng vai…

1. **Trò:**

Đọc trước bài trong sách HD, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ**

* Kiểm tra sự chuẩn bị của HS

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

**\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

- Thời gian: 10’

-Phương pháp tích cực: Nêu vấn đề, hoạt động các nhân

- Kĩ thuật: động não, tia chớp

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| ***- Cho HS quan sát một đoạn clip về cuộc đời hoạt động Cách mạng của Bác.***  ***+ Giao nhiệm vụ:***  Đoạn clip trên gợi cho em suy nghĩ gì về Bác?  ***+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả.***  ***+ GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới.*** | * ***Quan sát***   ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** làm việc cá nhân.  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Lắng nghe. | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |

**\*HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

* Thời gian: 25’
* Phương pháp tích cực: Hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân, vấn đáp…
* Kĩ thuật: động não, tia chớp, các mảnh ghép, 321…

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  - Yêu cầu lớp trưởng lên điều hành hoạt động.  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm lớn (6 người) những nhiệm vụ đã được giao từ tiết học trước.  ***+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả. (nhóm 1)***  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức*** | ***+ Thực hiện nhiệm vụ:***  1.Lớp trưởng tuyên bố lí do, giới thiệu đại biểu.  2.Thông qua nội dung chương trình  3.Bầu Ban giám khảo, thư kí  + Báo cáo kết quả chuẩn bị cho hoạt động theo dự án đã giao  +Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm. | I**.Cuộc đời hoạt động cách mạng và những nét đẹp trong phong cách Hồ Chí Minh.** |
| \***Nhóm** 1: Giới thiệu về cuộc đời hoạt động cách mạng và những nét đẹp trong phong cách Hồ Chí Minh.  **Nội dung cần đạt:**  **1. Giai đoạn 1890 – 1911**  Chủ tịch Hồ Chí Minh (lúc nhỏ tên là Nguyễn Sinh Cung ) sinh ngày 19/5/1890 trong một gia đình nhà nho yêu nước, tại làng Hoàng Trù (còn gọi là Làng Chùa), xã Chung Cự, tổng Lâm Thịnh, nay thuộc xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Thân phụ là Nguyễn Sinh Sắc, thân mẫu là Hoàng Thị Loan.  Từ lúc sinh ra đến 5 tuổi, Nguyễn Sinh Cung sống trong sự chăm sóc đầy tình thương yêu của gia đình, đặc biệt là ông bà ngoại. Năm 1895, Nguyễn Sinh Cung lại theo gia đình vào sống ở Huế. Đầu năm 1901, sau khi mẫu thân qua đời, Nguyễn Sinh Cung lại theo cha trở về Nghệ An, rồi lấy tên Nguyễn Tất Thành, tích cực học chữ Hán và còn theo cha đi một số nơi, học thêm nhiều điều. Năm 1906, Nguyễn Tất Thành lại theo cha vào Huế, thoạt đầu học trường Pháp-Việt , sau học trường Quốc học Huế. Khoảng cuối năm 1909, Nguyễn Tất Thành theo cha vào Bình Định, tháng 8/1910 vào Phan Thiết, làm giáo viên trường Dục Thanh. Tháng 2/1911, Nguyễn Tất Thành vào Sài Gòn. Ngày 5/6/1911 với tên gọi mới là Văn Ba, lên tàu Amiran Latuso Tơrêvin, rời bến cảng Nhà Rồng đi Mácxây (Pháp).  **2. Giai đoạn 1911 – 1920**  Tại Mác xây, ngày 15/9/1911, Người viết thư gửi Bộ trưởng thuộc địa Pháp, ký tên Nguyễn Tất Thành, xin vào học trường thuộc địa nhưng đã bị từ chối. Từ năm 1912, Nguyễn Tất Thành đi qua một số nước châu Phi, châu Mỹ. Giữa năm 1913, Người đến nước Anh, tham gia nhiều hoạt động ở đây cho đến giữa năm 1917 mới trở lại nước Pháp.  Đầu năm 1919, Nguyễn Tất Thành tham gia Đảng Xã hội Pháp, tháng 6/1919 thay mặt những người Việt Nam yêu nước gửi bản yêu sách gồm 8 điểm (ký tên Nguyễn Ái Quốc) tới hội nghị các nước đế quốc họp ở Véc-xây (nước Pháp), đòi chính phủ các nước họp hội nghị phải thừa nhận quyền tự do, dân chủ và quyền bình đẳng của dân tộc Việt Nam. Tháng 7-1920, Nguyễn Ái Quốc đọc được Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lênnin. Tại Đại hội Đảng Xã hội Pháp tháng 12/1920, Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành Quốc tế III và tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp, trở thành người Cộng Sản đầu tiên của Việt Nam.  **3. Giai đoạn 1921-1930**  Từ năm 1921 đến tháng 6/1923, Nguyễn Ái Quốc triển khai nhiều hoạt động, tham gia thành lập Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa, dự Đại hội lần thứ I và lần thứ II của Đảng Cộng sản Pháp, sinh hoạt trong câu lạc bộ Phôbua, làm chủ nhiệm kiêm chủ bút Báo Người cùng khổ……  Ngày 13/6/1923, Người rời nước Pháp đi Đức và ngày 22/6/1923 đi Liên Xô. Từ tháng 7/1923 đến tháng 10/1924, Nguyễn Ái Quốc tích cực hoạt động trong phong trào cộng sản quốc tế, bổ sung và phát triển lý luận về cách mạng thuộc địa. Người hoạt động trong Quốc tế Nông dân; học tập tại trường Đại học Phương Đông; tham gia đại hội lần thứ V Quốc tế Cộng Sản; tiếp tục viết nhiều sách báo tuyên truyền cách mạng, hoàn thành tác phẩm Bản án chế độ thực dân Pháp…  Từ khi rời Liên Xô về Quảng Châu (Trung Quốc) tháng 11/1924 đến tháng 2/1930, Nguyễn Ái Quốc tích cực hoạt động, chuẩn bị các điều kiện tiến tới thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Người thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên (tháng 6/1925), mở các lớp huấn luyện cán bộ, xuất bản Báo Thanh Niên (1925) và tác phẩm Đường cách mệnh (1927). Hè năm 1927, khi tình hình cách mạng Trung Quốc có nhiều biến động phức tạp, Nguyễn Ái Quốc lại đi Liên Xô, sau đó đi Đức tháng 11/1927) rồi bí mật sang Pháp, đến nước Bỉ dự cuộc họp của Đại hội đồng liên đoàn chống đế quốc (tháng 12/1927), rồi quay lại Đức, đi Thụy Sỹ, sang Italia. Tháng 7/1928, Nguyễn Ái Quốc tới Xiêm (Thái Lan), rồi trở lại Trung Quốc vào cuối năm 1929. Từ ngày 6/1 đến ngày 7/2/1930 tại Hương Cảng, Trung Quốc, Nguyễn Ái Quốc chủ trì Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.  **4. Giai đoạn 1930-1945**  Từ năm 1930 đến năm 1941, tuy hoạt động ở nước ngoài nhưng Nguyễn Ái Quốc vẫn chỉ đạo sát sao phong trào cách mạng trong nước. Trong khoảng thời gian ấy, Người có lúc ở Liên Xô, Trung Quốc, từng bị kẻ thù bắt giam ở Hồng Kông. Cuối năm 1932, Người được trả tự do, sau đó đến Liên Xô học tại trường Quốc Tế Lênin. Năm 1938, Người trở về Trung Quốc chủ yếu hoạt động ở vùng Quảng Tây cho đến năm 1941 thì về nước trực tiếp chỉ đạo cách mạng Việt Nam. Người triệu tập Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng, xác định đường lối đấu tranh giải phóng dân tộc, chỉ đạo thành lập mặt trận Việt Minh, sáng lập Báo Việt Nam độc lập, tổ chức lực lượng vũ trang, xây dựng căn cứ địa cách mạng, lãnh đạo nhân dân làm nên thắng lợi Cách mạng tháng Tám năm 1945.  Ngày 2/9/1945 tại Quảng trường Ba Đình, Người đọc Tuyên ngộn độc lập khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.  **5. Giai đoạn 1945-1954**  Những năm 1945-1946, Người cùng Trung ương Đảng lãnh đạo nhân dân xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ, đối phó với thù trong, giặc ngoài, đưa cách mạng Việt Nam vượt qua tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”, tổ chức Tổng tuyển cử trong cả nước, bầu Quốc hội và thông qua Hiến pháp dân chủ đầu tiên của Việt Nam. Quốc hội khóa I (1946) đã bầu Người làm Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.  Tại Đại hội lần thứ II của Đảng (1951), Người được bầu làm Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân Việt Nam đã giành thắng lợi vẻ vang trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, kết thúc bằng chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu, đưa miền bắc đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.  **6. Giai đoạn 1954 – 1969**  Miền Bắc được giải phóng, nhưng đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai thực hiện âm mưu chia cắt đất nước ta lâu dài, biến nơi đây thành thuộc địa kiểu mới. Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch tiếp tục lãnh đạo nhân dân thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược: Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Đại hội lần thứ III của Đảng năm 1960 đã bầu lại Chủ tịch Hồ Chí Minh làm chủ tịch Ban chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam. Quốc hội khóa II, khóa III bầu Người là làm Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.  Cùng với Ban Chấp hành Trung ương Đảng, chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra đường lối đúng đắn, lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, công cuộc cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc thắng lợi; đặt nền móng và không ngừng vun đắp tình hữu nghị giữa dân tộc Việt Nam với các dân tộc trên thế giới, giữa Đảng Cộng sản Việt Nam với các Đảng Cộng sản và phong trào công nhân quốc tế.  Ngày 2/9/1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, để lại muôn vàn tiếc thương cho toàn Đảng, dân tộc Việt Nam và nhân dân thế giới. Cuộc đời và sự nghiệp cách mạng vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn là tấm gương sáng ngời cho chúng ta học tập. Tên tuổi của Người đã đi vào lịch sử cách mạng thế giới như là người khởi xướng cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của các nước thuộc địa trong thế kỷ XX. Năm 1990, tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hợp quốc (UNESCO) đã tôn vinh Người danh hiệu: Anh hùng giải phóng dân tộc, Danh nhân Văn hóa thế giới.   * Lưu ý: HS có thể trình bày ngắn gọn hơn và cần kèm theo hình ảnh, clip minh họa. | | |

**\*HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**

* Thời gian: 50’
* Phương pháp tích cực: Hoạt động nhóm,cặp đôi, cá nhân, dạy học dự án…
* Kĩ thuật: động não, các mảnh ghép, 321…

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  Các nhóm 2,3,4 thống nhất nội dung thảo luận.  ***+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả.***  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức*** | ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** thảo luận, thống nhất trong nhóm.  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm. | **II. Kể chuyện về Bác Hồ.**  - Kể được những mẩu chuyện về Bác để làm nổi bật phong cách sống giản dị mà thanh cao của Bác.  **III.Đóng tiểu phẩm về Bác.**  HS tùy chọn một tiểu phẩm để diễn xuất.  Yêu cầu chung: nội dung tiểu phẩm phải có ý nghĩa, có tính giáo dục cao, diễn xuất thành công và thể hiện được lòng kính yêu, sự ngợi ca đối với Bác.  **IV.** Hùng biện: ***Thế hệ trẻ Việt Nam với việc hình thành phong cách sống của bản thân.***  Yêu cầu chung:  + Phong cách tự tin, trình bày rõ ràng, mạch lạc.  + Về nội dung:  - Cần khẳng định được hình thành phong cách sống đẹp là việc nên làm của thế hệ trẻ Việt Nam.  Hiện nay, thế hệ trẻ Việt Nam đã và đang tích cực học tập, làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.  - Là một học sinh còn ngồi trên ghế nhà trường, mỗi chúng ta phải tích cực học tập, trau dồi tri thức, rèn luyện nhân cách, kĩ năng để trở thành những con người thực sự năng động sáng tạo đáp ứng công cuộc công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước; hình thành cho bản thân một phong cách sống hiện đại mà vẫn mang đậm nét văn hóa truyền thống của dân tộc. |

**\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**

* Thời gian: (Có thể làm ở nhà)
* Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân
* Kĩ thuật: động não

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  HS viết báo cáo: Những điều em thu nhận được sau hoạt động trải nghiệm này?  ***+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả.***  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức*** | ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** làm việc cá nhân  ***+***  ***Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | - Những điều HS thu nhận được sau hoạt động trải nghiệm.  - Phát huy năng lực tự học, sáng tạo. |

**\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

* Thời gian: (Có thể làm ở nhà)
* Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng.
* Kĩ thuật: động não

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  Tiếp tục sưu tầm tư liệu về Bác. Ghi lại những bài học em có thể thu nhận được từ phong cách sống và làm việc của người.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** làm việc cá nhân,chia sẻ với người thân, bạn bè…  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** chia sẻ , lưu sản phẩm. | -Tư liệu về Bác.  -Những bài học em có thể thu nhận được từ phong cách sống và làm việc của người. |

* **Đánh giá hoạt động**

Sau mỗi nội dung, yêu cầu các nhóm nhận xét, đánh giá, phản biện tích cực.

- Ban giám khảo cho điểm số đánh giá kết quả của từng nhóm. (Khuyến khích các nhóm có nhiều sáng tạo)

- Thư kí công bố kết quả.

- Trao giải thưởng (mời GV)

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (5’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Chuẩn bị bài tiếp theo:“Tuyên bố thế giới về sự sống còn và quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em”( Đọc văn bản, trả lời các câu hỏi, tìm hiểu thêm về các quyền của trẻ em)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn: | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**Tuần 3:**

**Tiết 11,12: TUYÊN BỐ THẾ GIỚI VỀ SỰ SỐNG CÒN, QUYỀN ĐƯỢC** **BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ EM**

**I. Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Thấy được tầm quan trọng của vấn đề quyền sống, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em và trách nhiệm của cộng đồng quốc tế về vấn đề này.

- Thấy được đặc điểm hình thức văn bản.

- Tìm hiểu và biết được quan điểm của Đảng, Nhà nước ta về vấn đề được nêu trong văn bản.

***2. Kĩ năng:***

- Nâng cao một bước kĩ năng đọc - hiểu một văn bản nhật dụng.

- Học tập phương pháp tìm hiểu, phân tích trong tạo lập văn bản nhật dụng.

- Tìm hiểu và biết được quan điểm của Đảng, Nhà nước ta về vấn đề được nêu trong văn bản.

***3. Thái độ:***

- Giáo dục về quyền trẻ em, ý thức trách nhiệm về việc chăm sóc, bảo vệ trẻ em.

***4. Năng lực cần hình thành cho HS:***

- Hình thành năng lực tự giải quyết vấn đề, hợp tác, phân tích.

- Sáng tạo, vận dụng giải quyết những tình huống trong thực tiễn cuộc sống…

**II.Trọng tâm:**

***1. Kiến thức:***

- Thực trạng cuộc sống trẻ em hiện nay, những thách thức, cơ hội và nhiệm vụ của chúng ta.

- Những thể hiện của quan điểm về vấn đề quyền sống, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em ở Việt Nam.

***2. Kĩ năng.***

- Học tập phương pháp tìm hiểu, phân tích trong tạo lập văn bản nhật dụng.

- Tìm hiểu và biết được quan điểm của Đảng, Nhà nước ta về vấn đề được nêu trong văn bản.

***3. Thái độ:***

- Giáo dục về quyền trẻ em, ý thức trách nhiệm về việc chăm sóc, bảo vệ trẻ em.

***4. Năng lực cần hình thành cho HS:***

- Hình thành năng lực tự giải quyết vấn đề, hợp tác, phân tích.

- Sáng tạo, vận dụng giải quyết những tình huống trong thực tiễn cuộc sống…

**III. Chuẩn bị:**

+Thầy:

- Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

-Phương pháp: Đọc diễn cảm, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, phân tích, giảng bình...

+ Trò: Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học:**

1.Ổn định tổ chức

2.Kiểm tra bài cũ: 5'

1,Chạy đua vũ trang, chiến tranh hạt nhân ảnh hưởng như thế nào đến cuộc sống con người?

2, Để ngăn chặn chiến tranh hạt nhân, đấu tranh cho một thế giới hòa bình chúng ta phải làm gì?

3. Tổ chức dạy và họcbài mới:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thầy** | | **Trò** | | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** |
| **\*Hoạt động 1: Tạo tâm thế**  - Thời gian : 1 phút  - Mục tiêu :Giúp học sinh tạo tâm thế tốt vào bài học.  - Phương pháp  : Thuyết trình  - Kĩ thuật : Động não | | | | |
| *\* Giới thiệu vào bài*:  Trẻ em - những mầm non tương lai đã và đang được toàn thể cộng đồng quan tâm. Trên thực tế quyền trẻ em được thực hiện như thế nào? Có những thách thức và cơ hội gì gặp phải trong việc thực hiện các quyền đó? Qua bài " Tuyên bố thế giới..." phần nào ta có thể hiểu được điều đó. | | - Lắng nghe, suy nghĩ | | - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| \***Hoạt động 2:** **Tri giác**  - Thời gian dự kiến: 10 phút  - Mục tiêu: Nắm được về tác giả, tác phẩm, cảm nhận bước đầu về văn bản qua việc đọc.  - Phương pháp : Đọc diễn cảm, vấn đáp, thuyết trình.  - Kĩ thuật : Động não, các mảnh ghép... | | | | |
| **\* HD tìm hiểu chung** | | **I.Tìm hiểu chung** | | **I. Tìm hiểu chung** |
| ? Xuất xứ của tác phẩm?  - Gv kết luận chung.  - Cho trao đổi các chú thích 3,6,7 trong Sgk. | | - Dựa vào chú thích để giới thiệu.  - Nghe, ghi chép.  - Trao đổi theo bàn. | | ***1. Chú thích .***  \* Xuất xứ văn bản:  - Trích từ "Tuyên bố của Hội nghị cấp cao thế giới về trẻ em" trong " Việt Nam và các văn kiện quốc tế về quyền trẻ em"  *\* Từ khó* (Sgk). |
| - Gv hd đọc : chậm , rõ.  - Cho Hs đọc .  - Nhận xét về cách đọc của HS. | | - Nghe.  - Đọc theo hướng dẫn.  - Nghe. | | 2. Đọc |
| - Trao đổi theo nhóm bàn (3’) các nội dung sau :  + Phương thức biểu đạt chính .  + Kiểu văn bản .  + Bố cục.  - Cho các nhóm trình bày kết quả.  - Gv nhận xét, kết luận chung:  - Đoạn 1,2: Khẳng định quyền được sống, được phát triển của mọi trẻ em trên thế giới và kêu gọi khẩn thiết toàn nhân loại hãy quan tâm đến vấn đề này, lí do bản tuyên bố.  - 15 đoạn còn lại được chia làm 3 phần | | - Trao đổi theo bàn để tìm.  - Trình bày kết quả.  - Nghe, ghi chép. | | 3. Kiểu loại VB: |
| \* Kiểu văn bản nhật dụng. |
| 4. Phương thức bỉểu đạt |
| -Nghị luận chính trị, xã hội. |
| 5. Bố cục |
| \* Bố cục : 4 phần.  - Phần mở đầu.  - Phần “Sự thách thức” nêu những thực tế, những con số về cuộc sống khổ cực...  - Phần cơ hội: khẳng định những điều kiện thuận lợi cơ bản để cộng đồng quốc tế có thể đẩy mạnh việc chăm sóc, bảo vệ trẻ em  - Phần nhiệm vụ: xác định những nhiệm vụ cụ thể mà từng quốc và và cả cộng đồng quốc tế cần làm... |
| **\* Hoạt động 3: Phân tích, cắt nghĩa**  - Thời gian dự kiến : 59 phút  - Mục tiêu : Hiểu được thực trạng cuộc sống trẻ em hiện nay, những thách thức, cơ hội và nhiệm vụ của chúng ta. Những thể hiện của quan điểm về vấn đề quyền sống, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em ở Việt Nam.  - Phương pháp  : Đọc, vấn đáp, thuyết trình, bình giảng, hoạt động nhóm  - Kĩ thuật : Dạy học theo góc, các mảnh ghép. | | | | |
| **II. Phân tích** | | **II. Phân tích** | | **II. Phân tích** |
| - Cho HS đọc phần 1 và tìm nội dung.  ? Xác định câu chủ đề của phần VB này?  ? Em biết gì về tình hình thế giới từ thập niên 90 thế kỷ trước cho đến nay?  ? Trẻ em trên thế giới được quan tâm như thế nào?  ? Việc làm đó thể hiện điều gì?  ? Trẻ em trên thế giới có những đặc điểm gì? Phải được hưởng những quyền lợi gì? Bản thân em có như vậy không?  GV bình: Những con số, số liệu cụ thể là những minh chứng sinh động cho chúng ta thấy được hiểm họa đối với trẻ em thế giới. Đó là nguy cơ thách thức đối với toàn nhân loại.  - Cho đọc phần 2, tìm hiểu các chú thích.  ? Nêu những thực tế cuộc sống của trẻ em thế giới gặp phải?  ? Các nguyên nhân trên gây ảnh hưởng như thế nào đến cuộc sống trẻ em?  ? Em biết gì về tình hình đời sống trẻ em trên thế giới và nước ta hiện nay?  - Giáo viên đưa các tranh ảnh số liệu về trẻ em trên thế giới.  ( Hết tiết 11, chuyển tiết 12)  ? Tóm tắt những điều kiện thuận lợi cơ bản để cộng đồng quốc tế hiện nay có thể đẩy mạnh việc chăm sóc , bảo vệ trẻ em ?  - Giáo viên có thể dùng những tranh ảnh minh hoạ.  ? Em có đánh giá gì về những cơ hội trên?  ? Ở nước ta nói chung và ở địa phương em nói riêng trẻ em có cơ hội được quan tâm chăm sóc như thế nào?  - Gọi HS đọc phần 4 và trao đổi nhóm trả lời câu hỏi:  ? Những nhiệm vụ nào được tác giả đưa ra?  ? Em có nhận xét gì về tính chất của các nhiệm vụ đã nêu? Phân tích mối quan hệ chặt chẽ, tự nhiên giữa các phần trong VB ?  **→** Có tính chất toàn diện không chỉ là nhiệm vụ của từng nước mà là của cả thế giới, không chỉ trẻ em nước giàu mà cả trẻ em nước nghèo.  *- Gv kết luận chung:* Bản thân các tiêu đề đã nêu tính chặt chẽ hợp lí của văn bản.  *Phần 2 nêu nhận thức(*những nhức nhối về cuộc sống của trẻ em). Đây là những nguy cơ bức xúc của toàn nhân loại.  - Phần 3 nêu việc các quốc gia đoàn kết lại, cộng đồng quốc tế có ý thức cao về vấn đề này để sự đoàn kết, hợp tác có hiệu quả rõ rệt  - Phần 4 đề ra những nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng. | | - Đọc  - Trả lời .  - Trả lời theo hiểu biết.  - Trao đổi theo nhóm bàn. Đại diện trả lời.  - Tự liên hệ.  - Nghe.  - Theo dõi phần 2, trả lời.  - Phát hiện trả lời.  - Nêu theo hiểu biết.  **-** Nghe, quan sát.  - Dựa vào Sgk phần 3 nêu.  **-** Quan sát.  - Thảo luận, trả lời.  - Dựa vào thực tế để nêu.  - Đọc phần 4.  - Trao đổi - đại diện nhóm trả lời. Các nhóm khác nhận xét.  **-** Nghe, ghi chép. | | **1.Phần 1**  ***- Khẳng định quyền được sống, được phát triển của trẻ em và kêu gọi khẩn thiết toàn nhân loại hãy quan tâm đến vấn đề này.***  **2. Phần 2 - Sự thách thức**  ***- Vô số trẻ em bị phó mặc cho những hiểm họa: Bất ổn chính trị, đói nghèo, thất học, bệnh tật, vô gia cư...***  ***→ cuộc sống khổ cực .***  **3. Phần 3 - Cơ hội**  - ***Công ước quyền trẻ em được hưởng ứng.***  ***- Sự hợp tác quốc tế.***  ***→ Là những cơ hội khả quan đảm bảo cho công ước thực hiện.***  **4. Phần 4 - Nhiệm vụ**  ***- Chăm sóc trẻ em tàn tật khó khăn.***  ***- Bảo vệ bà mẹ trẻ em và bình đẳng giới tăng vai trò phụ nữ.***  ***- Phổ cập giáo dục.***  ***- Chú ý bảo vệ sức khoẻ sinh sản và gia đình.***  ***- Khuyến khích trẻ em tham gia các hoạt động xã hội.***  ***- Phát triển kinh tế, giảm nợ nước ngoài ..***  ***- Các nước nỗ lực*** *và phối hợp với nhau.* |
| **\* Hoạt động 4:Đánh giá, khái quát**  - Thời gian dự kiến: 4 phút  - Mục tiêu: Khái quát giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản.  - Phương pháp : vấn đáp, thuyết trình, bình giảng.  - Kĩ thuật: Kĩ thuật khăn trải bàn. | | | | |
| **\* HD tổng kết:**  ? Văn bản trên đã giúp em nhận thức được những vấn đề gì? (tầm quan trọng của việc chăm sóc và bảo vệ trẻ em).  ? Tất cả những nhiệm vụ trên có khả năng thực hiện và điều kiện thực hiện được toàn bộ hay bộ phận không? (Tích hợp với văn bản: Đấu tranh vì 1 thế giới hòa bình).  - Gv nhận xét , cho điểm. | | **III. Tổng kết**  - Thảo luận  - Trả lời.  - Suy nghĩ trả lời  - Nghe. | | **III. Tổng kết**  ***\* Ghi nhớ (Sgk/).*** |
| **\* Hoạt động 5: Luyện tập**  - Thời gian dự kiến: 2 phút  - Mục tiêu: Củng cố được nội dung, nghệ thuật của văn bản.  - Phương pháp : Hoạt động nhóm, vấn đáp, thuyết trình.  - Kĩ thuật: Động não, các mảnh ghép. | | | | |
| **\* HD luyện tập:**  - Cho thảo luận nhóm: | **IV. Luyện tập**  - Thảo luận, trình bày.  - Nhận xét chéo | | **IV. Luyện tập .**  ? Phát biểu ý kiến về sự quan tâm chăm sóc của Đảng và chính quyền nói chung và của chính quyền địa phương em nói riêng đối với trẻ em?  ? Để xứng đáng với sự quan tâm chăm sóc ấy em phải làm gì? | |

**4. Củng cố: 3'**

? Suy nghĩ của em sau khi học văn bản trên?

**5. HDVN: 2'-** Đọc lại văn bản, học thuộc ghi . Hoàn chỉnh bài luyện tập vào vở

**-** Chuẩn bị bài : Các phương châm hội thoại ( Đọc các ví dụ, trả lời câu hỏi)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn: | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**Tiết 13: CÁC PHƯƠNG CHÂM HỘI THOẠI**(tiếp)

**I. Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Hiểu được mối quan hệ giữa các phương châm hội thoại với tình huống giao tiếp.

- Đánh giá được hiệu quả diễn đạt ở những trường hợp tuân thủ (hoặc không tuân thủ) các phương châm hội thoại trong những hoàn cảnh giao tiếp cụ thể

***2. Kĩ năng.***

- Có khả năng lựa chọn đúng phương châm hội thoại trong quá trình giao tiếp.

- Phân tích được nguyên nhân của việc không tuân thủ các phương châm hội thoại.

***3. Thái độ:***

**-** Giáo dục cho học sinh lễ phép, tôn trọng người giao tiếp.

**II. Trọng tâm**

***1. Kiến thức:***

- Mối quan hệ giữa phương châm hội thoại với tình huống giao tiếp.

- Những trường hợp không tuân thủ phương châm hội thoại.

***2. Kĩ năng.***

- Lựa chọn đúng phương châm hội thoại trong quá trình giao tiếp.

- Hiểu đúng nguyên nhân của việc không tuân thủ các phương châm hội thoại.

***3. Thái độ:***

**-** Giáo dục cho học sinh lễ phép, tôn trọng người giao tiếp.

***4. Năng lực cần hình thành cho HS:***

- Hình thành năng lực tự giải quyết vấn đề, hợp tác.

- Năng lực giao tiếp.

- Sáng tạo, vận dụng giải quyết những tình huống trong thực tiễn cuộc sống…

**II. Chuẩn bị:**

+Thầy: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án, bảng phụ.

Phương pháp: Nêu vấn đề, thảo luận nhóm, quy nạp...

+ Trò: Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, phiếu học tập.

**III.Các bước lên lớp:**

1. Ổn định tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ: 5'

- Vẽ sơ đồ các phương châm hội thoại đã học.

- Hãy đưa ra tình huống giao tiếp vi phạm phương châm hội thoại và đó là

phương châm hội thoại nào?

3. Tiến trình dạy bài mới:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thầy** | | **Trò** | | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** |
| **\*Hoạt động 1. Tạo tâm thế**  - Thời gian: 2'  - Mục tiêu: Thu hút sự chú ý của HS vào bài mới.  - Phương pháp:Thuyết trình  - Kĩ thuật: Động não | | | | |
| Ở các tiết học trước, các em đã được tìm hiểu về các phương châm hội thoại. Tuy nhiên trong thực tế, việc lựa chọn các phương châm hội thoại còn phụ thuộc vào tình huống, quan hệ giao tiếp; đôi khi còn phải cố tình vi phạm phương châm hội thoại để ưu tiên cho một phương châm hội thoại khác quan trọng hơn. Cụ thể điều đó như thế nào? Chúng ta sẽ tìm hiểu trong tiết học hôm nay. | | - Lắng nghe, suy nghĩ | | - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **\* Hoạt động 2,3,4: Tri giác; phân tích, cắt nghĩa; đánh giá, khái quát:**  - Thời gian: 16'  - Mục tiêu: Thấy được mối quan hệ giữa phương châm hội thoại với tình huống giao tiếp. Những trường hợp không tuân thủ phương châm hội thoại.  - Phương pháp: Vấn đáp, thuyết trình, thảo luận nhóm  - Kĩ thuật: động não, khăn trải bàn. | | | | |
| **\* HD tìm hiểu: Quan hệ giữa phương châm hội thoại với tính huống giao tiếp.**  - Cho HS thảo luận nhóm bàn tìm hiểu truyện cười.  ? Nhân vật chàng rể có tuân thủ p/châm hội thoại? Vì sao? (Có người nói có những chàng rất lịch sự? Theo em đúng hay sai?)  ? Câu hỏi ấy được sử dụng có đúng lúc không? Tại sao?  ? Từ câu chuyện trên, em rút ra được bài học gì trong gtiếp?  - Gv kết luận.  ? Tìm những tình huống tương tự, lời chào hỏi tương tự được dùng một cách thích hợp, đảm bảo p/châm lịch sự ?  - Gv nhận xét , cho điểm. | | **I.Quan hệ giữa phương châm ...**    - Các nhóm đọc, thảo luận câu hỏi.  - Trình bày kết quả .  - Nhận xét các nhóm.  - Rút ra nội dung ghi nhớ  **-** Nghe, ghi chép.  - Cá nhân tìm. | | **I. Quan hệ giữa phương châm hội thoại với tính huống giao tiếp.**  ***1.Xét ngữ liệu:***  ***\*VD /Sgk***  Tình huống này, gây phiền hà không phải là lịch sự.  → Không tuân thủ phương châm lịch sự.  ***2. Bài học:Sgk***  ***- Khi giao tiếp không những phải tuân thủ phương châm hội thoại mà còn phải nắm được các đặc điểm của tình huống giao tiếp như: nói với ai? nói khi nào? nói ở đâu? mục đích gì?*** |
| **\* HD tìm hiểu những trường hợp không tuân thủ phương châm hội thoại:**  - Giáo viên đưa lên bảng phụ 5 ví dụ về 5 phương châm hội thoại đã học, gọi học sinh đọc.  ? Trong những tình huống trên, tình huống nào phương châm hội thoại không được tuân thủ?  - Giáo viên đưa lên bảng phụ đoạn đối thoại trong sách giáo khoa trang 37. Cho HS thảo luận:  ? Theo em câu trả lời của Ba có đáp ứng đúng thông tin như An mong muốn không?  ? Ba đã không tuân thủ phương châm hội thoại nào?  ? Vì sao Ba lại vi phạm phương châm này?  - Vi phạm phương châm về lượng. Do không biết chiếc máy bay đầu tiên... được chế tạo từ năm nào.  ? Khi bác sỹ nói với 1 người mắc bệnh nan y về tình trạng sức khỏe của bệnh nhân đó thì phương châm hội thoại nào có thể không được tuân thủ?  - Không tuân thủ phương châm về chất vì đã nói điều mình không tin là đúng.  ? Vì sao bác sỹ phải làm như vậy?  - Việc làm nhân đạo cần thiết vì nhờ đó bệnh nhân thêm lạc quan...  ? Tìm những tình huống giao tiếp khác mà phương châm đó cũng không được tuân thủ ?  VD: Người chiến sĩ khi sa vào tay giặc không thể tuân thủ phương châm về chất mà khai hết những gì mình biết về đồng đội  +Khi nhận xét hình thức, tuổi tác người đối thoại...  ? Khi nói “tiền bạc chỉ là tiền bạc” thì có phải người nói không tuân thủ phương châm về lượng hay không?  ? Phải hiểu ý nghĩa câu nói này như thế nào?  +Xét về nghĩa tường minh (hiển ngôn) thì câu này không tuân tủ phương châm về lượng(không cho một thông tin nào)  +Xét về nghĩa hàm ngôn thì câu này vẫn tuân thủ phương châm về lượng.  -Tiền bạc chỉ là phương tiện để sống chứ không phải là mục đích cuối cùng của con người ,răn dạy chúng ta không nên chạy theo tiền bạc mà quên đi nhiều thứ...  ? Như vậy việc không tuân thủ các phương châm hội thoại có thể bắt nguồn từ đâu?  - Nội dung bài học cần nắm? | | **II.Nhữngtrường hợp không tuân thủ …**  - Quan sát, đọc.  - Suy nghĩ, trả lời.  - Đọc.  - Thảo luận theo nhóm bàn  - Trình bày ý kiến.  - Nhận xét chéo giữa các nhóm.  - Suy nghĩ trả lời.  - Lấy ví dụ.  - Suy nghĩ trả lời.  - Khái quát trả lời. | | **II. Những trường hợp không tuân thủ phương châm hội thoại.**  ***1.Xét ngữ liệu:***  \* Ví dụ:  + Chỉ có 2 tình huống trong phần học về phương châm lịch sự là tuân thủ phương châm hội thoại  + Các phương châm còn lại: phương châm về lượng, về chất, về quan hệ, về cách thức đã vi phạm.  **2. Bài học: Sgk**  ***Việc không tuân thủ các phương châm hội thoại có thể bắt nguồn từ:***  ***- Thiếu vốn sống***  ***- Phải ưu tiên cho một yêu cầu khác quan trọng hơn .***  ***- Người nói muốn gây sự chú ý để người nghe hiểu theo một hàm ý nào đó.*** |
| **\* Hoạt động 5:Luyện tập:**  - Thời gian:18'  - Mục tiêu: Lựa chọn đúng phương châm hội thoại trong quá trình giao tiếp.Hiểu nguyên nhân của việc không tuân thủ các phương châm hội thoại.  - Phương pháp: Vấn đáp, thuyết trình, thảo luận nhóm.  - Kĩ thuật: động não, các mảnh ghép ... | | | | |
| **\* HD luyện tập** :  ? Đọc và nêu yêu cầu của bài tập 1?  - Gv cho Hs làm cá nhân, trình bày.  - Giáo viên chữa bài  ? Đọc đoạn văn ở bài tập 2.  ? Đoạn văn trích từ văn bản nào? học ở lớp mấy ?  - Cho làm theo nhóm. | **III. Luyện tập**  - Làm theo yêu cầu.  - Cá nhân làm.  - Nghe, ghi chép.  - Thảo luận nhóm -> trình bày kết quả. | | **III. Luyện tập** .  **Bài tập 1**  Ông bố vi phạm phương châm cách thức vì cậu bé không nhận biết được cuốn sách (vì chưa thể đọc được) → nói không rõ.  **Bài tập 2**  - Chân, tay, mũi, mắt, không tuân thủ phương châm lịch sự.  - Không có lí do chính đáng vì không theo phép lịch sự thông thường giận vô cớ. | |

**4. Củng cố: 3'**

- Nêu hiểu biết của em về quan hệ giữa phương châm hội thoại với tình huống giao tiếp? Những trường hợp nào có thể không tuân thủ phương châm hội thoại?

**5. HDVN: 2'**

- Học thuộc ghi nhớ**,** hoàn thành bài tập; chuẩn bị bài”Chuyện người con gái Nam Xương”. (Do đẩy tiết viết bài)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn: | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**Tiết 14,15:**

**VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 1- VĂN THUYẾT MINH**

**I. Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Học sinh viết được bài văn thuyết minh theo yêu cầu có sử dụng biện pháp nghệ thuật và yếu tố miêu tả có hiệu quả, hợp lí..

***2. Kĩ năng:***

- Tạo lập thành thạo một văn bản văn thuyết minh .

***3. Thái độ:***

- Có ý thức tự giác, nghiêm túc khi làm bài.

**II. Trọng tâm**

***1. Kiến thức:***

- Văn thuyết minh có sử dụng các biện pháp nghệ thuật và yếu tố miêu tả .

***2. Kĩ năng:***

- Rèn kĩ năng viết văn thuyết minh .

***3. Thái độ:***

- Có ý thức tự giác, nghiêm túc khi làm bài.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tư duy.

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

- Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt...

**III. Chuẩn bị:**

1. Chuẩn bị của thầy: Ra đề, đáp án

2.Chuẩn bị của trò: Nắm vững kiến thức văn bản thuyết minh

- Biết cách vận dụng một số biện pháp nghệ thuật và miêu tả vào bài làm.

**IV. Tổ chức dạy và học:**

1. Ổn định tổ chức

2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh

3. Nội dung tiết kiểm tra:

**\* Hoạt động 1:** Chép đề

**\* Đề bài*: Con trâu ở làng quê Việt Nam***

**\* Hoạt động 2:** HS viết bài nghiêm túc.

**\* Hoạt động 3:** Thu bài, nhận xét giờ kiểm tra

- Giáo viên thu bài đúng giờ.

- Nhận xét ý thức làm bài của học sinh

**\* Hoạt động 4:** HDVN

- Ôn lại lí thuyết.

- Làm bài văn : Giới thiệu về một con vật, một đồ dùng trong sinh hoạt (có sử dụng miêu tả, nghệ thuật)

- Chuẩn bị bài: Xưng hô trong hội thoại.

**# CẤU TRÚC ĐỀ**

**A. Mục tiêu cần đạt:**

- HS biết vận dụng những kiến thức đã học để thực hành viết được bài văn thuyết minh theo yêu cầu có sử dụng biện pháp nghệ thuật và yếu tố miêu tả có hiệu quả, hợp lí,

- Rèn kĩ năng diễn đạt, trình bày.

- Có thái độ làm bài tự giác, nghiêm túc.

**B. Ma trận:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Nội dung KT** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng thấp** | **Vận dụng cao** | **Tổng** |
| Văn thuyết minh có sử dụng các biện pháp nghệ thuật và yếu tố miêu tả |  |  |  | - Vận dụng kiến thức đã học về văn thuyết minh để làm bài văn theo yêu cầu.  -Sử dụng yếu tố sử dụng các biện pháp nghệ thuật và yếu tố miêu tả trong bài văn thuyết minh. |  |
| *Số câu*  *Số điểm* |  |  |  | *1*  *10* | 1  10 |
| Tổng số :  ***Số câu***  ***Số điểm*** |  |  |  | **1**  **10** | **1 câu**  **10 điểm** |

**# Biểu điểm, đáp án:**

**\* Mức độ tối đa:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Yêu cầu cần đạt** | **Thang điểm** |
| **+ Yêu cầu chung:** | **\* Về kĩ năng:** HS làm đúng kiểu bài văn thuyết minh.Có sử dụng yếu tố miêu tả, biện pháp nghệ thuật để làm rõ đối tượng thuyết minh.  **\* Yêu cầu về nội dung:**  -. Bài viết phải làm nổi bật được nguồn gốc, đặc điểm, vai trò của con trâu trong đời sống người Việt Nam.  **\* Về phương diện hình thức:** Bài văn không mắc lỗi diễn đạt, chính tả, dùng từ, đặt câu. |  |
| **+ Yêu cầu cụ thể:** | ***I . Mở bài***  - Giới thiệu chung về con trâu ở làng quê Việt Nam: Là con vật thân thuộc và gắn bó nhất với người nông dân Việt Nam | 1,0 |
| ***II.Thân bài:*** ( 8 điểm***)***  ***1. Nguồn gốc, đặc điểm:***  - Trâu Việt Nam có nguồn gốc từ trâu rừng thần hoá, là động vật nhai lai thuộc họ bò, bộ nhai lại, nhóm sừng rỗng, bộ guốc chẵn, lớp thú có vú.  - Trâu Việt Nam thường có lông màu xám, xám đen, thân hình vạm vỡ, thấp ngắn, mông dốc, sừng hình lưỡi liềm. ***2. Vai trò của con trâu đối với ruộng đồng****:*  - Là sức kéo chủ yếu: “Ruộng sâu, trâu lái”. Cùng với người nông dân làm nên những mùa vàng bội thu – là bạn của nhà nông. Ca dao có câu:  Trâu ơi ta bảo trâu này   Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta,   Cái cày nối nghiệp nông gia,   Ta đây trâu đấy ai mà quản công…  ***3. Giá trị kinh tế của con trâu đối với người nông dân:***  - Là tài sản quý giá của người nông dân: “Con trâu là đầu cơ nghiệp”.  - Có giá trị kinh tế cao: cung cấp thức phẩm, làm nguyên liệu chế biến đồ mĩ nghệ.  ***4. Vị trí to lớn trong đời sống tinh thần của con người Việt Nam: 4đ’***  + Gắn liền với tuổi thơ của những đứa trẻ lớn lên ở làng quê:  Chăn trâu thả diều là một trong những trò chơi của trẻ em nông thôn một thú vui đầy lý thú. Trên lưng trâu còn có bao nhiêu là trò như đọc sách, thổi sáo...  + Ngoài ra trâu con gắn liền với những lễ hội truyền thống như chọi trâu, đâm trâu: Hội chọi trâu ở Đồ Sơn (Hải Phòng), tục đâm trâu ở Tây Nguyên.  + Con trâu được xem là một con vật linh thiêng bởi vì nó nằm trong mười hai con giáp mà người Việt Nam cũng như người phương Đông dùng để tính tuổi, tính năm.  + Ngoài ra, con trâu còn được đưa vào nhiều bức tranh của làng tranh Đông Hồ nổi tiếng như bức tranh “Trẻ em cưỡi trâu thổi sáo”.  +Và con trâu cũng đã được xem là biểu tượng của Seagames 22. Đông Nam Á tổ chức tại Việt Nam. Biểu tượng Trâu Vàng mặc quần áo cầu thủ đón các vận động viên của các nước bạn vào ngày 25/12/2002 là sự tôn vinh con trâu Việt Nam người dân Việt Nam.   + Con vật thân thuộc này cũng đã đi vào thơ ca một cách rất tự nhiên. Nhà thơ Giang Nam đã từng viết:   “Thuở còn thơ ngày hai buổi đến trường   Yêu quê hương qua từng trang sách nhỏ   Ai bảo chăn trâu là khổ   Tôi mơ màng như chim hót trên cao…” | 1,0  1,5  1,5  4,0 |
| **III. Kết bài: 1đ’**  - Hình ảnh con trâu trong hiện tại và tương lai.  - Cảm nghĩ của em về con trâu ở làng quê Việt Nam. | 1,0 |
| **Tổng:** |  | **10** |

***\* Mức độ chưa tối đa:*** HS chưa giới thiệu đầy đủ nguồn gốc, đặc điểm, vai trò của đối tượng, còn mắc lỗi chính tả, diễn đạt...

***\* Mức độ không đạt:*** HS không làm bài hoặc lạc thể loại.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn: | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TUẦN 4**

**CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG**

(Nguyễn Dữ)

**Tiết thứ 16, 17,18:**

**I. Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Bước đầu làm quen với thể loại truyền kì.

- Cảm nhận được giá trị hiện thực, giá trị nhân đạo và sáng tạo nghệ thuật của Nguyễn Dữ trong tác phẩm.

- Nắm được cốt truyện, nhân vật, sự kiện trong một tác phẩm truyện truyền kì. Hiện thực về số phận của người phụ nữ Việt Nam dưới chế độ cũ và vẻ đẹp của họ.

- Thấy được mối liên hệ giữa tác phẩm và truyện *Vợ chàng Trương*.

***2. Kĩ năng.***

- Vận dụng kiến thức đã học để đọc - hiểu tác phẩm viết theo thể loại truyền kì.

- Cảm nhận được những chi tiết nghệ thuật độc đáo trong tác phẩm tự sự có nguồn gốc dân gian.

**3. Thái độ:**

**-** Giáo dục những phẩm chất tốt đẹp: tình vợ chồng, mẹ chồng, nàng dâu. Phê phán sự ghen tuông mù quáng. Phê phán chiến tranh và những quan niệm lạc hậu của chế độ phong kiến.

**II. Trọng tâm**

***1. Kiến thức:***

- Cốt truyện, nhân vật, sự kiện trong một tác phẩm truyện truyền kì.

- Hiện thực về số phận của người phụ nữ Việt Nam dưới chế độ cũ và vẻ đẹp truyền thống của họ.

- Sự thành công của tác giả về nghệ thuật kể chuyện.

***2. Kĩ năng.***

- Đọc - hiểu tác phẩm viết theo thể loại truyền kì.

- Cảm nhận được những chi tiết nghệ thuật độc đáo trong tác phẩm tự sự có nguồn gốc dân gian.

***3. Thái độ:***

**-** Giáo dục những phẩm chất tốt đẹp: tình vợ chồng, mẹ chồng, nàng dâu. Phê phán sự ghen tuông mù quáng.

-Phê phán chiến tranh và những quan niệm lạc hậu của xã hội.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

+ Ý tưởng thiết kế hoạt động: Qua việc tổ chức các hoạt động đọc, tìm hiểu văn bản, luyện tập, HS nắm được cốt truyện, nhân vật, sự kiện trong một tác phẩm truyện truyền kì. Hiện thực về số phận của người phụ nữ Việt Nam dưới chế độ cũ và vẻ đẹp của họ.

+ Nội dung của hoạt động: Những thoongg tin về tác gải,, tác phẩm, đặc điểm của các nhân vật, ý nghĩa của tác phẩm.

+Phương pháp tổ chức dạy học:Hoạt động cặp đôi, dạy học hoạt dộng nhóm, cá nhân, vấn đáp…

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2. Kiểm tra bài cũ:**

?Từ văn bản “Tuyên bố thế giới về sự sống còn, quyền được bảo vệ và phát triển cảu trẻ em “, em có suy nghĩ gì về việc hực hiện quyền trẻ em ở địa phương ta hiện nay?

\*Đáp án: HS tự bộc lộ song cần đạt được các ý cơ bản:

- Sự hợp tác quốc tế, Công ước về quyền trẻ em đã và đang tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện các quyền trẻ em.

- Ở địa phương ta, vấn đề quyền trẻ em được quan tâm đặc biệt.

- Trẻ em được chăm sóc ở mọi lĩnh vực: được tiêm phòng,khám chữa bệnh miễn phí, trẻ em được vui chơi, học tập trong những môi trường lành mạnh, được gia đình chăm sóc, bảo vệ…

- Nêu các hành động của bản thân trong việc tuyên truyền và thực hiện quyền trẻ em.

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

**\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG:**

- Thời gian : 5 phút

- Mục tiêu :Giúp học sinh tạo tâm thế tốt vào bài học.

- Phương pháp: Hoạt động nhóm, thuyết trình

- Kĩ thuật : Động não

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  HS thảo luận nhóm theo bàn:  -Tìm một số câu ca dao, câu thơ nói về thân phận của người phụ nữ trong xã hội xưa.  - Em có suy nghĩ gì về số phận và nhân phẩm của người phụ nữ trong xẫ hội cũ qua các bài ca dao đó?  ***+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả.***  ***+ GV nhận xét,giới thiệu bài mới.*** | ***+ HS thực hiện nhiệm vụ:*** HS làm việc cá nhân; thảo luận, thống nhất trong nhóm.  ***+ HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Lắng nghe. | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |

**\*HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:**

- Thời gian dự kiến : 75' phút

- Mục tiêu : Nắm được về tác giả, tác phẩm, cảm nhận bước đầu về văn bản qua việc đọc.Nắm được nội dung, nghệ thuật tác phẩm, vẻ đẹp của nhân vật Vũ Nương

- Phương pháp: Đọc sáng tạo, hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

- Kĩ thuật : Động não, các mảnh ghép, 321...

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **Hướng dẫn tìm hiểu chung**  ***+ Giao nhiệm vụ:***  HS thảo luận nhóm theo bàn, trả lời các câu hỏi sau:  ? Giới thiệu 1 vài nét về tác giả?  ? Tác phẩm được sáng tác trong thời gian nào ? Giải thích nhan đề và vị trí của "Chuyện người con gái Nam Xương"?  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức.***  - Cho trao đổi các chú thích trong Sgk, giải thích 1 số từ khó. | **I.Tìm hiểu chung**  ***+ HS thực hiện nhiệm vụ:*** HS làm việc cá nhân; thảo luận, thống nhất trong nhóm.  ***+ HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  -Lưu sản phẩm. | **I .Tìm hiểu chung .**  ***1. Chú thích .***  *\* Tác giả Nguyễn Dữ/ Sgk*  *\* Tác phẩm* “ Chuyện người con gái Nam Xương” là thiên truyện thứ 16 của “Truyền kì mạn lục”.  *\* Từ khó /Sgk* |
| - Yêu cầu HS đề xuất cách đọc.  - GV hướng dẫn đọc: Đọc rõ ràng, diễn cảm. Phân biệt lời kể với lời đối thoại của nhân vật.  - Cho HS đọc VB.  - Nhận xét về cách đọc của HS.  ? Hãy tóm tắt tác phẩm ?  - Gv nhận xét, sửa chữa, cho điểm. | - Hoạt động cá nhân  - Nghe.  -Đọc theo hướng dẫn.  - Nghe.  -Tóm tắt .  **-** Nghe. | ***2. Đọc*** |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  HS thảo luận cặp đôi về các nội dung sau :  + Phương thức biểu đạt chính .  + Thể loại .  + Bố cục.  + Đại ý .  - Cho các nhóm trình bày kết quả.  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức.*** | ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** thảo luận cặp đôi.  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** Đại diện các cặp đôi chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  - Nghe, ghi chép. | ***3.Phương thức biểu đạt chính:***  - Tự sự  ***4. Thể loại:***  - Truyền kì  ***5. Bố cục:***  3 đoạn .  + Từ đầu -> "... cha mẹ đẻ mình": Cuộc hôn nhân của Vũ Nương và Trương Sinh, sự xa cách vì chiến tranh và phẩm hạnh của nàng trong thời gian xa cách.  + Tiếp -> "...qua rồi": Nỗi oan khuất và cái chết thê thảm của Vũ Nương.  + Còn lại: Cuộc sống của Vũ Nương dưới thủy cung, nàng được giải oan.  - Đại ý: Truyện kể về số phận oan nghiệt của một phụ nữ có nhan sắc, đức hạnh dưới chế độ phong kiến, chỉ vì một lời nói ngây thơ của con trẻ mà bị nghi ngờ sỉ nhục, bị đẩy đến bước đường cùng phải tự kết liễu đời mình để giãi tỏ tấm lòng trong sạch → Thể hiện ước mơ của nhân dân: người tốt bao giời cũng được đền trả xứng đáng, dù chỉ là ở một thế giới huyền bí. |
| **\* HD phân tích** | **II. Phân tích** | **II. Phân tích** |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  HS thảo luận nhóm theo bàn, trả lời các câu hỏi sau:  1. Nhân vật Vũ Nương được giới thiệu qua những chi tiết nào? Qua các chi tiết đó em cảm nhận về Vũ Nương ban đầu?  2. Khi lấy chồng trong thời gian đầu Vũ Nương đã cư xử như thế nào?  3. Tiễn chồng đi lính nàng đã dặn dò như thế nào? Qua đó em đánh giá ntn về Vũ Nương qua lời dặn dò ấy? (hiểu gì về nàng?) .(Giá trị hiện thực: chiến tranh và thái độ người dân.)  4. Khi xa chồng Vũ Nương đã thể hiện những phẩm chất đẹp đẽ nào?  5. Những hình ảnh ước lệ của nhịp văn biến ngẫu có tác dụng gì?  6. Lời trối trăng cuối cùng của mẹ Trương Sinh cho em hiểu thêm điều gì về phẩm chất của Vũ Nương?  7. Khi bị chồng nghi ngờ không chung thủy,VN đã có hành động ntn ?  ? Qua tất cả các chi tiết trên em đánh giá về Vũ Nương như thế nào?  - Yêu cầu HS trình bày kết quả.  ***+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả.***  + ***GV nhận xét, chốt kiến thức.***  **( Hết tiết 16, chuyển tiết 17)**  - Gv chuyển: Người phụ nữ như vậy lẽ ra phải được sống cuộc sống hạnh phúc. Vậy mà bi kịch đã đến với nàng.  ***+ Giao nhiệm vụ:***  Suy nghĩ trả lời các câu hỏi sau:  ? Tác giả đã dẫn dắt câu chuyện như thế nào để nỗi oan không thể thanh minh được?  ? Em có nhận xét gì về thông tin mà đứa trẻ đưa ra?  ? Hậu quả của sự việc là như thế nào? Từ đó em cảm nhận được điều gì về thân phận của người phụ nữ dưới chế độ phong kiến ?  ? Em có nhận xét gì về cách dẫn dắt nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật?  ? Tại sao Vũ Nương lại lấy cái chết để dãi bày nỗi oan khuất của mình?  ? Qua nỗi oan khuất của Vũ Nương tác giả muốn nói lên điều gì?  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức.***  \*Tìm hiểu cuộc sống của Vũ nương dưới thủy cung:  ***+ Giao nhiệm vụ:***  HS thảo luận cặp đôi, trả lời các câu hỏi sau:  ? Tìm chi tiết nói về cuộc sống của Vũ Nương dưới thủy cung?  ? Nhận xét về thủ pháp nghệ thuật được sử dụng ở đây?  ?Yếu tố kì ảo đó có ý nghĩa gì?  ? Vì sao Vũ Nương không muốn trở về rồi lại quyết định trở về? Tâm trạng của nàng lúc này như thế nào?  + Suy nghĩ của em về hình ảnh Vũ Nương trở về qua làn khói mờ ảo trên mặt nước rồi biến mất?  ? Qua đó tác giả muốn gửi gắm điều gì?  + Cho HS trình bày kết quả, nhận xét chéo.  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức.***  ? Có người cho rằng truyện phản ánh hiện thực và thể hiện giá trị nhân đạo sâu sắc. Ý kiến của em như thế nào? | ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** HS làm việc cá nhân; thảo luận, thống nhất trong nhóm.  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  -Nghe, ghi chép.  - Nghe.  ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** HS làm việc cá nhân, chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  -Nghe, ghi chép.  ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** thảo luận, thống nhất trong cặp.  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** Đại diện các cặp đôi chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  -HS tự bộc lộ | **1. Phẩm chất tốt đẹp của Vũ Nương.**  - Thùy mị nết na, tư dung tốt đẹp.  *- Khi làm vợ*: giữ gìn khuôn phép, không lúc nào để vợ chồng bất hoà.  - *Khi tiễn chồng đi lính :* thông cảm với những gian nan, nguy hiểm mà chồng chịu đựng → mong muốn một cuộc sống an bình có đủ chồng vợ.  *- Khi chồng vắng nhà*: thủy chung , yêu chồng tha thiết, mẹ hiền dâu thảo (chăm sóc mẹ chồng, lo toan ma chay, nuôi dạy con cái).  *- Khi bị chồng nghi oan* :  + Phân trần để chồng hiểu rõ tấm lòng mình.  + Nỗi đau đớn, thất vọng khi không hiểu vì sao bị đối xử bất công, bị mắng, bị đuổi đi.  + Thất vọng đến tột cùng phảitrẫm mình tự vẫn.  => Vũ Nương là người phụ nữ đẹp người, đẹp nết, thuỷ chung son sắt đảm đang tháo vát trung hiếu, đức hạnh. Là người vợ hiền, dâu thảo, người mẹ đảm đang, yêu thương con.  **2. Nỗi oan của Vũ Nương.**  *- Nguyên nhân:*  + Cuộc hôn nhân có phần không bình đẳng.  + Tính đa nghi của Trương Sinh.  + Lời nói thơ ngây của con trẻ chứa đầy những dữ kiện đáng ngờ.  + Cách xử sự hồ đồ, độc đoán của Trương Sinh.  - Hậu quả: Để minh oan cho mình, Vũ Nương phải nhảy xuống sông Hoàng Giang tự vẫn.  - Cái chết của Vũ Nương có ý nghĩa tố cáo xã hội phong kiến trọng nam khinh nữ.Bày tỏ niềm cảm thương của tác giả đối với số phận oan nghiệt của người phụ nữ.  3. Vũ Nương dưới thuỷ cung.  - Được cứu , được giải oan.  **-** Yếu tố kì ảo làm hoàn chỉnh thêm nét đẹp vốn có của Vũ Nương.  - Tạo kết thúc có hậu : thể hiện ước mơ của nhân dân về sự công bằng trong cuộc đời, người tốt dù có trải qua bao oan khuất, cuối cùng cũng được minh oan.  **-** Vũ Nương trở về qua làn khói mờ ảo trên mặt nước rồi biến mất làm tăng tính bi kịch của truyện. |
| **\*HD tổng kết:**  + Giao nhiệm vụ: Khái quát giá trị nội dung, nghệ thuật của truyện.  + GV nhận xét, chốt kiến thức.  **(Hết tiết 17, chuyển tiết 18)** | **III. Tổng kết.**  + HS thực hiện nhiệm vụ:làm việc cá nhân  + HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.   * Nghe, ghi ý chính | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  + Lối văn biền ngẫu, ước lệ.  + Thể loại truyền kì. Phương thức tự sự xen trữ tình mang tính kịch mâu thuẫn đẩy đến đỉnh điểm.  + Nghệ thuật dựng truyện miêu tả nhân vật kết hợp tự sự trữ tình hiện thực đan xen với yếu tố kì ảo.  + Kết thúc có hậu.  **2. Nội dung**  Qua câu chuyện về cuộc đời và cái chết thương tâm của Vũ Nương, Chuyện Người con gái Nam Xương thể hiện niềm cảm thông đối với số phận oan nghiệt của người phụ nữ Việt Nam dưới chế độ phong kiến, đồng thời khẳng định vẻ đẹp truyền thống của họ. |

**\*HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP:**

- Thời gian dự kiến: 40 phút

- Mục tiêu: Củng cố được nội dung, nghệ thuật, cảm nhận về các nhân vật.

- Phương pháp: Hoạt động nhóm

- Kĩ thuật: động não, 321

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\* HD luyện tập:**  ***+ Giao nhiệm vụ:***  HS thảo luận nhóm theo bàn, trả lời các câu hỏi sau:  1. So sánh điểm giống và khác nhau giữa truyện “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ với truyện cổ “Vợ chàng Trương”.  2.Giá trị nhân đạo được thể hiện như thế nào trong truyện “Chuyện người con gái Nam Xương”  + Yêu cầu các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức:*** | **IV. Luyện tập**  ***+ HS thực hiện nhiệm vụ:*** HS làm việc cá nhân; thảo luận, thống nhất trong nhóm.  ***+ HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực. | **IV. Luyện tập**  Câu 1.  + Điểm giống:  - Các nhân vật chính.  - Nỗi oan và cái chết của Vũ Nương.  + Điểm khác:  - Có thêm các yếu tố kì ảo.  - Vũ Nương được giải oan.  2.Giá trị nhân đạo được thể hiện:  - Ngợi ca vẻ đẹp của người phụ nữ qua nhân vật Vũ Nương.  - Cảm thông trước số phận khổ đau của họ.  - Tố cáo chế độ nam quyền, tố cáo chiến tranh phong kiến.  - Thể hiện niềm tin của nhân dân vào ước mơ cái thiện chiến thắng cái ác, ở hiền gặp lành, oan phải được giải. |

**\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**

* Thời gian: (Có thể làm ở nhà)
* Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm
* Kĩ thuật: động não

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  Làm bài tập:  Từ nhân vật Vũ Nương trong truyện « Chuyện người con gái Nam Xương », hãy nêu cảm nhận của em về số phận và nhân phẩm của người phụ nữ Việt Nam trong xã hội phong kiến ? | ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** làm việc cá nhân,thảo luận, thống nhất trong nhóm.  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** chia sẻ với bạn bè.  -Lưu sản phẩm. | - HS nêu được cảm nhận về số phận và nhân phẩm của người phụ nữ Việt Nam trong xã hội phong kiến |

**\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

* Thời gian: (Có thể làm ở nhà)
* Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng.
* Kĩ thuật: động não

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  - Tìm đọc thêm các tác phẩm văn học cùng đề tài về hình ảnh người phụ nữ.  - Trao đổi với bạn bè, người thân về vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ Việt Nam từ xưa đến nay.  ***+ GV nhận xét, uốn nắn.*** | ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** làm việc cá nhân,chia sẻ với người thân, bạn bè…  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** chia sẻ , lưu sản phẩm. | - Các tác phẩm văn học cùng đề tài về hình ảnh người phụ nữ.  - Cảm nhận được vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ Việt Nam.  \* Phát huy năng lực tự học, sáng tạo. |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (5’)**

- Tập tóm tắt truyện “Chuyện người con gái Nam Xương”, nắm vững nội dung, nghệ thuật.

- Hoàn thiện các bài tập.

- Đọc bài thơ của Lê Thánh Tông, tìm hiểu cảm xúc của tác giả trước tấn bi kịch này

- Chuẩn bị bài : Xưng hô trong hội thoại (Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn: | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT 19:XƯNG HÔ TRONG HỘI THOẠI**

**I. Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Hiểu được tính chất phong phú, tinh tế giàu sắc thái biểu cảm của từ ngữ xưng hô tiếng Việt. Nắm được đặc điểm của việc sử dụng từ ngữ xưng hô trong tiếng Việt. Vận dụng phù hợp trong giao tiếp, tạo lập văn bản.

***2. Kĩ năng:***

- Phân tích để thấy rõ mối quan hệ giữa việc sử dụng từ ngữ xưng hô trong văn bản cụ thể.

- Kĩ năng dùng từ, đặt câu, sử dụng thích hợp từ ngữ xưng hô trong giao tiếp.

***3.Thái độ:***

- Giáo dục thái độ lịch sự niềm nở và yêu, tự hào về sự giàu có phong phú của tiếng Việt.

**II. Trọng tâm kiến thức, kĩ năng:**

***1. Kiến thức:***

- Hệ thống từ ngữ xưng hô trong tiếng Việt .

Đặc điểm của việc sử dụng từ ngữ xưng hô trong tiếng Việt.

***2. Kĩ năng:***

- Phân tích mối quan hệ giữa việc sử dụng từ ngữ xưng hô trong văn bản cụ thể.

- Kĩ năng dùng từ, đặt câu, sử dụng thích hợp từ ngữ xưng hô trong giao tiếp.

***3.Thái độ:***

- Giáo dục thái độ lịch sự niềm nở; yêu, tự hào về sự giàu có phong phú của tiếng Việt.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt.

**III. Chuẩn bị**

**1.Thày:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* Qua phân tích ngữ liệu, học sinh hiểu được tính chất phong phú, tinh tế giàu sắc thái biểu cảm của từ ngữ xưng hô tiếng Việt. Nắm được đặc điểm của việc sử dụng từ ngữ xưng hô trong tiếng Việt. Vận dụng phù hợp trong giao tiếp, tạo lập văn bản

*+ Nội dung của hoạt động:*Từ ngữ xưng hô và việc sử dụng từ ngữ xưng hô

*+Phương pháp tổ chức dạy học:*Nêu vấn đề, thảo luận nhóm, cặp đôi, cá nhân..

**2.Trò:**

- Đọc trước bài trong sách sgk, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ**

KT trong phần khởi động

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

**\* HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

- Thời gian: 7'

- Mục tiêu: HS tạo tâm thế tốt để tiếp thu bài.

- Phương pháp: hoạt động nhóm, đóng vai.

- Kĩ thuật: Động não

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  - HS trao đổi cặp đôi yêu cầu sau:  + Đặt 1 đoạn văn đối thoại (ND nói về nhà trường) trong đó vận dụng các phương châm hội thoại đã học.  + Nói rõ từng phương châm hội thoại trong đoạn.  ***+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  + Chỉ ra các từ ngữ xưng hô trong đoạn thoại, phân tích sắc thái ý nghĩa của nó.  ***+ GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới.***  Trong giao tiếp, ngoài việc phải tuân thủ các phương châm hội thoại, việc sử dụng từ ngữ xưng hô phù hợp với tình huống giao tiếp cũng rất cần thiết. Thực tế hệ thống từ ngữ xưng hô rất phong phú, tinh tế, giàu sắc thái biểu cảm. Sử dụng chúng như thế nào để đạt hiệu quả giao tiếp cao nhất chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài học hôm nay. | ***+ HS thực hiện nhiệm vụ.***  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:***  chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  - Lắng nghe, suy nghĩ | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |

**\* HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

- Thời gian: 18

- Mục tiêu:Nắm được hệ thống từ ngữ xưng hô trong hội thoại và bước đầu biết cách sử dụng từ ngữ xưng hô trong hội thoại phù hợp với tình huống giao tiếp.

- Phương pháp: Vấn đáp, phân tích ngữ liệu, thuyết trình, hoạt động nhóm

- Kĩ thuật: Động não, các mảnh ghép 321...

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\* Hướng dẫn tìm hiểu Từ ngữ xưng hô và việc sử dụng từ ngữ xưng hô.**  ***+ Giao nhiệm vụ:***  ? Hãy nêu một số từ ngữ dùng để xưng hô trong Tiếng Việt ? Hãy cho biết cách dùng những từ ngữ đó (dùng trong trường hợp nào)?  - Yêu cầu HS đọc VD mục 2 / Sgk - thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi.  - Cho Hs trình bày kết quả thảo luận - nhận xét chéo.  - Giáo viên yêu cầu HS lấy thêm VD minh họa.  ? So sánh các từ nhân xưng tiếng Việt với tiếng Anh.  - Tiếng Anh nghèo nàn: she, he, it, I, we.  ? Qua đó em rút ra kết luận gì về xưng hô trong hội thoại của Tiếng Việt?  - Xưng hô phong phú giàu sắc thái biểu cảm thay đổi theo hoàn cảnh.)  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức.*** | **I. Từ ngữ xưng hô và việc sử dụng từ ngữ xưng hô.**  ***+ HS thực hiện nhiệm vụ:***  ***-***HS làm việc cá nhân;.  -Thảo luận nhóm.  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  -Lấy VD.  - Trao đổi - Trả lời:  - Rút ra kết luận.  -Nghe, ghi chép | **I . Từ ngữ xưng hô và việc sử dụng từ ngữ xưng hô**  ***1. Các từ ngữ dùng để xưng hô - cách sử dụng.***  a. Xét ví dụ:  \* Xét VD :  Đ1: + em - anh (Dế Choắt nói với Dế Mèn).  + ta - chú mày (Dế Mèn nói với Dế Choắt).  → Đây là cách xưng hô bất bình đẳng dế choắt mặc cảm thấp hèn còn mèn ngạo mạn hách dịch.  Đ2: +"tôi" - "anh" (Dế Mèn - Dế Choắt ; Dế Choắt - Dế Mèn).  → Cả 2 nhân vật đều xưng "tôi" - "anh" → cách xưng hô bình đẳng- Mèn không còn hách dịch vì nhận ra lỗi của mình còn Choắt hết mặc cảm nói với tư cách là người bạn.  b. Bài học  *- Tiếng Việt có một hệ thống xưng hô rất phong phú, tinh tế và giàu sắc thái biểu cảm.*  *- Cần căn cứ vào đối tượng và các đặc điểm của tình huống giao tiếp để xưng hô cho thích hợp.* |

**\*HOẠT ĐỘNG3. LUYỆN TẬP**

- Thời gian: 22’

- Mục tiêu:HS xác định được các từ ngữ xưng hô trong các văn bản cụ thể. Phân tích tác dụng của chúng. Vận dụng trong giao tiếp một cách thành thạo.

- Phương pháp: hoạt động nhóm, thuyết trình...

- Kĩ thuật:động não, các mảnh ghép...

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\* Hướng dẫn luyện tập :**  ***+ Giao nhiệm vụ:***  - Cho HS làm theo nhóm bàn.  - Yêu cầu HS trình bày - nhận xét.  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức,*** *giải thích thêm: Ngôi gộp: Chỉ 1 danh từ ít nhất 2 người trong đó có cả người nói và người nghe (chúng ta).*  *- Ngôi trừ: Chỉ một danh từ ít nhất có 2 người có người nói nhưng không có người nghe (chúng tôi).*  ? Giải thích: Văn bản KH, tác giả chỉ là một người nhưng vẫn xưng chúng tôi chứ không xưng tôi vì sao?  ***+ Giao nhiệm vụ:***  - Cho tổ 1, 2 làm BT 3, tổ 3,4 làm BT 4.  - Các nhóm trình bày kết quả - nhận xét chéo.  - Gv nhận xét . kl chung.  ?- Yêu cầu HS phân tích tác dụng của việc dùng từ xưng hô trong lời nói của Bác.  ? Trước năm 1945 người đứng đầu nhà nước phong kiến (vua - trẫm) không xưng tôi ? | **II. Luyện tập .**  ***- Thực hiện nhiệm vụ, báo cáo kết quả.***  - Nghe, lưu sản phẩm.  - Cá nhân làm.  ***+ Thực hiện nhiệm vụ, báo cáo kết quả:***  - Làm theo nhóm tổ.  - Trình bày kết quả.  **-** Nghe, nhận xét.  - Suy nghĩ cá nhân, trả lời. | **II. Luyện tập .**  **Bài 1.**  - Cách xưng hô bị nhầm lẫn vì từ chúng ta chỉ ngôi số nhiều gộp cả người nói với người nghe (khác với chúng em, chúng tôi) giống như chúng mình.  - Vì ảnh hưởng của tiếng mẹ để không phân biệt được ngôi gộp với ngôi trừ.  **Bài 2.**  Nhằm tăng thêm tính khách quan cho những luận điểm khoa học trong văn bản . Ngoài ra, thể hiện sự khiêm tốn của tác giả.  **Bài 3.**  - Thánh Gióng gọi mẹ của mình theo cách gọi thông thường.  - Khi xưng hô với Sứ giả thì lại thay đổi (ta - ông) cách xưng hô như vậy cho thấy Thánh Gióng là một đứa trẻ khác thường.  **Bài 4.**  Vị tướng (trong đoạn truyện) tuy đã trở thành nhân vật nổi tiếng, có quyền cao chức trọng, những vẫn gọi thầy giáo cũ của mình là thầy - con. Ngay khi thầy giáo già gọi vị tướng là ngài.  => Cách xưng hô đó thể hiện thái độ kính cẩn và lòng biết ơn của vị tướng đối với thầy giáo.  **Bài 5.**  Việc xưng hô tôi - đồng bào cho người nghe cảm giác gần gũi, thân thiết đánh dấu một bước ngoặc trong quan hệ giữa lãnh tụ và nhân dân trong một đất nước dân chủ. |

**\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**

* Thời gian: (Có thể làm ở nhà)
* Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân.
* Kĩ thuật: động não

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  ? Hãy phân tích ý nghĩa các từ ngữ xưng hô của chị Dậu trong văn bản “Tức nước vỡ bờ”.  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức*** | ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** làm việc cá nhân.  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | Phân tích được ý nghĩa các từ ngữ xưng hô của chị Dậu trong văn bản “Tức nước vỡ bờ”. |

**\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

* Thời gian: (Có thể làm ở nhà)
* Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng.
* Kĩ thuật: động não

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  - Tự thực hiện các cuộc hội thoại đối với bạn bè, người thân. Phân tích tác dụng, sắc thái ý nghĩa của các từ ngữ xưng hô trong các cuộc hội thoại đó.  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức*** | ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** làm việc cá nhân,chia sẻ với người thân, bạn bè…  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** chia sẻ , lưu sản phẩm. | Thực hiện được các cuộc hội thoại đối với bạn bè, người thân. Phân tích tác dụng, sắc thái ý nghĩa của các từ ngữ xưng hô trong các cuộc hội thoại đó |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Chuẩn bị bài tiếp theo:Cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp

(Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn: | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT 20: CÁCH DẪN TRỰC TIẾP, CÁCH DẪN GIÁN TIẾP**

**I. Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Học sinh nắm được 2 cách dẫn lời nói hoặc ý nghĩ: cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp.

- Biết cách chuyển lời dẫn trực tiếp thành lời dẫn gián tiếp và ngược lại. Vận dụng thành thạo trong nói, viết.

***2. Kĩ năng:***

- Nhận diện và sử dụng cách dẫn trực tiếp và gián tiếp trong quá trình tạo lập văn bản.

***3. Thái độ:***

- Có ý thức sử dụng lời dẫn trong giao tiếp để năng cao hiệu quả giao tiếp.

**II. Trọng tâm**

***1. Kiến thức:***

- Cách dẫn trực tiếp và lời dẫn trực tiếp. Cách dẫn gián tiếp và lời dẫn gián tiếp.

***2. Kĩ năng:***

- Nhận diện và sử dụng cách dẫn trực tiếp và gián tiếp trong quá trình tạo lập văn bản.

***3. Thái độ:***

- Có ý thức sử dụng lời dẫn trong giao tiếp để năng cao hiệu quả giao tiếp.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* qua phân tích ngữ liệu học sinh nắm được cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp.Vận dụng thành thạo trong nói, viết.

*+ Nội dung của hoạt động:* Cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

**2.Trò:**

Đọc trước bài trong sách HD, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ 5’**

\* Yêu cầu:

- Hãy nêu một số từ ngữ xưng hô trong hội thoại, cách sử dụng các từ

ngữ xưng hô?

- Đặt một đoạn hội thoại ngắn, xác định và phân tích ý nghĩa của các từ ngữ xưng hô trong đoạn thoại?

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\* HOẠT ĐỘNG1. KHỞI ĐỘNG:**  - Thời gian:5'  - Mục tiêu: Thu hút sự chú ý của HS vào bài học.  - Phương pháp: nêu và giải quyết vấn đề, đóng vai.  - Kĩ thuật: Động não | | | |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  HS thảo luận nhóm theo bàn giải quyết tình huống:  *Giả sử em là lớp trưởng, em vừa nghe cô hiệu trưởng thông báo là: Ngày mai (18.9), lớp 9B đi trồng cây." em sẽ truyền đạt nội dung ấy cho cả lớp bằng những cách nào?*  - Yêu cầu HS giải quyết tình huống. GV dẫn dắt vào bài mới. | | ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** thảo luận, thống nhất trong nhóm.  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Lắng nghe. | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  - Thời gian: 18’  - Mục tiêu: Hiểu được thế nào là dẫn trực tiếp, gián tiếp, vận dụng trong nói, viết.  - Phương pháp tích cực: Hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân, vấn đáp…  - Kĩ thuật: động não, tia chớp, khăn trải bàn, 321… | | | |
| **\* Hướng dẫn tìm hiểu cách dẫn trực tiếp:**  ***+ Giao nhiệm vụ:***  - Treo bảng phụ có ghi VD và câu hỏi Sgk/ 53 - cho Hs thảo luận nhóm 4 người (4’).  ***+ Cho các nhóm trình bày - nhận xét.***  ? Cách dẫn lời nói và ý nghĩ như trên gọi là cách dẫn trực tiếp. Em hiểu thế nào là cách dẫn trực tiếp?  ***+ GV nhận xét , chốt kiên thức.*** | | **I. Cách dẫn trực tiếp**  ***+ HS thực hiện nhiệm vụ:*** thảo luận, thống nhất trong nhóm.  ***+ HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  - Khái quát trả lời.  - Nghe, ghi chép | **I . Cách dẫn trực tiếp.**  **1. Xét ngữ liệu**  \* Ví dụ: Sgk :  a. - Là lời nói của anh thanh niên  - Tách bằng dấu: và dấu " "  b. - ý nghĩ của người hoạ sĩ  - Tách bằng dấu : và dấu " "  ⇒ Có thể đổi chỗ cho nhau.Trong trường hợp này hai bộ phận ngăn cách với nhau bằng dấu " " và dấu -  **2 Bài h ọc:**  ***- Dẫn trực tiếp là nhắc lại nguyên văn lời nói hay ý nghĩ của người hoặc nhân vật; lời dẫn trực tiếp được******đặt trong dấu ngoặc kép.*** |
| **\*Hướng dẫn tìm hiểu cách dẫn gián tiếp:**  ***+ Giao nhiệm vụ:***  - Treo bảng phụ có ghi VD và câu hỏi Sgk/ 53 - cho HS đọc, thảo luận nhóm theo bàn (3’).  - Cho các nhóm trình bày kết quả - nhận xét.  - Gv nhận xét , kết luận chung.  ? Cách sử dụng lời nói và ý nghĩ như đoạn trích trên là cách dẫn gián tiếp. Em hiểu thế nào là cách dẫn gián tiếp và hình thức thể hiện?  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức.***  ? Học về cách dẫn trực tiếp và gián tiếp giúp gì cho em khi viết các bài tập làm văn? | | **II. Cách dẫn gián tiếp**  ***+ HS thực hiện nhiệm vụ:*** thảo luận, thống nhất trong nhóm.  ***+ HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  - Nghe, ghi bài  - Liên hệ thực tế. | **II. Cách dẫn gián tiếp**  **1. Xét ngữ liệu**  \* Ví dụ: Sgk :  a. - Là nội dung của lời nói Lão Hạc.  - Không dùng dấu ngăn cách.  b. - Ý nghĩ của Phạm Văn Đồng  - Từ rằng → có thể thay bằng từ "là".  **2. Bài học**  ***Dẫn gián tiếp là thuật lại lời nói hay ý nghĩ của người hoặc nhân vật, có điều chỉnh cho thích hợp; lời dẫn gián tiếp không đặt trong dấu ngoặc kép.*** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**  - Thời gian:15'  - Mục tiêu: Vận dụng lí thuyết nhận diên, chuyển đổi lời dẫn trực tiếp thành gián tiếp và ngược lại.  - Phương pháp: thảo luận nhóm, thuyết trình  - Kĩ thuật:động não, các mảnh ghép,321. | | | |
| **\* Hướng dẫn luyện tập :**  ***+ Giao nhiệm vụ:***  - Cho Hs làm theo nhóm bàn, mỗi nhóm 1 bài .  ***+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả.***  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức*** | **III.Luyện tập**  ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** làm việc cá nhân,thảo luận, thống nhất trong nhóm.  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm. | | **III. Luyện tập**  Bài 1.  a. Dẫn trực tiếp phần lời dẫn bắt đầu từ" A ! Lão già" đó là ý nghĩ mà nhân vật gán cho con chó.  b. Dẫn trực tiếp. Lời dẫn bắt đầu từ "Cái vườn là..." đó là ý nghĩ của nhân vật.  Bài 2.  a. + Câu có lời dẫn trực tiếp trong báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: "Chúng ta....anh hùng".  + Dẫn gián tiếp: Trong "Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần II của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định rằng chúng ta...". |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân * Kĩ thuật: động não | | | |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  Làm bài tập sau:  Viết một đoạn văn ngắn (6-8 câu) trong đó có sử dụng lời dẫn trực tiếp hoặc gián tiếp. Gạch chân xác định rõ lời dẫn.  ***+ GV nhận xét, uốn nắn.*** | ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** làm việc cá nhân.  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | | Viết được một đoạn văn ngắn (6-8 câu) trong đó có sử dụng lời dẫn trực tiếp hoặc gián tiếp. Gạch chân xác định rõ lời dẫn. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, hoạt động với cộng đồng. * Kĩ thuật: động não | | | |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  - Tìm đọc một văn bản tự sự bất kì, ghi lại lời dẫn trực tiếp hoặc gián tiếp trong văn bản đó.  ***+ GV nhận xét, đánh giá sản phẩm của HS.*** | ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** làm việc cá nhân,chia sẻ với người thân, bạn bè…  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** chia sẻ , lưu sản phẩm. | | - HS đọc một văn bản tự sự bất kì, ghi lại được lời dẫn trực tiếp hoặc gián tiếp trong văn bản đó. |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Hoàn thành các bài tập

- Học thuộc ghi nhớ sách giáo khoa

- Tự nghiên cứu bài: Tóm tắt văn bản tự sự ( Yêu cầu đọc văn bản, ghi lại các sự việc chính cần có trong bài tóm tắt)

- Chuẩn bị bài: Sự phát triển của từ vựng ( Đọc trước bài, trả lời các câu hỏi)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn: | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TUẦN 5**

**TIẾT 21: SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TỪ VỰNG**

**I.Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Nắm được một trong những cách quan trọng để phát triển của từ vựng tiếng Việt là biến đổi và phát triển nghĩa của từ trên cơ sở nghĩa gốc.

- Biết làm giàu vốn từ trong giao tiếp, tạo lập văn bản.

***2. Kĩ năng:***

- Nhận biết được ý nghĩa của từ từ ngữ trong các cụm từ và văn bản.

- Phân biệt thành thạo các phương thức tạo nghĩa mới của từ ngữ với các phép tu từ ẩn dụ, hoán dụ.

***3.Thái độ:***

- Giáo dục cho học sinh lòng tự hào và yêu quý tiếng Việt, ham học hỏi trau dồi ngôn ngữ.

**II. Trọng tâm kiến thức:**

***1. Kiến thức:***

- Sự biến đổi và phát triển nghĩa của từ.

- Hai phương thức phát triển nghĩa của từ ngữ.

***2. Kĩ năng:***

- Nhận biết ý nghĩ của từ từ ngữ trong các cụm từ và văn bản.

- Phân biệt các phương thức tạo nghĩa mới của từ ngữ với các phép tu từ ẩn dụ, hoán dụ.

***3.Thái độ:***

- Giáo dục cho học sinh lòng tự hào và yêu quý tiếng Việt, ham học hỏi trau dồi ngôn ngữ.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

- Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* Từ việc phân tích ngữ liệu, HS nắm được một trong những cách quan trọng để phát triển của từ vựng tiếng Việt là biến đổi và phát triển nghĩa của từ trên cơ sở nghĩa gốc.

*+ Nội dung của hoạt động:*  HS tìm hiểu sự phát triển nghĩa của từ ngữ qua phân tích ví dụ.

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ** ( Kiểm tra 15')

**\* Đề bài:**

*Cảm nhận của em về nhân vật Vũ Nương qua văn bản" Chuyện người con gái Nam Xương" của Nguyễn Dữ.*

***\* Biểu điểm, đáp án:***

**1.Yêu cầu chung:**

+ Về kĩ năng:

- HS vận dụng kĩ năng tìm ý, lập ý, viết đoạn để làm một bài tự luận ngắn

- Bố cục bài viết mạch lạc, diễn dạt lưu loát, ngôn ngữ trong sáng giàu cảm xúc, văn phạm tốt.

+ Về kiến thức: Nêu cảm nhận của em về nhân vật Vũ Nương qua văn bản" Chuyện người con gái nam Xương" của Nguyễn Dữ.

**2. Yêu cầu cụ thể:**

\* Hình thức: Viết dưới dạng đoạn văn hoặc bài văn.

\* Nội dung: Cần đảm bảo các ý cơ bản sau:

(1)Phẩm chất tốt đẹp của Vũ Nương.

- Thùy mị nết na, tư dung tốt đẹp.

*- Khi làm vợ*: giữ gìn khuôn phép, không lúc nào để vợ chồng bất hoà.

- *Khi tiễn chồng đi lính :* thông cảm với những gian nan, nguy hiểm mà chồng chịu đựng → mong muốn một cuộc sống an bình có đủ chồng vợ.

*- Khi chồng vắng nhà*: thủy chung , yêu chồng tha thiết, mẹ hiền dâu thảo (chăm sóc mẹ chồng, lo toan ma chay, nuôi dạy con cái).

- Vẻ dẹp của Vũ Nương còn được thể hiện khi nàng sống dưới thuỷ cung.

=> Vũ Nương là người phụ nữ đẹp người, đẹp nết, thuỷ chung son sắt đảm đang tháo vát trung hiếu, đức hạnh là người vợ hiền, dâu thảo, mẹ tốt.

(2) Nỗi oan của Vũ Nương

- Bị chồng nghi oan.Thất vọng đến tột cùng phảitrẫm mình tự vẫn.

- > Cái chết của Vũ Nương có ý nghĩa tố cáo xã hội phong kiến trọng nam khinh nữ. **(3)** Xây dựng nhân vật Vũ Nương, Nguyễn Dữ đã bày tỏ niềm cảm thương của tác giả đối với số phận oan nghiệt của người phụ nữ.

3. **Cho điểm:**:

\*Điểm 9- 10: Bài làm đáp ứng đủ các yêu cầu trên.

Văn viết mạch lạc, đúng chính tả, dùng từ, đặt câu chính xác.Bài viết giàu cảm xúc.

\*Điểm 7- 8: Bài làm đáp ứng đủ các yêu cầu trên.

Văn viết mạch lạc, đúng chính tả, dùng từ, đặt câu chính xác song có chỗ biểu cảm chưa thật sâu sắc.

\*Điểm 5-6: Bài làm đáp tương đối đủ các yêu cầu của đáp án.

Sai vài lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.

\*Điểm 3 - 4: Bài làm chưa đáp ứng đủ các yêu cầu của đáp án.

Sai nhiều lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu chưa chính xác.

\*Điểm 1- 2: Bài làm quá sơ sài, diễn đạt vụng về, trình bày không rõ ràng.

\*Điểm 0: Bài làm bỏ giấy trắng hoặc lạc đề.

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\* HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG:**  - Thời gian: 3'  - Mục tiêu: Tạo tâm thé tốt để HS tiếp thu bài mới.  - Phương pháp:Thuyết trình  - Kĩ thuật: Động não | | | |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  Tìm ví dụ về hiện tượng chuyển nghĩa của từ.  ***+ GV nhận xét, giới thiệu vào bài:***  Từ vựng của một ngôn ngữ không ngừng phát triển để đáp ứng yêu cầu do xã hội đặt ra. Trong sự phát triển của từ tựng tiếng Việt, hiện tượng một từ ngữ có thể phát triển trên nghĩa gốc đóng vai trò quan trọng. Để biết được nghĩa của từ phát triển bằng những phương thức nào, chúng ta sẽ tìm hiểu bài học hôm nay. | ***+ HS thực hiện nhiệm vụ:*** HS làm việc cá nhân.  ***+ HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ,*** nhận xét chéo, phản biện tích cực. | | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  - Thời gian: 12'  - Mục tiêu: Nắm được hai phương thức cơ bản để phát triển nghĩa của từ ngữ  - Phương pháp: Vấn đáp, thuyết trình, thảo luận nhóm  - Kĩ thuật: động não, khăn trải bàn. | | | |
| **\*Hướng dẫn tìm hiểu sự biến đổi và phát triển nghĩa của từ ngữ.**  ***+ Giao nhiệm vụ:***  - Treo bảng phụ có VD mục 1- Sgk/55 .  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm theo bàn, trả lời các câu hỏi/sgk (55)  ? Qua các ví dụ trên em rút ra kết luận gì về sự phát triển của nghĩa từ ?  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức.***  - GV chốt KT, ghi bảng.  ? Cho ví dụ khác về các phương thức chuyển nghĩa ở tác phẩm "Chuyện người con gái Nam Xương" ?  VD: Còn "mặt mũi nào..." → đối diện về phẩm chất (hoán dụ) | | **I. Sự biến đổi và phát triển nghĩa của từ ngữ**  ***+ HS thực hiện nhiệm vụ:*** HS làm việc cá nhân; thảo luận, thống nhất trong nhóm.  ***+ HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  - Nghe, ghi bài.  - HS tìm VD | **I. Sự biến đổi và phát triển nghĩa của từ ngữ**  **1. Xét ngữ liệu Sgk :**  1. Kinh tế: Hình thức nói tắt có nghĩa là trị nước cứu đời. Ý nói: Tác giả ôm ấp hoài bão trông coi việc nước cứu giúp người đời. → Chúng ta không còn dùng từ kinh tế theo nghĩa như vậy mà theo nghĩa: toàn bộ hoạt động của con người trong lao động sản xuất, trao đổi, phân phối và sử dụng của cải, vật chất làm ra.  2. a. Xuân (T1) chuyển tiếp từ đông sang hạng, được coi là mở đầu của năm (nguồn gốc) xuân (T2) thuộc về tuổi trẻ (nghĩa chuyển).  → chuyển theo phương thức ẩn dụ.  b. Tay (T1) bộ phận phía trên của cơ thể từ vai đến các ngón, dùng để cầm, nắm (nghĩa gốc) tay (T2) nghĩa chuyên hoạt động hay giỏi về một môn, một nghề nào đó (nghĩa chuyển).  ->Chuyển theo phương thức hoán dụ  **2. Bài học:**  Từ vựng trong tiếng Việt không ngừng phát triển. Một trong những cách phát triển là phát triển nghĩa trên cơ sở nghĩa gốc với 2 phương thức chủ yếu: ẩn dụ, hoán dụ |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**   * Thời gian: 13’   Mục tiêu: Nhận diện được cách phát triển từ vựng. Biết phát triển từ trên cơ sở nghĩa gốc để làm giàu vốn từ.   * Phương pháp tích cực: Hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân, dạy học dự án… * Kĩ thuật: động não, tia chớp, các mảnh ghép, 321… | | | |
| **\* Hướng dẫn luyện tập:**  - Cho HS xác định yêu cầu của đề, cách làm bài.  - Cho HS suy nghĩ, trả lời miệng  \* Bài tập 2,3 4:  ***+ Giao nhiệm vụ:***  - Chia lớp làm 3 tổ Cho trao đổi theo bàn để làm BT 2,3,4.  Mỗi dãy làm 1 BT (5')  + Gv đại diện trình bày kết quả của từng nhóm cho HS quan sát, nhận xét.  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức.***  - Cho Hs làm cá nhân.  - GV nhận xét, chữa. | | **II.Luyện tập**  - Suy nghĩ cá nhân trả lời.  ***+ HS thực hiện nhiệm vụ:*** HS làm việc cá nhân; thảo luận, thống nhất trong nhóm.  ***+ HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo  -Nghe, ghi bài.  - Làm việc cá nhân, trình bày.  - Theo dõi, nhận xét. | **II. Luyện tập .**  **Bài tập 1/56:**  Xác định các nghĩa của từ “chân”?  a. Nghĩa gốc  b. Hoán dụ (chuyển)  c , d . ẩn dụ (chuyển).  **Bài tập 2/57**  + Trà a-ti-sô, trà hà thủ ô, trà sâm, trà linh chi, trà tâm sen, trà khổ qua, từ trà được dùng với nghĩa chuyển chứ không phải với nghĩa gốc.  => ở đây “trà” chuyển nghĩa theo phương thức ẩn dụ.  **Bài tập 3/57**  - Từ “đồng hồ” được dùng theo nghĩa chuyển. (ẩn dụ). Những dụng cụ dùng để đo có bề mặt giống đồng hồ **Bài tập 4/57**  + *Hội chứng*:  - *Nghĩa gốc* tập hợp nhiều triệu chứng cùng xuất hiện của bệnh. *VD : Hội chứng viêm đường hô hấp cấp...*  *- Nghĩa chuyển*: Tập hợp nhiều hiện tượng, sự kiện biểu hiện tình trạng 1 vấn đề xã hội cùng xuất hiện ở nhiều nơi. VD : Hội chứng phong bì...  *+ Ngân hàng :*  *- Nghĩa gốc*: kinh tế trong lĩnh vực kinh doanh, quản lí tiền tệ tín dụng *.VD : ngân hàng ngoại thương...*  *- Nghĩa chuyển*: Kho lưu trữ những thành phần bộ phận của cơ thể sử dụng khi cần thiết hoặc tập hợp các dữ liệu, liên quan đến một lĩnh vực để tiện tra cứu, sử dụng. VD : ngân hàng máu , ngân hàng câu hỏi...  *+ Từ sốt*:  - *Nghĩa gốc*: tăng nhiệt độ cơ thể lên quá mức bình thường, do bị bệnh. VD : sốt cao.  *- Nghĩa chuyển*: Trạng thái tăng đột ngột về nhu cầu, khiến hàng trở nên tăng nhanh, giá tăng nhanh. VD : sốt giá đất .  + Từ vua :  - Nghĩa chuyển: Người được coi là nhất trong một lĩnh vực nhất định. VD : vua điền kinh, vua bóng đá...  - Nghĩa gốc: Người đứng đầu nhà nước. VD : Vua Lí Thái Tổ ...  Bài tập 5/57  - Từ "mặt trời", trong câu thơ thứ 2 được sử dụng theo phép tu từ ẩn dụ.  - Tác giả gọi Bác Hồ là "mặt trời" dựa trên mối quan hệ tương đồng theo cảm nhận của nhà thơ, đây không phải là hiện tượng phát triển nghĩa của từ. Bởi vì sự chuyển nghĩa của từ ”mặt trời” trong câu thơ chỉ có tính chất lâm thời, nó không làm cho từ có thêm nghĩa mới và không thể giải thích trong từ điển. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * Mục tiêu: HS vận dụng được kiến thức đã học vào thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân * Kĩ thuật: động não | | | |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  - Cho ví dụ về một số từ, tập phát triển nghĩa của chúng heo hai phương thức đã học.  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức*** | | ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** làm việc cá nhân  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | - Lấy ví dụ về một số từ, phát triển được nghĩa của chúng heo hai phương thức ẩn dụ hoặc hoán dụ. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * Mục tiêu: Củng cố kiến thức đẫ học;phát triển năng lực tự học, sáng tạo của HS * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, hoạt động với cộng đồng. * Kĩ thuật: động não | | | |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  - Đọc một đoạn trích của “Truyện Kiều” trong sgk, trao đổi với bạn bè, người thân, chỉ ra các từ đã có sự phát triển trên cơ sở nghĩa gốc.  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức*** | | ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** làm việc cá nhân,trao đổi với bạn bè, người thân làm bài tập.  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | - Đọc đoạn trích của “Truyện Kiều” trong sgk, trao đổi với bạn bè, người thân, chỉ ra được các từ đã có sự phát triển trên cơ sở nghĩa gốc. |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (2’)**

- Học thuộc ghi nhớ.

- Hoàn thành các bài tập.

- Chuẩn bị bài: Hoàng Lê nhất thống chí, Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh

(Đọc kĩ 2 văn bản, tập tóm tắt, trả lời câu hỏi/ Sgk)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn: | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**Tiết thứ: 22,23,24**

**Tên bài: HOÀNG LÊ NHẤT THỐNG CHÍ**

Hồi thứ 14: Đánh đồn Ngọc Hồi, quân Thanh bị thua trận,

bỏ Thăng Long, Chiêu Thống trốn ra ngoài

**Hướng dẫn đọc thêm:**

**CHUYỆN CŨ TRONG PHỦ CHÚA TRỊNH**

**Tiết thứ: 22,23,24**

**I.Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Hiểu được diễn biến truyện, giá trị nội dung, nghệ thuật của đoạn trích.

- Có những hiểu biết chung về nhóm tác giả thuộc Ngô gia văn phái, về phong trào Tây Sơn và người anh hùng dân tộc Quang Trung - Nguyễn Huệ.

- Nắm được nhân vật sự kiện, cốt truyện trong tác phẩm viết theo thể loại tiểu thuyết chương hồi.

- Biết đựơc một trang sử oanh liệt của dân tộc ta: Quang Trung đại phá 20 vạn quân Thanh, đánh đuổi giặc xâm lược ra khỏi bờ cõi.

***2. Kĩ năng:***

- Quan sát các sự việc được kể trong đoạn trích trên bản đồ.

- Cảm nhận sức trỗi dậy kì diệu của tinh thần dân tộc, cảm quan hiện thực nhạy bén, cảm hứng yêu nước của tác giả trước những sự kiện lịch sử trọng đại của dân tộc.

- Liên hệ những nhân vật, sự kiện trong đoạn trích với những văn bản liên quan.

***3.Thái độ:***

- Giáo dục cho học sinh lòng yêu nước, tự hào dân tộc đồng thời căm thù bọn cướp nước, bán nước hại dân.

**II. Trọng tâm**

***1. Kiến thức:***

- Những hiểu biết chung về nhóm tác giả thuộc Ngô gia văn phái, về phong trào Tây Sơn và người anh hùng dân tộc Quang Trung - Nguyễn Huệ.

- Nhân vật sự kiện, cốt truyện trong tác phẩm viết theo thể loại tiểu thuyết chương hồi: Quang Trung đại phá 20 vạn quân Thanh, đánh đuổi giặc xâm lược ra khỏi bờ cõi.

***2. Kĩ năng:***

- Cảm nhận sức trỗi dậy kì diệu của tinh thần dân tộc, cảm quan hiện thực nhạy bén, cảm hứng yêu nước của tác giả trước những sự kiện lịch sử trọng đại của dân tộc.

- Liên hệ những nhân vật, sự kiện trong đoạn trích với những văn bản liên quan.

***3.Thái độ:***

- Giáo dục cho học sinh lòng yêu nước, tự hào dân tộc đồng thời căm thù bọn cướp nước, bán nước hại dân.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, cảm thụ thẩm mĩ

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy: ( Giáo án điện tử)**

+ Ý tưởng thiết kế hoạt động: Từ việc tổ chức các hoạt động đoc- tìm hiểu văn bản, HS nắm được những hiểu biết chung về nhóm tác giả thuộc Ngô gia văn phái, nắm được nhân vật sự kiện, cốt truyện trong tác phẩm viết theo thể loại tiểu thuyết chương hồi: Quang Trung đại phá 20 vạn quân Thanh, đánh đuổi giặc xâm lược ra khỏi bờ cõi.

+ Nội dung của hoạt động: Tìm hiểu tác gải, tác phẩm; hình ảnh người anh hùng dân tộc Qquang Trung – Nguyễn Huệ.

+Phương pháp tổ chức dạy học: hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân, vấn đáp…

+ Tác phẩm Hoàng Lê nhất thống chí; soạn giáo án, bản đồ "Quang Trung đại phá quân thanh".

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ: 5’**

\* **Hỏi:** Kể tóm tắt “Chuyện người con gái Nam Xương” ? Nêu ý nghĩa của yếu tố kì ảo trong văn bản?

**\* TL**: - Kể tóm tắt.

- Ý nghĩa của yếu tố kì ảo:

+ Làm hoàn chỉnh thêm nét đẹp vốn có của Vũ Nương.

**+** Tạo kết thúc có hậu, thể hiện ước mơ của nhân dân về sự công bằng trong cuộc đời, người tốt dù có trải qua bao oan khuất, cuối cùng cũng được minh oan.

+ Tăng tính bi kịch của truyện.

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\* HOẠT ĐỘNG1. KHỞI ĐỘNG:**  - Thời gian: 5'  - Phương pháp: sở dụng trực quan, nêu vấn đề.  - Kĩ thuật: Động não. | | |
| - Cho HS xem đoạn clip về hình ảnh Quang Trung đại phá quân Thanh.  ***+ Giao nhiệm vụ:***  HS thảo luận nhóm theo bàn, trả lời câu hỏi sau: Đoạn clip trên gợi cho em nhớ tới chiến thắng nào? Nhân vật lịch sử nào?  ***+ GV nhận xét, giới thiệu vào bài.***  - Đoạn clip gợi hình ảnh Quang Trung với chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa, gợi lại không khí lịch sử của nước ta cuối thế kỉ XVIII đầu thế kỉ XIX.Đó là thời kì khủng hoảng của chế độ phong kiến. Điều đó cũng được các tác giả tái hiện hết sức chân thực trong "Hoàng Lê nhất thống chí". Các ông vua thời Lê- Mạc thì chẳng ra vua: Lê Hiển Tông chỉ còn biết"chắp tay rủ áo" cam phận làm bù nhìn, bạc nhược. Lê Chiêu Thống đê hèn khuất phục trước giặc Mãn Thanh mong cứu vãn cái ngai vàng sắp đổ. Ông vua cuối cùng Lê Duy Mật "chỉ là một cục thịt trong cái túi da" mà thôi. bên phủ chúa, Trịnh Sâm hoang dâm vô độ, ăn chơi xa hoa, say mê Đặng Thị Huệ, bỏ con trưởng lập con thứ dẫn đến cảnh đánh giết lẫn nhau..Đối lập với đó là hình ảnh tuyệt đẹp của người anh hùng Quang Trung Nguyễn Huệ với cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Đoạn trích hôm nay phần nào giúp ta hiểu được điều đó. | - Quan sát  ***+ HS thực hiện nhiệm vụ:*** HS làm việc cá nhân; thảo luận, thống nhất trong nhóm.  ***+ HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  - Lắng nghe, suy nghĩ | - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  - Thời gian: 80'  - Mục tiêu: HS nắm được những nét chính về tác giả, tác phẩm và đoạn trích.Nắm được bố cục, đại ý của đoạn trích. Phân tích rút ra đặc điểm cơ bản của các hình tượng nhân vật: Quang Trung, quân Thanh, vua tôi Lê Chiêu Thống.  - Phương pháp: Hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân, vấn đáp…  - Kĩ thuật: Động não, XYZ, 321 | | |
| **\*HD tìm hiểu chung**  ***+ Giao nhiệm vụ:***  HS trả lời các câu hỏi sau:  ? Giới thiệu vài nét về tác giả ?  ? Tác phẩm được sáng tác trong thời gian nào ?  - Gv giới thiệu tác giả.về tác phẩm , đoạn trích.  - Cho HS tìm hiểu chú thích Sgk.  Gv HD đọc: Ngữ điệu phù hợp với từng nội dung, lời kể, từng trận đánh, giọng phấn chấn.  - Cho HS thay nhau đọc văn bản.  - Nhận xét về cách đọc của Hs. Gv HD đọc: Ngữ điệu phù hợp với từng nội dung, lời kể, từng trận đánh, giọng phấn chấn.  - Cho HS thay nhau đọc văn bản.  - Nhận xét về cách đọc của Hs.  + GV nhận xét, chốt kiến thức.  ***+ Giao nhiệm vụ:*** Trao đổi theo nhóm bàn (3’) các nội dung sau :  + Phư­ơng thức biểu đạt chính .  + Thể loại .  + Bố cục.  - Cho các nhóm trình bày kết quả.  - Gv nhận xét, chốt kiến thức. | **I. Tìm hiểu chung**  ***+ HS thực hiện nhiệm vụ:*** HS làm việc cá nhân.  ***+ HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:***chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  - Dựa vào chú thích \* để giới thiệu .  - Nghe, ghi chép.  - Nghe.  ***+ HS thực hiện nhiệm vụ:*** HS làm việc cá nhân; thảo luận, thống nhất trong nhóm.  ***+ HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  - Nghe, ghi chép. | **I. Tìm hiểu chung**  *1. Chú thích .*  a. Tác giả: Ngô gia văn phái  b. Tác phẩm.  - Xuất xứ : Hồi 14 của “Hoàng Lê nhất thống chí”.  \* Từ khó (Sgk).  *2. Đọc .*  ***3. P­hương thức biểu đạt chính: tự sự.***  ***4.Thể loại:***  Tiểu thuyết lịch sử,viết theo lối chương hồi.  ***5. Đại ý:***  Đoạn trích dựng lên bức tranh sinh động về ng­­­ười anh hùng Nguyễn Huệ và sự thảm bại nhục nhã của bọn xâm l­ược và bọn bán nước.  *6.Bố cục*: 3 đoạn  Đ1 : Từ đầu -> 1788  Đ2 : Tiếp ...kéo vào thành  Đ3: Còn lại. |
| **\* HD phân tích:**  ***+ Giao nhiệm vụ: 5’***  HS trao đổi cặp đôi, trả lời các câu hỏi sau:  ? Theo dõi phần đầu VB cho biết Bắc Bình Vư­ơng phản ứng ntn khi đ­ược tin quân Thanh đến Thăng Long và vua Lê thụ phong (nhận phong An Nam quốc vương của nhà Thanh) ? Phản ứng ấy cho thấy con ngư­ời Bắc Bình V­ương ntn ?  ? Theo dõi tiếp phần văn bản cho biết việc Bắc Bình Vương nghe lời tướng sĩ lên ngôi lấy hiệu Quang Trung, tự mình ra lệnh xuất quân cho thấy thêm điều gì ở vị vua này?  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức.***  **( Hết tiết 22, chuyển tiết 23)**  ***+ Giao nhiệm vụ:***  - Đọc đoạn vua Quang Trung cười (T65...nói trước).  \****HĐ cá nhân trả lời câu hỏi***:  ? Em đọc được những cảm xúc tư tư­ởng nào của vua Quang Trung trong những lời chỉ dụ quân sĩ của ông? Từ đó, em hiểu thêm gì về vị vua này ?  - GV chốt.  ? Theo dõi đoạn tiếp theo và cho biết việc Quang Trung dùng Ngô Thì Nhậm chủ m­ưu rút quân khỏi Thăng Long, tha tội cho Ngô Văn Sở cho thấy năng lực nào của ông?  ? Ý muốn lâu dài tránh chuyện binh đao với phư­ơng Bắc để phúc cho dân cho thấy thêm khả năng nào của Quang Trung?  ? Sự việc khao quân vào ngày 30 tháng chạp cùng lời hứa hẹn đón năm mới ở Thăng Long vào ngày 7 Tết cho thấy năng lực đặc biệt nào của vua Quang Trung  ? Qua các sự việc trên đã nói với ta về một vị vua ntn?  ***- GV nhận xét chốt kiến thức.***  - Cho HS đọc “Cả năm...lấy hết”.  ? Tóm tắt 2 trận đánh ở Phú Xuyên và Hạ Hồi ?  ? Có gì đặc biệt trong cách đánh của vua Quang Trung ở 2 trận này.  đ Bí mật, bất ngờ, đảm bảo thắng lợi tránh được th­ương vong lớn.  ? Trận Ngọc Hồi diễn ra ntn, đã tỏ rõ sức mạnh toàn diện của quân Tây Sơn ra sao?  ? Trong chiến trận hình ảnh vua Quang Trung hiện lên ntn?  ? Nhận xét lời văn của tác giả trong đoạn này?  - Nhận xét: Âm hưởng sôi nổi hào hứng.  ***+ Giao nhiệm vụ:***  HS thảo luận nhóm theo bàn, trả lời các câu hỏi sau:  ? Theo dõi phần cuối văn bản cho biết trong khi quân Tây Sơn tiến đánh như vũ bão thì c.s của các tướng lĩnh nhà Thanh và vua tôi Lê Chiêu Thống ở Thăng Long diễn ra ntn ?  ? Điều này nh­ư báo tr­ước số phận của bọn c­ướp nước và bán n­ước cầu vinh, đó là số phận ntn?  đ Sẽ phải chịu thảm bại trước quân Tây Sơn.  ? Sự thất bại thảm hại của tướng lĩnh nhà Thanh đ­ược miêu tả như­ thế nào? Trong những chi tiết kể về cuộc tháo chạy của tướng lĩnh nhà Thanh, em thấy chi tiết nào hài hước nhất thảm hại nhất?  ? Lí giải sự thất bại mau chóng của quân Thanh ?  đ Chủ quan, chiến đấu không vì mục đích chính nghĩa, quân TS mưu trí, dũng cảm.  ? Vua tôi Lê Chiêu Thống đã có hành động gì khi nghe tin Ngọc Hồi thất thủ?  ? Cách bỏ chạy của vua tôi Lê Chiêu Thống có gì đặc biệt?  ? Vậy Lê Chiêu Thống có thực hiện đư­ợc ý đồ của mình nh­ư nhan đề của tác phẩm không? Vì sao?  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức****: Một ông vua hèn mạt bán n­ước cầu vinh có làm vua cũng chỉ là bù nhìn vì vậy thống nhất chỉ là ảo ảnh.*  ? Em có nhận xét gì về lối văn trần thuật ở đoạn này ? | **II. Phân tích**  ***+ HS thực hiện nhiệm vụ:*** HS làm việc cá nhân; thảo luận, thống nhất trong cặp.  ***+ HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  .  ***+ HS thực hiện nhiệm vụ:***  - Đọc theo yêu cầu.  -HĐ cá nhân trả lời câu hỏi  - Nghe, ghi chép.  ***+ HS thực hiện nhiệm vụ:***  - Đọc theo yêu cầu.  - Tóm tắt 2 trận đánh.  -HĐ cá nhân trả lời câu hỏi  - Nhận xét  ***+ HS thực hiện nhiệm vụ:*** HS làm việc cá nhân; thảo luận, thống nhất trong nhóm.  ***+ HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.   * Nghe, lưu sản phẩm. | **II. Phân tích**  1. Hình t­ượng ng­ười anh hùng Nguyễn Huệ.  ***- Ngay thẳng, c­ương trực, căm ghét bọn xâm lược và kẻ bán n­ước.***  ***- Mạnh mẽ, quyết đoán.***  ***- Có trí tuệ sáng suốt, nhạy bén:***  **+ *Sáng suốt trong việc phân tích thời cuộc và thế tương quan giữa ta và địch.***  *+* ***Sáng suốt trong việc xét đoán và dùng người, có mưu l­ược dùng ngư­ời.***  ***Có tài khích lệ quân sĩ chiến đấu vì nghĩa lớn đó là nền độc lập tự do của dân tộc.***  ***- Tầm nhìn xa trông rộng của một nhà chính trị có tư­ t­ưởng chuộng hòa bình.***  ***=> Quang Trung là một vị vua yêu n­ước, sáng suốt có tài cầm quân.***  - Trong chiến trận Quang Trung là tổng chỉ huy oai phong lẫm liệt, quả cảm.  **b. Sự thất bại thảm hại của quân t­ướng nhà Thanh và số phận bi đát của vua quan bán n­ước*.***  ***\* Quân t­ướng nhà Thanh.***  ***- T­ướng bất tài, huênh hoang kiêu căng.***  ***- Quân ô hợp, không có kỷ luật.***  ***\* Số phận thảm hại của bọn vua quan bán n­ước, hại dân***  ***-Là những kẻ hèn nhát, nhục nhã bán nước cầu vinh.***  ***- Giọng văn ngậm ngùi, xót xa.*** |
| **\* HD tổng kết:**  ***+ Giao nhiệm vụ:***  HS thảo luận nhóm theo 2 bàn, trả lời các câu hỏi sau: Khái quát nội dung đã học.  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức:***  **( Hết tiết 23, chuyển tiết 24)** | **III. Tổng kết**  ***+ HS thực hiện nhiệm vụ:*** HS làm việc cá nhân; thảo luận, thống nhất trong nhóm.  ***+ HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực. | **III. Tổng kết**  *Ghi nhớ (Sgk/).*  *\*Nghệ thuật: Lối kể chuyện mạch lạc, khách qua*  *- Sử dụng nhiều hình ảnh so sánh chính xác, nghệ thuật cường điệu.*  *- Ngòi bút miêu tả chân thực, sinh động.*  *\* Nội dung:*  *+ Hình ảnh oai phong lẫm liệt của người anh hùng Nguyễn Huệ.*  *+ Bộ mặt thảm hại của quân tướng nhà thanh. sự đớn hèn nhục nhã của vua tôi Lê Chiêu thống* |
| **HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**  - Thời gian: 15'  - Mục tiêu: Củng cố kiến thức đã học.  - Phương pháp: Vấn đáp, thảo luận nhóm.  - Kĩ thuật: Động não, các mảnh ghép. | | |
| **\* HD luyện tập , củng cố**  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm trả lời.( chia lớp thành 4 nhóm)  Nhóm 1,2: Khí thế chiến thắng của quân ta và thất bại thảm hại của quân giặc trong văn bản này giống với văn bản nào đã học?  Nhóm 3,4: Theo em, Tại sao các tác giả vốn trung thành với nhà Lê lại có thể viết thực và hay như thế về người anh hùng Nguyễn Huệ? | **III. Luyện tập**  - Trao đổi - Trả lời .  Cá nhân nêu cảm nhận. | **III. Luyện tập**  - Giống với khí thế chiến thắng của nghĩa quân Lam Sơn tr­ước giặc minh xâm lược TK 16 trong "Bình Ngô Đại Cáo" của Nguyễn Trãi. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * Mục tiêu: HS vận dụng được kiến thức đã học vào thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm * Kĩ thuật: động não | | |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  HS làm bài tập: Từ lời phủ dụ của Quang Trung trong văn bản “Hoàng lê nhất thống chí” của Ngô gia văn phái, em có suy nghĩ gì về trách nhiệm của bản thân trong việc bảo vệ chủ quyền độc lập dân tộc?  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức*** | ***+ HS thực hiện nhiệm vụ:*** viết đoạn văn (làm ở nhà)  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | - Nêu được trách nhiệm của bản thân trong việc bảo vệ chủ quyền độc lập dân tộc. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * Mục tiêu: Củng cố kiến thức đẫ học;phát triển năng lực tự học, sáng tạo của HS * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng. * Kĩ thuật: động não | | |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  - Tìm đọc thêm một số đoạn trích của “Hoàng Lê nhất thống chí”, trao đổi với bạn bè, người thân về nội dung, ý nghĩa của tác phẩm.  ***+ GV nhận xét, đánh giá*** | ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** làm việc cá nhân,chia sẻ với người thân, bạn bè…  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** chia sẻ , lưu sản phẩm. |  |

**\* Hướng dẫn đọc thêm: 25’**

**Văn bản: CHUYỆN CŨ TRONG PHỦ CHÚA TRỊNH**

(Trích Vũ Trung tùy bút)\*

\* **Mức độ cần đạt:**

- Bước đầu làm quen với thể loại tùy bút thời kì trung đại.

- Cảm nhận được nội dung phản ánh XH của tùy bút trong *Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh*

**\* Trọng tâm kiến thức, kĩ năng.**

***1.Kiến thức***: - Hiểu sơ giản về thể văn tùy bút thời trung đại.

- Cuộc sống xa hoa của vua chúa, sự nhũng nhiểu của bọn quan lại thời Lê - Trịnh.

- Những đặc điểm nghệ thuật của một văn bản viết theo thể loại túy bút thời kì trung đại ở *Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh*.

***2. Kĩ năng:***

- Đọc - hiểu một văn bản tùy bút thời trung đại.

- Tự tìm hiểu một số địa danh, chức sắc, nghi lễ thời Lê - Trịnh.

***3.Thái độ:*** Có thái độ phê phán chế độ xã hội, giai cấp thống trị xa hoa, nhũng nhiễu,...

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, cảm thụ thẩm mĩ

**\* Hướng dẫn đọc thêm:**

- Cho HS đọc văn bản.

- Gợi ý bằng một số câu hỏi:

? Văn bản có xuất xứ như thế nào? thuộc thể loại gì?

? Những nét nghệ thuật thành công của văn bản?

? Qua đó tác giả muốn thể hiện tư tưởng chủ đề gì?

***- HS cần hiểu được:***

- Bằng lối văn ghi chép sự việc cụ thể, chân thực sinh động " Chuyện cũ..." phản ánh đời sống xa hoa của vua chúa và sự nhũng nhiễu của bọn quan lại thời Lê - Trịnh. Cụ thể là:

*a. Thú ăn chơi của chúa Trịnh:* - Thú chơi đèn đuốc.

- Thú chơi cây cảnh, chim quí, thú lạ...

=> Ăn chơi xa hoa, cầu kì lố lăng tốn kém, sô bồ thiếu văn hóa.

→ Dùng quyền lực chiếm đoạt, không ngại tốn kém công sức của mọi người.

b. Sự tham lam nhũng nhiễu của quan lại trong phủ chúa.

- Chúng vơ vét của dân bằng thủ đoạn tác oai, tác quái, vừa ăn cướp vừa la làng.

c. Thể hiện thái độ tố cáo, khinh bỉ bọn quan lại trong phủ và chúa Trịnh. Phê phán, báo trước sự diệt vong của chế độ phong kiến.

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (5’)**

- Tóm tắt và nắm được giá trị của 2 văn bản trên.

- BT: Cảm nghĩ của em về người anh hùng Nguyễn Huệ?

- Chuẩn bị bài: Sự phát triển của từ vựng

( Đọc trước bài, trả lời các câu hỏi)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn: | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT 25:SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TỪ VỰNG** (tiếp)

**I.Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Nắm được thêm hai cách quan trọng để phát triển của từ vựng tiếng Việt là tạo từ ngữ mới và mượn từ ngữ của tiếng nước ngoài.

***2. Kỹ năng:***

- Nhận biết từ ngữ mới được tạo ra và những từ ngữ mượn của tiếng nước ngoài.

- Sử dụng từ ngữ mượn tiếng nước ngoài phù hợp.

***3. Thái độ:***

- Có ý thức trân trọng, trau dồi và phát triển từ vựng làm phong phú thêm vốn từ Tiếng Việt.

**II. Trọng tâm**

***1. Kiến thức:***

- Việc tạo từ ngữ mới.

- Việc mượn từ ngữ của tiếng nước ngoài.

***2. Kỹ năng:***

- Nhận biết từ ngữ mới được tạo ra và những từ ngữ mượn của tiếng nước ngoài.

- Sử dụng từ ngữ mượn tiếng nước ngoài phù hợp.

***3. Thái độ:***

- Có ý thức trân trọng, trau dồi và phát triển từ vựng làm phong phú thêm vốn từ Tiếng Việt.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

- Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt.

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy: ( Giáo án điện tử)**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động: Từ việc phân tích ngữ liệu, HS n*ắm được thêm hai cách quan trọng để phát triển của từ vựng tiếng Việt là tạo từ ngữ mới và mượn từ ngữ của tiếng nước ngoài.

*+ Nội dung của hoạt động: Sự phát triển từ vựng bằng cách tạo từ ngữ mới và mượn từ của tiếng nước ngoài.*

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ**

- Kiểm tra trong hoạt động khởi động.

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

***3.* *Tổ chức dạy và học bài mới:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thầy** | **Trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** |
| **HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG:**  - Thời gian: 5'  - Mục tiêu: Thu hút sự chú ý của HS vào bài mới.  - Phương pháp: Thuyết trình.  - Kĩ thuật: Động não. |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  Hãy vẽ sơ đồ tư duy về cách phát triển của từ vựng mà em đã học.  - Yêu HS báo cáo kết quả.  ***+ GV nhận xét, đánh giá, dẫn vào bài mới.***  Đưa ví dụ: “xe đạp”. Có thể phát triển từ bằng cách nào khác không?  *Giới thiệu vào bài:* Ở tiết 21, chúng ta đã tìm hiểu sự phát triển nghĩa của từ trên cơ sở nghĩa gốc với 2 phương thức chuyển nghĩa ẩn dụ và hoán dụ. Bên cạnh đó còn có những cách khác để phát triển nghĩa của từ tiếng Việt. Cụ thể như thế nào chúng ta sẽ tìm hiểu tiếp trong tiết học hôm nay. | ***+ HS thực hiện nhiệm vụ:*** HS làm việc cá nhân. ***+ HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** 1 HS lên bảng làm, nhận xét chéo, phản biện tích cực.  - Lắng nghe, suy nghĩ | - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  - Thời gian:15'  - Mục tiêu: Nắm được cách phát triển của từ vựng là tạo từ mới và mượn tiếng nước ngoài.  - Phương pháp: Phân tích ngữ liệu, vấn đáp, thảo luận nhóm.  - Kĩ thuật: Động não, khăn trải bàn |
| **\* Hướng dẫn tìm hiểu sự biến đổi và phát triển của từ ngữ:**  ***+ Giao nhiệm vụ:***  HS trao đổi nhóm bàn (5’) để trả lời câu 1- Sgk/72.  - Cho các nhóm trình bày kết quả.  ***\* GV nhận xét, chốt kiến thức.***  ***- Điện thoại di động***: điện thoại, vô tuyến nhỏ mang theo người, được sử dụng trong vùng phủ sóng của cơ sở cho thuê bao.  ***- Kinh tế trí thức***: nền KT dựa chủ yếu vào việc sản xuất, lưu thông phân phối các sản phẩm có hàm lượng tri thức cao.  ***- Đặc khu kinh tế***: Khu vực dành riêng để thu hút vốn chính sách ưu đãi.  ***- Sở hữu trí tuệ***: Quyền sở hữu đối với sản phẩm do hoạt động trí tuệ mang lại được pháp luật bảo hộ như quyền tác giả, kiểu dáng, quyền sáng chế...  ? Tìm những từ ngữ được cấu tạo theo mô hình x + tặc .  ? Qua các ví dụ trên hãy rút ra kết luận về việc tạo ra từ ngữ mới trong Tiếng Việt? | **I . Tạo từ ngữ mới**  ***+ HS nhận và thực hiện nhiệm vụ:*** làm việc cá nhân; thảo luận, thống nhất trong nhóm.  ***+ HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  - HĐ cá nhân  - Rút ra kết luận. | **I . Tạo từ ngữ mới**  **1. Xét ngữ liệu:**  \* Ví dụ: Sgk  - Điện thoại di động  - Kinh tế trí thức  - Đặc khu kinh tế  - Sở hữu trí tuệ  -> Là những từ mới xuất hiện.  **2.Bài học:**  - Tạo từ ngữ mới cũng là một cách để phát triển từ vựng Tiếng Việt. |
| **\* HD tìm hiểu cách phát triển nghĩa của từ bằng cách mượn từ ngữ ...**  ***+ Giao nhiệm vụ:***  - HS đọc trên bảng phụ VD a, b mục 1- Sgk/73.  ? Hãy tìm những từ Hán Việt trong các đoạn trích trên?  - Gv kết luận chung.  ? Tiếng Việt dùng từ nào chỉ bệnh mất khả năng miễn dịch, gây tử vong.  ?Em hiểu từ ma-két-tinh ntn?  ? Qua các ví dụ trên ta thấy còn cách nào để phát triển vốn từ Tiếng Việt?  ? Bộ phận từ mượn nào trong tiếng Việt là quan trọng nhất?  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức.*** | **II. Mượn từ ngữ của tiếng nước ngoài**  ***+ HS thực hiện nhiệm vụ:*** HS làm việc cá nhân  ***+ HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  - Nghe, ghi chép. | **II. Mượn từ ngữ của tiếng nước ngoài**  **1. Xét ngữ liệu:**  \*VD: Sgk  VD1.a: Thanh minh, tiết, lễ, tảo mộ, đạp thanh, yến anh, bộ hành, xuân, tài tử, giai nhân.  VD 1.b: Bạc mệnh, duyên, phận, thần linh, chứng giám, thiếp, đoan trang, tiết, trinh bạch, ngọc.  → Mượn tiếng Hán.  VD 2.a: ết.  VD2.b:ma-két-tinh (Nghiên cứu 1 cách có hệ thống những điều kiện để tiêu thụ hàng hoá? Những từ này có nguồn gốc từ đâu?) → mượn tiếng Anh.  **2.Bài học:**  - Mượn từ ngữ của tiếng nước ngoài cũng là một cách để phát triển từ vựng tiếng Việt. Bộ phận quan trọng nhất trong tiếng Việt là từ mượn tiếng Hán. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**  - Thời gian: 20'  - Mục tiêu: HS vận dụng lí thuyết để giải quyết các bài tập.  - Phương pháp: Thảo luận nhóm, chơi trò chơi.  - Kĩ thuật: Các mảnh ghép, khăn trải bàn |
| **\* HD luyện tập :**  - Gv đưa ra 4 mô hình, cho 4 tổ thi tiếp sức, mỗi tổ 1 mô hình. (2’).  - Gv làm trọng tài chấm điểm cho các nhóm.  - Cho làm theo nhóm tổ.  - Cho cá nhân làm, trình bày trước lớp.  - Gv cho nhận xét, kết luận, cho điểm.  - Cho thảo luận nhóm 4 người để trả lời.  - Gọi đại diện trình bày.  - GV chữa.   |  |  | | --- | --- | | Mượn tiếng Hán | Mượn ngôn ngữ châu Âu | | mãng xà,  biên phòng  tham ô, nô lệ  tô thuế, phi án  phê bình, ca sĩ | xà phòng  ôtô  rađiô, cà phê  ca nô  ô xi | | **III.Luyện tập**  - Thi theo tổ.  - Làm theo nhóm.  - Cá nhân làm độc lập .  - 2 Hs trình bày.    - Trao đổi  - Trình bày  - Nghe. | **III. Luyện tập**  Bài tập 1.  x + trường. x + hóa  x + điện tử. x + học.  Bài tập 2.  1. Đường cao tốc: Đường xd theo tiêu chuẩn đặc biệt dành riêng cho các loại xe cơ giới chạy với tốc độ cao (từ 100km/h trở lên)  2. Thương hiệu: Nhãn hiệu của hàng hóa của cơ sở sản xuất.  3. Cơm bụi: Cơm giá rẻ thường bán trong hàng quán nhỏ, tạm bợ.  4. Cầu truyền hình: Hình thức truyền hình tại chỗ cuộc giao lưu đối thoại trực tiếp với nhau qua hệ thống ca mê ra giưã các điạ điểm cách xa nhau.  5. Công viên nước: Công viên trong đó chủ yếu là những trò chơi dưới nước, trượt nước, bơi thuyền.  **Bài tập 3**  Bài tập 4.  - Những cách phát triển của từ ngữ: Phát triển về nghĩa của từ ngữ, phát triển về số lượng từ ngữ  + Tạo từ ngữ mới  + Mượn từ ngữ nước ngoài  - Từ ngữ của 1 ngôn ngữ không thể không thay đổi. Thế giới tự nhiên và XH xung quanh ta luôn vận động và phát triển. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * Mục tiêu: HS vận dụng được kiến thức đã học vào thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân * Kĩ thuật: động não |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  Đọc lại một đoạn trong một văn bản đã học, cho biết từ nào phát triển trên cơ sở nghĩa gốc, từ nào phát triển bằng cách tạo từ mới, mượn từ.  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức*** | ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** làm việc cá nhân.  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | Xác định được cách thức phát triển từ (từ nào phát triển trên cơ sở nghĩa gốc, từ nào phát triển bằng cách tạo từ mới, mượn từ). |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * Mục tiêu: Củng cố kiến thức đã học;phát triển năng lực tự học, sáng tạo của HS * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng. * Kĩ thuật: động não |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  - Tìm trên mạng In-tơ-nét hoặc từ điển tiếng Việt để trau dồi thêm vốn từ và nắm vững cách phát triển từ vựng.  ***+ GV nhận xét, đánh giá sản phẩm của HS.*** | ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** làm việc cá nhân,chia sẻ với người thân, bạn bè.  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** chia sẻ , lưu sản phẩm. | - Trau dồi thêm vốn từ nhờ các cách phát triển từ vựng. |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Hệ thống lại các cách phát triển từ vựng. Hoàn thành bài tập

- Chuẩn bị cho chủ đề môn học: Các trích đoạn trong “Truyện Kiều” “ Truyện Kiều” ( Lập sơ đồ tư duy giới thiệu tác giả, tác phẩm)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn: | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TUẦN 6: CHỦ ĐỀ MÔN HỌC:**

***DẠY CÁC TRÍCH ĐOẠN TRONG “TRUYỆN KIỀU”***

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

***1. Kiến thức, kĩ năng***

***a. Kiến thức***

- Bước đầu làm quen với thể loại truyện thơ Nôm trong văn học trung đại.

- Nắm được nhân vật, sự kiện, cốt truyện của *Truyện Kiều.*Thể thơ lục bát truyền thống của dân tộc trong một tác phẩm văn học trung đại.Những giá trị nội dung, nghệ thuật chủ yếu của tác phẩm Truyện Kiều.

- Hiểu và nắm vững bút pháp nghệ thuật tượng trưng, ước lệ của Nguyễn Du trong miêu tả nhân vật; bút pháp tả cảnh, tả cảnh ngụ tình…

- Thấy được cảm hứng nhân đạo của Nguyễn Du qua các đoạn trích: ngợi ca vẻ đẹp, tài năng của con người, dự báo số phận, cảm thông trước nỗi khổ đau của nhân vật.

***b. Kĩ năng.***

- Đọc diễn cảm.

- Rèn kĩ năng phân tích, cảm thụ truyện thơ Nôm.

- Rèn kĩ năng viết đoạn văn và tạo lập văn bản

2. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh

a. Các phẩm chất:

- Tự hào về những giá trị nhân văn trong văn học

- Đồng cảm, chia sẻ, yêu thương con người.

b. Các năng lực chung

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

c. Các năng lực chuyên biệt

- Nhóm năng lực chuyên biệt: đọc diễn cảm, sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ

**B. KẾ HOẠCH DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Hoạt động của thầy và trò** | **Mục tiêu bài học** |
| 1 | **HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**  **Giới thiệu về đại thi hào Nguyễn Du và truyện Kiều**  - Phương pháp:thảo luận nhóm, dạy học dự án (Giao cho HS về nhà tự tìm hiểu, sưu tầm tài liệu, tranh ảnh về tác giả, tác phẩm)  - Kĩ thuật: động não, khăn trải bàn, 321  - Phương tiện dạy học: tranh ảnh trực quan, máy chiếu… | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của chủ đề.  - Có hứng thú để tiếp thu bài mới. |
| 2 | **HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** | |
|  | **\* \* Nội dung 1**(Thời gian: 1 tiết)  ***Tìm hiểu chung về “Truyện Kiều” và tác giả Nguyễn Du.***  - Phương pháp: đọc sáng tạo, vấn đáp, giảng bình, thảo luận nhóm, dạy học dự án…  - Kĩ thuật: động não, khăn trải bàn, các mảnh ghép, sơ đồ tư duy…  - Phương tiện dạy học: tư liệu về “Truyện Kiều” của Nguyễn Du, máy chiếu… | **\* Nội dung 1:**  ***1. Kiến thức:***  - Bước đầu làm quen với thể loại truyện thơ Nôm trong văn học trung đại.  - Hiểu và lí giải được vị trí của tác phẩm *Truyện Kiều* và đóng góp của Nguyễn Du cho kho tàng văn học dân tộc.  - Nắm được nhân vật, sự kiện, cốt truyện của *Truyện Kiều.*Thể thơ lục bát truyền thống của dân tộc trong một tác phẩm văn học trung đại.Những giá trị nội dung, nghệ thuật chủ yếu của tác phẩm Truyện Kiều.  ***2. Kĩ năng:***  - Rèn kĩ năng đọc - hiểu một tác phẩm truyện thơ Nôm trong văn học trung đại.  - Tóm tắt truyện thơ Nôm.  ***3.Thái độ:***  - Giáo dục tinh thần nhân đạo, phê phán những cái xấu, cái ác, trong xã hội phong kiến đã chà đạp lên quyền sống của con người.  ***4. Năng lực cần hình thành cho HS:***  - Năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề, sáng tạo,hợp tác.  - Năng lực giao tiếp tiếng Việt.  - Các năng lực chuyên biệt: năng lực đọc – hiểu văn bản. |
| 2 | **\* Nội dung 2** ( Thời gian: tiết)  **Văn bản: Chị em thúy Kiều**  - Phương pháp: đọc sáng tạo, vấn đáp, thuyết trình, giảng bình, thảo luận nhóm, dạy học dự án…  - Kĩ thuật: động não, khăn trải bàn, các mảnh ghép  - Phương tiện dạy học: tư liệu về “Truyện Kiều” của Nguyễn Du, máy chiếu… | **\* Nội dung 2:**  ***1. Kiến thức:***  - Hiểu và nắm vững bút pháp nghệ thuật tượng trưng, ước lệ của Nguyễn Du trong miêu tả nhân vật.  - Thấy được cảm hứng nhân đạo của Nguyễn Du qua đoạn trích: ngợi ca vẻ đẹp, tài năng của con người, dự báo số phận.  ***2. Kĩ năng:***  - Đọc - hiểu một văn bản truyện thơ trong văn học trung đại.  - Theo dõi diễn biến sự việc trong tác phẩm truyện.  - Có ý thức liên hệ với văn bản liên quan để tìm hiểu về nhân vật.  - Phân tích được một số chi tiết nghệ thuật tiêu biểu cho bút pháp nghệ thuật cổ điển của Nguyễn Du trong văn bản.  ***3. Thái độ:***  - Giáo dục cho học sinh giá trị thẩm mĩ của văn chương và lòng trân trọng cái đẹp.  ***4. Năng lực cần hình thành cho HS:***  - Năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề, sáng tạo,hợp tác.  - Năng lực giao tiếp tiếng Việt.  - Các năng lực chuyên biệt: năng lực đọc – hiểu văn bản, cảm thụ thẩm mĩ, tư duy hình tượng. |
| 3 | **\* Nội dung 3** ( Thời gian: 1 tiết)  **Văn bản: Cảnh ngày xuân**  - Phương pháp: đọc sáng tạo, thuyết trình, vấn đáp, giảng bình, thảo luận nhóm, dạy học dự án…  - Kĩ thuật: động não, khăn trải bàn, các mảnh ghép  - Phương tiện dạy học: tư liệu về “Truyện Kiều” của Nguyễn Du, máy chiếu… | **\* Nội dung 3:**  ***1. Kiến thức:***  - Nắm được nghệ thuật miêu tả thiên của thi hào dân tộc Nguyễn Du.  - Hiểu được sự đồng cảm của Nguyễn Du với tâm hồn tuổi trẻ.  ***2. Kĩ năng:***  - Bổ sung kiến thức đọc- hiểu văn bản truyện thơ trung đại, phát hiện, phân tích được các chi tiết miêu tả cảnh thiên nhiên trong đoạn trích.  - cảm nhận được tâm hồn trẻ trung của nhân vật qua cái nhìn trong "Cảnh ngày xuân".  ***3. Thái độ:***  Giáo dục cho học sinh lòng say mê khám phá cái hay cái đẹp của văn chương, cảnh sắc...  ***4. Năng lực cần hình thành cho HS:***  - Năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề, sáng tạo,hợp tác.  - Năng lực giao tiếp tiếng Việt.  - Các năng lực chuyên biệt: năng lực đọc – hiểu văn bản, cảm thụ thẩm mĩ, tư duy hình tượng. |
| 4 | **\* Nội dung 4** ( Thời gian: 2 tiết)  **Văn bản: Kiều ở lầu Ngưng Bích**  - Phương pháp: đọc sáng tạo,thuyết trình, vấn đáp, giảng bình, thảo luận nhóm, dạy học dự án…  - Kĩ thuật: động não, khăn trải bàn, các mảnh ghép, sơ đồ tư duy…  - Phương tiện dạy học: tư liệu về “Truyện Kiều” của Nguyễn Du, máy chiếu… | **\* Nội dung 4:**  ***1.Kiến thức:***  - Thấy được nghệ thuật miêu tả tâm trạng nhân vật và tấm lòng thương cảm của Nguyễn Du đối với con người:  + Nỗi bẽ bàng, buồn tủi, cô đơn của Thúy Kiều khi bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích và tấm lòng thủy trung, hiếu thảo của nàng.  +Ngôn ngữ độc thoại và nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc sắc của Nguyễn Du.  ***2.Kĩ năng:***  - Bổ sung kiến thức đọc - hiểu văn bản truyện thơ trung đại.  - Nhận ra và thấy được tác dụng của ngôn ngữ độc thoại, của nghệ thuật tả cảnh ngụ tình.  - Phân tích tâm trạng nhân vật qua một đoạn trích trong tác phẩm *Truyện Kiều.*  - Cảm nhận được sự cảm thông sâu sắc của Nguyễn Du đối với nhân vật trong truyện.  ***3.Thái độ:***  - Cảm thông cho số phận của nàng Kiều, trân trọng sự thuỷ chung và lòng hiếu thảo.  ***4. Năng lực cần hình thành cho HS:***  - Năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề, sáng tạo,hợp tác.  - Năng lực giao tiếp tiếng Việt.  - Các năng lực chuyên biệt: năng lực đọc – hiểu văn bản, cảm thụ thẩm mĩ, tư duy hình tượng. |
| **3** | **HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP** | |
|  | - Phương pháp: đọc sáng tạo, vấn đáp, thảo luận nhó, thưchj hành luyện viết.  - Kĩ thuật: động não, khăn trải bàn, các mảnh ghép, sơ đồ tư duy…  - Phương tiện dạy học: tư liệu về “Truyện Kiều” của Nguyễn Du, máy chiếu… | - Củng cố kiến thức về tác giả, tác phẩm; giá trị nội dung, nghệ thuật của các đoạn trích trong “Truyện Kiều”.  - viết được bài văn, đạn văn cảm thụ văn học. |
| **4** | **HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG** | |
|  | - Phương pháp: hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm  - Kĩ thuật: động não  - Phương tiện dạy học: Hệ thống câu hỏi, bài tập | Giải quyết hệ thống câu hỏi, bài tập theo hướng mở nhằm phát huy năng lực của HS.  - Vận dụng sáng tạo trong cuộc sống. |
| **5** | **HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI MỞ RỘNG** | |
|  | - Phương pháp: hoạt động cá nhân, hoạt động với cộng đồng  - Kĩ thuật: động não   * + - Phương tiện dạy học: Hệ thống câu hỏi, bài tập định hướng. | - Tìm tòi, mở rộng thêm hiểu biết.  - Củng cố, khắc sâu kiến thức của Chủ đề. |

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC CÁC VĂN BẢN CỤ THỂ:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  22/9/2018 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TRUYỆN KIỀU CỦA NGUYỄN DU**

**I. Mức độ cần đạt - Trọng tâm kiến thức, kĩ năng**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

***a. Kiến thức***

- Bước đầu làm quen với thể loại truyện thơ Nôm trong văn học trung đại.

- Hiểu và lí giải được vị trí của tác phẩm *Truyện Kiều* và đóng góp của Nguyễn Du cho kho tàng văn học dân tộc.

- Nắm được nhân vật, sự kiện, cốt truyện của *Truyện Kiều.*Thể thơ lục bát truyền thống của dân tộc trong một tác phẩm văn học trung đại.Những giá trị nội dung, nghệ thuật chủ yếu của tác phẩm Truyện Kiều.

***2. Kĩ năng:***

- Rèn kĩ năng đọc - hiểu một tác phẩm truyện thơ Nôm trong văn học trung đại.

- Nhận ra những đặc điểm nổi bật về cuộc đời và sáng tác của một tác phẩm văn học trung đại.

**2. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh**

***a. Các phẩm chất***

- Yêu cái đẹp, trân trọng giá trị tài tăng của con người.

***b. Các năng lực chung***

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

***c. Năng lực chuyên biệt***

- Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ

**II. Chuẩn bị**

**1.Thầy: ( Giáo án điện tử- Máy chiếu- Màn hình)**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động: Từ việc nghiên cứu bài, sưu tầm tư liệu ở nhà kết hợp với sự HS của GV, HS giới thiệu và nắm được những nét chính về Nguyễn Du với “Truyện Kiều”, tóm tắt được một truyện thơ Nôm, nắm được giá trị tác phẩm.*

*+ Nội dung của hoạt động: Cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Du, giá trị của “Truyện Kiều”*

*+Phương pháp tổ chức dạy học: dạy học dự án,* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

+ Tư liệu:“Truyện Kiều”;

Tranh ảnh về Truyện Kiều, về tác giả.

Một số lời bình về tác phẩm Truyện Kiều, về Nguyễn Du.

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**III. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ: 5’**

**?**  Hình tượng người anh hùng Nguyễn Huệ được khắc hoạ như thế nào trong hồi 14 của tác phẩm “Hoàng Lê nhất thống chí”? Từ lời phủ dụ của vua Quang Trung, em có suy nghĩ về về việc khẳng định chủ quyền biển đảo quê hương.

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **HĐ1:**  **KHỞI ĐỘNG**  - Thời gian: 5’  - Mục tiêu: Thu hút sự chú ý của HS vào bài mới.  - Phương pháp: HĐ cá nhân, vấn đáp  - Kĩ thuật: Động não | | |
| ***\* GV****:* Nhà thơ Tố Hữu có viết:  “*Tiếng thơ ai động đất trời*  *"Nghe như non nước vọng lời ngàn thu*  *Nghìn năm sau nhớ Nguyễn Du*  *Tiếng thương như tiếng mẹ ru những ngày"*  ***+ Giao nhiệm vụ:***  HS trả lời câu hỏi sau: Đoạn thơ trên gợi cho em suy nghĩ gì đại thi hào Nguyễn Du và những sáng tác của ông?  ***+ GV nhận xét, dẫn dắt vào bài mới:*** Tại sao tên tuổi của đại thi hào Nguyễn Du lại để lại ấn tượng sâu đậm như vậy trong lòng môĩ người dân Việt Nam? Tại sao Nguyễn Du với tác phẩm "Truyện Kiều" được coi là đỉmh cao nhất của văn học trung đại? Bài học hôm nay phần nào sẽ giúp các em trả lời câu hỏi đó | ***+ HS thực hiện nhiệm vụ:*** làm việc cá nhân  ***+ HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  - Lắng nghe, suy nghĩ | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **\*HĐ2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  - Thời gian:25'  - Mục tiêu: Hiểu về cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Du. Nắm được giá trị cơ bản của "Truyện Kiều"  - Phương pháp: hoạt động nhóm, dạy học dự án.  - Kĩ thuật: Động não, các mảnh ghép,321 | | |
| **\* HD tìm hiểu về tác giả Nguyễn Du:**  ***+ Giao nhiệm vụ: Trên cơ sở đã chuẩn bị ở nhà,*** HS thảo luận nhóm lớn, chia sẻ thông tin về tác giả, tác phẩm.  Nhóm 1,2: Giới thiệu những nét chính về tác giả Nguyễn Du.  Nhóm 3,4: Giới thiệu về “Truyện Kiều”  + Yêu cầu đại diện các nhóm trình bày.  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức, bổ sung:***  - Nguyễn Du là 1 trong 5 người nổi tiếng đương thời.  - Thuở nhỏ sống sung túc, 11tuổi mồ côi cha mẹ, 18 tuổi đậu tam trường.  - 1789: theo Lê Chiêu Thống nhưng không kịp → về thái Bình sống nhờ anh vợ → về quê.  - 1796: theo Nguyễn ánh chống Tây Sơn nhưng không thành, về ở ẩn, kết thúc 10 năm gió bụi.  - 1802: làm quan tri huyện ở Phù Dung (Hải Dương) .  - 1805: làm chánh sứ TQ.  - 1815: tham tri bộ lễ. | **I. Tác giả Nguyễn Du**  ***+ HS thực hiện nhiệm vụ:*** HS làm việc cá nhân; thảo luận, thống nhất trong nhóm.  ***+ HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  - Nghe, lưu sản phẩm. | **I. Tác giả Nguyễn Du.(1766 - 1820)**  *1. Thân thế .*  -Tên chữ Tố Như - hiệu Thanh Hiên.  - Quê Tiên Điền, Nghi Xuân, Hà Tĩnh nhưng sống nhiều ở Thái Bình, Thăng Long.  - Thân thế: sinh ra trong một gia đình đại quý tộc Có truyền thống văn học, nhiều người làm quan.  - Bản thân: cha mẹ mất sớm, trải qua nhiều gian truân, long đong.  →Có tấm lòng nhân đạo.  *2. Sự nghiệp thơ văn.*  - Để lại 1 di sản văn hóa lớn :  + Chữ Hán:Thanh hiên thi tập, Bắc hành tạp lục, Nam trung tạp ngâm (243 bài)  + Chữ Nôm: Truyện Kiều , Văn chiêu hồn, Thác lời trai phường nón, Văn tế sống 2 cô gái Trường Lưu....  *=> Nguyễn Du là thiên tài văn học, nhà nhân đạo chủ nghĩa lớn.* |
| ***- Yêu cầu nhóm 3,4 trình bày về:***  + Nguồn gốc.  + Nhan đề .  + Thể loại .(truyện Nôm ?).  + Kết cấu.  ***+ GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.***  ***- Yêu cầu HĐ chung cả lớp:***  ? Hãy tóm tắt truyện theo kết cấu 3 phần của tác phẩm ?  ? Giá trị nội dung và nghệ thuật được thể hiện như thế nào trong tác phẩm ?  - Gv giảng về các giá trị của tác phẩm, lấy những câu thơ trong truyện để làm dẫn chứng.  ? Nêu những ảnh hưởng của Truyện Kiều trong thời đời sống văn hoá Việt Nam ?  → - Được lưu truyền rộng rãi trở thành đời sống văn hoá người Việt.  - Được dịch ra nhiều thứ tiếng. | **II.Truyện Kiều**  ***+ HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  ***-HĐ chung cả lớp:***  - Dựa vào Sgk để tóm tắt.  - Nêu giá trị nội dung và NT.  - Nghe.  - Trả lời theo hiểu biết. | **II . Truyện Kiều**  1. Nguồn gốc .  *- Viết 1805 – 1890.*  *- Dựa vào cốt truyện “Kim Vân Kiều truyện” (Thanh Tâm Tài Nhân – Trung Quốc).*  2. Nhan đề : *Đoạn trường tân thanh (thường gọi là truyện Kiều).*  *3. Thể loại* : Truyện Nôm.  *4. Kết cấu* : 3254 câu lục bát chia làm 3 phần.  *5. Tóm tắt tác phẩm.*  *6. Giá trị tác phẩm.*  *a. Nội dung* .  - Giá trị hiện thực: Phản ánh sâu sắc hiện thực xã hội đương thời.  - Giá trị nhân đạo: Niềm cảm thương sâu sắc trước những đau khổ của con người, lên án tố cáo các thế lực bạo tàn, trân trọng đề cao con người từ vẻ đẹp ngoại hình lẫn nội tâm.  *b. Nghệ thuật.*  - Đỉnh cao ngôn ngữ nghệ thuật (biểu đạt biểu cảm, thẩm mĩ) → Giàu vẻ đẹp thể thơ lục bát đạt đến đỉnh cao.  - Nghệ thuật tự sự đã có bước phát triển vượt bậc (Dẫn chuyện, miêu tả thiên nhiên, khắc họa tính cách, tâm lí nhân vật |
| **\* HD tổng kết:**  H: Qua phần vừa tìm hiểu em hiểu gì về Nguyễn Du và tác phẩm "Truyện Kiều"? | **III. Tổng kết:**  - Khái quát trả lời. | **III. Tổng kết:**  \* Ghi nhớ/ Sgk (80) |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP:**  - Thời gian: 7'  - Mục tiêu: Củng cố kiến thức về tác giả, tác phẩm.  - Phương pháp: vấn đáp, hoạt động cá nhân  - Kĩ thuật: Động não | | |
| **\* HD luyện tập :**  ? Khái quát lại giá trị nội dung, nghệ thuật của “Truyện Kiều”?  - Yêu cầu HS kể tóm tắt "Truyện Kiều". | **III.Luyện tập**  - Làm cá nhân.  - 2 HS tóm tắt. | **IV. Luyện tập**  Bài tập : Kể tóm tắt "Truyện Kiều". |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * Mục tiêu: HS vận dụng được kiến thức đã học vào thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân * Kĩ thuật: động não | | |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  Hãy chứng minh rằng “Truyện Kiều” của Nguyễn Du là một tác phẩm thấm nhuần giá trị nhân đạo.  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức*** | ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** làm việc cá nhân  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** chia sẻ với bạn bè  -Lưu sản phẩm. | - Chứng minh được “Truyện Kiều” của Nguyễn Du là một tác phẩm thấm nhuần giá trị nhân đạo.  - thể hiện ở sự ngợi ca, trân trọng; niềm cảm thương sâu sắc; ở tiếng nói tố cáo; ở sự đề cao khát vọng sống của con người... |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * Mục tiêu: Củng cố kiến thức đã học;phát triển năng lực tự học, sáng tạo của HS * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng. * Kĩ thuật: động não | | |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  Tìm đọc trên mạng In–tơ-nét  và các tài liệu tham khảo các bài viết về “truyện Kiều”. Ghi lại những lời bình mà em thích.  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức*** | ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** làm việc cá nhân,chia sẻ với người thân, bạn bè…  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** chia sẻ, lưu sản phẩm. | Tìm đọc trên mạng In–tơ-nét  và các tài liệu tham khảo các bài viết về “truyện Kiều”.  Ghi lại được những lời bình đặc sắc. |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Viết đoạn văn giới thiệu tác giả. Tóm tắt tác phẩm bằng lời văn của mình

- Soạn bài: Chị em Thuý Kiều ( Đọc kĩ văn bản, trả lời các câu hỏi)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  22/9/2018 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết | 27 |
| Lớp | 9 |

**CHỊ EM THUÝ KIỀU**

(Trích “Truyện Kiều”)

**I. Mức độ cần đạt - Trọng tâm kiến thức, kĩ năng**

***1. Kiến thức,*** *kĩ năng*

*a. Kiến thức*

- Hiểu và nắm vững bút pháp nghệ thuật tượng trưng, ước lệ của Nguyễn Du trong miêu tả nhân vật.

- Thấy được cảm hứng nhân đạo của Nguyễn Du qua đoạn trích: ngợi ca vẻ đẹp, tài năng của con người, dự báo số phận.

***b. Kĩ năng:***

- Đọc - hiểu một văn bản truyện thơ trong văn học trung đại.

- Theo dõi diễn biến sự việc trong tác phẩm truyện.

- Có ý thức liên hệ với văn bản liên quan để tìm hiểu về nhân vật.

- Phân tích được một số chi tiết nghệ thuật tiêu biểu cho bút pháp nghệ thuật cổ điển của Nguyễn Du trong văn bản.

2***. Định hướng phát triển các phẩm chất và năng lực của học sinh***

**a. Các** phẩm chất

- Trân trọng những tác phẩm văn học trung đại

-Đề cao, yêu mến về vẻ đẹp phẩm chất và hình thức của con người

**b. Năng lực chung**:

- Năng lực tự học

- Năng lực giải quyết vấn đề

- Năng lực sáng tạo

- Năng lực tự quản bản thân

- Năng lực giao tiếp

- Năng lực hợp tác

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ

- Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin

**c. Năng lực chuyên biệt:**

- Năng lực thưởng thức văn học, cảm thụ thẩm mĩ

**II. Chuẩn bị**

**1.Thầy: ( Giáo án điện tử)**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động: Qua tổ chức các hoạt động tìm hiểu văn bản, HS nắm được giá trị nội dung, nghệ thuật của đpạn trích. Thấy được bút pháp tả người tài hoa, điêu luyện của Nguyễn Du.*

*+ Nội dung của hoạt động: Vị trí đoạn trích. Vẻ đẹp của Thúy Vân, Thúy Kiều; tính dự báo về số phận.*

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân, vấn đáp, giảng bình…

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**III. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ: 5’**

\* **Hỏi**: Tóm tắt ngắn gọn “Truyện Kiều”? Nêu giá trị của “Truỵện Kiều”?

**\* TL:**

*- Tóm tắt tác phẩm.*

*- Giá trị tác phẩm:*

*a. Nội dung* :

- Giá trị hiện thực: Phản ánh sâu sắc hiện thực xã hội đương thời.

- Giá trị nhân đạo: Niềm cảm thương sâu sắc trước những đau khổ của con người, lên án tố cáo các thế lực bạo tàn, trân trọng đề cao con người từ vẻ đẹp ngoại hình lẫn nội tâm.

*b. Nghệ thuật:*

- Đỉnh cao ngôn ngữ nghệ thuật (biểu đạt biểu cảm, thẩm mĩ) → Giàu vẻ đẹp thể thơ lục bát đạt đến đỉnh cao.

- Nghệ thuật tự sự đã có bước phát triển vượt bậc (Dẫn chuyện, miêu tả thiên nhiên, khắc họa tính cách, tâm lí nhân vật.

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | | | **Hoạt động của trò** | | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\* HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG:**  - Thời gian:5'  - Mục tiêu: Thu hút sự chú ý của HS vào bài mới.  - Phương pháp: Thuyết trình.  - Kĩ thuật: Động não. | | | | | |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  Đọc những câu thơ tả người trong “Truyện Kiều” của Nguyễ Du.  ? Trao đổi cặp đôi, nhận xét về bút pháp tả người của ông?  ***+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả.***  ***+ GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới:*** Nếu chữ tâm của đại thi hào Nguyễn Du được thể hiện rõ qua mặt nội dung của "Truyện Kiều" thì chữ tài của ông được khẳng định bởi giá trị nghệ thuật của tác phẩm. Một trong những nét nghệ thuật đặc sắc của"Truyện Kiều" là nghệ thuật miêu tả nhân vật. Qua việc miêu tả ngoại hình tác giả có thể khắc họa được tích cách, số phận nhân vật. Đoạn trích "Chị em Thúy Kiều" sẽ giúp các em thấy rõ điều đó. | | | ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** thảo luận, thống nhất trong cặp đôi.  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** Đại diện các cặp chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Lắng nghe. | | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  - Thời gian:25'  - Mục tiêu: Năm được kiến thức về tác giả, tác phẩm. Cảm nhận được chân dung Thúy Vân, Thúy Kiều qua nghệ thuật miêu tả nhân vật của Nguyễn Du.  - Phương pháp:hoạt động nhóm, cá nhân, giảng bình...  - Kĩ thuật: động não, các mảnh ghép, 321. | | | | | |
| **HD tìm hiểu chung**  ***+ Giao nhiệm vụ:***  HS thảo luận nhóm theo bàn, về các nội dung sau:  +Nêu vị trí của đoạn trích?  + Phương thức biểu đạt chính .  + Bố cục.  ***- Cho các nhóm trình bày kết quả.***  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức:*** | | | **I. Tìm hiểu chung**  ***+ HS thực hiện nhiệm vụ:*** HS làm việc cá nhân; thảo luận, thống nhất trong nhóm.  ***+ HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực. | | **I. Tìm hiểu chung**  1. Chú thích .  \* Vị trí đoạn trích  \* Từ khó (Sgk).  2.Đọc .  3. Phương thức biểu đạt chính: miêu tả.  4. Bố cục : 4 phần .  + Bốn câu đầu: Vẻ đẹp chung 2 chị em Thúy Kiều.  + Bốn câu tiếp: Gợi tả vẻ đẹp Thuý Vân.  + 12 câu tiếp: Gợi tả vẻ đẹp Thúy Kiều  + 4 câu còn lại: Nhận xét chung về cuộc sống của 2 chị em. |
| **\* HD phân tích:**  ***+ Giao nhiệm vụ:***  HĐ cá nhân trả lời các câu hỏi sau:  - Yêu cầu HS nhắc lại nội dung đoạn 1.  ? Hai chị em Thúy Kiều được giới thiệu qua những hình ảnh nào? Nhận xét về nghệ thuật miêu tả?  ?Qua đó, em hiểu gì về hai chị em Thúy Kiều?  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức:***  ***+ Giao nhiệm vụ:***  - Cho hs đọc thầm 12 câu tiếp.  - HS thảo luận nhóm theo bàn:  \*Nhóm 1,2: Tìm hiểu vẻ đẹp của Thúy Vân:  ? Thúy Vân được miêu tả qua những từ ngữ nào, ở những phương diện nào? Những chi tiết nào trong vẻ đẹp của Thúy Vân được tác giả chú ý?  ? Tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật ? Em hiểu gì về vẻ đẹp Thúy Vân qua biện pháp nghệ thuật đó ?  ? Tác giả muốn dự báo gì qua vẻ đẹp ấy ?  \*Nhóm 3,4: Tìm hiểu vẻ đẹp của Thúy Kiều.  ? Theo em Nguyễn Du miêu tả vẻ đẹp của Thuý Kiều trước Thuý Vân có tác dụng gì?  ? Thuý Kiều được Nguyễn Du miêu tả trên những bình diện nào? Nghệ thuật gì được sử dụng ở đây ? Tác dụng ?  ? Thông qua việc miêu tả tài sắc Thúy Kiều, tác giả ngầm cho người đọc biết điều gì?  ***+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả.***  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức***  - Gv giảng : Sắc đẹp Thúy Vân sánh ngang với nét đẹp kiều diễm của hoa lá ngọc ngà, mây tuyết, toàn vẻ đẹp tinh khôi trong trẻo của đất trời. Vẻ đẹp hài hòa thiên nhiên, tạo hóa, thiên nhiên chỉ nhường, thua chứ không hờn ghen ganh tị.  - Gv chốt, ghi bảng  ***+ Giao nhiệm vụ:***  HS làm việc cá nhân.  ? Đọc 4 câu thơ cuối, cho biết tác giả muốn khẳng định điều gì ?  ? Qua đoạn trích, theo em mục đích của Nguyễn Du có phải chỉ miêu tả vẻ đẹp của 2 chị em Kiều hay không? Mục đích khác là gì?  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức***  ***GV:*** Tác giả tả ngoại hình → phẩm giá, tâm hồn, số phận nhân vật.(Chân dung mang tính cách số phận )  ? Bốn câu thơ cuối giúp ta hiểu gì về cuộc sống chị em Thuý Kiều?  ? Phác hoạ bức chân dung Thuý Kiều, Thuý Vân tác giả đã gửi gắm điều gì? | | | **II.Phân tích**  ***+ HS thực hiện nhiệm vụ:*** HS làm việc cá nhân  ***+ HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.   * Nghe, ghi bài   - Đọc phần tiếp.  ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** làm việc cá nhân rồithảo luận, thống nhất trong nhóm.  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm.   * HS suy nghĩ cá nhân, trả lời. | | **II. Phân tích**  ***1. Vẻ đẹp chung của hai chị em Kiều .***  ***- Bằng nghệ thuật tiểu đối, bút pháp ước lệ tượng trưng, tác giả gợi tả vẻ đẹp của chị em Thúy Kiều. Cả hai đều xinh đẹp với vóc dáng mảnh mai tao nhã, tâm hồn trong trắng.***  ***- Vẻ đẹp mỗi người có nét riêng nhưng đều đạt tới độ hoàn mĩ.***  **2.Vẻ đẹp mỗi người:**  ***a. Vẻ đẹp của Thuý Vân.***  ***- Bằng nghệ thuật so sánh, ước lệ, tượng trương, nhân hóa, từ ngữ gợi tả.., tác giả cho thấy Thúy Vân đẹp dịu dàng, phúc hậu, khiêm nhường***  ***⇒ Cuộc đời sẽ bình lặng, suôn sẻ.***  ***b. Vẻ đẹp và tài năng của Thuý Kiều.***  ***- Với bút pháp ước lệ cổ điển, ẩn dụ tượng trưng, dùng đòn bẩy, điển cố, tác giả khẳng định Thuý Kiều có vẻ đẹp sắc sảo mặn mà có sức lôi cuốn hấp dẫn khiến thiên nhiên phải ghen ghét đố kị***  ***- Tài hoạ, thơ, đàn ...tài nào cũng tột đỉnh .***  ***=> Dự báo cuộc đời Kiều rất éo le, đau khổ.***  ***3. Cuộc sống, đức hạnh của chị em Thuý Kiều***  - Khẳng định sự trong sáng, đằm thắm của hai nàng Kiều.  => Đề cao giá trị con người, ca ngợi vẻ đẹp toàn diện |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  Khái quát gia trị nội dung, nghệ thuật của đoạn trích?  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức.*** | | ***+HS thực hiện nhiệm vụ:*** HS suy nghĩ cá nhân trả lời.  ***+ HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  -Nghe, ghi ý chính. | | **III. Tổng kết**  + Nghệ thuật: ước lệ, ẩn dụ, nhân hóa, so sánh, dùng đòn bẩy, điển cố.  + Nội dung: Khắc họa rõ nét chân dung chị em Thúy Kiều với vẻ đẹp hoàn mĩ qua đó ca ngợi vẻ đẹp, tài năng của con người và dự cảm về kiếp người tài hoa bạc mệnh (cảm hứng nhân văn) | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**   * Thời gian: 7’ * Mục tiêu: Củng cố giá trị nội dung, nghệ thuật của đoạn trích. * Phương pháp tích cực: Hoạt động chung cả lớp, cặp đôi, đọc sáng tạo * Kĩ thuật: động não | | | | | |
| **\* HD luyện tập** :  ***+ Giao nhiệm vụ:***  - Cho Hs đọc diễn cảm văn bản.  Thảo luận cặp đôi:Theo em Thúy Vân khó vẽ hay Thúy Kiều khó vẽ? Vì sao?  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức.*** | **IV. Luyện tập**  - Đọc diễn cảm.  - Thực hiện nhiệm vụ.  - Báo cáo kết quả, nhận xét, phản biện | | | | **IV. Luyện tập** .  Đọc diễn cảm |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * Mục tiêu: HS vận dụng được kiến thức đã học vào thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm * Kĩ thuật: động não | | | | | |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  Chứng minh đoạn trích “Chị em Thúy Kiều” là đoạn trích giàu tinh thần nhân đạo.  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức*** | ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** làm việc cá nhân,thảo luận, thống nhất trong nhóm.  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | | | | Chứng minh được đoạn trích “Chị em Thúy Kiều” là đoạn trích giàu tinh thần nhân đạo. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * Mục tiêu: Củng cố kiến thức đã học;phát triển năng lực tự học, sáng tạo của HS * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng. * Kĩ thuật: động não | | | | | |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  Sưu tầm trên mạng, trao đổi với người thân bạn bè về “Truyện Kiều”. Ghi lời những lời bình đặc sắc.  ***+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả.***  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức*** | ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** làm việc cá nhân,chia sẻ với người thân, bạn bè…  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** chia sẻ , lưu sản phẩm. | | | | Sưu tầm trên mạng, trao đổi với người thân bạn bè về “Truyện Kiều”. Ghi lời những lời bình đặc sắc. |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Chuẩn bị bài tiếp theo:

- Viết đoạn văn cảm nhận về chân dung Thuý Kiều

- Soạn bài: Cảnh ngày xuân ( Đọc thuộc văn bản, xác định bố cục, trả lời câu hỏi / SGK)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  22/9/2018 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết | 28 |
| Lớp | 9 |

**CẢNH NGÀY XUÂN**

(Trích “**Truyện Kiều**”)

**I. Mức độ cần đạt - Trọng tâm kiến thức, kĩ năng**

***1. Kiến thức:***

- Nắm được nghệ thuật miêu tả thiên của thi hào dân tộc Nguyễn Du.

- Hiểu được sự đồng cảm của Nguyễn Du với tâm hồn tuổi trẻ.

- Cảm nhận được tâm hồn trẻ trung của nhân vật qua cái nhìn trong "Cảnh ngày xuân".

***2. Kĩ năng:***

- Đọc- hiểu văn bản truyện thơ trung đại, phân tích, cảm thụ văn học.

***3. Thái độ:***

Giáo dục cho học sinh lòng say mê khám phá cái hay cái đẹp của văn chương, cảnh

**II. Trọng tâm**

***1. Kiến thức:***

- Nghệ thuật miêu tả thiên của đại thi hào dân tộc Nguyễn Du.

- Cảm nhận được tâm hồn trẻ trung của nhân vật qua cái nhìn trong "Cảnh ngày xuân".

***2. Kĩ năng:***

- Đọc- hiểu văn bản truyện thơ trung đại, phân tích, cảm thụ văn học.

- Vận dụng bài học để viết văn miêu tả, biểu cảm.

***3. Thái độ:***

Giáo dục cho học sinh lòng say mê khám phá cái hay cái đẹp của văn chương, cảnh sắc...

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, cảm thụ thẩm mĩ

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động: Qua tổ chức các hoạt động tìm hiểu văn bản, HS nắm được giá trị nội dung, nghệ thuật của đpạn trích. Thấy được bút pháp tả cảnh tài hoa, điêu luyện của Nguyễn Du.*

*+ Nội dung của hoạt động: Vị trí đọan trích. Khung cảnh ngày xuân, cảnh lễ hội trong tiết Thanh minh.*

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân, vấn đáp, giảng bình…

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2. Kiểm tra bài cũ: 5’**

**\* Hỏi**: - Đọc thuộc đoạn trích “ Chị em Thuý Kiều”.

- Nêu cảm nhận của em về chân dung chị em Thúy Kiều qua đoạn trích.

**\* Trả lời:**

- Nghệ thuật tiểu đối, bút pháp ước lệ, ẩn dụ tượng trưng...

- Cả hai chị em Thúy Kiều đều xinh đẹp với vóc dáng mảnh mai tao nhã, tâm hồn trong trắng. Vẻ đẹp mỗi người có nét riêng nhưng đều đạt tới độ hoàn mĩ.

+ Thúy Vân đẹp dịu dàng, phúc hậu, khiêm nhường -> cuộc đời sẽ bình lặng, suôn sẻ.

+ Thuý Kiều có vẻ đẹp sắc sảo mặn mà có sức lôi cuốn, hấp dẫn khiến thiên nhiên phải ghen ghét đố kị. Tài hoạ, thơ, đàn ...tài nào cũng tột đỉnh .

- Dự báo cuộc đời Kiều rất éo le, đau khổ

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thầy** | | **Trò** | | | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** |
| **\* HOẠT ĐỘNG1. KHỞI ĐỘNG:**  - Thời gian: 5'  - Phương pháp:Thuyết trình.  - Kĩ thuật: Động não | | | | | |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  HS thảo luận nhóm theo bàn, trả lời các câu hỏi sau: So sánh điểm khác biệt về bút pháp nghệ thuật của Nguyễ Du ở đoạn trích “Cảnh ngày xuân” với đoạn trích “ Chị em thúy Kiều” đã học?  ***+ GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới:*** Nếu như ở đoạn trích"Chị em Thúy Kiều", Nguyễn Du rất thành công với việc tả người - qua việc tả chân dung tác giả có thể khắc họa phẩm chất, tích cách và đặc biệt có thể dự báo về số phận của nhân vật thì ở đoạn trích "Cảnh ngày xuân", Nguyễn Du lại chứng tỏ một ngòi bút tả cảnh rất thành công. Cụ thể như thế nào, bài học hôm nay sẽ giúp chúng ta trả lời câu hỏi đó. | | ***+ HS thực hiện nhiệm vụ:*** HS làm việc cá nhân; thảo luận, thống nhất trong nhóm.  ***+ HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  - Lắng nghe. | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. | | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**   * Thời gian: 28’   Phương pháp tích cực: Hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân, vấn đáp, nêu và giải quyết vấn đề...   * Kĩ thuật: động não, chia nhóm, XYZ | | | | | |
| **\* HD tìm hiểu chung**:  ***+ Giao nhiệm vụ:***  ? Nêu vị trí của đoạn trích?  - Cho HS tìm hiểu các chú thích trong Sgk.  - Gv HD đọc: đọc chậm rãi, khoan thai, trong sáng.  - Đọc mẫu.  - Cho hs đọc VB.  - Nhận xét về cách đọc của HS.  ? Nêu đại ý đoạn trích?  ? Đoạn trích có thể chia làm mấy phần? Nội dung của mỗi phần ?  ? Em nhận thấy PTBĐ nào nổi bật trong VB này vì sao?  - Gv kết luận chung. | | **I Tìm hiểu chung**  ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** làm việc cá nhân  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:***  chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm. | **I Tìm hiểu chung**  *1. Chú thích*  a.Vị trí đoạn trích :  Thuộc phần I (Gặp gỡ và đính ước)  b. Từ khó (Sgk).  *2. Đọc .*  *3.Đại ý:* Tả cảnh mùa xuân, cảnh trong tiết Thanh minh, chị em Kiều đi chơi xuân.  ***4.Bố cục:*** 3 phần( kết cấu theo trình tự thời gian của cuộc du xuân).  ***5. Phương thức biểu đạt***: Miêu tả kết hợp với tự sự và biểu cảm. | | |
| **\* HD phân tích:**  ***+ Giao nhiệm vụ:***  ***Yêu cầu*** HS làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi sau:  ? Cảnh mùa xuân được giới thiệu vào thời điểm nào?  ? Vẻ đẹp mùa xuân tháng 3 đã được tả qua chi tiết điển hình nào? Em có nhận xét gì về màu sắc của bức tranh này?  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức.***  - Hãy diễn xuôi 4 câu thơ đầu thành 1 đoạn văn tả cảnh mùa xuân?  + Giao nhiệm vụ:  - Đọc 8 câu tiếp theo.  ?Chú thích (3)và (4) đã giới thiệu nội dung lễ và hội trong tiết Thanh minh ntn ?  ? Biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng trong đoạn thơ ? Tác dụng?  HS thảo luận cặp đôi:  Theo em, khi làm sống lại không khí lễ hội tưng bừng như thế, nhà thơ đã thể hiện tình cảm gì?  ***GV nhận xét, chốt kiến thức***  **+ Giao nhiệm vụ:**  - Đọc lại 6 câu cuối.  - HĐ cá nhân  ?Cảnh vật,không khí mùa xuân trong 6 câu thơ cuối có gì khác với 4 câu thơ đầu? Vì sao?  ? Cảm nhận về tâm trạng của nhân vật lúc này? | | **II. Phân tích**  ***+*** HS làm việc cá nhân;  ***+ HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:***  chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  - HS lưu sản phẩm.  - HS tự bộc lộ.  ***+ Thực hiện nhiệm vụ:***  - Đọc.  - Dựa vào chú thích để trả lời.  - Phát hiện, phân tích, cảm nhận.  - Nêu cảm nhận cá nhân.  -Trao đổi - Trả lời .  - Nghe.  ***+*** Suy nghĩcá nhân trả lời.  ***+*** Chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm. | | **II. Phân tích**  **1. Khung cảnh ngày xuân.**  ***- Cuối xuân những cánh én vẫn rộn ràng bay liệng giữa bầu trời trong sáng.***  - Bức tranh mùa xuân tươi sáng, thanh khiết, sống động.  **2. Khung cảnh lễ hội trong tiết thanh minh.**  - ***Bằng biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh, từ láy, từ ghép có sức gợi tả, tác giả tái hiện cảnh lễ hội náo nức, vui tươi rộn ràng cùng những nghi thức trang nghiêm mang tính chất truyền thống của dân tộc tưởng nhớ những người đã khuất.***  **3. Cảnh chị em Kiều du xuân trở về.**  - Thời gian: Chiều tối.  - Không gian: Khe nước, cây cầu nho nhỏ, con người thưa vắng, buồn...  ***→ Cảnh tuy đẹp nhưng nhuốm màu tâm trạng buồn bâng khuâng, nuối tiếc. ( Tả cảnh ngụ tình)*** | |
| **\* HD tổng kết:**  ***+ Giao nhiệm vụ:***  Trả lời các câu hỏi sau:  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức:***  - Yêu cầu HS thảo luận rút ra nội dung ghi nhớ:  ? Khái quát những thành công về nội dung, nghệ thuật của đoạn trích? | | **III. Tổng kết**  ***+ HS thực hiện nhiệm vụ:*** HS làm việc cá nhân; chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  - Thảo luận trả lời. | | **III. Tổng kết**  - NT : Kết cấu hợp lý, cân đối chặt chẽ, (đầu, giữa, cuối); Sử dụng ngôn từ giàu chất tạo hình (từ ghép, từ láy) -> gợi tả, gợi cảm ; Sự kết hợp bút pháp tả cụ thể chi tiết và bút pháp gợi...  - ND : Tả cảnh thiên nhiên ngày xuân tươi đẹp trong sáng. | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**   * Thời gian: 5’ * Phương pháp tích cực: hoạt động cá nhân, thực hành luyện viết * Kĩ thuật: động não | | | | | |
| **\* HD luyện tập .**  - Cho h/s làm bài tập 1 | **III. Luyện tập .**  - Suy nghĩ, trình bày cảm nhận. | **III. Luyện tập .**  ND tiếp thu ý thơ trên của Trung Quốc: nền của tranh là màu xanh bát ngát tận chân trời của đồng cỏ, trên nền đó có hình ảnh cành lê với mấy bông hoa.  + Thêm từ điểm "trắng" trở thành điểm nhấn nổi bật thần sắc hoa lê. Gợi lên vẻ đẹp riêng của mùa xuân: Mới mẻ, tinh khôi giàu sức sống (cỏ non) khoáng đạt trong trẻo. Cảnh không tĩnh mà sống động và có hồn bởi từ "điểm" đã được đặt rất đúng chỗ làm cho cảnh vật sinh động, gợi lên vẻ đẹp mới mẻ, giàu sức sống mùa xuân. | | | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm * Kĩ thuật: động não | | | | | |
| ***+ Giao nhiệm vụ:*** Học bút pháp tả cảnh của Nguyễn Du trong đoạn trích “Cảnh ngày xuân”, hãy viết một đoạn văn tả cảnh, trong đoạn văn có sử dụng từ Hán Việt, gạch chân xác định các từ đó. | ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** làm việc cá nhân,  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | Viết được đoạn văn tả cảnh, trong đoạn văn có sử dụng từ Hán Việt, gạch chân xác định các từ đó. | | | |
| **HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng. * Kĩ thuật: động não | | | | | |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  Sưu tầm tài liệu, đọccác bài bình giảng về đoạn trích “Cảnh ngày xuân’. Ghi lại lời những lời bình đặc sắc.  ***+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả.***  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức*** | ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** làm việc cá nhân,chia sẻ với người thân, bạn bè…  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** chia sẻ , lưu sản phẩm. | - Đọc các bài bình giảng về đoạn trích “Cảnh ngày xuân’. Ghi lại được những lời bình đặc sắc. | | | |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (2’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Chuẩn bị bài tiếp theo: Kiều ở lầu Ngưng Bích.

(Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  22/9/2018 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết | 29 |
| Lớp | 9 |

**THUẬT NGỮ**

**I. Mức độ cần đạt - Trọng tâm kiến thức, kĩ năng**

***1. Kiến thức:***

- Nắm được khái niệm và những đặc điểm cơ bản của thuật ngữ.

***2. Kĩ năng:***

- Tìm hiểu ý nghĩa của thuật ngữ trong từ điển.

- Nâng cao năng lực sử dụng thuật ngữ, đặc biệt trong các VB khoa học, công nghệ.

***3. Thái độ:***

- Có ý thức tìm hiểu, trau dồi , mở rộng vốn từ tiếng Việt.

I**I. Trọng tâm**

***1. Kiến thức:***

- Khái niệm thuật ngữ. Đặc điểm của thuật ngữ.

***2. Kĩ năng:***

- Tìm hiểu ý nghĩa của thuật ngữ trong từ điển.

- Sử dụng thuật ngữ trong quá trình đọc - hiểu và tạo lập văn bản khoa học, công nghệ.

***3. Thái độ:***

- Có ý thức tìm hiểu, trau dồi , mở rộng vốn từ tiếng Việt.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:Từ việc ổ chức các hoạt động tìm hiểu ngữ liệu, HS hiểu được thế nào là thuật ngữ, đặc điểm của thuật ngữ và vận dụng trọng nói, viết.

+ Nội dung của hoạt động: Khái niệm thuật ngữ, đặc điểm thuật ngữ.

+Phương pháp tổ chức dạy học: hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ:5’**

**\* Hỏi:** - Trình bày cách đưa lời dẫn trực tiếp và lời dẫn gián tiếp?

Vận dụng để trích 5 điều Bác Hồ dạy bằng hai cách ?

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | | **Hoạt động của trò** | | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\* HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:**  - Thời gian: 5'  - Phương pháp: hoạt động nhóm  - Kĩ thuật:Động não | | | | |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  HS thảo luận nhóm theo bàn, trả lời các câu hỏi sau:  ? Em hiểu các khái niệm: ẩn dụ, hoán dụ, diện tích… như thế nào? Nó được dùng trong lĩnh vực nào?  ***+ GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới.***  \*Giới thiệu vào bài: Những từ ngữ trên được coi là thuật ngữ. được coi là thuật ngữ. vậy thuật ngữ là gì? Chúng có đặc điểm như thế nào? Chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài học hôm nay. | | ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** làm việc cá nhân,rồithảo luận, thống nhất trong nhóm.  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Lắng nghe. | | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**   * Thời gian: 17’ * Phương pháp tích cực: Hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân, vấn đáp… * Kĩ thuật: động não, tia chớp, các mảnh ghép, 321… | | | | |
| **\* HD tìm hiểu khái niệm thuật ngữ:**  ***+ Giao nhiệm vụ:***  HS thảo luận cặp đôi, trả lời các câu hỏi sau: ( Dãy 1: VD1, dãy 2: VD2)  - Cho Hs đọc VD/ Sgk?(bảng phụ)  ? So sánh 2 cách giải thích về nghĩa của từ nước và từ muối?  ? Cách giải thích nào không thể hiểu được nếu thiếu kiến thức hoá học.  ? Em đã học các định nghĩa này ở những bộ môn nào?  ? Những từ ngữ in đậm đó chủ yếu được dùng trong loại văn bản nào?  ? Những từ in đậm đó là những thuật ngữ. Vậy em hiểu thế nào là thuật ngữ?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, chốt kiến thức | | **I . Thuật ngữ là gì?**  ***+ HS thực hiện nhiệm vụ:***  - Đọc  - HS thảo luận, thống nhất trong cặp.  ***+ HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  - Nghe, ghi chép | | **I . Thuật ngữ là gì?**  ***1*. Xét ngữ liệu:**  \*VD:So sánh 2cách giải thích:  - Cách giải thích a: Chỉ nêu được đặc tính bên ngoài trên cơ sở kinh nghiệm, cảm tính.  - Cách giải thích b thể hiện được đặc tính bên trong phải qua nghiên cứu bằng lý thuyết và các phương pháp khoa học  → không có chuyên môn hoá học không tiếp nhận được.  - Cách giải thích (a) là giải thích của những từ ngữ thông thường cách giải thích b là giải thích của các thuật ngữ.  \* Các định nghĩa  - Thạch nhũ: địa lí  - Ba zơ: Hoá học  - ẩn dụ: Ngữ văn  => Thuật ngữ.  **2. Bài học:** ( Ghi nhớ / Sgk)  - Thuật ngữ là những từ ngữ biểu thị khái niệm khoa học, công nghệ, thường được dùng trong các văn bản khoa học công nghệ. |
| **\* HD tìm hiểu đặc điểm của thuật ngữ:**  ***+ Giao nhiệm vụ:***  - Cho hs trao đổi nhóm (3): Những thuật ngữ ở mục I, 2 còn có nghĩa nào khác?  - Cho các nhóm trình bày kết quả.  - Gv nhận xét , kết luận chung.  ? Xét 2 ví dụ a, b (T88) ở ví dụ nào từ muối có sắc thái biểu cảm?  ? Từ đó, em có nhận xét gì về đặc điểm của thuật ngữ ?  - GV chốt :Mỗi thuật ngữ được biểu thị bằng 1 k.n. Thuật ngữ không có tính biểu cảm. | | **II.Đặc điểm thuật ngữ**  ***+ Thực hiện nhiệm vụ:***  Trao đổi theo bàn để tìm.  - Trình bày kết quả.  - Nghe, ghi chép.  - Rút ra kết luận.  - Nghe, ghi chép. | | **II. Đặc điểm của thuật ngữ.**  **1. Xét ngữ liệu**  \*Ví dụ: Sgk  - Không có cách giải thích nào khác.  -Từ muối trong câu ca dao có sắc thái biểu cảm chỉ những vất vả, gian truân mà con người phải nếm trải trong cuộc đời.  **2. Bài học: *(Ghi nhớ/ Sgk)***  ***- Mỗi thuật ngữ được biểu thị bằng 1 khái niệm.***  ***- Thuật ngữ không có tính biểu cảm.*** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**   * Thời gian: 15’ * Phương pháp tích cực: Hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân… * Kĩ thuật: động não, 321… | | | | |
| \* HD luyện tập :  + Giao nhiệm vụ:  Bài 1: Hoạt động chúng cả lớp.  Bài tập 2,3,4,5 trao đổi cặp đôi để làm bài.    + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, chốt kiến thức | III. Luyện tập  + Thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm. | | **III. Luyện tập**  Bài tập 1/89. - Lực (......) vật lý  - Xâm thực (....) địa lý  - Hiện tượng hóa học (...) hóa  - Trường từ vựng (....) Lịch sử  - Thụ phấn (...) sinh học  - Lực lượng ....địa lý  - Trọng lực......vật lý  - Khí áp......địa lý  - Đơn chất.....hóa học  - Thị tộc phụ hệ.....lịch sử  - Đường trung trực...toán.  Bài tập 2/90.  Trong đoạn trích này nó không được dùng như một thuật ngữ (có nghĩa là chỗ dựa tinh thần (ẩn dụ)  Điểm tựa là một thuật ngữ vật lý, có nghĩa cố định của một đòn bẩy, thông qua đó lực tác động được truyền tới lực cản.  Bài tập 3/90  a, Từ hỗn hợp được dùng như 1 thuật ngữ.  b, Từ hỗn hợp được dùng như một từ thông thường. Bài tập 4/90 - Cách hiểu của người Việt là động vật ở dưới nước, có xương sống, hơi bằng vây (không nhất thiết thở bằng mang)  - Khi chúng ta gọi: Cá voi, cá heo, cá sấu nghĩa là chúng ta gọi tên bằng trực giác là vì thấy môi trường sống của chúng là ở dưới nước, còn chúng thở bằng gì không quan trọng, bởi đó là công việc của các nhà sinh học,  Bài tập 5 Có thể coi đây là 1 hiện tượng đồng âm do sự trùng hợp ngẫu nhiên về những âm thanh của từ. | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân   Kĩ thuật: động não | | |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  Tập viết một đoạn văn thuyết minh có sử dụng ít nhất năm thuật ngữ. Giải thích nghĩa các thuật ngữ.  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức*** | ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** làm việc cá nhân.  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | Viết được một đoạn văn thuyết minh có sử dụng ít nhất năm thuật ngữ. Giải thích nghĩa các thuật ngữ. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | |
| ***+ Giao nhiệm vụ:*** Trao đổi với bạn bè về các thuật ngữ khó hiểu. Ghi lại cách giải thích nghĩa.  ***+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả.***  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức*** | ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** làm việc cá nhân,chia sẻ với người thân, bạn bè…  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** chia sẻ , lưu sản phẩm. | Mở rộng thêm vốn từ. |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Chuẩn bị bài tiếp theo: trả bài số 1

(Lập dàn ý cho bài viết số 1)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  26/9/2018 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết | 30 |
| Lớp | 9 |

**TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 1**

**I. Mức độ cần đạt - Trọng tâm kiến thức, kĩ năng**

***1. Kiến thức:***

- Học sinh thấy được ưu - nhược điểm trong bài viết của mình và của bạn. Đánh giá bài làm, rút kinh nghiệm, sửa những lỗi sai về các mặt ý tứ, bố cục, câu văn, từ ngữ, chính tả...

***2. Kĩ năng:***

- Rèn kĩ năng tìm hiểu đề, tìm ý, lập dàn ý, chữa lỗi.

***3. Thái độ:***

- Có ý thức tuân thủ các bước khi tiến hành làm một bài tập làm văn.

- Rút kinh nghiệm cho các bài viết sau.

**II. Trọng tâm**

***1. Kiến thức:***

- Thấy được ưu - nhược điểm trong bài viết.

- Sửa những lỗi sai về các mặt ý tứ, bố cục, câu văn, từ ngữ, chính tả...

***2. Kĩ năng:***

- Rèn kĩ năng tìm hiểu đề, tìm ý, lập dàn ý, tự sửa lỗi.

***3. Thái độ:***

- Có ý thức tuân thủ các bước khi tiến hành làm một bài tập làm văn.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

+ Ý tưởng thiết kế hoạt động: Từ việc tổ chức cho HS phân tích đề, xây dựng dàn ý, sửa lỗi, học sinh thấy được ưu - nhược điểm trong bài viết của mình và của bạn.

+ Nội dung của hoạt động: Xác định yêu cầu của đề, xây dựng đáp án, biểu điểm, sửa lỗi.

+Phương pháp tổ chức dạy học: hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ**

- Kiểm tra trong khi trả bài.

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 5’ * Phương pháp tích cực: Nêu vấn đề * Kĩ thuật: động não, tia chớp | | | | |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  Trả lời các câu hỏi:  ? Nêu những lỗi thường gặp khi viết bài?  ***+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả.***  ***+ GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới:***  Trong bài viết số 1, mặc dù các em đa có rất nhiều cố gắng song một số em vẫn còn mắc một số lỗi cơ bản về dùng từ, đặt câu, lỗi diễn đạt... Tiết trả bài hôm cô sẽ giúp các em phát hiện những lỗi thường gặp và cách khắc phục. | | ***+ HS thực hiện nhiệm vụ:*** HS làm việc cá nhân  ***+ HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:***  chia sẻ trước lớp.  - Lắng nghe. | | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**   * Thời gian: 17’ * Phương pháp tích cực: Hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân, vấn đáp…   Kĩ thuật: động não, tia chớp, XYZ… | | | | |
| HĐ2: Hướng dẫn HS xác định lại yêu cầu của đề bài.  Gv yêu cầu hs nhắc lại yêu cầu của đề  H- Em hãy xác định thể loại, nội dung của đề bài trên?  H- Với đề bài trên em sẽ làm với dàn ý như thế nào?  Gv gọi 2-3hs trình bày  Gv viết dàn ý chuẩn (Theo đáp án, biểu điểm)  HĐ3: Nhận xét bài làm của HS  *(Chung và cụ thể)*  Gv yêu cầu hs tự nhận xét bài làm của mình so với yêu cầu định hướng và dàn bài chuẩn  Gv gọi 2- 3HS trả lời  Gv nhận xét chung  \* Ưu điểm  - Hầu hết các em hiểu được phương pháp thuyết minh  - Lựa chọn tốt các chi tiết đặc sắc để TM  - lời văn TM phù hợp  \* Hạn chế  - Một số bài chưa có bố cục rõ ràng, diễn đạt lộn xộn, thiếu sinh động, hấp dẫn  - Một số bài thuyết minh còn sơ sài, chưa đi thật đúng trọng tâm.  - Viết còn dập xóa, sai chính tả, cách dùng từ. | | Hs nhắc lại yêu cầu của đề bài: thể loại, nội dung  Hs: trình bày dàn ý  Hs: quan sát  Hs: tự nhận xét bài làm của mình  Hs: nghe  Hs: nghe | | ***I. Đề bài, yêu cầu của đề***  *1. Đề bài:*  - Tự luận  *2. Yêu cầu*  - Thể loại: Thuyết minh  - Nội dung: Thuyết minh về lễ hội của quê hương  ***II. Nhận xét chung***  1.Ưu điểm  + Đảm bảo bố cục bài viết: 3 phần  + Giới thiệu, thuyết minh, giải thích được một số khía cạnh của vấn đề.  + Một số bài làm trình bày, chữ viết sạch sẽ, rõ ràng  2. Nhược điểm  + Một số bài làm kĩ năng còn yếu. Chữ viết còn xấu  + Bài làm sơ sài. Mở bài còn chung chung  + Chưa khai thác được đầy đủ các khía cạnh của vấn đề |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**   * Thời gian: 15’ * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, cả lớp * Kĩ thuật: động não, tia chớp, 321… | | | | |
| **\* HD HS chữa lỗi:**  - Giáo viên chỉ ra những lỗi ngay trên bài của học sinh và yêu cầu học sinh thảo luận, cùng sửa.  Gv yêu cầu hs đổi chéo bài theo bàn: Tìm lỗi chính tả trong bài làm của bạn.  - Hs tự sửa lại theo mẫu:   |  |  | | --- | --- | | Lỗi sai | Sửa lại | |  |  |   Gv dùng phiếu học tập trong đó có bài làm của hs mắc lỗi diễn đạt  - GV sử dụng KTKTB yêu cầu hs thảo luận trong 5p.  H: Phát hiện bài làm đó mắc lỗi gì? Sửa lại cho chính xác  **\* GV trả bài, đánh giá kết quả**  - Giáo viên trả bài, đọc điểm, đánh giá chung. | **IV. Chữa lỗi**  Hs đổi chéo bài theo bàn  Tìm lỗi chính tả => sửa lại cho đúng  Hs thảo luận theo KTKTB trong 5p  Đại diện trả lời  Các nhóm khác nhận xét chéo  Hs phát hiện lỗi trong bài làm của bạn  **V.Trả bài, đánh giá kết quả** | | **IV. Chữa lỗi**  Nội dung sơ sài:  - Sai lỗi chính tả nhiều:  - Một số bài còn mắc lỗi dùng từ, diễn đạt: - Viết tắt nhiều:  **V.Trả bài, đánh giá kết quả** | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * Thời gian: 5’(Có thể làm ở nhà) * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm   Kĩ thuật: động não | | | | |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  - Gọi 1 HS có bài viết tốt (***Hoàng Thị Thu Hà***) đọc, một HS viết chưa tốt đọc -> Cho HS nhận xét..  ? Làm thế nào để có thể làm tốt được một bài văn thuyết minh?  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức*** | ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** làm việc cá nhân,thảo luận, thống nhất trong nhóm.  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | | Rút ra được kinh nghiệm để có thể làm tốt được một bài văn thuyết minh. | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | | | |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  -Trao đổi bài cho bạn , cùng đọc lại và sửa lỗi trong bài viết (nếu có)  ***+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả.***  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức*** | ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** làm việc cá nhân,chia sẻ với bạn bè…  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** chia sẻ , lưu sản phẩm. | | Biết tự sửa lỗi trong bài của mình và của bạn. | |

***\* Bảng tổng hợp kết quả:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số điểm** | **0 - 1,9** | **2 - 4,9** | **5 - 6,4** | **6,5 - 7,9** | **8 - 10** |
| **TSHS** |  |  |  |  |  |

***4. Giao bài, hướng dẫn chuẩn bị bài***

***-*** Tự ôn tập lại về văn thuyết minh

- Soạn bài: Kiều ở lầu Ngưng Bích

**Rút kinh nghiệm sau tiết kiểm tra:**

*- 100% HS làm đúng kiểu bài văn thuyết minh, có ý thức sử dụng miêu tả, nghệ thuật trong thuyết minh song một số bài kết quả chưa thật tốt.*

*- Cần rèn cho HS kĩ năng sử dụng các biện pháp nghệ thuật trong văn thuyết minh.*

*- Cũng cố cách viết lời dẫn trực tiếp (dẫn thơ ca, hò vè trong bài thuyết minh), sử dụng dấu câu cho phù hợp.*

*- Yêu cầu HS luyện viết chính tả thường xuyên.*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  29/9/2018 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết | 31.32 |
| Lớp | 9 |

**KIỀU Ở LẦU NGƯNG BÍCH**

**I. Mức độ cần đạt - Trọng tâm kiến thức, kĩ năng**

***1.Kiến thức:***

- Thấy được nghệ thuật miêu tả tâm trạng nhân vật và tấm lòng thương cảm của Nguyễn Du đối với con người:

+ Nỗi bẽ bàng, buồn tủi, cô đơn của Thúy Kiều khi bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích và tấm lòng thủy trung, hiếu thảo của nàng.

+Ngôn ngữ độc thoại và nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc sắc của Nguyễn Du.

***2.Kĩ năng:***

- Bổ sung kiến thức đọc - hiểu văn bản truyện thơ trung đại.

- Nhận ra và thấy được tác dụng của ngôn ngữ độc thoại, của nghệ thuật tả cảnh ngụ tình.

- Phân tích tâm trạng nhân vật qua một đoạn trích trong tác phẩm *Truyện Kiều.*

- Cảm nhận được sự cảm thông sâu sắc của Nguyễn Du đối với nhân vật trong truyện.

***3.Thái độ:***

- Cảm thông cho số phận của nàng Kiều, trân trọng sự thuỷ chung và lòng hiếu thảo.

**II. Trọng tâm**

***1.Kiến thức:***

- Nỗi bẽ bàng, buồn tủi, cô đơn của Thúy Kiều khi bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích và tấm lòng thủy trung, hiếu thảo của nàng.

- Ngôn ngữ độc thoại và nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc sắc của Nguyễn Du.

***2.Kĩ năng:***

- Nhận ra và thấy được tác dụng của ngôn ngữ độc thoại, của nghệ thuật tả cảnh ngụ tình.

- Phân tích tâm trạng nhân vật qua một đoạn trích trong tác phẩm *Truyện Kiều.*

- Cảm nhận được sự cảm thông sâu sắc của Nguyễn Du đối với nhân vật trong truyện.

***3.Thái độ:***

- Cảm thông cho số phận của nàng Kiều, trân trọng sự thuỷ chung và lòng hiếu thảo.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, cảm thụ thẩm mĩ

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động: Qua tổ chức các hoạt động tìm hiểu văn bản, HS nắm được giá trị nội dung, nghệ thuật của đoạn trích. Thấy được ngòi bút miêu tả nội tâm, độc thoại nội tâm, , bút pháp tả cảnh ngụ tình tài hoa, điêu luyện của Nguyễn Du.*

*+ Nội dung của hoạt động: Vị trí đọan trích. Nỗi nhớ người thân, tâm trạng băn khoăn, lo sợ của Thúy Kiều khi bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích.*

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân, vấn đáp, giảng bình…

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

***Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:***

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

***Bước 2.Kiểm tra bài cũ:5’***

***\* Hỏi****:*

- Đọc thuộc đoạn thơ “Cảnh ngày xuân”?

- Em cảm nhận như thế nào về cảnh đẹp mùa xuân qua bút pháp tả cảnh của Nguyễn Du?

***\*Gợi ý trả lời:***

*+ Khung cảnh ngày xuân.*

- NT ẩn dụ -> Thời gian trôi nhanh, cuối xuân những cánh én vẫn rộn ràng bay liệng giữa bầu trời trong sáng.

- Bút pháp vừa gợi vừa tả, vừa điểm xuyết ->Bức tanh xuân đẹp tươi, thanh khiết, sống động.

*+ Khung cảnh lễ hội trong tiết thanh minh:*

- Biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh.

→ Náo nức, vui tươi rộn ràngcùng những nghi thức trang nghiêm mang tính chất truyền thống của dân tộc tưởng nhớ những người đã khuất.

*+ Cảnh chị em Kiều du xuân trở về:*

→ Cảnh tuy đẹp nhưng nhuốm màu tâm trạng buồn bâng khuâng, nuối tiếc.

***Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\* HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG:**  - Thời gian: 7'  - Phương pháp: Vấn đáp, hoạt động cả lớp.  - Kĩ thuật: Động não | | |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  ? em có nhận xét gì về bức chân dung của Thúy Kiều trong đoạn trích “Chị em Thúy Kiều” Nguyễ Du muốn dự báo điều gì sau bức chân dung ấy?  ***+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả.***  ***+ GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới:***Sau khi bị Mã Giám Sinh lừa gạt, bị Tú Bà làm nhục, ép nàng tiếp khách làng chơi, Kiều rút dao tự vẫn nhưng không thành. Sợ mất vốn liếng, Tú bà cho Kiều ra ở lầu Ngưng Bích hứa sẽ gả chồng cho nàng nhưng thực chất là giam lỏng Kiều để bày mưu ép nàng tiếp khách. tâm trạng Kiều khi ở lầu Ngưng Bích đầy bi kịch. Cụ thể như thế nào ta sẽ tìm hiểu bài học hôm nay. | ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** làm việc cá nhân.  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Lắng nghe. | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**   * Thời gian: 60’ * Phương pháp tích cực: Hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…   Kĩ thuật: động não, tia chớp, 321… | | |
| **\* HD tìm hiểu chung:**  ***+ Giao nhiệm vụ:***  - Hướng dẫn: Giọng chậm, buồn, chú ý các từ "bẽ bàng", buồn trông"... Chú ý cách ngắt nhịp 2/2/2/, 4/4  - Cho Hs đọc đoạn trích.  - HS thảo luận nhóm theo bàn, trả lời các câu hỏi sau:  ? Nêu vị trí của đoạn trích trong Truyện Kiều? Giải thích từ khó.  ? Nêu đại ý đoạn trích?  ? Xác định bố cục của đoạn trích?  ***+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả.***  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức*** | **I. Tìm hiểu chung**  ***+ HS thực hiện nhiệm vụ:***  - Nghe  - 2 HS đọc.  HS làm việc cá nhân; thảo luận, thống nhất trong nhóm.  ***+ HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.    -Lắng nghe. | **I . Tìm hiểu chung**  ***1. Đọc***  ***2.Chú thích:***  a. Vị trí của đoạn trích  - Thuộc phần II: Gia biến và lưu lạc.  - Đoạn trích gồm 22 câu thơ (1033 - 1045)  b. Từ khó: sgk  ***3.Đại ý:***  - Thể hiện tâm trạng cô đơn, bẽ bàng, bế tắc, lo sợ của Kiều khi bị Tú Bà giam lỏng ở lầu Ngưng Bích.  ***4. Bố cục***: 3 phần  - Bố cục: 3 phần  +8 câu đầu: Khung cảnh thiên nhiên trước Lầu Ngưng Bích.  +8 câu tiếp:Nỗi nhớ người yêu, cha mẹ của Kiều.  +8 câu cuối:  Tâm trạng Kiều trước cảnh chiều hôm |
| **\* HD HS phân tích**  ***+ Giao nhiệm vụ:***  HS cá nhân trả lời các câu hỏi sau:  ? Đọc và nêu cảm nhận về 6 câu thơ đầu?  ? "Khoá xuân" nghĩa là như thế nào?  ? Tìm những chi tiết miêu tả thiên nhiên ở 6 câu đầu?  ? Em có cảm nhận gì về cảnh thiên nhiên ở đây?  ? Cảnh đó gợi cho Kiều những cảm xúc gì?  ? Tìm những câu thơ miêu tả tâm trạng Thuý Kiều?  ? Vì sao Thuý Kiều có tâm trạng như vậy?  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức:***  (**Hết tiết 29, chuyển tiết 30)**  ***+ Giao nhiệm vụ:***  HS thảo luận cặp đôi, trả lời các câu hỏi sau:  ? Trong khung cảnh đó Thuý Kiều đã nhớ tới ai?  ? Nỗi nhớ người yêu, nhớ cha mẹ của Kiều được thể hiện như thế nào?  ? Vì sao tác giả lại để Kiều nhớ người yêu trước nỗi nhớ cha mẹ?  ? Qua đó, Kiều đã bộc lộ những phẩm chất đáng quý nào?  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức GV bình***:  Kiều nhớ Kim Trọng trước là hoàn toàn phù hợp với tâm trạng của nàng lúc này. Nàng vô cùng đau xót vì bị thất thân với Mã Giám Sinh, vì bội ước với Kim Trọng. Bán mình chuộc cha ít nhiều nàng đã đền đáp được ơn sinh thành của cha mẹ, còn với kim Trọng nàng vẫn coi mình là người có lỗi. Mặt khác dụng ý của Nguyễn Du muốn đảo ngược trật tự của đạo lí phong kiến, ca ngợi tình yêu tự do đôi lứa.  + Chuyển ý:Cũng là nỗi nhớ, nhưng lại là cách nhớ khác nhau với những lí do khác nhau. Phân tích làm rõ điều này qua tìm hiểu nỗi nhớ cha mẹ của Thuý Kiều ?  + Yêu cầu HS hoạt động cá nhân.  ? Đọc 8 câu cuối và cho biết nội dung?  ? Phân tích giá trị nghệ thuật sử dụng trong 8 câu?  ? Tâm trạng của Kiều như thế nào?  - HD HS phân tích từng cảnh.  ? Có người cho rằng: "Đây là đoạn tả cảnh ngụ tình hay nhất" ý kiến của em như thế nào?  ***\*GV bình***: Trong đoạn trích, Nguyễn Du dã rấ thành công với bút pháp tả cảnh ngụ tình. Thiên nhiên được miêu tả thấm đẫm tâm trạng... Lấy ngoại cảnh để bộc lộ tâm cảnh: cảnh từ xa đến gần, màu sắc từ nhạt đến đậm, âm thanh từ tĩnh đến động, nỗi buồn từ man mác mông lung đến lo sợ hãi hùng... | **II. Phân tích**  ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** HS làm việc cá nhân.  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** Chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  ***+ HS thực hiện nhiệm vụ.***  ***+ HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** Đại diện các cặp chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  - Nghe, cảm nhận.  - Đọc, nêu nội dung chính.  - Trình bày cảm nhận.  - Trình bày ý kiến | **II. Phân tích**  **1. Khung cảnh thiên nhiên trước Lầu Ngưng Bích qua tâm trạng Thuý Kiều*.***  ***- Cảnh mênh mông hiu quạnh vắng lặng không có bóng dáng con người tuy rất đẹp .***  ***→ Con người cảm thấy bé nhỏ cô đơn, bẽ bàng chia cắt, ngổn ngang.***  **2. Nỗi nhớ người yêu, nhớ cha mẹ của Thuý Kiều.**  ***a. Nỗi nhớ người yêu:***  ***bằng hệ thống ngôn ngứ đ ộc thoại nội tâm, tác giả diễn tả tâm trạng đau đớn, xót xa, của Thúy Kiều khi nhớ về Kim Trọng, nàng luôn cảm thấy mình có lỗi với Kim Trọng vì đã phụ lời thề.***  ***b.Nỗi nhớ cha mẹ***  ***- Với việc sử dụng thành ngữ, điển tích điển cố, tác giả diễn tả nỗi xót xa của Kiều khi nghĩ về cha mẹ. thương cho cha mẹ ngày ngày ngóng tin con, lo cha mẹ già yếu không có người chăm sóc.***  → Kiều là người tình chung thủy, người con hiếu thảo, giàu đức hi sinh.  **3. Tâm trạng Thuý Kiều trước cảnh chiều hôm*.***  ***- NT: Điệp từ, lặp lại kiểu câu, từ láy, câu hỏi tu từ, ẩn dụ tượng trưng, tả cảnh ngụ tình.***  ***- Tâm trạng cô đơn, bế tắc, lo sợ cho tương lai mờ mịt của mình.*** |
| **\* HD HS tổng kết**  - Yêu cầu HS khái quát lại giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích. | **III. Tổng kết**  - HĐ cá nhân: khái quát giá trị của VB. | **III.Tổng kết**  a/ Nghệ thuật :  - Bút pháp tả cảnh ngụ tình.  - Khắc hoạ tâm lí nhân vật.  - Điệp ngữ, hình ảnh ẩn dụ.  - Ngôn ngữ độc thoại.  b/ Nội dung :  - Nỗi buồn nhớ của Kiều ở lầu Ngưng Bích chính là tâm trạng cô đơn, lẻ loi.  - Lòng vị tha, thuỷ chung.  - Khát vọng tình yêu, hạnh phúc. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**   * Thời gian: 10’ * Phương pháp tích cực: Hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân… * Kĩ thuật: động não, tia chớp, 321… | | |
| **\* HD luyện tập:**  + Giao nhiệm vụ:  - Yêu cầu HS đọc diễn cảm đoạn trích.  ? Ngòi bút tả người tài hoa của đại thi hào Nguyễn Du được bộc lộ như thế nào qua đoạn trích trên?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, chốt kiến thức | **IV. Luyện tập**  + Thực hiện nhiệm vụ.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.   * Nghe, nhớ. | **IV. Luyện tập** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm. * Kĩ thuật: động não | | |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  Từ nhân vật Thúy Kiều trong đoạn trích trên, hãy nêu suy nghĩ của em về số phận và nhân phẩm của người phụ nữ trong xã hội phong kiến.  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức*** | ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** làm việc cá nhân,thảo luận, thống nhất trong nhóm.  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | Nêu được cảm nhận về số phận và nhân phẩm của người phụ nữ Việt Nam trong xã hội phong kiến. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng. * Kĩ thuật: động não | | |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  Tiếp tục sưu tầm trên mạng, trao đổi với người thân bạn bè về “Truyện Kiều”. Ghi lời những lời bình đặc sắc.  ***+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả.***  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức*** | ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** làm việc cá nhân,chia sẻ với người thân, bạn bè…  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** chia sẻ , lưu sản phẩm. | Sưu tầm trên mạng, trao đổi với người thân bạn bè về “Truyện Kiều”. Ghi lời những lời bình đặc sắc. |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Học lòng đoạn trích. Nắm được đặc sắc nội dung nghệ thuật. - - Nhận xét về nghệ thuật tả cảnh ngụ tình của tác giả.

- Chuẩn bị bài: “Miêu tả trong văn bản tự sự

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  29/9/2018 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết | 33 |
| Lớp | 9 |

**MIÊU TẢ TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ**

**I. Mức độ cần đạt - Trọng tâm kiến thức, kĩ năng**

***1.Kiến thức:***

- Hiểu được vai trò của miêu tả trong một văn bản tự sự.

- Sự kết hợp các phương thức biểu đạt trong một văn bản

- Kết hợp kể chuyện với miêu tả khi làm một bài văn tự sự.

***2.Kĩ năng:***

- Phát hiện và phân tích được tác dụng của miêu tả trong văn bản tự sự.

- Kĩ năng đặt câu, viết đoạn, tạo lập văn bản.

***3.Thái độ:***

- Có ý thức sử dụng yếu tố miêu tả khi làm văn tự sự để bài văn được sinh động, hấp dẫn.

**II. Trọng tâm**

***1.Kiến thức:***

- Sự kết hợp các phương thức biểu đạt trong một văn bản.

- Vai trò, tác dụng của miêu tả trong văn bản tự sự.

***2.Kĩ năng:***

- Phát hiện và phân tích được tác dụng của miêu tả trong văn bản tự sự.

- Kĩ năng đặt câu, viết đoạn, tạo lập văn bản.

***3.Thái độ:***

- Có ý thức sử dụng yếu tố miêu tả khi làm văn tự sự để bài văn được sinh động, hấp dẫn.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động: Qua tìm hiểu ví dụ, HS thấy được tác dụng cảu yếu tố miêu tả trong văn bản tự sự. Vận dụng trong nói, viết.*

*+ Nội dung của hoạt động:Tìm hiểu yếu tố miêu tả trog văn bản tự sự.*

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ**

- Kiểm tra khi luyện tập

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | | **Hoạt động của trò** | | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\* HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**  - Thời gian: 5'  - Mục tiêu: Thu hút sự chú ý của HS vào bài mới.  - Phương pháp: dạy học nêu vấn đề  - Kĩ thuật: Động não | | | | |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  - Kể tên các phương thức biểu đạt đã học. Trong thực tế, mỗi văn bản có đơn thuần sử dụng một phương thức biểu đạt không? Hãy lấy ví dụ chứng minh?  ***+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả.***  ***+ GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới:*** Tự sự là một trong những phương thức chủ đạo mà các nhà văn thường sử dụng để phản ánh, tái hiện hiện thực. Lấy hình thức kể để trình bày diễn biến của sự việc làm chính nhưng một tác phẩm tự sự bao giờ cũng sử dụng kết hợp các phương thức biểu đạt khác. Yếu tố miêu tả được coi là có vai trò quan trọng nhất trọng việc bổ trợ cho văn bản tự sự. Vậy tác dụng cụ thể của nó như thế nào, chúng ta sẽ tìm hiểu bài học hôm nay. | | ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** làm việc cá nhân, chia sẻ trước lớp.  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Lắng nghe. | | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**   * Thời gian: 19’ * Phương pháp tích cực: Hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân, vấn đáp… * Kĩ thuật: động não, tia chớp, 321… | | | | |
| **\* HD tìm hiểu yếu tố miêu tả trong văn bản tự sự:**  ***+ Giao nhiệm vụ:***  -HS đọc đoạn trích Sgk  - Thảo luận nhóm:  ? Cho biết đoạn trích đó được trích từ văn bản nào đã học? Kể về trận đánh nào? Nhân vật Vua Quang Trung đã xuất hiện như thế nào và để làm gì?  ? Chỉ ra những yếu tố miêu tả trong đoạn trích? Các chi tiết miêu tả ấy nhằm thể hiện những đối tượng nào?  ? Dựa vào nội dung sách giáo khoa, kể lại nội dung đoạn trích?  ? Nếu chỉ kể như vậy thì câu chuyện có sinh động không? Tại sao ?  - Nối các sự việc trên thành 1đoạn văn → Không sinh động vì mới chỉ đơn giản các sự việc.  ? So sánh đoạn vừa kể với nội dung đoạn trích?  ? Qua đó em rút ra nhận xét gì về vai trò của yếu tố miêu tả trong văn bản tự sự?  ***+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả.***  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức.*** | | **I. Tìm hiểu yếu tố miêu tả trong văn bản tự sự.**  ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** làm việc cá nhân rồithảo luận, thống nhất trong nhóm.  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm. | | **I. Tìm hiểu yếu tố miêu tả trong văn bản tự sự.**  ***1.Xét ngữ liệu:***  ***\* Ví dụ: Sgk.***  - Đoạn trích kể về trận Quang Trung đánh đồn Ngọc Hồi.  - Các chi tiết miêu tả :  - Nhân có gió bấc ... mình  - Quân Thanh chống ... chết  - Quân Tây sơn thừa thế ... bại  -> Đoạn trích SGK sinh động hấp dẫn nhờ các yếu tố miêu tả sự việc diễn ra cụ thể sinh động.  **2. Bài học:**  (Ghi nhớ/ Sgk)  ***- Yếu tố miêu tả làm cho câu chuyện trở nên hấp dẫn, gợi cảm và sinh động hơn.*** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**   * Thời gian: 20’ * Phương pháp tích cực: Hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân * Kĩ thuật: động não, tia chớp, các mảnh ghép, 321… | | | | |
| **\* HD luyện tập :**  ***+ Giao nhiệm vụ:***  - Làm theo dãy, mỗi dãy 1 BT.  ? Nêu yêu cầu của bài tập ?  ? Tìm và nêu tác dụng của những yếu tố miêu tả trong đoạn trích "Chị em Thuý Kiều"?  ? Nhận xét?  ? Tìm yếu tố miêu tả và nêu tác dụng của nó trong đoạn trích "Cảnh ngày xuân".  - Yêu cầu các nhóm thảo luận trả lời.  - Dựa vào đoạn trích "Cảnh ngày xuân" hãy nói một đoạn văn kể về việc chị em Thuý Kiều đi chơi xuân.(chú ý vận dụng các yếu tố miêu tả để tả cảnh đẹp ngày xuân.  - Yêu cầu HS thảo luận, trình bày .  - Nhận xét, cho điểm.  ***+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả.***  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức***   * Cho HS hoạt động chung cả lớp. | **II. Luyện tập**  ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** làm việc cá nhân rồithảo luận, thống nhất trong nhóm.  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm.  -Trình bày bài tập trên cơ sở đã chuẩn bị ở nhà. | | **II. Luyện tập**  Bài tập 1(92)  a. Các yếu tố tả người  - Vân xem trang trọng khác vời khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang.  Hoa cười, ngọc thốt đoan trang,  Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da.  Kiều càng sắc sảo mặn mà  So bề tài sắc lại là phần hơn  Làn thu thuỷ nét xuân sơn  Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh.  → Làm nổi bật hình ảnh của nhân vật.  b.Tả cảnh:  Cỏ non xanh tận chân trời  Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.  Tà tà bóng ngả về tây... bắc ngang.  -> Làm nổi bật cảnh đẹp ngày xuân. cảnh hiện sinh động cụ thể, hấp dẫn  \* Các yếu tố miêu tả làm cho văn bản sinh động hấp dẫn và giàu chất thơ, gợi xúc cảm cho người đọc.  Bài tập 2(92)  Bài tập 3(92)  Giới thiệu trước lớp về vẻ đẹp của chị em Thuý Kiều bằng lời văn của mình.  (HS tự bộc lộ) | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm   Kĩ thuật: động não | | | | |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  Viết một đoạn văn kể về người bạn của em, trong đó có sử dụng yếu tố miêu tả.  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức.*** | ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** làm việc cá nhân.  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | | Viết được một đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố miêu tả. | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | | | |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  Đọc lại một văn bản tự sự bất kì. Chỉ ra yếu tố miêu tả trong một đoạn văn của văn bản đó.  ***+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả.***  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức*** | ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** làm việc cá nhân,chia sẻ với người thân, bạn bè…  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** chia sẻ , lưu sản phẩm. | | Đọc lại một văn bản tự sự bất kì. Chỉ ra được yếu tố miêu tả trong một đoạn văn của văn bản đó. | |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Học thuộc ghi nhớ, hoàn thành bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Chuẩn bị bài tiếp theo: Ôn tập văn bản tự sự, chuẩn bị giấy viết bài số 2

Ngày viết bài:

**TIẾT 34, 35 : BÀI VIẾT VĂN SỐ 2**

**I.Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Văn tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm.

***2. Kĩ năng:***

- Rèn luyện kĩ năng diễn đạt, trình bày một bài văn tự sự kết hợp với miêu tả cảnh vật, con người, hành động.

***3. Thái độ:***

- Có ý thức học tập nghiêm túc.

**II.Trọng tâm kiến thức, kỹ năng:**

***1. Kiến thức:***

- Văn tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm.

***2. Kĩ năng:***

- Rèn luyện kĩ năng diễn đạt, trình bày một bài văn tự sự kết hợp với miêu tả cảnh vật, con người, hành động.

***3. Thái độ:***

- Có ý thức học tập nghiêm túc, tự giác làm bài.

**III.Chuẩn bị :**

- GV: Ra đề kiểm tra nộp BGH, lấy đề.

- HS : nghiên cứu kiến thức các bài đã học và giấy kiểm tra.

**IV. Tổ chức dạy và học :**

**Bước 1.**  ***Ổn định tổ chức lớp:*** Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2. *KT sự chuẩn bị của HS.***

**Bước *3. Bài mới :***

**\* Hoạt động 1:** GV nêu yêu cầu giờ kiểm tra:

- Nội dung: đảm bảo đúng yêu cầu đề ra.

- Hình thức: làm bài đúng thời gian quy định.

- Thái độ: nghiêm túc, có ý thức tự giác, chủ động làm bài kiểm tra.

**\* Hoạt động 2:** GV phát đề kiểm tra cho HS.

**\* Hoạt động 3:** HS làm bài kiểm tra.

\* **Hoạt động 4:** GV thu bài, nhận xột giờ kiểm tra.

**Bước *3. Hướng dẫn tự học:***

- Xem lại kiến thức có liên quan tới bài kiểm tra.

- Trao đổi với bạn về bài làm của mình.

- Soạn bài: *Trau dồi vốn từ*

**Tên bài: VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 2, VĂN TỰ SỰ**

**Tiết thứ: 34,35**

*Ngày soạn: 2.10.2016*

*Ngày thực hiện:*

*Cho các lớp: 9B*

**I.Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Kể chuyện tưởng tượng dựa trên những cái đã có trong cuộc sống.

***2. Kĩ năng:***

- Tạo lập được văn bản tự sự có sử dụng yếu tố miêu tả theo yêu cầu. Rèn kĩ năng diễn đạt, trình bày.

***3. Thái độ:***

- Có thái độ làm bài tự giác, nghiêm túc.

**II. Trọng tâm**

***1. Kiến thức:***

- Kể chuyện tưởng tượng dựa trên những cái đã có trong cuộc sống.

***2. Kĩ năng:***

- Kĩ năng diễn đạt, trình bày.

***3. Thái độ:***

- Có thái độ làm bài tự giác, nghiêm túc.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt.

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động: Qua bài viết, GV đánh giá khả năng nắm bắt kiến thức về văn tự sự của HS. Đánh giá năng lực tư duy, sáng tạo cảu HS.*

*+ Nội dung của hoạt động: Viết bài văn tự sự.*

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* cá nhân, thực hành luyện viết.

**2.Trò:**

Ôn văn tự sự. Lập dàn ý cho các đề văn /Sgk.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ**

* KT sự chuẩn bị của HS.

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:** Tiến trình giờ kiểm tra:

**\*Hoạt động 1:** Giáo viên chép đề.

Đề bài:

***Tưởng tượng hai mươi năm sau em về thăm lại ngôi trường hiện nay em đang học. Hãy viết thư cho một người bạn kể lại buổi thăm trường đầy xúc động ấy.***

**\* Hoạt động 2:** Học sinh viết bài

- Yêu cầu HS làm bài tự giác, nghiêm túc.

**\* Hoạt động 3:** Thu bài

- GV thu bài đúng giờ.

**\*Hoạt động 4:HDVN**

- Chuẩn bị bài: Trau dồi vốn từ.

**# CẤU TRÚC ĐỀ**

**A. Mục tiêu cần đạt:**

- HS biết vận dụng những kiến thức đã học để thực hành viết một bài văn tự sự kết hợp với miêu tả cảnh vật, con người và hành động.

- Kể chuyện tưởng tượng dựa trên những cái đã có trong cuộc sống.

- Rèn kĩ năng diễn đạt, trình bày.

- Có thái độ làm bài tự giác, nghiêm túc.

**B. Ma trận:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Nội dung KT** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng thấp** | **Vận dụng cao** | **Tổng** |
| Văn tự sự, kết hợp yếu tố miêu tả trong văn tự sự. |  |  |  | - Vận dụng kiến thức đã học về văn tự sự làm bài văn theo yêu cầu.  -Sử dụng yếu tố miêu tả một cách phù hợp trong văn bản tự sự. |  |
| *Số câu*  *Số điểm* |  |  |  | *1*  *10* | 1  10 |
| Tổng số :  ***Số câu***  ***Số điểm*** |  |  |  | **1**  **10** | **1 câu**  **10 điểm** |

**C. Đề bài:**

Tưởng tượng hai mươi năm sau em về thăm lại ngôi trường hiện nay em đang học. Hãy viết thư cho một người bạn kể lại buổi thăm trường đầy xúc động ấy

**D. Đáp án + Biểu điểm**

**+ Yêu cầu chung:**

\* Kiểu bài:

-Hình thức: Viết thư.

- PTBĐ: Tự sự ( Kể chuyện tưởng tượng )

\* Kĩ năng tự sự:

- Chọn ngôi kể, lời kể thích hợp.

- Có tình huống cụ thể, hợp lí.

- Có các tình tiết chân thực, sinh động,

- Xây dựng được cốt truyện theo mạch cảm xúc,

- Diễn đạt lưu loát, trôi chảy,

- Đã kết hợp thành công: Tự sự + miêu tả + biểu cảm.

\* Kĩ năng viết:

- Kể chuyện sinh động, có duyên, ngôn ngữ trong sáng, văn phạm tốt, chữ viết và trình bày đẹp.

**+ Yêu cầu cụ thể:**

I.Phần mở đầu (1 đ’)

- Ngày, tháng,năm.

- Lời chào.

- Tên, địa chỉ người nhận.

- Lý do viết thư.

II. Nội dung bức thư:(8 đ’)

\* Kể diễn biến buổi thăm trường đầy xúc động.

1. Nêu lý do về thăm trường?

- Ngày thành lập trường?

- Có thể là kĩ sư xây dựng nhận tu sửa trường ...

- Ngày 20- 11 về thăm thầy cô ...

- Là giáo viên mới về trường nhận công tác ...

2. Tâm trạng trước khi về thăm trường (nhận được giấy mời có tâm trạng như thế nào?)

- Vui sướng, phấn khởi...

- Hồi hộp, mong đến ngày được về thăm trường ...

- Suốt đêm trằn trọc, mong trời mau sáng ...

3. Khi về đến trường ngạc nhiên trước sự đổi thay của trường ra sao?

+ Mọc thêm những dãy nhà cao tầng, có thang máy.

+ Có phòng vi tính phục vụ việc học tin học.

+ Có những phòng đa chức năng với những dụng cụ học tập hiện đại.

+ Có bể bơi …

+ Vườn trường có những cây cảnh đẹp.

4. Vào lớp học cũ có những thay đổi gì? Tâm trạng như thế nào?

+ Có bảng điện tử thay cho bảng chống lóa.

+ Có máy chiếu…

+ Có cửa kính, rèm …

5.Buổi gặp gỡ diễn ra như thế nào?

+ Gặp thầy hiệu trưởng cũ, cô giáo chủ nhiệm lớp ?

+ Gặp bạn cũ? (hỏi thăm sức khỏe, công việc gia đình)

+ Tổ chức lễ kỉ niệm ra sao?

6. Tâm trạng sau buổi thăm trường?

III. Phần kết ( 1đ’)

+ Lời chào, lời hứa hẹn.

+ Kí tên.

**\* Rút kinh nghiệm sau tiết dạy:**

…………………………………………………………………………………………..

………………………………………………………………………………………….

## TUẦN 8

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  6/10/2018 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết | 36 |
| Lớp | 9 |

**TRAU DỒI VỐN TỪ**

**I. Mức độ cần đạt - Trọng tâm kiến thức, kĩ năng**

***1.Kiến thức:***

- Nắm được những định hướng chính để trau dồi vốn từ.

***2. Kĩ năng:***

- Biết giải nghĩa từ và sử dụng đúng nghĩa, phù hợp với ngữ cảnh.

***3.Thái độ:***

- Luôn có ý thức trau dồi vốn từ, làm giàu thêm vốn từ.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động: Qua tìm hiểu các VD, học sinh nắ được các cách trau dồi vốn từ.*

*+ Nội dung của hoạt động: Hai cách trau dồi vốn từ: Rèn luyện đẻ nắm vững nghĩa của từ và cách dùng từ và rèn luyện để làm tăng vốn từ.*

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ: 5’**

? Nêu khái niệm thuật ngữ? Vì sao khái niệm “vi rút” trong y học và thuật ngữ “vi rut” trong tin học lại biểu thị những khái niệm khác nhau?

(Nghĩa của từ “vi rút” trong tin học là nghĩa chuyển. Nghĩa này nhập vào hệ thống thuật ngữ của lĩnh vực tin học biểu thị một khái niệm mới trong lĩnh vực tin học - hai thuật ngữ này chỉ đồng nhất về tên gọi)

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\* HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG:**  - Thời gian: 5'  - Mục tiêu: Thu hút sự chú ý của HS vào bài mới.  - Phương pháp: Thuyết trình.  - Kĩ thuật: Động não | | |
| ***GV nêu tình huống: Tại sao có sự nhầm lẫn giữa các từ: bang quan/ bàng quang, linh động/ sinh động/ tham quan/ thăm quan...***  ***+ Giao nhiệm vụ:***  HS thảo luận nhóm theo bàn trả lời.  ***+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả.***  ***+ GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới:*** Chúng ta có thể tự hào vì tiếng Việt ta giàu và đẹp. Không những vậy, tiếng Việt luôn phát triển không ngừng để đáp ứng nhu cầu giao tiếp Bởi vậy chúng ta cũng luôn phải trau dồi vốn từ của mình. Có thể trau dồi vốn từ bằng những cách nào, chúng ta sẽ tìm hiểu trong tiết học hôm nay. | ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** làm việc cá nhân,rồithảo luận, thống nhất trong nhóm.  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Lắng nghe. | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  - Thời gian:16'  - Phương pháp: Phân tích ngữ liệu, thảo luận nhóm, vấn đáp.  - Kĩ thuật: Động não, khăn trải bàn | | |
| **\* HD tìm hiểu mục: Rèn luyện để nắm vững nghĩa của từ và cách dùng từ.**  ***+ Giao nhiệm vụ:***  HS thảo luận nhóm theo bàn, trả lời các câu hỏi sau:  ? Đọc ý kiến của tác giản Phạm Đồng?  ? Qua ý kiến đó tác giả muốn nói gì?  ? Đọc các câu a, b, c, phần ?  ? Xác định lỗi diễn đạt trong các câu đó?  ? Vì sao lại có các lỗi này?  ? Muốn sử dụng tốt Tiếng Việt ta phải làm gì? Qua đó em rút ra kết luận gì?  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức:***  -GV chốt, ghi bảng | **I.Rèn luyện để nắm vững nghĩa của từ và cách dùng từ.**  ***+ HS thực hiện nhiệm vụ:***  - Đọc ý kiến Sgk/ 99.  - Trao đổi – Trả lời  ***+ HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  -Nghe, ghi chép | **I. Rèn luyện để nắm vững nghĩa của từ và cách dùng từ.**  **1. Xét ngữ liệu:**  **\* Ví dụ : Sgk/99**  + Tiếng Việt là một ngôn ngữ có khả năng rất lớn đển đáp ứng nhu cầu diễn đạt của người Việt  + Muốn phát huy tốt khả năng của tiếng Việt mỗi cá nhân phải không ngừng trau dồi ngôn ngữ của mình mà trước hết là trau dồi vốn từ.  \*Tìm lỗi dùng từ.  a) Thừa từ "đẹp"  b) Sai từ "dự đoán" (Phỏng đoán, ước đoán, ước tính)  c) Sai từ đẩy mạnh (Mở rộng, thu hẹp ...)  -> Vì người viết không biết chính xác nghĩa và cách dùng từ mà mình sử dụng.  **2.Bài học:**  *- Cần trau dồi vốn từ.*  *- Rèn luyện để nắm được đầy đủ và chính xác nghĩa của từ và cách dùng từ là việc rất quan trọng để trau dồi vốn từ.* |
| **\* HD tìm hiểu mục:Rèn luyện để làm tăng vốn từ**  ***+ Giao nhiệm vụ:***  HS thảo luận nhóm theo bàn, trả lời các câu hỏi sau:  - Gọi HS đọc VD  - Cho Hs trao đổi để tìm hiểu ý kiến của nhà văn Tô Hoài.  ? Em hiểu ý kiến đó ntn?  ? Từ đây ta rút ra bài học gì về việc làm tăng vốn từ?  - Gv nhận xét, kết luận chung.  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức:*** | **II. Rèn luyện để làm tăng vốn từ**  ***+ HS thực hiện nhiệm vụ:*** HS làm việc cá nhân; thảo luận, thống nhất trong nhóm.  - Đọc  ***+ HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  - Nghe, ghi chép. | **II .Rèn luyện để làm tăng vốn từ**  **1. Xét ngữ liệu:**  **\*Ví dụ:**  - Sgk/100  Nguyễn Du trau dồi vốn từ bằng cách học lời ăn tiếng nói của nhân dân.  **2. Bài học:**  **-** *Rèn luyện để biết thêm những từ chưa biết, làm tăng vốn từ là việc thường xuyên phải làm để trau dồi vốn từ.* |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**   * Thời gian: 16’ * Phương pháp tích cực: Hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân, trò chơi…   Kĩ thuật: động não, tia chớp, các mảnh ghép, 321 | | |
| **\* HD luyện tập:**  - Cho hs làm miệng.  - Chia nhóm ( 6 nhóm) -> Cho hs trao đổi để làm( Mỗi nhóm 1 bài tập)  - Lần lượt gọi đại diện các nhóm trình bày.  - Cho các nhóm nhận xét chéo.  - GV nhận xét, sửa sai (nếu có)  - Cho Hs thảo luận để làm.  - Cho hs trao đổi trả lời.  - Cho chơi tiếp sức: 4 đội (2’). | **III.Luyện tập**  - Suy nghĩ trả lời.  - Thảo luận nhóm trả lời.  - Trình bày.  - Nhận xét chéo.  Nghe, ghi chép.  - Thảo luận nhóm trả lời  - Trình bày.  Nhận xét chéo  Nghe, ghi chép  - Thảo luận nhóm trả lời  - Thảo luận nhóm trả lời  - Trình bày.  Nhận xét chéo  Nghe, ghi chép  - Thảo luận nhóm trả lời  - Thảo luận nhóm trả lời  - Thi tiếp sức theo đội. | **III. Luyện tập**  Bài tập 1  - Hậu quả là:b - Đoạt là:a -Tinh tú là: b.  Bài tập 2.  a, Tuyệt:  - Tuyệt chủng: Bị mất hẳn nòi giống (1)  Tuyệt đỉnh: Điểm cao nhất mức cao nhất. (2)  - Tuyệt giao: Cắt đứt giao thiệp (1)  - Tuyệt mật: Cần giữ bí mật tuyệt đối (2)  -Tuyệt tác: (TPVH, NT hay, đạt đến mức coi như không có thể có cái hơn (2)  - Tuyệt trần: Nhất trên đời không có gì sánh bằng (2)  b/ Đồng:  - Đồng âm (có âm giống nhau)  - Đồng sàng (đồng bộ, đồng dạng, đồng khối, đồng môn, đồng niên, đồng sự.)  - Đồng ấu (trẻ em khoảng 6 tuổi)  - Đồng dao, đồng thoại (lời hát, truyện cho trẻ em.)  - Trống đồng  Bài tập 3.  c, Về khuya, đường phố rất vắng lặng (yên tĩnh).  b. Đơn thành lập, thiết lập quan hệ, ngoại giao.  đ. Thay từ cảm xúc = từ cảm động, cảm phục.  \* Bài tập 4.  - Tiếng Việt ta giàu đẹp thể hiện qua lời ăn tiếng nói của nhân dân → phải gìn giữ sự giàu đẹp của ngôn ngữ dân tộc và học trau dồi ngôn ngữ của họ.  Bài tập 5.  + Chú ý quan sát lắng nghe lời nói hàng ngày của những người xung quang và trên các phương tiện thông tin  + Đọc sách báo, nhất là vb mẫu mực của những nhà văn nổi tiếng.  + Ghi chép lại những từ ngữ nói nghe, đọc, gặp từ khó không gt được thì tra cứu từ điển hoặc hỏi người khác.  + Tập sử dụng từ ngữ mới trong giao tiếp.  Bài tập 6.  Điền từ trống  a. điểm yếu b. mục đích cuối cùng  c. đề đạt d. láu táu e. hoảng loạn  Bài tập 7.  - Nhuận bút trả tiền cho người viết tác phẩm.  - Thù lao là trả công bù đắp vào lao động bỏ ra.  Bài tập 9.  (HS tự làm) |
| **HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm   Kĩ thuật: động não | | |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  *-Tập đặt câu với những từ mà em mới hiểu nghĩa.*  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức*** | ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** làm việc cá nhân,thảo luận, thống nhất trong nhóm.  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | * *Đặt được câu với những từ mà em mới hiểu nghĩa.* |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | |
| + Giao nhiệm vụ: Trao đổi với bạn bè, tra từ điển tiếng Việt, ghi lại những từ em mới biết thêm.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, chốt kiến thức | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, chia sẻ với người thân, bạn bè…  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ , lưu sản phẩm. | Ghi lại những từ mới biết thêm, trau dồi, mở rộng vốn từ. |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Xem lại bài, nắm được 2 cách trau dồi vốn từ. Hoàn thành các bài tập.

- Mở rộng vốn từ: hiểu và biết cách sử dụng một số từ Hán Việt thông dụng

- Chuẩn bị bài tiếp theo (Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  6/10/2018 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết | 37,38 |
| Lớp | 9 |

**LỤC VÂN TIÊN CỨU KIỀU NGUYỆT NGA**

(Trích “**Truyện Lục Vân Tiên**”)

**I. Mức độ cần đạt - Trọng tâm kiến thức, kĩ năng**

***1. Kiến thức:***

- Có những hiểu biết bước đầu về tác giả Nguyễn Đình Chiểu và tác phẩm *Truyện Lục Vân Tiên.*

-Thể loại thơ lục bát truyền thống của dân tộc qua tác phẩm *Truyện Lục Vân Tiên.*

*-*  Có những hiểu biết bước đầu về nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong tác phẩm *Truyện Lục Vân Tiên.*

- Thấy được khát vọng cứu người, giúp đời của tác giả và phẩm chất của hai nhân vật Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga.

***2. Kĩ năng***:

- Đọc - hiểu một đoạn trích truyện thơ.

- Nhận diện và hiểu được tác dụng của các từ địa phương Nam Bộ được sử dụng trong đoạn trích.

- Cảm nhận được vẻ đẹp của hình tượng nhân vật lí tưởng theo quan niệm đạo đức mà Nguyễn Đình Chiểu đã khắc họa trong đoạn trích

***3.Thái độ:***

- Trọng tinh thần nghĩa hiệp, phê phán những cái xấu, cái ác.

**II. Trọng tâm**

***1. Kiến thức:***

- Tác giả Nguyễn Đình Chiểu và tác phẩm *Truyện Lục Vân Tiên.*

*-* Những hiểu biết bước đầu về nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong tác phẩm *Truyện Lục Vân Tiên.*

- Khát vọng cứu người, giúp đời của tác giả và phẩm chất của hai nhân vật Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga.

***2. Kĩ năng***:

- Đọc - hiểu một đoạn trích truyện thơ.

- Cảm nhận được vẻ đẹp của hình tượng nhân vật lí tưởng theo quan niệm đạo đức mà Nguyễn Đình Chiểu đã khắc họa trong đoạn trích

***3.Thái độ:***

- Trọng tinh thần nghĩa hiệp, phê phán những cái xấu, cái ác.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động: Qua đọc- hiểu văn bản, HS nắm được nét chính về cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu. Nắm được nội dung, nghệ thuật cảu đoạn trích.*

*+ Nội dung của hoạt động: Tìm hiểu tác giả, tác phẩm. Tìm hiểu về vẻ đẹp nhân vật Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga.*

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ:5’**

- Đọc thuộc lòng đoạn trích "Kiều ở lầu Ngưng Bích". Nêu cảm nhận của em về tám câu thơ cuối đoạn trích.

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 5’ * Phương pháp tích cực: Nêu vấn đề * Kĩ thuật: động não, tia chớp | | |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  HS thảo luận cặp đôi:  ***+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả.***  Em có quan niệm như thế nào về vẻ đẹp của con người trong xã hội hiện nay ?  ***+ GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới:***  ***\* Giới thiệu vào bài****:* Truyện Lục Vân Tiên” của Nguyễn Đình Chiểu là một tác phẩm có sức sống mạnh mẽ và lâu bền trong lòng nhân dân, nhất là nhân dân Nam Bộ. Ngay từ năm 1864, tức là chỉ mười năm sau khi tác phẩm ra đời, một người Pháp đã dịch tác phẩm này ra tiếng Pháp, mà điều thôi thúc ông ta chính là hiện tượng đặc biệt “ở Nam Kì Lục tỉnh, có lẽ không có một người chài lưới hay người lái đò nào lại không ngâm nga vài ba câu Lục Vân Tiên, trong khi đưa đẩy mái chèo”. Ông xem Truyện Lục Vân Tiên “như là một trong những sản phẩm hiếm có của trí tuệ con người có cái ưu điểm lớn là diễn tả được trung thực những tình cảm, đạo lí của cả một dân tộc”. Tại sao tác phẩm được đánh giá cao như vậy? Chúng ta sẽ cùng tìm hiểu trong bài hôm nay. | ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** làm việc cá nhân,rồithảo luận, thống nhất trong cặp.  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Lắng nghe. | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**   * Thời gian: 25’ * Phương pháp tích cực: Hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân, vấn đáp… * Kĩ thuật: động não, tia chớp, XYZ, 321… | | |
| **\* HD tìm hiểu chung:**  ***+ Giao nhiệm vụ:***  - HS đọc phần chú thích về tác giả và tác phẩm**. T**rình bày những hiểu biết về tác giả?  ***+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả.***  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức, nhấn mạnh***: Một thầy thuốc từ tâm, nhân hậu, cứu nhân độ thế. Một thầy giáo danh tiếng khắp miền Lục tỉnh 40 năm, khi ông mất cả cánh đồng Ba Tri rợp trắng khăn tang của các thế hệ học trò. Một nhà thơ để lại sự nghiệp văn chương có giá trị lớn với nhiều truyện thơ, bài thơ văn tế.  -Lòng yêu nước và tinh thần bất khuất chống ngoại xâm**:**  -Dù mù loà, bệnh tật, gia cảnh khó khăn vẫn tham gia phong trào CM .  -Làm quân sư cho các lãnh tụ nghĩa quân như Trương Định, Phan Tòng  -Dùng ngòi bút làm vũ khí, khích lệ tinh thần chiến đấu của nhân dân (Chở bao nhiêu đạo thuyenf không khẳm...)  -Giặc Pháp dụ dỗ, mua chuộc, ông khẳng khái chối từ  (Đất chung đã mất thì đất riêng của tôi có nghĩa gì) ⇒ Nguyễn Đình Chiểu là một ngôi sao sáng  ? Nêu hiểu biết của em về hoàn cảnh sáng tác của tác phẩm "Truyện Lục Vân Tiên"?  + HĐ chung cả lớp.  - Yêu cầu HS tóm tắt ngắn gọn truyện.  ? Truyện Lục Vân Tiên được kết cấu theo kiểu thông thuờng của các loại truyện truyền thống xưa như thế nào? Đối với loại văn chương nhằn tuyên truyền đạo đức thì kiểu kết cấu đó có ý nghĩa như thế nào ?  + **Kết cấu của truyện** theo kiểu truyền thống, nghĩa là kết cấu theo từng chương hồi, xoay quanh diễn biến cuộc đời các nhân vật chính. giúp người nghe dễ dàng nắm diễn biến câu chuyện. Giúp cho tác giả có thể truyền tải những bài học đạo đức  **? *Giá trị nội dung của truyện?*** Truyện viết ra nhằm mục đích trực tiếp là truyền dạy đạo lí làm người:  - Xem trọng tình nghĩa giữa con người với con người trong XH: tình cha con, mẹ con, nghĩa vợ chồng, tình bè bạn, tình yêu thương cưu mang những người gặp hoạn nạn.  - Đề cao tinh thần nghĩa hiệp, sẵn sàng cứu khốn phò nguy  - Thể hiện khát vọng của nhân dân hướng tới lẽ công bằng và những điều tốt đẹp trong cuộc đời .Ở hiền gặp lành*.*  ***? Thể loại của tác phẩm?***  - Đây là truyện thơ Nôm mang tính chất là một truyện kể hơn là để đọc, để xem. Vì thế, khi đi vào nhân dân, nó dễ dàng biến thành những hình thức sinh hoạt văn hóa DG như hát Vân Tiên , rất phổ biến ở Nam bộ. Vì đã là truyện kể thì bao giờ cũng chú trọng đến hành động nhân vật hơn là miêu tả nội tâm  - Yêu cầu học đoạn trích .  - Xác định vị trí đoạn trích?  - Cho HS giải nghĩa các từ khó.  **?** Em hãy nêu đại ý đại ý của đoạn trích ?  ? Đoạn trích có thể chia làm mấy phần? Nội dung chính của từng phần?  ***Hết tiết 37, chuyển tiết 38)*** | **I. Tìm hiểu chung**  ***+ HS thực hiện nhiệm vụ:*** - Đọc  HS làm việc cá nhân; thảo luận, thống nhất trong nhóm.  ***+ HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  - Dựa vào sgk sgk trả lời.  - Tóm tắt.  - Xác định vị trí đoạn trích.  - Suy nghĩ trả lời.  - Nghe  - Khái quát trả lời.  - Xác định thể loại.  - Đọc VB  - Xác định vị trí đoạn trích.  - Giải nghĩa từ .  - Nêu đại ý.  - Xác định bố cục. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Chú thích**  ***a. Tác giả***  - Nguyễn Đình Chiểu là nhà thơ Nam Bộ, sống và sáng tác ở thời kì đau thương mà anh dũng của dân tộc ta vào thế kỉ XIX.  Nguyễn Đình Chiểu–một nhân cách lớn, nêu cao tấm gương sáng ngời về:  - Nghị lực sống và cống hiến cho đời.  - Lòng yêu nước và tinh thần bất khuất chống giặc ngoại xâm.  ***b. Tác phẩm"Truyện Lục Vân Tiên"***  ***\**** Hoàn cảnh sáng tác:  - Truyện Lục Vân Tiên ra đời khoảng đẩu những năm 50 của thế kỉ XIX (năm 1854, trước khi Pháp xâm lược, khi ấy tác giả đã mù lòa), thể hiện rõ lí tưởng, đạo đức mà Nguyễn Đình Chiểu muốn gửi gắm qua tác phẩm.  **\*** Tóm tắt truyện /SGK:  + Lục Vân Tiên đánh cướp cứu Kiêù Nguyệt Nga.  + Lục Vân Tiên gặp nạn và được cứu.  + Lục Vân Tiên gặp nạn và được cứu.  + Đoàn tụ .  \* Giá trị tác phẩm  \*Truyện thơ Nôm, gồm 2082 câu lục bát, đề cao đạo đức, nhân nghĩa trên đời.  **3**. **Đọc**  **4.Vị trí đoạn trích:**  - Đoạn trích nằm ở phần đầu của Truyện Lục Vân Tiên. Diễn biến sự việc trong đoạn trích nằm trong kiểu kết cấu của các truyện truyền thống: người tốt thường gặp nhiều gian truân, trắc trở, bị hảm hại nhưng cuối cùng bao giờ cũng tai qua nạn khỏi, cái thiện luôn chiến thắng cái ác.  ***\* Đại ý:***  Đoạn trích kể về cảnh Lục Vân Tiên đánh tan bọn cướp, cứu được hai cô gái, Nguyệt Nga cảm kích muốn tạ ơn chàng nhưng Vân Tiên từ chối.  **5. Bố cục :** chia 2 phần :  a-14 câu đầu: LVT đánh tan bọn cướp  b-Phần còn lại: Cuộc trò chuyện giữa Lục Vân Tiên với Kiều Nguyện Nga. |
| \* **HD phân tích**  **GV**: Hình ảnh Lục Vân Tiên được khắc họa qua một mô típ quen thuộc ở truyện Nôm truyền thống: chàng trai tài giỏi, cứu một cô gái thóat khỏi tình huống hiểm nghèo, rồi từ ân nghĩa đến tình yêu. Biểu hiện mong ước của nhân dân: mong những người tài đức ra tay cứu nạn giúp đời.  ***+ Giao nhiệm vụ:***  HS thảo luận nhóm theo bàn, trả lời các câu hỏi sau:  ? Em cảm nhận Lục Vân Tiên là một con người như thế nào ?  ? Hãy phân tích những phẩm chất của nhân vật qua hành động đánh cướp?  ? Thái độ cư xử của Lục Vân Tiên với Kiều Nguyệt Nga sau khi đánh tan bọn cướp?  ? Em hiểu thêm gì về nhân vật qua cách cư xử ấy?  ***+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả.***  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức:***  🡪 Đó là cách cư xử mang tinh thần nghĩa hiệp của bậc quân tử. Nhà thơ đã gởi gắm ***niềm tin và khát vọng của mình về trang anh hùng vì dân dẹp loạn .*** | **II. Phân tích**  - Nghe  ***+ HS thực hiện nhiệm vụ:*** HS làm việc cá nhân; thảo luận, thống nhất trong nhóm.  ***+ HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  -Nghe, ghi chép | **II. Phân tích**  **1.** **Nhân vật Lục Vân Tiên**  - Lục Vân Tiên là nhân vật lí tưởng của tác phẩm. Chuẩn mực cho vẻ đẹp của kẻ trượng phu thời phong kiến.  ***- Hành động đánh cướp đã bộc lộ tính cách anh hùng tài năng và tấm lòng vị nghĩa của Vân Tiên .***  ***- Cách cư xử với Kiều Nguiyệt Nga cho thấy Vân Tiên là người có tấm lòng chính trực, hào hiệp, trọng nghĩa khinh tài, từ tâm nhân hậu.*** |
| + Yêu cầu HS hoạt động cá nhân.  ? Với tư cách là người chịu ơn, Kiều Nguyệt Nga đã bộc lộ những nét đẹp tâm hồn như thế nào ? Hãy phân tích điều đó qua ngôn ngữ cử chỉ của nàng ?  ? Vậy có thể khẳng định Nguyệt Nga là cô gái như thế nào? | **-** Phân tích, rút ra đặc điểm nhân vật.  - Nêu cảm nhận. | **2.Nhân vật Kiều Nguyệt Nga**  ***- Xưng hô khiêm nhường.***  ***- Cách nói năng văn vẻ, dịu dàng mực thước.***  ***- Cách trình bày rõ ràng, khúc chiết.***  ***- Tỏ lòng biết ơn, muốn báo đáp lục vân tiên.***  ***🡪 Là cô gái có học thức, khuê các, thuỳ mị, nết na, trọng ân nghĩa.*** |
| **\* HD tổng kết:**  **HĐ cá nhân:**  ? Khái quát giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản? | **III.Tổng kết**  - Rút ra nội dung phần ghi nhớ. | **III. Tổng kết**  **\* Nghệ thuật** :  -Miêu tả nhân vật chủ yếu thông qua cử chỉ, hành động, lời nói.  -Sử dụng ngôn ngữ mộc mạc, bình dị, gần gũi với lời nói thông thường, mang màu sắc Nam Bộ rõ nét, phù hợp với diễn biến tình tiết truyện.  **\*Ý nghĩa văn bản :**  - Đoạn trích ca ngợi phẩm chất cao đẹp của hai nhân vật Lục Vân Tiên, Kiều Nguyệt Nga và khát vọng hành đạo cứu đời của tác giả.  ***\*Ghi nhớ/sgk*** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**   * Thời gian: 7’ * Phương pháp tích cực: Hoạt động cặp đôi, cá nhân. * Kĩ thuật: động não, tia chớp, 321… | | |
| **\* HD luyện tập**  - Yêu cầu HS đọc diễn cảm đoạn trích.  ? Trong đoạn trích, em thích những câu thơ nào nhất? Vì sao? | **IV. Luyện tập**  - Đọc.  - Trình bày suy nghĩ | **IV. Luyện tập**  Trong đoạn trích, em thích những câu thơ nào nhất? Vì sao? |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * Thời gian: 5’ * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm   Kĩ thuật: động não | | |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  Cách hành xử của nhân vật Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga trong đoạn trích trên đã để lại cho em bài học gì***?***  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức*** | ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** làm việc cá nhân  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | Rút ra được bài học qua cách hành xử của nhân vật Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga trong đoạn trích trên. |
| **HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  *Tìm đọc toàn bộ tác phẩm “ Truyện Lục vân Tiên”. Tóm lược sự việc chính.*  ***+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả.***  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức.*** | ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** làm việc cá nhân,chia sẻ với người thân, bạn bè…  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** chia sẻ. | *Đọc toàn bộ tác phẩm “ Truyện Lục vân Tiên” để có kiến thức sâu chuỗi về tác giả, tác phẩm.* |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Học thuộc lòng đoạn trích.

- Phân tích nhân vật Lục Vân Tiên, Kiều Nguyệt Nga thông qua lời nói, hành động của nhân vật

- Chuẩn bị bài : "Miêu tả nội tâm trong một văn bản tự sự.

( Đọc trước bài, trả lời các câu hỏi)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  7/10/2018 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết | 39,40 |
| Lớp | 9 |

**MIÊU TẢ NỘI TÂM TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ**

**I. Mức độ cần đạt - Trọng tâm kiến thức, kĩ năng**

***1. Kiến thức:***

- Hiểu rõ được vai trò của miêu tả nội tâm trong một văn bản tự sự và mối quan hệ giữa nội tâm với ngoại hình trong khi kể chuyện.

***2. Kĩ năng***:

- Phát hiện và phân tích được tác dụng của miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự.

- Kết hợp nhuần nhuyễn kể chuyện với miêu tả nội tâm nhân vật khi làm bài văn tự sự.

***3. Thái độ***:

- Có thức sử dụng miêu tả nội tâm trong văn tự sự để bài viết thêm sinh động, hấp dẫn.

**II. Trọng tâm**

***1. Kiến thức:***

- Nội tâm nhân vật và miêu tả nội tâm nhân vật trong tác phẩm tự sự.

- Tác dụng của miêu tả nội tâm và mối quan hệ giữa nội tâm với ngoại hình trong khi kể chuyện.

***2. Kĩ năng***:

- Phát hiện và phân tích được tác dụng của miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự.

- Kết hợp nhuần nhuyễn kể chuyện với miêu tả nội tâm nhân vật khi làm bài văn tự sự.

***3. Thái độ***:

- Có thức sử dụng miêu tả nội tâm trong văn tự sự để bài viết thêm sinh động, hấp dẫn.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* Qua việc tổ chức hoạt động tìm hiểu ngữ liệu, học sinh thấy được được vai trò của miêu tả nội tâm trong một văn bản tự sự và mối quan hệ giữa nội tâm với ngoại hình trong khi kể chuyện. Biết kết hợp một cách nhuần nhuyễn kể chuyện với miêu tả nội tâm nhân vật khi làm bài văn tự sự.

*+ Nội dung của hoạt động:* tìm hiểu yếu tố miêu tả nội tâm trong văn tự sự.

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ: 5’**

? Nhân tố quan trọng nhất trong văn tự sự là gì ?

? Miêu tả có vai trò như thế nào trong văn tự sự ?

-Tìm những yếu tố miêu tả trong ví dụ:

“Có khi lấy cả cây đa to, cành lá rườm rà, từ bên bắc chở qua sông đem về. Nó giống như một cây cổ thụ mọc trên đầu non hốc đá, rễ dài đến vài trượng, phải một cơ binh mới khiêng nổi, lại bốn người đi kèm, đều cầm gươm, đánh thanh la đốc thúc quân lính khiêng đi cho đều tay. Trong phủ, tuỳ chỗ, điểm xuyết bày vẽ ra hình núi non bộ trông như bến bể đầu non. Mỗi khi đêm thanh cảnh vắng, tiếng chim kêu vượn hót ran khắp bốn bề, hoặc nửa đêm ồn ào như trận mưa sa gió táp , vỡ tổ tan đàn, kẻ thức giả biết đó là triệu bất tường.”

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** | |
| **\* HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:**  - Thời gian: 5'  - Mục tiêu: Thu hút sự chú ý của HS vào bài mới.  - Phương pháp: Thuyết trình.  - Kĩ thuật: Động não | | | |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  ***GV nêu tình huống:***  Em đã rất vui mừng khi nghe thầy cô thông báo em đạt danh hiệu học sinh giỏi cấp huyện. Làm cách nào để mọi người biết được tâm trạng của em lúc đó?  HS thảo luận cặp đôi, trả lời câu hỏi.  ***+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả.***  ***+ GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới.*** | ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** trao đổi cặp đôi.  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** Đại diện các cặp đôi chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Lắng nghe. | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**   * Thời gian: 35’ * Phương pháp tích cực: Hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân, vấn đáp… * Kĩ thuật: động não, tia chớp, khăn trải bàn, 321… | | | |
| **\* HD tìm hiểu yếu tố miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự:**  ***+ Giao nhiệm vụ:***  HS đọc VD.  HS thảo luận nhóm theo bàn, trả lời các câu hỏi/Sgk:  - Tìm những câu thơ miêu tả cảnh và miêu tả nội tâm của Thuý Kiều.  ? Dấu hiệu nào cho thấy đoạn đầu là tả cảnh và đoạn sau là tả nội tâm.  ? Miêu tả nội tâm có tác dụng ntn đối với việc khắc họa nhân vật trong văn bản tự sự ?  ***+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả.***  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức:***  + Miêu tả bên ngoài gồm cảnh sắc thiên nhiên và ngoại hình của con người, sự vật...có thể quan sát được.  + Miêu tả nội tâm gồm suy nghĩ của nhân vật.  Về thân phận cô đơn, bơ vơ nơi đất khách, nghĩ về cha mẹ, chốn quê nhà ai chăm sóc phụng dưỡng lúc tuổi già.  + Những câu thơ tả cảnh sắc bên ngoài góp phần vào việc thể hiện nội tâm nhan vật ngược lại từ việc miêu tả tâm trạng ngừơi đọc hiểu được hình thức bên ngoài.  GV: MT nội tâm nhân vật nhằm khắc họa chân dung tính cách của áhan vật tái hiện những trăn trở, dằn vặt, những rung động tinh vi trong tình cảm vì thế miêu tả nội tâm có vai trò và tác dụng rất to lớn trong việc khắc họa đặc điểm, tích cách nhân vật.  ***\* Yêu cầu HS làm việc cá nhân***:  - Cho Hs đọc đoạn văn 2/ Sgk.  ? Nội dung đoạn trích là tâm trạng đau đớn của Lão Hạc khi phải bán con chó, tâm trạng ấy thể hiện thông qua chi tiết naò?  → Nam Cao miêu tả từ nội tâm của Lão Hạc "Tâm trạng đau đớn tột độ" khi phải bán con chó vàng, thông qua nét mặt "co rúm lại, vẻ nhăn xô lại ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu nghoẹo..., cái miệng móm mém của lão mếu như con nít..  ? Nhận xét cách miêu tả nội tâm nhân vật của tác giả ?  - Miêu tả gián tiếp.  ? Thông qua đó em rút ra kết luận gì về miêu tả nội tâm nhân vật ? Các cách miêu tả nội tâm?  ***\* Gv kết chốt kiến thức:***  - Miêu tả nội tâm nhân vật là tái hiện những ý nghĩ cảm xúc, tâm trạng nhân vật nhằm xây dựng nhân vật.  - Có 2 cách miêu tả nội tâm : Miêu tả trực tiếp và miêu tả gián tiếp  **(Hết tiết 39, chuyển tiết 40)** | **I.Tìm hiểu yếu tố miêu tả nội tâm ...**  ***+ HS thực hiện nhiệm vụ:***  - Đọc  ***-*** HS làm việc cá nhân; thảo luận, thống nhất trong nhóm.  ***+ HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  - Đọc  - Phát hiện trả lời.  - Nhận xét  - Rút ra kết luận .  - Nghe, ghi chép. | **I.Tìm hiểu yếu tố miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự.**  ***1. Xét ngữ liệu.***  \* Ví dụ1.  Kiều ở lầu Ngưng Bích  + Miêu tả ngoại cảnh:  "Trước lầu Ngưng Bích....  Cát vàng còn no bụi hồng dặm kia"  + Miêu tả nội tâm: "Bên trời góc biển bơ vơ...Có khi gốc tử đã vào người ôm"  → Tâm trạng Thuý Kiều  \* Ví dụ 2. Văn bản"Lão Hạc"  - Miêu tả ngoại hình → thể hiện nội tâm  **2. Bài học**  ***- Miêu tả nội tâm nhân vật là tái hiện những ý nghĩ cảm xúc, tâm trạng nhân vật nhằm xây dựng nhân vật.***  ***- Có 2 cách miêu tả nội tâm: Miêu tả trực tiếp và miêu tả gián tiếp*** | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**   * Thời gian: 40’ * Phương pháp tích cực: Hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân... * Kĩ thuật: các mảnh ghép, 321… | | | |
| **\* HD luyện tập:**  - Giáo viên tổ chức cho học sinh làm bài theo nhóm.  - Nhóm 1 làm bài tập 1  - Nhóm 2 làm bài tập 2  - Nhóm 3 làm bài tập 3  - Giáo viên dành 5' cho học sinh chuẩn bị rồi cho các nhóm trình bày.  - Cho các nhóm nhận xét.  - Gv nhận xét, chốt kiến thức, cho điểm. | **II. Luyện tập**  - Học sinh làm bài theo nhóm.  - Chú ý các ngôi nhân xưng khi đóng vai viết lại, các yếu tố miêu tả nội tâm.  - Các nhóm trình bày kết quả  - Nhận xét chéo.  - Nghe, bổ sung, sửu lỗi (nếu có) | | **II. Luyện tập**  Bài 1(Nhóm1).  Bài 2 (Nhóm 2).  Bài 3 (Nhóm 3).  \* Đáp án(bên dưới) |

**\* Đáp án:**

**Bài tập 1** : Thuật lại đoạn trích “Mã Giám Sinh mua Kiều”. Chú ý những câu thơ miêu tả nội tâm của Thuý Kiều . ( Nỗi mình thêm tức …trông gương mặt dày)

Mụ mối đưa một người khách phương xa đến làm lễ vấn danh. Người khách xưng là Mã Giám Sinh quê ở Lâm thanh. Trông ông ta trạc ngoại tứ tuần rồi mà mày râu nhẵn nhụi, áo quần bảnh bao. Cả đoàn thầy, tớ lao xao trò chuyện, khi bước vào nhà, ông ta ngồi tó trên ghế một cách sỗ sàng. Mụ mối giục Kiều ra cho ông khách xem mặt, so tài mà định giá cả . Nghĩ đến thân tủi nhục của mình, Kiều vừa đi vừa khóc. Mụ mối nào vén tóc, nào bắt tay. Còn Mã Giám Sinh đắn đo cân tài, cân sắc nào bắt Kiều đánh đàn, nào thử tài thơ. Xem ra Mã Giám Sinh quá bằng lòng vừa ý nên đã cò kè thêm bớt , cuối cùng rồi ngã giá “vàng ngoài bốn trăm”

**Bài tập 2**: Đóng vai nàng Kiều viết lại đoạn văn về việc báo ân, báo oán .

\*Định hướng:

- Chú ý miêu tả tâm trạng Kiều lúc gặp lại Hoạn Thư.

- Với bài tập này, người viết đóng vai nàng Kiều viết lại đọan văn Thúy Kiều trong phiên tòa. Người viết xưng tôi, kể lại vụ xử án.

- Trong quá trình kể, kết hợp dẫn lời, dẫn ý nhân vật khác, tái hiện tâm trạng Kiều lúc gặp Họan Thư.

***Đọan văn*** : Người đầu tiên tôi cho mời đến để báo ân chính là Thúc Sinh “thấp cơ thua trí đàn bà”. Tôi nói với chàng Thúc rằng: Khi tôi đang gặp họan nạn ở Lâm Tri, chàng là người đã ra tay cứu giúp, nghĩa ấy làm sao tôi quên được Nay có món quà mọn, tôi gửi biếu chàng để tỏ chút lòng thành. Còn Họan Thư – vợ chàng thì tai quái quá, phen này ắt phải trả giá thôi .

Đọan văn : **Tâm trạng Kiều lúc gặp Họan Thư** :

Khi lính áp giải Họan Thư đến, tôi cố lấy giọng thật ngọt ngào, hỏi: “Ơ kìa, sao tiểu thư lại đến nông nỗi này?” Phải thừa nhận rằng từ xưa đến nay, đàn bà mà sâu sắc nước đời như tiểu thư đây thì thật là hiếm. Nhưng lẽ đời thật công bằng đó chứ ! Gieo gió ắt phải gặp bão thôi phải không, thưa tiểu thư ? Hoạn Thư thoạt đầu ra vẻ sợ hãi nhưng thấy tôi ngọt ngào, tình cảm, nàng đã được trấn tĩnh và thưa gửi rành rọt, có lí có tình làm tôi bối rối và thấy khó xử, trước sự quá khôn ngoan của cô ta . Ý định phải trừng phạt thật nặng Hoạn Thư để báo oán phải thay đổi. Tôi đành quyết định tha bổng cho Hoạn Thư cho hợp lẽ.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân   Kĩ thuật: động não | | |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  Viết bài văn tự sự kể lại một lần em trót xem trộm nhật kí của bạn, trong đó có sử dụng yếu tố miêu tả nội tâm.  ***+ GV nhận xét, uốn nắn.*** | ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** làm việc cá nhân,thảo luận, thống nhất trong nhóm.  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** chia sẻ.  -Lưu sản phẩm | Viết được bài văn tự sự có sử dụng yếu tố miêu tả nội tâm. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  Đọc sách tham khảo hoặc trên mạng In- tơ- nét các bài văn tự sự có sử dụng miêu tả nội tâm. Ghi lại những câu văn miêu tả nội tâm mà em thấy đặc sắc.  ***+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả.***  ***+ GV nhận xét, định hướng.*** | ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** làm việc cá nhân,chia sẻ với người thân, bạn bè…  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** chia sẻ.   * Lưu sản phẩm. | Đọc sách tham khảo hoặc trên mạng In- tơ- nét các bài văn tự sự có sử dụng miêu tả nội tâm. Ghi lại những câu văn miêu tả nội tâm mà em thấy đặc sắc. |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (5’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

\* Chuẩn bị bài tiếp theo:

- Học thuộc ghi nhớ. Phân tích một đoạn văn tự sự có sử dụng các yếu tố miêu tả tâm trạng nhân vật đã học.

- Chuẩn bị cho bài tiết học sau:***“Chương trình địa phương phần Văn":***

+ Đọc văn bản trong sách Ngữ văn địa phương.

+ Trả lời các câu hỏi/ Sgk.

+ Hệ thống tác giả, tác phẩm tiêu biểu.

## TUẦN 9

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  13/10/2018 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết | 41,42 |
| Lớp | 9 |

**CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG (PHẦN VĂN)**

**Khái quát về văn học Hải Phòng từ năm 1975 đến nay**

**I. Mức độ cần đạt - Trọng tâm kiến thức, kĩ năng**

***1.Kiến thức:***

- Hiểu biết thêm về các tác giả văn học ở địa phương và các tác phẩm văn học viết về địa phương từ sau năm 1975.

- Bước đầu biết thẩm bình và biết được công việc tuyển chọn tác phẩm văn học.

***2.Kĩ năng:***

- Sưu tầm, tuyển chọn tài liệu văn thơ viết về địa phương. Đọc - hiểu và thẩm bình thơ văn viết về địa phương.

- So sánh đặc điểm văn học địa phương giữa các giai đoạn.

***3.Thái độ:***

- Yêu thích văn chương, có ý thức sưu tầm văn học địa phương.

**II. Trọng tâm**

***1.Kiến thức:***

- Sự hiểu biết về các nhà văn, nhà thơ, về tác phẩm văn thơ viết về địa phương.

- Những biến chuyển của văn học địa phương sau năm 1975.

***2.Kĩ năng:***

- Đọc - hiểu và thẩm bình thơ văn viết về địa phương.

- So sánh đặc điểm văn học địa phương giữa các giai đoạn.

***3.Thái độ:***

- Yêu thích văn chương, có ý thức sưu tầm văn học địa phương.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

- Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, cảm thụ thẩm mĩ

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* Qua việc tổ chức các hoạt động đoc – tìm hiểu tư liệu, HS có hiểu biết về các tác giả văn học ở địa phương và các tác phẩm văn học viết về địa phương từ sau năm 1975.

*+ Nội dung của hoạt động: Đặc điểm của văn học Hải Phòng sau năm 1975. Các tác gả, tác phẩm tiêu biểu.*

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ**

* Kiểm tra sự chuẩn bị bài của HS.

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\* HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:**  - Thời gian: 5'  - Phương pháp: thảo luận nhóm.  - Kĩ thuật: Động não | | |
| ***+ Giao nhiệm vụ***: Thảo luận nhóm, kể tên các tác giả, tác phẩm thuộc văn học Hải Phòng mà em đã biết.  ***+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả.***  ***+ GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới.*** | ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** thảo luận, thống nhất trong nhóm.  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Lắng nghe. | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  - Thời gian: 40'  - Phương pháp: Vấn đáp, thuyết trình, thảo luận nhóm, hoạt động cá nhân.  - Kĩ thuật: động não, khăn trải bàn. | | |
| **\* HD HS đọc văn bản:**  - Cho HS đọcVB  **II. Tìm hiểu văn bản**  ***+ Giao nhiệm vụ:***  HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi sau:  ? Nêu đặc điểm chung của văn học Hải Phòng sau năm 1975?  ***+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả.***  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức:***  - Cho HS thảo luận theo bàn, trả lời câu hỏi:  ? Văn xuôi Hải Phòng sau 1975 đã chuyển hướng ở những mặt nào? nêu một số thành tựu cơ bản?  ? Sự đổi mới ở các nhà văn có điểm gì giống và khác nhau?  - Gọi đại diện trình bày.  - Cho HS nhận xét chéo.  - GV nhận xét, chốt ý chính.  \* HS hoạt động cá nhân:  ? Kể tên các nhà thơ tiêu biểu của Hải Phòng sau 1975?  ? Thơ Hải Phòng sau 1975 có đóng góp gì nổi bật?  **(Hết tiết 41, chuyển tiết 42)** | **I. Đọc**  - 2-3 HS đọc .  **II. Tìm hiểu văn bản**  - Khái quát trả lời.  ***+ HS thực hiện nhiệm vụ:*** HS làm việc cá nhân  ***+ HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  - Thảo luận nhóm.  - Đại diện trả lời.  - Các nhóm nhận xét chéo.  - Nêu tên tác giả tiêu biểu.  - Suy nghĩ trả lời. | **I. Đọc**  **II. Tìm hiểu văn bản**  ***1. Đặc điểm chung:***  - Sau năm 1975, văn học Hải Phòng có nhiều đổi mới đáp ứng yêu cầu phát triển chung của đất nước.  + Có sự thay đổi về đội ngũ: Đội ngũ nhà văn, nhà thơ phong phú, dồi dào hơn.  + Đổi mới về quan niệm văn học, đổi mới trong cách viết của các nhà văn.  + Thể loại: phong phú đa dạng hơn.  ***2. Văn xuôi Hải Phòng trước yêu cầu đổi mới:***  \* Đổi mới về quan điểm, đề tài sáng tác:  - Trước năm 1975, chủ yếu chủ yếu tập chung vào đề tài lao động sản xuất, chiến đấu và bảo vệ Tổ quốc.  - Sau 1975, mở rộng đề tài hướng đến nhiều vấn đề khác nhau của đời sống.  - Những cây bút tiêu biểu: Nguyễn Quang Thân, Đoàn Lê, Trần Tự, Bùi Ngọc Tấn, Đình Kính, Bão Vũ, Trung Trung Đỉnh... Đặc biệt là một số nhà văn cao tuổi vẫn không ngừng sáng tác như: Phùng Văn Ong, Vũ Hoàn Lam, Hoài Minh, Nguyễn Hồng Quang.  ***3. Thơ Hải Phòng và những bước chuyển động***  - Những cây bút tiêu biểu: Dư Thị Hoàn, Mai Văn Phấn, Đồng Đức Bốn, Tô Ngọc Thạch, Phạm Xuân Trường, Nguyễn Thị Thuý Lan....  - Các nhà thơ Hải Phòng đã nỗ lực vận động theo hướng đổi mới, đưa thơ trở về với mọi mặt đa dạng, phức tạp và sinh động của đời sống. Tuy nhiên mỗi nhà thơ lại có phong cách sáng tác riêng. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**  - Thời gian:32'  - Phương pháp: Thảo luận nhóm, lập bảng thống kê.  - Kĩ thuật: Động não, các mảnh ghép. | | |
| **\* HD luyện tập**  ***Bài tập 1: HĐ chung cả lớp***  ***Bài tập 2: Thảo luận nhóm***  ***+ Giao nhiệm vụ:***  - Yêu cầu HS lập bảng trên cơ sở đã chuẩn bị ở nhà.  Lưu ý: - Chú trọng đến các tác giả có tác phẩm từ 1975 trở lại đây.  - Có thể tuyển chọn tác phẩm hay viết về địa phương của tác giả không thuộc địa phương.  - Thống kê các tác phẩm theo trình tự thời gian xuất hiện.  - Tóm tắt nội dung chính của tác phẩm bằng một câu thật ngắn gọn.  ***+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả.***  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức*** | **III. Luyện tập**   * ***Đọc VB***   ***+ Nhận và thực hiện nhiệm vụ:*** thảo luận, thống nhất trong nhóm.  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm | **III. Luyện tập**  Bài tập 1  - Đọc thêm: Trở về với mẹ ta thôi.  Bài tập 2:  Lập bảng thống kê các tác giả, tác phẩm văn học địa phương  VD:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | STT | Tác giả | Tác phẩm | Thời gian sáng tác | | 1  2. | Bão Vũ  Nguyễn Quang Thân | Trầu têm cánh phượng  Một thời hoa mẫu đơn  … | Sau 1975  Sau 1975 | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * Thời gian: 10’ (Có thể làm ở nhà) * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm   Kĩ thuật: động não | | |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  - Hãy đọc thuộc và phân tích một bài thơ của một tác giả Hải Phòng mà em thích.  ***+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả.***  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức*** | ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** làm việc cá nhân.  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** chia sẻ , lưu sản phẩm. | - Học thuộc và phân tích, cảm nhận được bài thơ của một tác giả Hải Phòng. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  Tìm hiểu trên mạng In- tơ-nét, trao đổi với người thân, bạn bè để biết thêm các tác phẩm văn học Hải Phòng từ sau năm 1975. Ghi lại vào vở.  ***+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả.***  ***+ GV nhận xét, đánh giá.*** | ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** làm việc cá nhân,chia sẻ với người thân, bạn bè…  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** chia sẻ .  Lưu sản phẩm. | Tìm hiểu trên mạng In- tơ-nét, trao đổi với người thân, bạn bè để biết thêm các tác phẩm văn học Hải Phòng từ sau năm 1975 |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Chuẩn bị bài tiếp theo: Tổng kết từ vựng ( Đọc trước bài, trả lời câu hỏi/ Sgk)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  13/10/2018 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết | 43 |
| Lớp | 9 |

**TỔNG KẾT VỀ TỪ VỰNG**

**I.Mức độ cần đạt:**

***1.Kiến thức:***

- Nắm vững một số khái niệm liên quan đến từ vựng: từ đơn, từ phức, thành ngữ...

- Nhận diện và sử dụng từ láy trong nói, viết có hiệu quả.

- Nắm vững được cách giải nghĩa từ. Hiểu nghĩa của từ, sử dụng từ đúng nghĩa, hợp văn cảnh.

2.Kĩ năng :

- Rèn kĩ năng sử dụng từ hiệu quả trong nói, viết, đọc - hiểu văn bản và cách tạo lập văn bản.

***3.Thái độ:***

- Có ý thức sử dụng từ vựng với đúng đặc trưng của nó.

**II. Trọng tâm:**

***1.Kiến thức:***

- Nhận diện và sử dụng từ láy trong nói, viết có hiệu quả.

- Nắm vững được cách giải nghĩa từ. Hiểu nghĩa của từ , sử dụng từ đúng nghĩa, ***2.Kĩ năng :***

- Cách sử dụng từ hiệu quả trong nói, viết, đọc - hiểu văn bản và cách tạo lập văn bản.

***3.Thái độ:***

- Có ý thức sử dụng từ vựng với đúng đặc trưng của nó.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác.

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ.

- Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt.

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* Qua việc HD HS lập bảng thống kê và giải quyết các bài tập, giúp HS nắm vững kiến thức về từ vựng Tiếng Việt.

*+ Nội dung của hoạt động: Từ đơn, từ phức, từ đồng nghĩa, thành ngữ ...*

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

**2.Trò:**

- Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ**

***-*** KT trong khi luyện tập.

- Kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 5’ * Phương pháp tích cực: Hoạt động nhóm * Kĩ thuật: khăn trải bàn | | | |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  HS thảo luận nhóm theo bàn:  - Kể tên các đơn vị kiến thức về từ vựng đã học từ lớp 6 đến lớp 9?  ***+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả.***  ***+ GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới:*** Vốn từ vựng tiếng Việt vô cùng phong phú, đủ để đáp ứng nhu cầu giao tiếp của mỗi chúng ta. Để giúp các em nắm vững hơn và biết vận dụng những kiến thức về từ vựng đã học từ lớp 6 đến lớp 9 vào nói, viết, trong tiết học hôm nay, chúng ta sẽ tiến hành tổng kết từ vựng. | ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** thảo luận, thống nhất trong nhóm.  ***+*** Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Lắng nghe. | | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**   * Thời gian: 18’ * Phương pháp tích cực: Hoạt động cặp đôi, dạy học dự án… * Kĩ thuật: động não, tia chớp, các mảnh ghép,321… | | | |
| **\* HD tổng kết lý thuyết:**  ***+ Giao nhiệm vụ:***  HS trao đổi cặp đôi thống nhất nội dung trog bảng hệ thống kiến thức đã lập ở nhà.  ***+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả.***  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức.*** | **I.Lý thuyết:**  -***+ HS thực hiện nhiệm vụ:*** thảo luận, thống nhất trong cặp đôi.  ***+ HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** Đại diện các cặp đôi chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  - Nghe, hoàn thiện bảng hệ thống kiến thức của mình. | | **I. Lý thuyết:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Stt** | **Từ vựng** | **Khái niệm** | | 1 | Từ đơn và từ phức | - Từ đơn là từ chỉ gồm 1 tiếng.  - Từ phức là từ gồm 2 hay nhiều tiếng.  +Từ phức gồm: từ ghép, từ láy. | | 2 | Thành ngữ | - Là cụm từ có cấu tạo cố định, biểu thị một ý nghĩa hoàn chỉnh  +Hai thành ngữ có yếu tố chỉ động vât:  Mỡ để miệng mèo  Đầu voi đuôi chuột  +Hai thành ngữ có yếu tố chỉ thực vật:  Cây nhà lá vườn  Dây cà ra dây muống  +Hai thành ngữ ttrong văn chương:  Bảy nổi ba chìm  Cá chậu chim lồng | | 3 | Nghĩa của từ | - Là nội dung (ự vật, tính chất, hoạt động, quan hệ...)mà từ biểu thị | | 4 | Từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ | - Từ có thể có 1 nghĩa hay nhiều nghĩa  - Chuyển nghĩa của từ hiện tượng thay đi nghĩa của từ, tạo ra những từ nhiều nghĩa | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**   * Thời gian: 20’ * Phương pháp tích cực: Hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân, dạy học dự án… * Kĩ thuật: động não, tia chớp, các mảnh ghép, 321… | | | |
| **\* HD luyện tập:**  ***+ Giao nhiệm vụ:***  - Yêu cầu HS suy nghĩ độc lập làm bài tập 2, 3 3mục (I).  - Gọi 2 HS lên bảng làm bài tập.  - Cho HS nhận xét chéo.  - GV nhận xét, chốt kiến thức.  ***+ Giao nhiệm vụ:***  - HS thảo luận theo bàn, làm bài tập 2 (II), 2,3 (III).  Bàn 1-> 6, làm bài tập 2 (II). Các bàn còn lại làm bài tập 2, 3 (III).  ***+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả.***  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức:*** | **II. Luyện tập**  - Suy nghĩ làm bài.  - Trình bày.  - Nhận xét chéo.  - Nghe, ghi ý chính.  ***+ HS thực hiện nhiệm vụ:*** HS làm việc cá nhân; thảo luận, thống nhất trong nhóm.  ***+ HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  - Nghe, ghi bài. | **II. Luyện tập**  ***Bài tập 2 (I)***  \* Xác định từ ghép, từ láy:  -Từ ghép: ngặt nghèo, giam giữ, bó buộc, tươi tốt, bọt bèo, cỏ cây, đưa đón, nhường nhịn, rơi rụng, mong muốn.  - Từ láy: nho nhỏ, gật gù, lạnh lùng, xa xôi, lấp lánh  ***Bài tập 3 (I).***  Từ láy giảm nghĩa: trăng trắng, đèm đẹp, nho nhỏ, lành lạnh, xôm xốp.  +Từ láy tăng nghĩa: nhấp nhô, sạch sành sanh, sát sàn sạt  ***Bài tập 2 (II)***  Xác định thành ngữ, tục ngữ:  \*Thành ngữ:  - Đánh trống bỏ rùi: làm việc thiếu trách nhiệm, không đến nơi đến chốn  - Được voi đòi tiên: lòng tham vô độ, có cái này lại đòi hỏi cái khác  - Nước mắt cá sấu: hành động giả dối được che đậy một cách tinh vi để đánh lừa người khác  \*Tục ngữ:  - Gần mực thì đen...: hoàn cảnh sống, môi trường xã hội có ảnh hưởng quan trọng đến việc hình thành và phát triển nhân cách con người  - Chó treo, mèo đậy: muốn bảo vệ thành quả phải tùy cơ ứng biến, tuỳ đối tượng có cách hành xử tương ứng  ***Bài tập2 (III)***  \*Chọn cách hiểu đúng:  Cách (a) là cách giải thích hợp lí.  ***Bài tập 3(III)***  Cách giải thích theo (b) là đúng, vì: giải thích bằng từ đồng nghĩa (độ lượng = rộng lượng)  - Từ *“hoa”* trong câu thơ được dùng theo nghĩa chuyển. Nhưng đây kkông phải hiện tượng chuyển nghĩa làm xuất hiện từ nhiều nghĩa vì đây chỉ là nghĩa chuyển lâm thời, nó chưa làm thay đổi nghĩa của từ (không có trong từ điển) | |
| **HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm   Kĩ thuật: động não | | | |
| ***+ Giao nhiệm vụ: HĐ cá nhân***  - - Xác định và phân tích tác dụng của việc sử dụng các từ ghép, từ láy, từ đồng âm, từ đồng nghĩa, trường từ vựng, thành ngữ, tục ngữ trong một văn bản cụ thể.  - Nhận xét của em về sự phong phú của tiếng Việt.  ***+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả.***  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức*** | ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** làm việc cá nhân.  ***Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | - Xác định và phân tích được tác dụng của việc sử dụng các từ ghép, từ láy, từ đồng âm, từ đồng nghĩa, trường từ vựng, thành ngữ, tục ngữ trong một văn bản cụ thể.  - Nêu được nhận xét về sự phong phú của tiếng Việt. | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | | |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  Đọc sách báo, tìm hiểu qua mạng In – tơ – nét hoặc trao đổi với người thân để biết thêm các thành ngữ, các cặp từ đồng nghĩa, nắm vững cấu tạo và nghĩa của từ tiếng Việt.  ***+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả.***  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức*** | ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** làm việc cá nhân,chia sẻ với người thân, bạn bè…  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** chia sẻ , - Lưu sản phẩm. | * Tự tìm hiểu để biết thêm các thành ngữ, các cặp từ đồng nghĩa, nắm vững cấu tạo và nghĩa của từ tiếng Việt. * Sử dụng có hiệu quả trong giap tiếp. | |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (2’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Chuẩn bị bài tiếp theo: Chuẩn bị cho tiết *Tổng kết từ vựng* *(Tiếp)*

+ Đọc trước bài, ôn lí thuyết, lập bảng hệ thống kiến thức về các đơn vị từ vựng trong tiết học.

+ Làm bài tập/ Sgk.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  14/10/2018 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết | 44 |
| Lớp | 9 |

**TỔNG KẾT VỀ TỪ VỰNG ( Tiếp)**

**I. Mức độ cần đạt - Trọng tâm kiến thức, kĩ năng**

***1.Kiến thức:***

- Nắm vững một số khái niệm liên quan đến từ vựng: Từ đồng âm, từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, cấp độ khái quát nghĩa của từ, trường từ vựng.

- Làm được các bài tập thực hành.

- Vận dụng trong nói, viết để đạt hiệu quả giao tiếp cao.

2.Kĩ năng :

- Rèn kĩ năng sử dụng từ hiệu quả trong nói, viết, đọc - hiểu văn bản và cách tạo lập văn bản.

***3.Thái độ:***

- Có ý thức sử dụng từ vựng với đúng đặc trưng của nó.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác.

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ.

- Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt.

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* Qua việc HD HS lập bảng thống kê và giải quyết các bài tập, giúp HS nắm vững kiến thức về từ vựng Tiếng Việt.

*+ Nội dung của hoạt động: Từ đồng âm, từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, trường từ vựng.*

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

**2.Trò:**

- Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ**

***-*** KT trong khi luyện tập.

- Kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | | **Hoạt động của trò** | | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 5’ * Phương pháp tích cực: hoạt động nhóm * Kĩ thuật: động não, tia chớp | | | | |
| *+ Giao nhiệm vụ:*  HS thảo luận nhóm: Đọc một vài câu thơ, phép chơi chữ có sử dụng từ đồng âm hoặc đồng nghĩa, trái nghĩa.  - Nhận xét về tác dụng của việc sử dụng các từ đồng âm, đồng nghĩa, trái nghĩa trong nói viết?  *+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả.*  *+ GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới.* | | *+ Thực hiện nhiệm vụ:* thảo luận, thống nhất trong nhóm.  *+* Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Lắng nghe. | | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**   * Thời gian: 15’ * Phương pháp tích cực: Hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân, dạy học dự án… * Kĩ thuật: động não, tia chớp, các mảnh ghép,321… | | | | |
| **\* HD tổng kết lý thuyết:**  ***+ Giao nhiệm vụ:***  HS thống nhất trong nhóm, trình bày bảng hệ thống kiến thức đã lập ở nhà.  ***+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả.***  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức:*** | **I.Lý thuyết:**  ***+ HS thực hiện nhiệm vụ:*** HS làm việc cá nhân xem lại bài đã chuẩn bị; thảo luận, thống nhất trong nhóm.  ***+ HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực. | | **I. Lý thuyết:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Stt** | **Từ vựng** | **Khái niệm** | | 5 | Từ đồng âm | - Là những từ giống nhau về âm thanh nhưng ghĩa khác xa nhau, không liên quan đến nhau | | 6 | Từ đồng nghĩa | - Là những từ có nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau | | 7 | Từ trái nghĩa | - Là những từ có nghĩa trái ngưc nhau xét trên một cơ sở nào đó | | 8 | Cấp độ khái quát của nghĩa của từ | Nghĩa của một từ ngữ có thể rộng hơn hoặc hẹp hơn nghĩa của từ ngữ khác | | 9 | Trường từ vựng | - Là tập hợp những từ có ít nhất 1 nét chung về nghĩa | | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**   * Thời gian: 22’ * Phương pháp tích cực: Hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân, dạy học dự án… * Kĩ thuật: động não, tia chớp, các mảnh ghép, 321… | | | | |
| **\* HD luyện tập:**  - Yêu cầu HS suy nghĩ độc lập làm bài tập 2, mục (V), 2,3 mục (VI).  - Gọi 3 HS lên bảng làm bài tập.  - Cho HS nhận xét chéo.  - GV nhận xét, chốt kiến thức.  - Cho HS thảo luận theo bàn làm bài tập 2, 3 (VII).  - Cho HS nhận xét chéo.  - GV nhận xét, chốt kiến thức.  - Yêu cầu HS suy nghĩ độc lập làm bài tập 2 (IX).  - Gọí HS trình bày.  - Cho HS nhận xét chéo.  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | **II. Luyện tập**  - Suy nghĩ làm bài tập.    - Trình bày.  - Nhận xét chéo.  - Nghe, ghi ý chính.  - Thảo luận, trả lời.  - Nhận xét chéo.  - Nghe, ghi bài.  - Suy nghĩ làm bài.  - Trình bày.  - Nhận xét chéo.  - Nghe, ghi bài | | **II. Luyện tập:**  **Bài tập 2 (V)**  a*.“lá”*=>từ nhiều nghĩa  b*.“ đường”*=>từ đồng âm  **Bài tập 2 (VI)**  \* Chọn cách hiểu đúng: (d)  Bài tập 3 (VI)  Từ *“xuân”* thay thế cho từ *“tuổi”* vì: *“xuân”* chỉ một mùa trong năm, một năm lại tương ứng với một tuổi=>chuyển nghĩa theo phương thức hoándụ  - Dùng từ “xuân”=>tránh lặp từ, thể hiện sự lạc quan.  **Bài tập 2 (VII)**  \*Các cặp từ có quan hệ trái nghĩa: xấu-đẹp, xa-gần, rộng-hẹp  **Bài tập 3 (VII)**  \* Sắp xếp các cặp từ trái nghĩa thành 2 nhóm:  + Nhóm 1: sống-chết, chẵn-lẻ, chiến tranh-hoà bình  + Nhóm 2: già-trẻ, yêu-ghét, cao-thấp, nông-sâu, giàu-nghèo  **Bài tập 2 (IX)**  Hai từ “tắm”, “bể”cùng nằm trong trường từ vựng “nước”.  - Làm cho câu văn có hình ảnh, sinh động và có giá trị tố cáo mạnh mẽ. | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân   Kĩ thuật: động não | | | | |
| -Yêu cầu HS làm bài tập:  Viết đoạn văn ngắn, chủ đề tự chọn trong đó có sử dụng từ đồng nghĩa và từ trái nghĩa. Gạch chân xác định rõ các từ đồng nghĩa, trái nghĩa đã dùng. | Viết đoạn văn theo yêu cầu | | Viết được đoạn văn có sử dụng từ đồng nghĩa và từ trái nghĩa | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | | | |
| - Yêu cầu HS tìm hiểu trong sách báo, trao đổi với người thân, bạn bè ghi lại những câu thơ có sử dụng từ đồng âm, từ đồng nghĩa, trái nghĩa.  - Khuyến khích HS chia sr trước lớp. | - HS thực hiện nhiệm vụ được giao.  - Chia sẻ trước lớp.  - Lưu sản phẩm | | HS tìm hiểu và ghi lại được những câu thơ có sử dụng từ đồng âm, từ đồng nghĩa, trái nghĩa. | |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Phân tích cách lựa chọn từ ghép, từ láy, từ đồng âm, từ đồng nghĩa, trường từ vựng, thành ngữ, tục ngữ trong một văn bản cụ thể.

- Nhận xét của em về sự phong phú của tiếng Việt.

- Chuẩn bị bài tiếp theo:

- Chuẩn bị cho tiết trả bài số 2: Lập dàn ý đại cương cho đề văn đã viết.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  15/10/2018 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết | 45 |
| Lớp | 9 |

**TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 2**

**I.Mức độ cần đạt:**

***1.Kiến thức***:

- Củng cố kiến thức về văn tự sự ( Kết hợp miêu tả với miêu tả nội tâm ... trong văn tự sự)

***2.K ĩ năng :***

***-*** Rèn kĩ năng phát hiện và sửa lỗi.

***3.Thái độ:***

***-*** Có ý thức đọc lại bài, sữa lỗi sau khi viết bài.

**II. Trọng tâm**

***1.Kiến thức***:

- Văn tự sự ( Kết hợp miêu tả với miêu tả nội tâm ... trong văn tự sự)

***2.K ĩ năng :***

***-*** Rèn kĩ năng phát hiện và sửa lỗi.

***3.Thái độ:***

***-*** Có ý thức đọc lại bài, sữa lỗi sau khi viết bài.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

- Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động: Qua việc tổ chức các hoạt động tìm hiểu đề, tìm ý, lập dàn ý, chữa lỗi, hS nhận ra những ưu, nhược điểm trong bài viết của mình, rút kinh nghiệm cho những bài viết tiếp theo.*

**-** GV: Chấm bài, thống kê những ưu nhược điểm trong bài viết của học sinh.

*+ Nội dung của hoạt động:Phân tích đề, xây dựng đáp án, chữa lỗi.*

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ**

* KT khi trả bài

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thầy** | **Trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** |
| **\* HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG:**  - Thời gian: 5'  - Mục tiêu: Thu hút sự chú ý của HS vào bài mới.  - Phương pháp: Thảo luận nhóm, thuyết trình.  - Kĩ thuật: Động não, XYZ | | |
| *+ Giao nhiệm vụ:*  HS thảo luận nhóm theo bàn: Nêu những yếu tố cốt yếu làm nên bài văn tự sự. Bên cạnh đó, những yếu tố bổ trợ nào có thể làm cho bài văn tự sự thêm sinh động?  *+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả.*  *+ GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới:;*  Chúng ta đã viết bài TLV số 2: đó là kiểu bài yêu cầu kể chuyện kết hợp với miêu tả. Để đánh giá xem bài viết của các em đã làm: được những gì, còn điều gì chưa hoàn thành hoặc cần tránh. Tất cả những điều trên, chúng ta cùng nhau thực hiện trong giờ học này. | *+ Thực hiện nhiệm vụ:* thảo luận, thống nhất trong nhóm.  *+* Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Lắng nghe. | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**   * Thời gian: 18’ * Phương pháp tích cực: Hoạt động nhóm, cá nhân, vấn đáp… * Kĩ thuật: động não, tia chớp, 321… | | |
| * + GV yêu cầu HS nhắc lại đề bài văn.   **\* HD tìm hiểu đề, xây dựng dàn ý**  *+ Giao nhiệm vụ:*  *-* HS thảo luận nhóm lớn, thống nhất dàn ý đã lập.  - Nêu tác dụng của yếu tố miêu tả trong bài viết.  *+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả.*  *+ GV nhận xét, chốt kiến thức.*  \***Nhận xét chung:**  + HĐ chung cả lớp:  - GV nhận xét ưu nhược điểm trong bài viết của HS. | - Nêu đề bài  **II. HD tìm hiểu đề, xây dựng dàn ý:**  *+ HS thực hiện nhiệm vụ:* thảo luận, thống nhất trong nhóm.  *+ HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:* Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  - Nghe, ghi ý chính.  **II. Nhận xét**  - Nghe, rút kinh nghiệm. | **\* Đề bài:**  Tưởng tượng hai mươi năm sau em về thăm lại ngôi trường hiện nay em đang học. Hãy viết thư cho một người bạn kể lại buổi thăm trường đầy xúc động ấy.  **I.HD tìm hiểu đề, xây dựng dàn ý:**  + Kể câu chuyện về thăm trường dưới hình thức một lá thư tâm sự với bạn.  + Bài văn được trình bày với bố cục ba phần  + Mở bài : Giới thiệu được hoàn cảnh lý do về thăm trường.  + Thân bài :  - Lý do trở lại thăm trường .  - Thăm vào buổi nào đi với ai? Đến trường đã gặp ai ?  - Ngôi trường có gì đổi khác không?  - Những điều nào đã gợi lại sự buồn vui.  + Kết bài: Cảm nghĩ về chuyến thăm trường. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**   * Thời gian: 19’ * Phương pháp tích cực: Hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân… * Kĩ thuật: động não, tia chớp, các mảnh ghép, 321… | | |
| **\* HD chữa lỗi:**  ***+ Giao nhiệm vụ:***  - GV đưa lên bảng phụ một số lỗi cơ bản trong bài viết của HS, yêu cầu HS trao đổi cặp đôi sửa lỗi***.***    ***+ GV nhận xét, uốn nắn.***  **\*Trả bài**  - GV trả bài cho HS.  - Gọi 1-2 em viết tốt đọc  - Yêu cầu HS sửa lỗi trong bài viết của mình vào phần giấy còn lại.( Có thể trao đổi trong bàn sửa lỗi giúp bạn) | **III. Chữa lỗi**  ***+ HS thực hiện nhiệm vụ: -*** HS trao đổi cặp đôi để sửa lỗi.  ***+ HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  - Nghe, rút kinh nghiệm.  ghe, sửa lỗi.  **IV.Trả bài:**   * Nghe, học hỏi. | **III. Chữa lỗi**  1. Lỗi chính tả:  + tĩnh nặng -> tĩnh lặng  + buổi xớm -> sớm  + sợ xệt -> sợ sệt  + dảnh dỗi -> rảnh rỗi  + ngày sưa - > ngày xưa  + rật mình -> giật mình  + xẽ về -> sẽ về  2. Viết tắt:  - Còn viết số khi kể về tuổi của bản thân.  - Nhiều em viết tắt các chữ: *không, với.*  3. Lỗi dùng từ, diễn đạt:  4. Xưng hô không thống nhất:  - nhiều em còn dùng cả hai cách xưng hô (tớ – cậu) trong bài viết.  5. Nội dung sơ sài:  Đọc - chữa lỗi trên bài của một số HS: |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm   Kĩ thuật: động não | | |
| + Giao nhiệm vụ:  Viết bài văn tự sự kể về một lần em mắc lỗi có sử dụng yếu tố miêu tả, miêu tả nội tâm.  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, chốt kiến thức | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, thảo luận, thống nhất trong nhóm.  + Chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | Viết được bài văn tự sự kể về một lần em mắc lỗi có sử dụng yếu tố miêu tả, miêu tả nội tâm. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | |
| + Giao nhiệm vụ:  - Đọc lại bài, trao đổi với bạn bè, người thân tự sửa lỗi. Viết lại những đoạn chưa đạt.  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, uốn nắn | -Làm việc cá nhân, chia sẻ với người thân, bạn bè…  + Chia sẻ , lưu sản phẩm. | Trao đổi với bạn bè, người thân tự sửa lỗi. Viết lại những đoạn chưa đạt cho tốt hơn. |

***\* Bảng tổng hợp kết quả:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số điểm** | **0 - 1,9** | **2 - 4,9** | **5 - 6,4** | **6,5 - 7,9** | **8 - 10** |
| **TSHS** |  |  |  |  |  |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Chuẩn bị cho Chủ đề: Hình ảnh người lính cách mạng trong thơ ca hiện đại

- Soạn bài: Đồng chí (Tìm hiểu về Chính Hữu.Đọc văn bản, trả lời câu hỏi/ SGK)

Lập sơ đồ tư duy giới thiệu tác giả, tác phẩm.

**Rút kinh nghiệm sau tiết kiểm tra:**

*- 100% HS làm đúng kiểu bài văn thuyết minh, có ý thức sử dụng miêu tả, nghệ thuật trong thuyết minh song một số bài kết quả ch­ưa thật tốt.*

*- Cần rèn cho HS kĩ năng sử dụng các biện pháp nghệ thuật trong văn thuyết minh.*

*- Cũng cố cách viết lời dẫn trực tiếp (dẫn thơ ca, hò vè trong bài thuyết minh), sử dụng dấu câu cho phù hợp.*

*- Yêu cầu HS luyện viết chính tả th­ờng xuyên.*

**# CẤU TRÚC ĐỀ TRUYỆN TRUNG ĐẠI**

**A.MỤC TIÊU KIỂM TRA:**

Qua kết quả làm bài của HS, đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức về phần kiến thức về truyện trung đại.

- Đánh giá năng lực nhận biết, thông hiểu, vận dụng các đơn vị kiến thức trong giao tiếp, tạo lập văn bản của HS thông qua hình thức kiểm tra trắc nghiệm và tự luận.

**1. Kiến thức:**

- Kiểm tra kiến thức phần văn học trung đại gồm: Chuyện người con gái Nam Xương, Hoàng Lê nhất thống chí, Truyện Kiều và các đoạn trích, Truyện Lục Vân Tiên.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn kỹ năng tái hiện, sử dụng kiến thức, kỹ năng cảm thụ văn học.

- Rèn kĩ năng làm bài, xác định vấn đề, trình bày vấn đề.

**3. Thái độ:**

- Giáo dục cho học sinh lòng kính trọng những tác giả văn học, lòng tự hào về nền văn học dân tộc.

- Có ý thức nghiêm túc trong làm bài kiểm tra

**4. Năng lực cần hình thành cho HS:**

- Năng lực tự giải quyết vấn đề, sáng tạo, đọc – hiểu, cảm thụ văn học.

**B. MA TRẬN ĐỀ**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | | **Tổng** |
| **Vận dụng thấp** | **Vận dụng cao** |
| Truyện Kiều | - Nhớ được tên văn bản, tác giả.  - Nhận diện được thể loại.  - Nhận diện được biện pháp ước lệ tượng trưng.  - Nhận diện đặc điểm nhân vật. | - Hiểu được ý nghĩa của biện pháp tu từ.  - Nêu nội dung chính của đoạn văn bản. |  |  |  |
| *Số câu*  *Số điểm*  *Tỉ lệ %* | *4*  *1,0* | *2*  *1,0* |  |  | **6**  **2.0** |
| *Hoàng Lê nhất thống chí* |  |  |  | Vận dụng điều tiếp nhận từ văn bản giải quyết một vấn đề trong thực tiễn. |  |
| *Số câu*  *Số điểm*  *Tỉ lệ %* |  |  |  | *1*  *1,0* | **1**  **1,0** |
| Chuyện người con gái Nam Xương |  |  | - Vận dụng hiểu biết về văn bản nêu cảm nhận về vẻ đẹp nhân vật. |  |  |
| *Số câu*  *Số điểm*  *Tỉ lệ %* |  |  | *1*  *1,0* |  | **1**  **7,0** |
| Tổng số :  ***Số câu***  ***Số điểm*** | **4**  **1,0** | **2**  **1.0** | **1**  **7,0** | **1**  **1,0** | **8 câu**  **10 điểm** |

**C. NỘI DUNG ĐỀ**

**\* Đề bài:**

1. **Phần đọc hiểu: (3điểm)**

Đọc đoạn văn bản sau và trả lời các câu hỏi từ 1 đến 6:

“Vân xem trang trọng khác vời,

Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang.

Hoa cười ngọc thốt đoan trang,

Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da.”

( Ngữ văn 9 – tập I)

Câu 1. (0,5 đ) Đoạn văn bản trên trích trong tác phẩm văn học nào? Của ai?

Câu 2. (0,25 đ) Tác giả có đoạn trích trên được mệnh danh là *“đại thi hào dân tộc, danh nhân văn hóa, nhà nhân đạo chủ nghĩa lớn”*. Đúng hay sai?

1. Đúng B. Sai

Câu 3. (0,25 đ) Những nhận xét nào đúng với tác phẩm có đoạn trích trên?

A.Tác phẩm là một truyện thơ Nôm.

B. Tác phẩm là một tiểu thuyết lịch sử.

C. Tác phẩm được sáng tác vào khoảng cuối thế kỉ XVIII, đầu thế kỉ XIX.

D. Tác phẩm được sáng tác vào thế kỉ XVI.

E. Tác phẩm trích trong “Vũ trung tùy bút”.

Câu 4.(0,25 đ) Trong câu thơ “Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang”tác giả đã sử dụng bút pháp nghệ thuật nào?

A.Nhân hóa C. Hoán dụ

1. Ước lệ tượng trưng D. So sánh

Câu 5. (0,25) Hình ảnh thơ “khuôn trăng đầy đặn” có ý nghĩa như thế nào?

Câu 6.(0,5 điểm) Nêu nội dung chính của đoạn văn bản trên?

Câu 7.(1,0 đ) Trong “Hoàng lê nhất thống chí” của Ngô gia văn phái, các tác giả đã để vua Quang Trung phủ dụ quân sĩ: *“Trong khoảng vũ trụ, đất nào sao ấy, đều đã phân biệt rõ ràng, phương Nam, phương Bắc chia nhau mà cai trị. Người phương Bắc không phải nòi giống nước ta, bụng dạ ắt khác*…” Câu nói trên đã gợi cho em suy nghĩ gì về trách nhiệm của mình trong việc khẳng định và bảo vệ chủ quyền biển đảo hiện nay? Trình bày bằng đoạn văn khoảng 3- 5 câu.

**II. Tạo lập văn bản ( 7 điểm**)

Bằng một bài văn ngắn, hãy nêu cảm nhận của em về vẻ đẹp của người phụ nữ qua tác phẩm *Chuyện người con gái Nam Xương* của Nguyễn Dữ?

**D. ĐÁP ÁN, BIỂU ĐIỂM**

**I. Phần đọc – hiểu ( 3 điểm)**

**Câu 1. (0,25 đ)**

Mức độ tối đa: HS trả lời: Truyện Kiều của Nguyễn Du.

Mức độ chưa đạt: Nhận diện được tên tác giả hoặc tác phẩm.

Mức độ không đạt: Không có câu trả lời hoặc có câu trả lời khác.

**Câu 2. (0,25)**

Mức độ tối đa: HS chọn đáp án A.

Mức độ không đạt: Không có câu trả lời hoặc có câu trả lời khác.

**Câu 3. (0,25)**

Mức độ tối đa: HS chọn đáp án A, C

Mức độ chưa đạt: Chọn A hoặc C

Mức độ không đạt: Không có câu trả lời hoặc có câu trả lời khác.

**Câu 4. (0,25)**

Mức độ tối đa: B

Mức độ không đạt: Không có câu trả lời hoặc có câu trả lời khác.

**Câu 5.(0,5 đ)**

Mức độ tối đa: HS nêu được: ý nói gương mặt đầy đặn như vầng trăng tròn.

Mức độ không đạt: Không có câu trả lời hoặc có câu trả lời khác.

**Câu 6. (0,5 đ)**

Mức độ tối đa:

HS nêu được đoạn thơ miêu tả vẻ đẹp đoan trang phúc hậu của Thúy Vân – vẻ đẹp khiến thiên nhiên phải thua nhường.

Mức độ không đạt: Không có câu trả lời hoặc có câu trả lời khác.

**Câu 7. (1,0)**

Mức độ tối đa: cần đảm bảo các ý:

- Khẳng định chủ quyền biển đảo thiêng liêng của Tổ quốc.

- Lên án hành động khiêu khích, xâm chiếm của Trung Quốc ở Biển Đông hiện nay.

- Nêu hành động của bản thân trong việc khẳng định và bảo vệ chủ quyền biển đảo.

Mức độ chưa tối đa: HS chỉ nêu được một hoặc hai ý.

Mức độ không đạt: Không có câu trả lời hoặc có câu trả lờikhác.

**II. Phần tạo lập văn bản ( 7 điểm)**

**\*Mức độ tối đa:**

HS biết làm bài văn nghị luận về nhân vật văn học.

Cụ thể:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Yêu cầu cần đạt** | **Điểm số** |
| **+ Yêu cầu chung** | ***\*Về kĩ năng:***  - HS làm đúng kiểu bài nghị luận văn học ngắn.  ***\*Về nội dung:***  - HS cảm nhận của em về vẻ đẹp của người phụ nữ qua tác phẩm *Chuyện người con gái Nam Xương* của Nguyễn Dữ  ***\* Về phương diện hình thức:*** Viết dưới dạng một bài văn ngắn, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, lỗi diễn đạt. |  |
| **+ Yêu cầu cụ thể** | 1. ***Mở bài:***  * *Giới thiệu*tác giả Nguyễn Dữ, tác phẩm *Truyền kì mạn lục*, văn bản *Chuyện người con gái Nam Xương*.   Nêu cảm nhận chung về nhân vật Vũ Nương: đẹp người, đẹp nết - tiêu biểu cho vẻ đẹp của người phụ nữ xưa. | **0,5** |
| **II.Thân bài:** *HS có thể làm theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau:*  **\*** ***Vũ Nương là một người phụ nữ đẹp nết đẹp người.***  + Xuất thân từ tầng lớp bình dân nhưng ở vũ Nương đã hội tụ đầy đủ những phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ Việt Nam theo quan điểm Nho giáo: *đảm đang, hiếu nghĩa, trong trắng, thuỷ chung... có đủ “tam tòng tứ đức”.*  **\* Đặc biệt tác giả đã đặt nhân vật trong tất cả các mối quan hệ để làm toát lên vẻ đẹp ấy:**  +Với chồng, nàng là người vợ hiền thục, luôn biết “giữ gìn khuôn phép, không từng để lúc nào vợ chồng phải thất hoà”.  + Với con, Vũ Nương là người mẹ đảm đang, thương yêu con hết mực. + Đối với mẹ chồng, nàng đã làm tròn bổn phận của người con dâu hiếu thảo.  + Những phẩm chất tốt đẹp của Vũ Nương còn thể hiện ngay cả khi nàng sống dưới thuỷ cung***.***  ( HS cần lấy dẫn chứng hợp lí, phân tích dẫn chứng để làm rõ luận điểm) | **1,0**  **5,0** |
| 1. ***Kết bài***  * Khẳng định lại nét đẹp phẩm chất của nhân vật   – Nêu cảm nghĩ của bản thân. | **1,0** |

**\*Mức độ chưa đạt:** Bài viết chưa cảm nhận đầy đủ những nét đẹp của nhân vật Vũ Nương; viết lúng túng, nhạt nhẽo, sai chính tả, mắc lỗi diễn đạt.

**\*Mức độ không đạt**: HS không viết được gì hoặc lạc đề

## TUẦN 10

**CHỦ ĐỀ: HÌNH ẢNH NGƯỜI LÍNH TRONG THƠ HIỆN ĐẠI**

**Thời lượng: 4 tiết(46,47,48,49)**

**( VĂN BẢN: ĐỒNG CHÍ, BÀI THƠ VỀ TIỂU ĐỘI XE KHÔNG KÍNH, ÁNH TRĂNG)**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**:

**1. Kiến thức :**

**\* Văn bản: Đồng chí**

- Một số hiểu biết về hiện thực những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc ta.

- Lí tưởng cao đẹp và tình cảm keo sơn gắn bó làm nên sức mạnh tinh thần của những người chiến sĩ trong bài thơ.

- Đặc điểm nghệ thuật của bài thơ: ngôn ngữ thơ bình dị, biểu cảm, hình ảnh tự nhiên, chân thực.

**\* Văn bản: Bài thơ về tiểu đội xe không kính**

- Những hiểu biết bước đầu về nhà thơ Phạm Tiến Duật.

- Đặc điểm của thơ Phạm Tiến Duật qua một sáng tác cụ thể : giàu chất hiện thực và tràn đầy cảm hứng lãng mạn.

- Hiện thực cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước được phản ánh trong tác phẩm ; vẻ đẹp hiên ngang, dũng cảm, tràn đầy niềm lạc quan cách mạng,…của những con người đã làm nên con đường Trường Sơn huyền thoại được khắc họa trong bài thơ .

**\*Văn bản: Ánh trăng**

- Kỉ niệm về một thời gian lao nhưng nặng nghĩa tình của người lính.

- Sự kết hợp các yếu tố tự sự, nghị luận trong một tác phẩm thơ Việt Nam hiện đại.

- Ngôn ngữ, giàu hình ảnh suy nghĩ, mang ý nghĩa biểu tượng.

**2. Kĩ năng :**

- Đọc diễn cảm một bài thơ hiện đại.

- Bao quát toàn bộ tác phẩm, thấy được mạch cảm xúc trong bài thơ.

-Tìm hiểu một số chi tiết nghệ thuật tiêu biểu, từ đó thấy được giá trị nghệ thuật của chúng trong bài thơ.

- Phân tích được vẻ đẹp hình tượng người lính trong thơ hiện đại.

- Cảm nhận được giá trị ngôn ngữ, hình ảnh độc đáo trong bài thơ.

- Vận dụng kiến thức về thể loại và sự kết hợp các phương thức biểu đạt trong tác phẩm để cảm nhận một văn bản trữ tình hiện đại.

**3. Thái độ:**

- Yêu mến những người lính cách mạng, học tập phẩm chát anh bộ đội cụ Hồ.

- Giáo dục thái độ sống *Uống nước nhớ nguồn.*

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

- Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, cảm thụ thẩm mĩ

**II. CÁC KĨ NĂNG SỐNG ĐƯỢC GIÁO DỤC TRONG BÀI:**

- Tự nhận thức: tự nhận thức được ý nghĩa của tình đồng chí, đồng đội.

- Suy nghĩ sáng tạo và trình bày về tình đồng chí, đồng đội trong bài thơ.

- Giao tiếp, hợp tác: trao đổi, trình bày suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về vẻ đẹp của các hình ảnh thơ.

- Trình bày 1’: trình bày cảm nhận về vẻ đẹp của hình tượng người lính trong thơ hiện đại.

**III. CÁC PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG BÀI**:

\* Phương pháp:

1. Dạy học dự án: Tự tìm hiểu tư liệu về các tác giả, tác phẩm.

2. Phương pháp:Thảo luận nhóm, kĩ thuật trình bày 1 phút về những giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ, về vẻ đẹp của hình tượng người lính trong thơ.

3.Cặp đôi chia sẻ về những chi tiết, hình ảnh trong bài thơ.

\* Kĩ thuật: Động não, XYZ, 321...

**IV. TÍCH HỢP KIẾN THỨC LIÊN MÔN:**

- Môn Lịch sử: hiểu biết về hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ.

- Môn Âm nhạc:

- HS nghe bài hát được phổ nhạc từ bài thơ Đồng chí.

- HS nghe bài hát về người lính lái xe .

**V. Chuẩn bị**

**1. Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* qua đọc- hiểu, phân tích văn bản, HS nắm được nét chính về nhà thơ Chính Hữu, Phạm Tiến Duật, Nguyễn Duy; thấy được vẻ đẹp của người lính cách mạng trong chống Pháp, chống Mĩ và trong hòa bình được thể hiện trong ba bài thơ.

*+ Nội dung của hoạt động:* Tác giả, hoàn cảnh sáng tác của tác phẩm. Vẻ đẹp của người lính cách mangjt rong thơ hiện đại Việt Nam.

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* dạy học dự án,hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

*+ Phương tiện dạy học:*  Tranh ảnh, tư liệu về hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ, phiếu học tập

- Máy chiếu

**2. Trò**: Soạn bài, tìm hiểu tư liệu về tác giả, tác phẩm, lập sowddof tư duy giới thiệu tác gải, tác phẩm.

**VI. TIẾN TRÌNH DẠY CÁC VĂN BẢN CỤ THỂ:**

1. **HÌNH TƯỢNG NGƯỜI LÍNH CHỐNG PHÁP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  16/10/2018 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết | 46,47 |
| Lớp | 9 |

**VĂN BẢN: ĐỒNG CHÍ**

**(Chính Hữu)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\* HOẠT ĐỘNG1. KHỞI ĐỘNG**  - Thời gian: 5'  - Phương pháp: Vấn đấp, thuyết trình.  - Kĩ thuật: Động não | | |
| - GV cho HS quan sát một số hình ảnh về thời kháng chiến chống Pháp.  ***+ Giao nhiệm vụ:***  Nêu hiểu biết của em về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp? Về phẩm chất anh hùng của thế hệ cha anh?  ***+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả.***  ***+ GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới.*** | ***+ Quan sát.***  ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** Nêuhiểu biết của bản thân về cuộc kháng chiến chống Pháp.  - Nhận xét chéo, bổ sung.  - Lắng nghe. | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**   * Thời gian: 60’ * Phương pháp tích cực: Hoạt động nhómdạy học dự án, hoạt động cặp đôi, cá nhân, vấn đáp… * Kĩ thuật: động não, tia chớp, các mảnh ghép, sơ đồ tư duy,321… | | |
| **\* HD tìm hiểu chung**  **- Yêu cầu HS đề xuất cách đọc.**  **-** GV hướng dẫn cách đọc (giọng chậm, tình cảm thể hiện tình đồng chí gắn bó keo sơn của người lính) đọc mẫu, yêu cầu 2-3 HS đọc, cho các HS khác nhận xét.  + Giao nhiệm vụ:  Yêu cầuHS thảo luận nhóm lớn với các nội dung sau:  - Nhóm 1,2: Lập sơ đồ tư duy trình bày hiểu biết về nhà thơ Chính Hữu.  - Nhóm 3, 4: Giới thiệu về hoàn cảnh sáng tác của tác phẩm, phương thức biểu đạt, bố cục, thể thơ.  - Nhóm 5: Giới thiệu về hình ảnh người lính chống Pháp qua các sáng tác âm nhạc.  + Yêu cầu các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.  + GV nhận xét, chốt kiến thức, cho điểm miệng. | **I.Tìm hiểu chung**   * Nghe * Đọc   ***+ HS thực hiện nhiệm vụ:*** thảo luận, thống nhất trong nhóm.  ***+*** Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  - Nghe | **I. Tìm hiểu chung**  ***1.Đọc***  ***2. Chú thích***  a.Tác giả: Chính Hữu  - Tên thật: Trần Đình Đắc, sinh 1926; quê: Can Lộc- Hà Tĩnh.  - Là nhà thơ, là chiến sĩ.  b. Tác phẩm.  - Sáng tác năm 1948, sau khi tác giả cùng đồng đội tham gia chiến dịch Việt Bắc (1947).  - In trong tập “Đầu súng trăng treo".  ***c. Từ khó: Sgk***  ***3. Thể thơ:***  - Thơ tự do.  + Thể thơ: Tự do  4. Đại ý:  Ca ngợi tình đồng chí, đồng đội giữa các anh lính thời kì đầu k/c chống Pháp.  ***5. Bố cục*** (ba phần)  + 7 câu đầu: Cơ sở của tình đồng chí.  + 10 câu tiếp: Những biểu hiện và sức mạnh của tình đồng chí.  + 3 câu cuối: Hình ảnh hai người lính trong phiên gác. |
| \* Sơ đồ tư duy giới thiệu tác giả Chính Hữu: | | |
| **\* HD phân tích**  văn bản:  - Yêu cầu HS đọc phần I.  ***+ Giao nhiệm vụ:***  HS thảo luận nhóm theo bàn, trả lời các câu hỏi sau: 7’  ? Phát hiện những tín hiệu nghệ thuật? Phân tích tác dụng?  ? Những cơ sở nào đã hình thành nên tình đồng chí?  H - Nêu cảm nhận của em về dòng thơ thứ bảy ?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, chốt kiến thức.  - Cho HS đọc 10 câu thơ tiếp theo, khái quát nội dung.  \* HĐ cá nhân:  ? Phát hiện những biện pháp nghệ thuật có trong đoạn thơ? Phân tích tác dụng?  ? Tại sao không phải “ruộng nương tôi...” mà lại là "ruộng nương anh gửi bạn thân cày"?  - Yêu cầu HS cảm nhận về từ " mặc kệ ", hình ảnh  " giếng nước gốc đa …" ?  **+ Yêu cầu HS trao đổi cặp đôi : 7’**  - Tình đồng chí của anh lính chống Pháp được biểu hiện như thế nào ?  - Em có nhận xét gì về cuộc sống và tinh thần của họ? Sức mạnh của tình đồng chí?  + Yêu cầu các cặp đôi báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, chốt kiến thức, phân tích hình ảnh “Thương nhau tay nắm lấy bàn tay ” ?  \* Cho HS đọc 3 câu cuối.  - Cảm nhận của em về 3 câu cuối bài thơ ?  \* Thảo luận theo bàn: 5’ Hình ảnh *Đầu súng trăng treo* là hình ảnh đẹp, kết hợp giữa hiện thực và trữ tình. Em hãy chứng minh điều đó.  - Gọi đại diện nhóm trả lời.  ? Qua bài thơ em có cảm nhận gì về vẻ đẹp của anh bộ đội thời chống Pháp?  - Cho HS liên hệ tới hình ảnh của anh bộ đội cụ Hồ trong thời nay. | **II. Phân tích**  - Đọc.  ***+ HS thực hiện nhiệm vụ:*** HS làm việc cá nhân; thảo luận, thống nhất trong nhóm.  ***+*** Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  - Nghe, ghi bài.  - Đọc.  - Phát hiện trả lời.  - Suy nghĩ trả lời.  - Nêu cảm nhận.  ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** trao đổi cặp đôi.  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** Đại diện các cặp đôi chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm.  - Đọc  - Nêu cảm nhận.  - Thảo luận.  - Đại diện trình bày.  - Nghe, cảm nhận.  -HS nêu cảm nhận.  - Liên hệ. | **1. Cơ sở hình thành tình đồng chí .**  ***-*** Với việc sử dụng thành ngữ, nghệ thuật hoán dụ, điệp ngữ, đối ngữ, tác giả đã lí giải cụ thể cơ sở hình thành tình đồng chí:  + Cùng chung hoàn cảnh xuất thân, có sự đồng cảm giai cấp.  + Chung nhiệm vụ, mục đích, lí tưởng.  + Chung những khó khăn, thử thách của cuộc chiến đấu.  - Câu thơ thứ 7, chỉ với một từ – hai tiếng, tách riêng thành một dòng thơ, tạo nốt nhấn vang lên như một phát hiện, một lời khẳng định, đồng thời như một bản lề gắn kết đoạn đầu với đoạn tiếp theo của bài.  - Đồng chí là sự kết tinh của mọi cảm xúc, đó là sự cao độ của tình bạn, tình người.  **2*. Những biểu hiện và sức mạnh của tình đồng chí.***  - Hiểu tâm tư nỗi lòng của nhau***,*** cùng chung một nỗi niềm nhớ về quê hương.  - Sẻ chia thiếu thốn gian khổ của đất nước .  - Đó là tinh thần lạc quan trước mọi khó khăn, gian khổ, là tình cảm yêu thương gắn bó sâu nặng  -> Tạo sức mạnh giúp người lính vượt qua những gian khổ, thiếu thốn..  **3. Biểu tượng của tình đồng chí.**  - Hình ảnh chân thực, chọn lọc cuộc sống chiến đấu của người lính: Khắc nghiệt căng thẳng nhưng luôn gắn bó chủ động tiến công kẻ thù.  **-** Hình ảnh *Đầu súng trăng treo*: gần-xa, hiện thực – lãng mạn, chất chiến đấu – chất trữ tình, chiến sĩ – thi sĩ.  => Sát cánh bên nhau, bất chấp những gian khổ, thiếu thốn. Đây là bức tranh đẹp về tình đồng chí, biểu tượng đẹp về cuộc đời người chiến sĩ . |
| **\* HD tổng kết:**  - Cho HS thảo luận nhóm: Khái quát nghệ thuật, nội dung của tác phẩm.  - Gọi đại diện trình bày.  - Cho HS nhận xét chéo.  - GV nhận xét. | **IV. Tổng kết**  - Thảo luận -> trình bày.  -Nhận xét chéo  -Nghe,ghi chép | **IV. Tổng kết**  ( Khái quát bằng SĐTD) |
|  | | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**   * Thời gian: 10’ * Phương pháp tích cực: Hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân, dạy học dự án… * Kĩ thuật: động não, tia chớp, các mảnh ghép, 321… | | |
| **\* HD luyện tập:**  - Cho HS đọc diễn cảm hoặc ngâm thơ.  ? Em thích hình ảnh thơ nào nhất? Vì sao?  - GV cho HS nghe bài hát phổ nhạc từ lời bài thơ Đồng chí | **IV. Luyện tập**  - Đọc.  - Bình   * Nghe | **IV. Luyện tập**  - Đọc bài thơ.  - Bình một hình ảnh ấn tượng nhất. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * Thời gian: 5’ (Có thể làm ở nhà) * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm   Kĩ thuật: động não | | |
| + Giao nhiệm vụ:  1. Nói cho bạn bè, người thân nghe về vẻ đẹp của hình ảnh anh bộ đội cụ Hồ mà em cảm nhận được qua bài thơ Đồng chí  của Chính Hữu.  2. Trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, với cương vị là một học sinh còn ngồi trên ghế nhà trường, em sẽ làm gì để phát huy những phẩm chất tốt đẹp của anh bộ đội cụ Hồ ?  + Y/c HS báo cáo kết quả.  +GV nhận xét,định hướng | + Thực hiện nhiệm vụ được giao.  + Chia sẻ  -Lưu sản phẩm. | 1. Trình bày được cảm nhận về vẻ đẹp của hình ảnh anh bộ đội cụ Hồ qua bài thơ Đồng chí  của Chính Hữu.  2. Bộc lộ trách nhiệm của bản thân với công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, việc học tập phẩm chất tốt đẹp của người lính chống Pháp. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân   Kĩ thuật: động não | | |
| -Yêu cầu HS làm bài tập: Qua các kênh thông tin, hãy sưu tầm thêm các bài thơ viết về hình ảnh người lính chống Pháp. ( VD : thơ Quang Dũng, thơ Hồng Nguyên)  - Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp, lưu sản phẩm. | - Thực hiện nhiệm vụ được giao.  - Báo cáo kết quả.  - Nhận xét chéo.  - Lưu sản phẩm | Sưu tầm thêm được các bài thơ viết về hình ảnh người lính chống Pháp |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

-Soạn bài :“Bài thơ về tiểu đội xe không kính”

Tìm hiểu về nhà thơ Phạm Tiến Duật. Đọc kĩ bài thơ, trả lời các câu hỏi trong Sgk.

- Tìm thêm tư liệu về tác giả Phạm tiến Duật và bài thơ.

**B. HÌNH TƯỢNG NGƯỜI LÍNH TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MĨ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  16/10/2018 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết | 48,49 |
| Lớp | 9 |

**VĂN BẢN: BÀI THƠ VỀ TIỂU ĐỘI XE KHÔNG KÍNH**

**(Phạm Tiến Duật)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | | **Hoạt động của trò** | | | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\* HOẠT ĐỘNG1. KHỞI ĐỘNG:**  - Thời gian: 5'  - Phương pháp: Thuyết trình.  - Kĩ thuật: Động não | | | | | |
| **- GV** cho HS xem một đoạn phim tư liệu về tuyến đường Trường Sơn trong cuộc kháng chiến chống Mĩ.  - Yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Em có hiểu biết gì cuộc kháng chiến chống Mĩ và hình ảnh những chiến sĩ lái xe trên tuyến đường Trường Sơn?  ***+ GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới:***  Trong những năm kháng chiến chống Mĩ, trên con đường Trường Sơn bỏng rát đạn bom, mịt mù khói lửa những chiếc xe không kính trong tay những anh lính Trường Sơn vẫn băng băng lao nhanh vào chiến trường miền Nam. Hình ảnh hiện thực ấy đã đi vào thơ – những câu thơ đầy cá tính mạnh mẽ của Phạm Tiến Duật. Bài học hôm nay phần nào sẽ giúp các em cảm nhận được điều đó. | | Quan sát, cảm nhận.  ***Tích hợp kiến thức liên môn Lịch sử:*** HS nêu một số hiểu biết chung về cuộc kháng chiến chống đế quốc Mĩ và những người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn.   * Nghe. | | | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**   * Thời gian: 58’ * Phương pháp tích cực: Hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân, vấn đáp… * Kĩ thuật: động não, tia chớp, các mảnh ghép,321… | | | | | |
| **\* HD tìm hiểu chung**  **- Yêu cầu HS đề xuất cách đọc.**  **-** GV hướng dẫn cách đọc (giọng, tình sôi nổi, hào hùng thể hiện được sự trẻ trung, tinh nghịc, ngoan cường của người lính chống Mĩ), GV đọc mẫu, yêu cầu 2-3 HS đọc, cho các HS khác nhận xét.  + Giao nhiệm vụ:  Yêu cầuHS thảo luận nhóm lớn với các nội dung sau:  - Nhóm 1,2: Lập sơ đồ tư duy trình bày hiểu biết về nhà thơ Phạm Tiến Duật  - Nhóm 3, 4: Giới thiệu về hoàn cảnh sáng tác của tác phẩm, phương thức biểu đạt, bố cục, thể thơ.  - Nhóm 5: Giới thiệu về hình ảnh người lính chống Mĩ qua các sáng tác âm nhạc.  + Yêu cầu các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.  + GV nhận xét, chốt kiến thức, cho điểm miệng. | **I.Tìm hiểu chung**   * Nghe * Đọc   ***+ HS thực hiện nhiệm vụ:*** thảo luận, thống nhất trong nhóm.  ***+*** Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  - Nghe | | | **I. Tìm hiểu chung**   1. **Đọc**   **2. Chú thích**  a.Tác giả :  Phạm Tiến Duật.  - Sinh 1941, quê Phú Thọ  - Là nhà thơ tiêu biểu của thế hệ các nhà thơ trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mĩ.  ***b. Tác phẩm***  - Sáng tác: 1969.In trong tập "Vầng trăng quầng lửa".  c.Từ khó(Sgk).  3.Thể thơ: Thơ tự do  4. Đại ý:  Qua việc miêu tả những chiếc xe không kính, nhà thơ ca ngợi hình ảnh người lính cách mạng trong kháng chiến chống Mỹ. | |
| **\* HD phân tích:**  **+ HĐ cá nhân:**  -Em có nhận xét gì về nhan đề bài thơ?  ***\* GV***: Nhan đề bài thơ rất độc đáo mới lạ. Bài thơ có nhan đề dài nhưng không thừa mà lại thu hút người đọc ở cái vẻ lạ, độc đáo của nó.  Mới lạ đến nỗi sợ người đọc chưa quen tác giả phải thêm vào 2 từ: Bài thơ về.  ? Em có nhận xét gì về hình ảnh những chiếc xe không kính?  ? Vì sao có thể nói hình ảnh ấy là độc đáo. Hãy phân tích?  - Vì xe cộ trong thơ thường được mỹ lệ hóa.  GV: Hình ảnh chiếc xe không kínhvốn không hiếm trong chiến tranh, nhưng phải có hồn thơ nhạy cảm, nét ngang tàng và tinh nghịch, thích cái lạ như của Phạm Tiến Duật mới nhận ra và đưa nó vào thành hình tượng thơ độc đáo của thời chiến tranh chống Mỹ.  ? Qua tìm hiểu và phân tích, em hãy cho biết những chiếc xe không kính được miêu tả cụ thể như thếá nào?  ? Hình ảnh những chiếc xe không kính gợi cho em những suy nghĩ gì?  - GV nhận xét, chốt kiến thức.  ***-GV cho HS liên hệ thêm về con đường lịch sử HCM và cuộc chiến khốc liệt***  ***? Qua hình ảnh của những chiếc xe không kính em có suy nghĩ gì về sự tàn phá của chiến tranh đối với môi trường?***  ***-GV giáo dục HS bảo vệ môi trường.*** *(hậu quả của chất độc da cam...)*  ***(Hết tiết 47 , chuyển tiết 48)***  ***+ Giao nhiệm vụ:***  HS thảo luận nhóm lớn, trả lời các câu hỏi sau:  1.Vẻ đẹp của người lính cách mạng được thể hiện qua những hình ảnh thơ, câu thơ nào?  2.Tác giả đã sử dụng những biện pháp nghệ thuật gì để khắc họa vẻ đẹp người chiến sĩ lái xe? Nhận xét về giạng điệu thơ?  3.Qua đó, hình ảnh người lính hiện lên như thế nào ( tư thế, thái độ, tinh thần chiến đấu, tình đồng chí đồng đội…)?  ***+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả.***  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức.***  + HĐ chung cả lớp:  ? Nhà thơ trở lại tả hình dáng chiếc xe không kính nhằm mđ gì?  - Khẳng định những khó khăn gian khổ, nguy hiểm ngày càng tăng, càng ác liệt của nhiệm vụ phục vụ chiến đấu của người lính lái xe Trường Sơn nhưng cuối cùng nhiệm vụ vẫn là trên hết, trước hết. *Tất cả vì miền Nam ruột thịt.*  ? Câu kết chỉ cần trong xe có một trái tim hay ở chỗ nào?  ***\* GV bình:*** Trái tim - hoán dụ: Người chiến sĩ lái xe với lòng yêu nước, dũng cảm và ý chí chiến đấu vì sự thống nhất của dân tộc thể hiện sức mạnh tinh thần của những người chiến sĩ – của một dân tộc kiên cường, bất khuất.  ? Hình ảnh người chiến sĩ lái xe gợi nhắc trong em về những nhận vạt lịch sử nào? Liên tưởng tới bài thơ nào khác?  VD: Đặng Thùy Châm, Nguyễn Văn Thạc... | II.Phõn tớch  - Nhận xét.  - Nghe  - Trình bày cảm nhận.  - Suy nghĩ trả lời.  - Nghe, cảm thụ.  - Khái quát trả lời, nhận xét chéo.  - Liên hệ thực tiễn.  - Tự bộc lộ quan điểm.  ***+ HS thực hiện nhiệm vụ:*** HS làm việc cá nhân; thảo luận, thống nhất trong nhóm.  ***+ HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  - Nghe, ghi chép.  - Suy nghĩ trả lời.  -HS nêu cảm nhận  -Liên hệ mở rộng. | | | **II. Phân tích**  **1.Hình ảnh những chiếc xe không kính.**  - Hình ảnh độc đáo, mới lạ.  - ***Được miêu tả thực đến mức trần trụi: không kính, không đèn, không mui, thùng xe xước... vẫn băng băng ra tiền tuyến.***  ***- Góp phần phản ánh hiện khốc liệt của chiến tranh.***  **2. Hình ảnh những chiến sĩ lái xe**  ***- Nghệ thuật điệp ngữ, đối ngữ làm nổi bật tư thế hiên ngang ung dung, bình tĩnh, tự tin và thanh thản của người lính lái xe.***  ***- Giọng thơ ngang tàng, lặp cấu trúc câu thể hiện thái độ bất chấp khó khăn nguy hiểm, sự sôi nổi trẻ trung, tinh thần lạc quan yêu đời.***  ***- Họ luôn sống tình nghĩa, yêu thương gắn bó trong tình đồng chí, đồng đội.***  ***- Dũng cảm, có ý chí chiến đấu vì sự nghiệp thống nhất đất nước***. | |
| **\* HD tổng kết:**  - Cho HS thảo luận theo bàn:  H- Nhận xét gì về ngôn ngữ giọng điệu của bài thơ này ? Tác dụng của những yếu tố đó như thế nào ?  H- Dựa vào những gì đã tìm hiểu, em hãy nêu khái quát giá trị của bài thơ?  - Gọi đại diện trình bày.  - Cho các nhóm nhận xét chéo.  - GV nhận xét, chốt kiến thức phần ghi nhớ. | **III. Tổng kết**  - Thảo luận.  - Trình bày.  - Nhận xét chéo.  - Nghe, ghi chép. | | | **III. Tổng kết**  1/Nghệ thuật  - Lựa chọn chi tiết độc đáo, có tính chất phát hiện, hình ảnh đậm chất hiện thực.  - Sử dụng ngôn ngữ của đời sống, tạo nhịp điệu linh hoạt thể hiện giọng điệu ngang tàng, trẻ trung, tinh nghịch.  2/Nội dung  - Qua hình ảnh những chiếc xe không kính, nhà thơ khắc họa hình ảnh người chiêùn sĩ lái xe hiên ngang, dũng cảm, lạc quan, sôi nổi bất chấp khó khăn, nguy hiểm vì miền Nam ruột thịt.  **\***  *Ghi nhớ (Sgk/).* | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**   * Thời gian: 7’ * Phương pháp tích cực: Hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân, dạy học dự án… * Kĩ thuật: động não, tia chớp, các mảnh ghép, 321… | | | | | |
| **\* HD luyện tập :**  - Cho HS đọc diễn cảm bài thơ.  ***Tích hợp Âm nhạc:***  ***GV cho HS nghe bài hát về người lính lái xe.*** | **III.Luyện tập**   * Đọc * Nghe | | **III. Luyện tập**  - Đọc diễn cảm. | | |
| **HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân   Kĩ thuật: động não | | | | | |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  **-** Trình bày cảm nhận của em về tuổi trẻ trong kháng chiến chống Mĩ cứu nước để bạn bè, người thân cùng biết.  - So sánh hình ảnh người lính chống Pháp với người lính chống Mĩ qua hai bài thơ  *Đồng chí* và  *Bài thơ về tiểu đội xe không kính*.  - Từ vẻ đẹp của người chiến sĩ lái xe trong bài thơ trên, em dự định sẽ xây dựng cho mình một lí tưởng sống như thế nào?  ***+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả.***  ***+ GV nhận xét, đánh giá.*** | ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** làm việc cá nhân  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | | **-** Trình bày được cảm nhận của em về tuổi trẻ trong kháng chiến chống Mĩ cứu nước để bạn bè, người thân cùng biết.  - So sánh hình ảnh người lính chống Pháp với người lính chống Mĩ qua hai bài thơ  *Đồng chí* và  *Bài thơ về tiểu đội xe không kính*.  - Xác định lí tưởng sống của bản thân. | | |
| **HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | | | | |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  - Học thuộc bài thơ. Thấy được sức mạnh và vẻ đẹp tinh thần của người lính cách mạng.  - Tìm đọc các bài thơ cùng đề tài, ghi vào sổ tay văn học.  ***+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả.***  ***+ GV nhận xét, đánh giá.*** | ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** làm việc cá nhân,chia sẻ với người thân, bạn bè…  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** chia sẻ , lưu sản phẩm. | |  | | |

**C. HÌNH ẢNH NGƯỜI LÍNH SAU CHIẾN TRANH (SAU NĂM 1975)**

**\* HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM VĂN BẢN: ÁNH TRĂNG**

***(Nguyễn Duy)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 3’ * Phương pháp tích cực: Nêu vấn đề, trao đổi cặp đôi * Kĩ thuật: động não, tia chớp | | |
| ***+ GV nêu tình huống:***  Có ý kiến cho rằng: *“Dù ở thời đại nào, trong bất cứ hoàn cảnh nào, người lính cách mạng vẫn giữ được những phẩm chất cao quý của mình, phát huy phẩm chất anh bộ đội cụ Hồ, vẫn luôn nhắc nhở mình phải sống ân nghĩa thủy chung với nhân dân, đất nước.*” Em có đồng ý với nhận xét trên không? Vì sao?  ***-*** HS trao đổi cặp đôi, trả lời câu hỏi.  ***+ GV nhận xét, dẫn vào bài.*** | ***+ HS thực hiện nhiệm vụ:***  thảo luận, thống nhất trong cặp đôi.  ***+*** Đại diện các cặp đôi chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực. | Xác định được trọng tâm của bài, có hứng thú học bài mới. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  - Thời gian: 13'  - Phương pháp: Đọc diễn cảm, dạy học dự án.  - Kĩ thuật: động não | | |
| **\* HD tìm hiểu chung**  - Yêu cầu HS khái quát được nét chính về tác giả trên cơ sở đã chuẩn bị bài ở nhà  - GV cho điểm miệng.  - GV HD đọc: 3 khổ đầu: Giọng kể đều đều. Khổ 4: giọng cất cao, ngỡ ngàng. Khổ5,6: giọng thiết tha, trầm lắng, suy tư.  - Cho HS đọc.  - Nhận xét về cách đọc của HS.  - Yêu cầu hS trình bày kết quả đã tìm hiểu ở nhà về :  + Phương thức biểu đạt chính  + Bố cục.  + Mạch cảm xúc của bài ?  - Cho các nhóm trình bày kết quả.  - Gv nhận xét, kết luận chung. | **I.Tìm hiểu chung**  - Tự nghiên cứu theo phần chú thích/sgk  - Nghe.  -Đọc  - Trình bày. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Chú thích .**  a. Tác giả Nguyễn Duy .  - Tên thật là Nguyễn Duy Nhuệ (1948) , quê Thanh Hoá.  - Thuộc thế hệ các nhà thơ quân đội trưởng thành trong kháng chiến chống Mĩ.  b. Tác phẩm : sáng tác năm 1978 tại Tp Hồ Chí Minh.  **2. Đọc** .  **3. Bố cục**: 3 phần  + Ba khổ đầu: Cảm xúc của nhà thơ về vần trăng trong quá khứ (tự sự + biểu cảm)  + Khổ 4: Sự xuất hiện của vầng trăng trong hiện tại  ( Tự sự + miêu tả)  + Khổ 5, 6 : Cảm xúc, suy ngẫm về vầng trăng ( Biểu cảm + miêu tả)  **4. Mạch cảm xúc:**  Hình ảnh vầng trăng xuyên suốt bài thơ theo trình tự thời gian. |
| **\* HD phân tích**  ***+ Giao nhiệm vụ: thảo luận nhóm 7’***  HS tìm hiểu văn bản theo hệ thống câu hỏi sau để nắm được giá trị nội dung, nghệ thuật của bài thơ:  - Phát hiện các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong bài thơ?  - Hình ảnh vầng trăng có ý nghĩa biểu tượng như thế nào trong mạch cảm xúc của nhà thơ? (quá khứ, hiện tại)  ? Hãy nhận xét về tư thế, cảm xúc của tác giả khi đột ngột gặp lại vầng trăng ?  ? Phân tích cái "giật mình" của nhà thơ khi nhìn trăng?  - Trong cuộc sống đã bao giờ em “giật mình” như thế chưa?  \* ***Tích hợp môi trường***  GV: Liên hệ qua môi trường, thiên nhiên thật nghiêm khắc, lạnh lùng nhưng cũng thật ân tình, rộng lượng bao dung. Vậy nên cần trân trọng giá trị của thiên nhiên, cần nâng niu bảo vệ môi trường thiên nhiên thì thiên nhiên mới trường tồn mà bất diệt  ***+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả***  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức*** | **II. Phân tích**  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Lắng nghe. | **II. Phân tích**  **1. Hình ảnh vầng trăng và cảm xúc nhà thơ.**  ***- Hồi nhỏ, hồi chiến tranh trăng với người là tri kỉ, tình nghĩa, gắn với hạnh phúc, gian lao của mỗi người.***  ***- Hiện tại, cái vầng trăng tri kỉ, vầng trăng tình nghĩa ấy đã là quá khứ kỉ niệm của con người.***  ***- Từ hồi về thành phố: trăng như người dưng qua đường.***  ***-> Khi thay đổi hoàn cảnh, con người có thể dần quên quá khứ, nhất là quá khứ nhọc nhằn, gian khó. Tình cảm cũng có thể thay đổi theo.***  - Sự xuất hiện của vầng trăng ở tình huống đặc biệt tự nhiên gây ấn tượng mạnh để từ đó tác giả bộc lộ cảm xúc, chủ đề của tác phẩm.  **2. Suy ngẫm về ánh trăng.**  ***- Vầng trăng là biểu hiện của thiên nhiên hồn nhiên tươi mát.***  ***- Vầng trăng có ý nghĩa biểu tượng cho quá khứ nghĩa tình mà vô cùng nghiêm khắc.***  ***- Trăng còn là vẻ đẹp bình dị và vĩnh hằng của đời sống.*** |
| **\* Hoạt động 4: Đánh giá, khái quát: (HĐ hình thành kiến thức)**  - Thời gian: ( Về nhà tự khái quát)  - Mục tiêu: Khái quát giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản.  - Phương pháp: dạy học dự án, tự nghiên cứu.  - Kĩ thuật: Động não | | |
| **\* HD tổng kết:**  ? Nhận xét kết cấu, giọng điệu của bài thơ ? Kết cấu giọng điệu đó có tác dụng như thế nào trong việc làm nổi bật chủ đề ?  ? Qua bài thơ, tác giả chỉ đơn thuần nói về trăng hay tác giả muốn gửi gắm điều gì khác ? | **III. Tổng kết:**  - Tự khái quát | **III. Tổng kết**  - Thể thơ 5 chữ, giọng điệu tâm tình, nhịp thơ trôi chảy tự nhiên nhịp nhàng theo lời kể.  → Bài thơ đặt ra một vấn đề: thái độ đối với quá khứ, với người đã khuất và với cả chính mình. " ánh trăng" nằm trong mạch cảm xúc "Uống nước nhớ nguồn". |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**   * Thời gian: (Làm ở nhà) * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân * Kĩ thuật: động não | | |
| **\* HD luyện tập:**  - Yêu cầu HS làm bài tập | **IV.Luyện tập**  ( Về nhà làm) | **IV. Luyện tập**  ? Ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh ánh trăng trong bài thơ "Ánh trăng" của Nguyễn Duy? |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân * - Kĩ thuật :động não | | |
| + Giao nhiệm vụ:  ? Bài học cuộc sống em nhận được từ văn bản “Ánh trăng”?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, định hướng. | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, thảo luận.  - Chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. |  |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | |
| + Giao nhiệm vụ:  - Sưu tầm các tác phẩm văn học cùng đề tài.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá.  **\* Tích hợp Âm nhạc:**  - Tìm, nghe bài hát về người lính sau chiến tranh: *Dấu chân tròn trên cát.* | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, chia sẻ với người thân, bạn bè…  + Chia sẻ , lưu sản phẩm. |  |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (2’)**

- Viết bài thu hoạch: ***Cảm nhận của em về hình tượng người lính cách mạng trong thơ ca hiện đại Việt Nam. (Nộp vào đầu tiết 51)***

- Chuẩn bị bài tiếp theo: Ôn tập chuẩn bị cho bài KT Văn học Trung đại(tiết sau)

**Ngày kiểm tra:**

**TIẾT 50: KIỂM TRA TRUYỆN TRUNG ĐẠI**

**I.Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Kiểm tra kiến thức phần văn học trung đại gồm: Chuyện người con gái Nam Xương, Hoàng Lê nhất thống chí, Truyện Kiều và các đoạn trích, Truyện Lục Vân Tiên…

***2. Kĩ năng:***

- Rèn kĩ năng tái hiện, sử dụng kiến thức, kỹ năng cảm thụ văn học.

- Rèn kĩ năng làm bài, xác định vấn đề, trình bày vấn đề.

***3.Thái độ, phẩm chất:***

- Có ý thức nghiêm túc trong làm bài.

- Biết sống yêu thương; sống có trách nhiệm với Tổ quốc.

**II. Trọng tâm:**

***1. Kiến thức:***

- Kiểm tra kiến thức phần văn học trung đại gồm: Chuyện người con gái Nam Xương, Hoàng Lê nhất thống chí, Truyện Kiều.

***2. Kĩ năng:***

- Rèn kĩ năng tái hiện, sử dụng kiến thức, kĩ năng cảm thụ văn học.

- Rèn kĩ năng làm bài, xác định vấn đề, trình bày vấn đề..

***3.Thái độ, phẩm chất:***

- Có ý thức nghiêm túc trong làm bài.

- Biết sống yêu thương; sống có trách nhiệm với Tổ quốc.

***4. Năng lực cần hình thành cho HS:***

- Hình thành năng lực tự giải quyết vấn đề, hợp tác.

- Năng lực giao tiếp, thuyết trình.

- Sáng tạo, vận dụng giải quyết những tình huống trong thực tiễn cuộc sống…

**III. Chuẩn bị:**

- Chuẩn bị của thầy: +Ra đề, biểu điểm

- Chuẩn bị của trò: Ôn tập theo gợi ý tiết 134 (SGK)

**IV. Tổ chức dạy và học:**

***1. Ổn định tổ chức***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của HS***

***3.Nội dung tiết kiểm tra:***

***\* Hoạt động 1:***  Giao đề

- Giáo viên phát đề đã phô tô

**\* Hoạt động 2:** HS làm bài

- Yêu cầu HS làm bài nghiêm túc.

**\* Hoạt động 3:** Thu bài, nhận xét giờ kiểm tra

- Giáo viên thu bài đúng giờ.

- Nhận xét ý thức làm bài của học sinh

**\* Hoạt động 4:** HDVN

- Ôn lại toàn bộ văn học trung đại.

- Chuẩn bị bài: Tổng kết từ vựng (Tiết 53): Đọc trước bài, trả lời các câu hỏi, làm bài tập.

## TUẦN 11

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  28/10/2018 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT 51,52. ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ**

**I. Mức độ cần đạt:**

***1.Kiến thức:***

- Có những hiểu biết bước đầu về tác giả Huy Cận và hoàn cảnh ra đời của bài thơ.

- Thấy được những cảm xúc của nhà thơ trước biển cả rộng lớn và cuộc sống lao động của ngư dân trên biển.

Phát hiện và phân tích được nghệ thuật ẩn dụ, phóng đại, cách tạo dựng những hình ảnh tráng lệ, lãng mạn trong bài thơ.

***2.Kĩ năng:***

- Có kĩ năng đọc - hiểu một tác phẩm thơ hiện đại.

- Phân tích được một số chi tiết nghệ thuật tiêu biểu trong bài thơ.

- Cảm nhận được cảm hứng về thiên nhiên và cuộc sống lao động của tác giả được đề cập đến trong tác phẩm.

***3.Thái độ:***

- Bồi đắp tình yêu lao động và con người lao động.

- Yêu quê hương đất nước, có ý thức lao động, cống hiến xây dựng quê hương.

**II. Trọng tâm**

***1.Kiến thức:***

- Những cảm xúc của nhà thơ trước biển cả rộng lớn và cuộc sống lao động của ngư dân trên biển.

- Nghệ thuật ẩn dụ, phóng đại, cách tạo dựng những hình ảnh tráng lệ, lãng mạn.

***2.Kĩ năng:***

- Phân tích được một số chi tiết nghệ thuật tiêu biểu trong bài thơ.

- Cảm nhận được cảm hứng về thiên nhiên và cuộc sống lao động của tác giả được đề cập đến trong tác phẩm.

***3.Thái độ:***

- Bồi đắp tình yêu lao động và con người lao động.

- Yêu quê hương đất nước, có ý thức lao động, cống hiến xây dựng quê hương.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

- Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, cảm thụ thẩm mĩ

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

+ Ý tưởng thiết kế hoạt động: Qua việc tổ chức cho HS đọc - hiểu văn bản, HS nắm được nét chính về tác giả Huy Cận, vẻ đẹp của con người lao động mới.

+ Nội dung của hoạt động: tác giả Huy Cận, vẻ đẹp của con người lao động mới ở miền Bắc xã hội chủ nghĩa.

+Phương pháp tổ chức dạy học: hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ: 5’**

? Đọc thuộc *“Bài thơ về tiểu đội xe không kính”*. Nêu cảm nhận về hình ảnh người chiến sĩ lái xe được khắc họa trong bài?

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 7’ * Phương pháp tích cực: Nêu vấn đề * Kĩ thuật: động não, tia chớp | | |
| + Giao nhiệm vụ:  ? Nêu hiểu biết của em về lịch sử Việt Nam giai đoạn 1955 – 1975?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới: Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954, miền Bắc bắt tay vào xây dựng CNXH. Tất cả mọi người, mọi ngành nghề đều lao động hăng say trong niềm vui, phấn khởi của con người làm chủ cuộc sống mới. Điều đó phần nào được nhà thơ Huy Cận tái hiện qua bài thơ "Đoàn thuyền đánh cá" mà chúng ta sẽ tìm hiểu hôm nay. | **+ HS thực hiện nhiệm vụ:** HS làm việc cá nhân.  **+ HS** chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  - Nghe.- Tích hợp môn lịch sử. | Xác định được trọng tâm của bài, có hứng thú học bài mới. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**   * Thời gian: 65’ * Phương pháp tích cực: Hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân, vấn đáp…   Kĩ thuật: động não, tia chớp, các mảnh ghép,321… | | |
| **\* HD tìm hiểu chung**  *+ Yêu cầu HS HĐ cá nhân:*  - Dựa vào chú thích \* nêu những nét chính về tác giả?  - Giới thiệu chân dung nhà thơ.  ? Nêu xuất xứ của tác phẩm?  - Viết năm 1958 trong chuyến đi thực tế dài ngày ở vùng biển Quảng Ninh.  - Yêu cầu HS giải thích từ khó.  - Hướng dẫn học sinh cách đọc: giọng vui, phấn chấn, nhịp vừa phải  - Đọc mẫu, gọi học sinh đọc. +Yêu cầu HS trao đổi cặp đôi:  Xác định thể thơ, phương thức biểu đạt chính của văn bản, bố cục của bài thơ?  **\* HD phân tích:**  + Yêu cầu HS HĐ cá nhân:  ? Em có nhận xét gì về thời gian và không gian được miêu tả trong bài?  ? Khái quát cảm hứng bao trùm trong bài thơ?  + GV cho lớp nhận xét chéo.  + GV nhận xét, chốt kiến thức:  - Không gian rộng lớn bao la với mặt trời, biển, trăng, sao, mây, gió.  - Thời gian là nhịp tuần hoàn của vũ trụ từ lúc hoàng hôn đến bình minh, cũng là thời gian của một chuyến ra biển rồi trở về của đoàn thuyền đánh cá.  +Cảm hứng bao trùm bài thơ là: Cảm hứng về thiên nhiên, vũ trụ; cảm hứng về lao động, về những con người lao động mới trong công cuộc xây dựng đất nước. Cảm hứng thống nhất ấy tạo nên vẻ đẹp riêng của bài thơ  - Yêu cầu HS đọc 2 khổ thơ đầu.  + Yêu cầu HĐ cặp đôi:  ? Nghệ thuật đặc sắc nào được sử dụng? Tác dụng?  ? Hình dung của em về cảnh hoàng hôn trên biển dựa theo liên tưởng và tưởng tượng của tác giả?  ? Đối lập với thiên nhiên vũ trụ, con người được nhắc tới như thế nào ? Chữ lại trong câu *“Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi”* hàm ý gì?  ? Em hiểu “*câu hát căng buồm cùng gió khơi”* như thế nào? Nội dung lời hát gợi mơ ước gì của người đánh cá?  + Yêu cầu các cặp đôi báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, chốt kiến thức.  ***(Hết tiết 52, chuyển tiết 53)***  - Đọc 4 khổ thơ tiếp theo của bài.  + Yêu cầu HS hoạt động nhóm, trả lời các câu hỏi:  ? Cảnh đánh cá đêm được miêu tả qua những câu thơ nào trong đoạn thơ?  ? Câu thơ *“thuyền ta lái gió với buồn trăng, lướt giữa mây cao...”* gợi cho em suy nghĩ gì?  ? Công việc đánh cá được tác giả nói đến qua những từ ngữ, hình ảnh nào?  ? Dưới ngòi bút của tác giả cảnh biển đêm đẹp lung linh huyền ảo đã hiện ra như thế nào? Nghệ thuật miêu tả có gì đặc sắc?  ? Từ những bức tranh thơ mộng về lao động, về thiên nhiên em thấy nhà thơ thể hiện mối quan hệ ntn về mối quan hệ giữa thiên nhiên và con người trong cuộc sống?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, chốt kiến thức.  - Đọc khổ thơ cuối bài, khái quát nội dung?  + Yêu cầu HS hoạt động cá nhân.  - Cảm nhận của em về khổ thơ này? | **I.Tìm hiểu chung**  - Dựa vào sgk trả lời.  - Dựa vào sgk trả lời.  - Giải nghĩa từ.  - Nghe.  - Đọc văn bản, nhận xét bạn đọc  + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, thống nhất trong cặp đôi.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm.  **II.Phân tích**  - Suy nghĩ, trình bày.  - Nận xét chéo.  - Nghe, ghi bài.  - Đọc  + HS thảo luận cặp đôi.  ***+*** Đại diện cặp đôi chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm.  - Đọc diễn cảm  + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân rồi thảo luận, thống nhất trong nhóm.  + Báo cáo kết quả: Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  + Nghe, ghi bài.  - Đọc.  - Nêu cảm nhận. | **I.Tìm hiểu chung**  **1.Chú thích**  ***a.Tác giả***  - Cù Huy Cận (1919-2005), quê: Hà Tĩnh  +Nổi tiếng từ phong trào “Thơ mới”  +Tham gia cách mạng từ trước 1945...là một trong những nhà thơ tiêu biểu của nền thơ hiện đại Việt Nam  - 1996 được Nhà nước trao tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học.  ***b.Tác phẩm***  - Viết năm 1958.  - In trong tập *“Trời mỗi ngày lại sáng”.*  ***c.Từ khó: SGK***  ***2.Đọc***  ***3. Thể thơ***  - Thơ bẩy chữ.  ***4. PT biểu đạt***  Miêu tả+biểu cảm  ***5. Bố cục***  +2khổ đầu:Cảnh đoàn thuyền ra khơi.  +4 khổ giữa:Cảnh đánh cá đêm trên biển  +Khổ cuối:Cảnh đoàn thuyền trở về.  **II.Phân tích**      **1.Cảnh đoàn thuyền ra khơi.**  ***-*** Với nghệ thuật liên tưởng, so sánh, nhân hoá, ẩn dụ, nhà thơ tái hiện khung cảnh hoàng hôn trên biển. Một khung cảnh kì vĩ tráng lệ. Thiên nhiên, vũ trụ đã đi vào tư thế nghỉ ngơi thư giãn cũng là lúc con người bắt tay vào lao động.  => Người lao động ra khơi trong niềm vui và mong ước đánh bắt được nhiều cá.  **2.Cảnh đoàn thuyền đánh cá đêm trên biển**  - Với cảm hứng lãng mạn, trí tưởng tượng phong phú, tác giả cho thấy con thuyền đánh cá vốn nhỏ bé trước biển cả bao la đã trở thành con thuyền kì vĩ khổng lồ, hòa nhập với kích thước rộng lớn của thiên nhiên, vũ trụ.  - Công việc nặng nhọc của người đánh cá trở thành bài ca đầy niềm vui, nhịp nhàng cùng thiên nhiên.  - Biện pháp liệt kê, nghệ thuật phối sắc tài tình thể hiện sự giàu có, đẹp đẽ của biển đêm, biển được miêu tả như một bức tranh sơn mài lung linh, huyền ảo....  => Thiên nhiên thống nhất hài hòa với con người. Con người lao động làm chủ thiên nhiên, làm chủ cuộc đời  **3. Cảnh đoàn thuyền đánh cá trở về**  *- Với nghệ thuật điệp cấu trúc câu, nhân hoá, cường điệu, tượng trưng, tác giả táI hiện cảnh đoàn thuyền trở vềkhẩn trương, trong ánh bình minh rực rỡ, với tiếng hát mừng thắng lợi.* |
| **\* HD tổng kết:**  - Cho HS thảo luận:  ? Em nhận xét gì về âm hưởng, giọng điệu của bài thơ?  ? Nội dung, nghệ thuật ? | **III.Tổng kết**  - Thảo luận nhóm rút ra nội dung ghi nhớ. | **III.Tổng kết**  \* Nghệ thuật:  - Viết theo lối thơ bảy chữ, ngắt nhịp 4/3 hoặc 2/2/3 tạo âm hưởng khỏe khoắn, sôi nổi, bay bổng  - Cách gieo vần linh hoạt, biến hóa(vần trắc xen vần bằng tạo sự vang xa bay bổng.  \* Nội dung:  - Miêu tả cảnh đánh cá đêm trên biển, ca ngợi vẻ đẹp tráng lệ của thiên nhiên, đất nước, ca ngợi những con người lao động mới, cuộc sống mới. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**   * Thời gian: 10’ * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân * Kĩ thuật: động não, tia chớp, các mảnh ghép, 321 | | |
| **\* HD luyện tập:**  - Cho HS đọc diễn cảm bài thơ.  - Bình một khổ thơ em thích nhất? | **IV. Luyện tập**  - Đọc diễn cảm bài thơ.  - Nêu cảm nhận. | **IV. Luyện tập**  - Đọc diễn cảm bài thơ. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân   Kĩ thuật: động não | | |
| + Yêu cầu HSHĐ cá nhân  ? Vì sao gọi bài thơ là một khúc tráng ca về lao động và thiên nhiên giàu đẹp?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  +Lưu sản phẩm. | HS gải thích được: Gọi bài thơ là một khúc tráng ca về lao động và thiên nhiên giàu đẹp vì âm điệu vang khỏe, bay bổng, tràn đầy cảm hứng lãng mạn, màu sắc lung linh, huyền ảo, nhà thơ ca ngợi lao động ca ngợi người lao động làm chủ thiên nhiên, làm chủ cuộc đời... |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | |
| + Giao nhiệm vụ:  Tìm và đọc thêm các bài thơ cùng đề tài, chia sẻ với người thân, bạn bè.  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, chia sẻ với người thân, bạn bè…  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ , lưu sản phẩm. | Tìm và đọc thêm các bài thơ cùng đề tài. |

**\*Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Học thuộc lòng, đọc diễn cảm bài thơ.

- Tìm những chi tiết khắc hoạ hình ảnh đẹp tráng lệ, thể hiện sự hài hoà giữa thiên nhiên và con người lao động trên biển cả.

- Chuẩn bị tiết: Tổng kết từ vựng (tiếp): Ôn lại lí thuyết (Lập sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức). Làm các bài tập/ Sgk.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  29/10/2018 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT 53. TỔNG KẾT VỀ TỪ VỰNG**

(tiếp theo)

**I. Mức độ cần đạt:**

***1.Kiến thức:***

- Nắm vững kiến thức về các cách phát triển của từ vựng Tiếng Việt, các khái niệm từ mượn, từ Hán Việt, thuật ngữ, biệt ngữ xã hội.

***2.Kĩ năng:***

- Nhận diện được từ mượn, từ Hán Việt, thuật ngữ, biệt ngữ xã hội.

- Hiểu và sử dụng từ vựng chính xác trong giao tiếp đọc - hiểu và tạo lập văn bản.

***3.Thái độ, phẩm chất:***

- Yêu tiếng Việt.

- Có ý thức trau dồi vốn từ, sử dụng từ ngữ đúng hoàn cảnh, mục đích giao tiếp.

**II. Trọng tâm kiến thức, kĩ năng**

***1.Kiến thức:***

- Các cách phát triển của từ vựng Tiếng Việt.

- Các khái niệm từ mượn, từ Hán Việt, thuật ngữ, biệt ngữ xã hội.

***2.Kĩ năng:***

- Hiểu và sử dụng từ mượn, từ Hán Việt, thuật ngữ, biệt ngữ xã hội chính xác trong giao tiếp đọc - hiểu và tạo lập văn bản.

***3.Thái độ, phẩm chất:***

- Yêu tiếng Việt.

- Có ý thức trau dồi vốn từ, sử dụng từ ngữ đúng hoàn cảnh, mục đích giao tiếp.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

- Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* Qua việc tổ chức cho HS ôn lại lí thuyết và thực hành làm bài tập, HS được củng cố kiến thức về từ vựng tiếng Việt.

*+ Nội dung của hoạt động:* sự phát triển của từ vựng, trau dồi vốn từ, từ mượn, thuật ngữ, biệt ngữ xã hội.

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* Vấn đáp, thảo luận nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ**

- Kiểm tra trong khi luyện tập.

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 5’ * Phương pháp tích cực: Vấn đáp   Kĩ thuật: động não, tia chớp | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  - Kể tên các đơn vị từ vựng đã tổng kết ở hai tiết trước? Em có nhận xét gì về từ vốn từ vựng tiếng Việt?  + Yêu cầu HS nhận xét chéo.  + GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới. | | - Suy nghĩ trả lời.  - Nhận xét chéo.  - Lắng nghe. | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**   * Thời gian: 17’ * Phương pháp tích cực: cá nhân, vấn đáp… * Kĩ thuật: động não, tia chớp,321… | | | |
| **\* HD tổng kết lý thuyết:**  *+ Giao nhiệm vụ:*  - Yêu cầu HS lần lượt nêu các khái niệm: sự phát triển của từ vựng, trau dồi vốn từ, từ mượn, thuật ngữ, biệt ngữ xã hội?  + Cho HS trình bày, nhận xét chéo.  + GVnhận xét, chốt kiến thức. | **I.Lý thuyết**  *+ HS thực hiện nhiệm vụ****:*** làm việc cá nhân.  ***+*** Chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  - Nghe, ghi bài. | **I. Lý thuyết:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Stt | **Từ vựng** | **Khái niệm** | | 1 | **Sự phát triển của từ vựng** | Các cách phát triển từ vựng  **PT nghĩa P T số**  **của từ lượng từ ngữ**    **Thêm Chuyển Tạo từ Vay mượn**  **nghĩa nghĩa mới**  **=**>mọi ngôn ngữ của nhân loại đều phát triển từ vựng theo sơ đồ trên | | 2 | **Từ mượn** | Là từ có nguồn gốc từ ngôn ngữ nước ngoài | | 3 | **Từ Hán Việt** | Là từ mượn của tiếng Hán nhưng được phát âm và dùng theo cách dùng từ của tiếng Việt | | 4 | **Thuật ngữ và biệt ngữ xã hội** | - Thuật ngữ là từ ngữ biểu thị khái niệm khoa học, công nghệ và thường được dùng trong các VB khoa học, công nghệ.  - Biệt ngữ là những từ ngữ chỉ dùng cho một lớp người nhất định | | 5 | **Trau dồi vốn từ** | Các hình thức trau dồi vốn từ:  \* Rèn luyện để nắm đầy đủ và chính xác nghĩa của từ và cách dùng  VD: “xuân”  +Mùa xuân là tết trồng cây  Làm cho đất nước....càng xuân  +Bảy mươi chín tuổi xuân trong sáng  Vào cuộc trường sinh nhẹ cánh bay  +Xuân ơi xuân em mới đến dăm năm  Mà đất nước tưng bừng ngày hội  + Chơi xuân kẻo hết xuân đi  Cái già xồng xộc nó thì theo sau  +Ngày xuân em hãy còn dài  Xót tình máu mủ thay lời nước non  \* Rèn luyện để biết thêm những từ chưa biết:  VD: Hiểu nghĩa của “học tập”  =>giải thích được nghĩa của: học hành, học hỏi, học tủ,học lệch... | | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**   * Thời gian: 20’ * Phương pháp tích cực: Hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân, dạy học dự án… * Kĩ thuật: động não, tia chớp, các mảnh ghép, 321… | | |
| **\* HD luyện tập:**  - Yêu cầu HS suy nghĩ độc lập làm bài tập 2 mục (I) và (II).  - Gọi 2 HS lên bảng làm bài tập.  - Cho HS nhận xét chéo.  - GV nhận xét, chốt kiến thức.  - Cho HS thảo luận theo bàn, trả lời.  - Cho HS nhận xét chéo.  - GV nhận xét, chốt kiến thức.  - Yêu cầu HS suy nghĩ độc lập làm bài tập 2 mục (III) và bài 2 mục IV.  - Gọi 2 HS lên bảng làm bài tập.  - Cho HS nhận xét chéo.  - GV nhận xét, chốt kiến thức.   * Yêu cầu HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi ở bài tập 3/IV * Yêu cầu HS trao đổi cặp đôi, giải nghĩa từ. * Gọi đại diện các cặp trình bày, nhận xét, phản biện.   -Gv nhận xét, chốt kiến thức.  +HĐ chung cả lớp:  - Cho HS phát hiện và sửa lỗi. | **II. Luyện tập**  - Suy nghĩ làm bài.  - Trình bày.  - Nhận xét chéo.  - Nghe, ghi ý chính  -Thảo luận, trả lời.  - Nhận xét chéo.  - Nghe, ghi bài.  - Suy nghĩ làm bài.  - Trình bày.  - Nhận xét chéo.  - Nghe, ghi bài.  - Trình bày   * Trao đổi cặp đôi.   - Báo cáo kết quả, nhận xét, phản biện.  - Nghe, ghi chép.   * HS phát hiện và sửa lỗi. | **II.Bài tập vận dụng**  **Bài tập 2 (I/135).**  Tìm dẫn chứng minh họa cho những cách phát triển của từ vựng được nêu trong sơ đồ  1.mũi=>mũi của người, mũi thuyền, mũi tấn công  2.rừng phòng hộ, sách đỏ, thị trường tiền tệ, tiền khả thi...  intơnet, côta (quota)  SARS(dịch bệnh).....  **Bài tập 2 (II/135).**  Chọn nhận định đúng trong các nhận định:  (c)là nhận định đúng  **Bài tập 3 (II/135).**  Những từ mượn: săm, lốp, ga, xăng, phanh đã được Việt hóa hoàn toàn  - Những từ mới: axit, rađiô, vitamin còn giữ nhiều nét ngoại lai  **Bài tập 2 (III/135).**  Chọn quan niệm đúng trong các quan niệm:  (b) là đúng  **Bài tập 2 (IV/135)** Vai trò của thuật ngữ trong đời sống:  Ngày nay thuật ngữ đóng vai trò quan trọng vì khoa học công nghệ phát triển hết sức mạnh mẽ, ảnh hưởng lớn tới đời sống con người  =>nhu cầu giao tiếp và nhận thức về khoa học công nghệ tăng  **Bài tập 3 (IV/135)**  Liệt kê một số từ là biệt ngữ xã hội: gậy(điểm 1), ngỗng (2)...  +Cháy giáo án, viêm cơ túi...  **Bài tập 2 (V/135).**  Giải thích nghĩa của một số từ ngữ:  - Bách khoa toàn thư: từ điển bách khoa, ghi đầy đủ tri thức của các nghành  - Bảo hộ mậu dịch: (chính sách) bảo vệ sản xuất trong nước chống lại sự cạnh tranh của hàng hóa nước ngoài trên thị trường nước mình.  - Dự thảo: thỏa ra để đưa thông qua  - Đại sứ quán: cơ quan đại diện chính thức và toàn diện của một nhà nước ở nước ngoài do một đại sứ đặc mệnh toàn quyền đứng đầu.  - Hậu duệ: con cháu của người đã chết  - Khẩu khí: khí phách củ con người toát lên qua lời nói  - Môi sinh: môi trường sống của sinh vật  **Bài tập 3 (V/135).**  Sửa lỗi dùng từ:  - béo bổ -> béo bở  - đạm bạc ->tệ bạc  - tấp nập -> tới tấp |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm   Kĩ thuật: động não | | |
| + Giao nhiệm vụ:  - Chỉ ra các từ mượn, từ Hán Việt, thuật ngữ, biệt ngữ trong một văn bản cụ thể. Giải thích vì sao những từ đó lại được sử dụng trong văn bản đó.  - Trao đổi với bạn bè tìm một số từ mượn, thuật ngữ, biệt ngữ khó hiểu rồi cùng giải nghĩa.  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân hoặc thảo luận nhóm.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | - Chỉ ra được các từ mượn, từ Hán Việt, thuật ngữ, biệt ngữ trong một văn bản cụ thể.  Giải thích vì sao những từ đó lại được sử dụng trong văn bản đó.  - Tìm thêm được một số từ mượn, thuật ngữ, biệt ngữ khó hiểu rồi cùng giải nghĩa. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | |
| *+ Giao nhiệm vụ:*  - Tra từ điển tiếng Việt hoặc truy cập In-tơ-nét tìm hiểu thêm những từ chưa biết, ghi vào sổ tay văn học, làm giàu thêm vốn từ của bản thân.  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | *+ Thực hiện nhiệm vụ:* làm việc cá nhân  *+* Chia sẻ  + Lưu sản phẩm. | Tìm hiểu thêm được một số từ chưa biết, ghi vào sổ tay văn học, làm giàu thêm vốn từ của bản thân. |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Chuẩn bị bài tiếp theo:

(Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập)

- Hướng dẫn về nhà :

Hoàn thiện các bài tập.

Chuẩn bị bài: Đoàn thuyền đánh cá” ( Đọc kĩ bài thơ, tìm hiểu về nhà thơ Huy Cận; trả lời các câu hỏi/Sgk)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  29/10/2018 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT 54. TỔNG KẾT VỀ TỪ VỰNG**

(tiếp theo)

**I.Mức độ cần đạt:**

***1.Kiến thức:***

- Nắm vững các khái niệm từ tượng thanh, từ tượng hình; phép tu từ so sánh,ẩn dụ, hoán dụ, nói quá, nói giảm nói tránh, điệp ngữ, chơi chữ.

- Thấy được tác dụng của việc sử dụng các từ tượng hình, từ tượng thanh và phép tu từ trong các văn bản nghệ thuật.

- Vận dụng các đơn vị từ vựng phù hợp trong nói, viết.

***2.Kĩ năng:***

- Biết nhận diện từ tượng hình, từ tượng thanh. Phân tích giá trị của các từ tượng hình, từ tượng thanh trong văn bản.

- Nhận diện các phép tu từ nhân hóa, ẩn dụ, so sánh, hoán dụ, nói quá, nói giảm nói tránh, điệp ngữ, chơi chữ trong một văn bản. Phân tích tác dụng của các phép tu từ trong văn bản cụ thể.

***3.Thái độ:***

- Có ý thức sử dụng từ tượng hình, tượng thanh, biện pháp nghệ thuật một cách thích hợp vào giao tiếp.

**II. Trọng tâm**

***1.Kiến thức:***

- Khái niệm từ tượng thanh, từ tượng hình ; phép tu từ so sánh, ẩn dụ, hoán dụ, nói quá, nói giảm nói tránh, điệp ngữ, chơi chữ.

- Tác dụng của việc sử dụng các từ tượng hình, từ tượng thanh và phép tu từ trong các văn bản nghệ thuật.

***2.Kĩ năng:***

- Phân tích giá trị của các từ tượng hình, từ tượng thanh trong văn bản.

- Phân tích tác dụng của các phép tu từ trong văn bản cụ thể.

***3.Thái độ:***

- Có ý thức sử dụng từ tượng hình, tượng thanh, biện pháp nghệ thuật một cách thích hợp vào giao tiếp.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

- Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt.

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* Qua việc tổ chức cho HS ôn lại lí thuyết và thực hành làm bài tập, HS được củng cố kiến thức về từ vựng tiếng Việt.

*+ Nội dung của hoạt động:* Ôn tập về từ tượng thanh, từ tượng hình; phép tu từ so sánh,ẩn dụ, hoán dụ, nói quá, nói giảm nói tránh, điệp ngữ, chơi chữ.

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

**2.Trò:**

- Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

* Lập sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức của bài học.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ**

* KT trong khi luyện tập.

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thầy** | **Trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 5’ * Phương pháp tích cực: Nêu vấn đề * Kĩ thuật: động não, tia chớp | | |
| .+ GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Phỏng vấn chuyên gia”  - GV chia lớp thành hai đội, hỏi về kiến thưc từ vựng đã tổng kết.  ? Kể tên những đơn vị kiến thức về từ vựng chưa được tổng kết.  + GV nhận xét, giới thiệu vào bài: Các từ tượng hình, tượng thanh, các biện pháp tu từ có vai trò vô cùng quan trong giao tiếp, trong việc sáng tác thơ văn. Tiết học hôm nay sẽ giúp chúng ta khắc sâu kiến thức về vốn từ vựng tiếng Việt đó. | + HS thực hiện nhiệm vụ;trả lời nhanh theo yêu cầu.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.   * HS trình bày.   - Lắng nghe, suy nghĩ. | Xác định được trọng tâm của bài, có hứng thú học bài mới. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**   * Thời gian: 15’ * Phương pháp tích cực: Hoạt động nhóm, dạy học dự án… * Kĩ thuật: động não, tia chớp, các mảnh ghép,321… | | |
| **I/ Hệ thống hóa kiến thức**  + Giao nhiệm vụ:  HS thảo luận nhóm lập sơ đồ tư duy, hệ thống kiến thức từ vựng trong bài.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả, nhận xét chéo.  + GV nhận xét, chốt kiến thức, cho điểm. | **I/ Hệ thống hóa kiến thức**  + HS thảo luận nhóm, lập sơ đồ tư duy.  ***+*** Đại diện các nhóm trình bày trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  - Nghe, lưu sản phẩm. | **I/ Hệ thống hóa kiến thức**  1/ Từ tượng hình, từ tượng thanh  - Từ tượng hình: Gợi tả hình ảnh, trạng thái, dáng vẻ, đặc điểm, màu sắc..  VD: Lom khom, nhấp nhô  - Từ tượng thanh: Mô phỏng âm thanh của tự nhiên và con người  VD : Lao xao, rì rào, ầm ầm  **2/ Một số biện pháp tu từ.**  ***- So sánh*** : Đối chiếu sự vật hiện tượng này với sự vật hiện tượng khác có nét tương đồng làm tăng sdức gợi hình , gợi cảm cho sự diễn đạt  ***- Ẩn dụ*** *:* Gọi tên sự vật hiện tượng này bằng tên sự vật hiện tượng khác có nét tương đồng với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt  ***- Nhân hoá :*** Gọi hoặc tả con vật, cây cối bằng những từ ngữ vốn được dùng để gọi hoặc tả con người, làm cho thế giớ loài vật trở nên gần gũi  ***- Hoán dụ :*** Gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm này bằng tên sự vật, hiện tượng, khái niệm khác có quan hệ gần gũi nhằm tăng sức gợi cảm cho sự diễn đạt  ***- Nói quá :*** Phóng đại quy mô, mức độ, tính chất của svht được miêu tả để nhấn mạnh , gây ấn tượng..  ***- Nói giảm nói tránh :*** Dùng cách diễn đạt tế nhị, uyển chuyển tránh gây cảm giác đau buồn ghê sợ, thô tục  ***- Điệp ngữ :*** Lặp lại từ ngữ, câu, để làm nỗi bật ý, gây cảm xúc mạnh  ***- Chơi chữ :*** Lợi dụng đặc sắc về âm, nghĩa của từ ngữ để tạo sắc thái dí dỏm , hài hước…làm câu văn hấp dẫn thú vị |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**   * Thời gian: 18’ * Phương pháp tích cực: Hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân, * Kĩ thuật: động não, tia chớp, các mảnh ghép, 321… | | |
| **\* HD luyện tập:**  + HĐ cá nhân: BT1,2  ? Tìm những tên loài vật là từ tượng thanh?  - Gọi hs lên bảng làm BT2, cả lớp nhận xét bổ sung .  ? Xác định từ tượng hình, từ tượng thanh, giá trị sử dụng của chúng ?  - Gọi HS đọc, nêu yêu cầu BT3.  - Cho HS thảo luận nhóm: Tìm phép tu từ từ vựng được sử dụng trong từng ví dụ ?  - Gọi đại diện các nhóm trình bày.-> Nhận xét chéo.  GV nhận xét, chấm điểm.  + HĐ cặp đôi:  Y/c HS đọc BT.  - Trao đổi cặp đôi, phân tích nghệ thuật độc đáo trong các câu thơ trên ?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, chốt kiến thức | **II.Luyện tập**  - Cá nhân lên bảng thực hiện y/c.  - Cá nhân lên bảng thực hiện yêu cầu. Hs dưới lớp tự làm vào vở.  - Thảo luận nhóm.  - Đại diện trình bày.  - Nhận xét chéo.  - Nghe  - Đọc, phân tích nghệ thuật độc đáo trong các câu thơ.  + Trao đổi cặp đôi.  + Đại diện các cặp đôi chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm. | **II/ Luyện tập.**  **Bài tập 1( 146)**  Những tên loài vật là từ tượng thanh: mèo, bò, tắc kè, vẹt, chích chòe….  **Bài tập 2( 146,147)**  Từ tượng hình: Lốm đốm, lê thê, loáng thoáng, lồ lộ → Hình ảnh đám mây cụ thể và sinh động hơn  **Bài tập 3**(147)  Xác định phép tu từ  a. Ẩn dụ: hoa – Thuý Kiều  cây, lá – Gia đình Kiều  b.So sánh : Tiếng đàn  c.Nói quá : Hoa ghen, liễu hờn, nghiêng nước nghiêng thành, sắc đành đòi một, tài đành hoạ hai  d.Nói quá: Gần (cùng vườn) - mà xa (gấp mười quan san )  e. Chơi chữ: tài – tai  **Bài tập 4** (147, 148)  Phân tích nghệ thuật độc đáo  a. Điệp từ: Còn  - Chơi chữ: Say sưa + Say men rượu  + Say men tình  → Chàng trai thể hiện tình cảm rất mạnh mẽ, rất kín đáo  b. Nói quá: đá núi cũng mòn, nước song phải cạn → Sự lớn mạnh của nghĩa quân Lam Sơn.  c. So sánh: miêu tả sắc nét và sinh động âm thanh của tiếng suối và cảnh rừng đêm trăng.  d. Nhân hóa: Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ → trăng là người bạn tri kỉ  e. Ẩn dụ : “Mặt trời ” câu 2  → Sự gắn bó của đứa con với người mẹ, con là nguồn sống, nuôi dưỡng niềm tin của mẹ vào ngày mai. |
| **HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * Thời gian: 7’ * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân   Kĩ thuật: động não | | |
| + Giao nhiệm vụ:  - Tập viết đoạn văn có sử dụng một số trong các phép tu từ so sánh, ẩn dụ, nhân hoá, hoán dụ, nói quá, nói giảm nói tránh, điệp ngữ, chơi chữ.  - Khuyến khích HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, uốn nắn. | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân.  + Chia sẻ trước lớp  -Lưu sản phẩm. | Viết được đoạn văn có sử dụng một số trong các phép tu từ so sánh, ẩn dụ, nhân hoá, hoán dụ, nói quá, nói giảm nói tránh, điệp ngữ, chơi chữ. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | |
| + Giao nhiệm vụ:  - Tìm đọc và ghi lại các bài thơ có sử dụng các biện pháp tu từ, chỉ rõ từng biện pháp tu từ trong những bài thơ ấy.  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, chia sẻ với người thân, bạn bè…  + Chia sẻ , lưu sản phẩm. | * Tự đọc và xác định được các biện pháp tu từ trong các bài thơ. |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (2’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Chuẩn bị bài tiếp theo:+ Nghị luận trong văn bản tự sự:

+ Đọc trước bài.

+ Tìm hiểu các yếu tố nghị luận, tác dụng của chúng.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  6/11/2018 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT 55. TRẢ BÀI KIỂM TRA VĂN**

**I.Mức độ cần đạt:**

***1.Kiến thức:***

- Củng cố kiến thức về các truyện trung đại đã học từ giá trị nội dung tư tưởng đến hình thức thể loại, bố cục, lối kể chuyện; giá trị nội dung tư tưởng các truyện trung đại đã học, đề tài người phụ nữ trong văn học trung đại.

***2.Kĩ năng:***

- Rèn luyện cho học sinh kỹ năng tự đánh giá, chữa lỗi .

***3.Thái độ:***

- Giáo dục cho học sinh lòng trân trọng những tác giả văn học trung đại, lòng tự hào về văn hoá dân tộc.

- Có ý thức sửa lỗi, phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm

***4. Năng lực cần hình thành cho HS:***

- Hình thành năng lực tự giải quyết vấn đề, hợp tác.

- Năng lực giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ.

- Sáng tạo, vận dụng giải quyết những tình huống trong thực tiễn cuộc sống…

**II. Trọng tâm**

***1.Kiến thức:***

- Giá trị nội dung tư tưởng các truyện trung đại đã học, vẻ đẹp người phụ nữ qua nhân vật Vũ Nương.

***2.Kĩ năng:***

- Kĩ năng tự đánh giá, chữa lỗi .

***3.Thái độ:***

- Có ý thức sửa lỗi, phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, cảm thụ thẩm mĩ

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

+ Ý tưởng thiết kế hoạt động: Qua việc HD HS xây dựng đáp án, biểu điểm, chưa lỗi…, HS nhận ra được ưu nhược điểm trong bài viết của mình, của bạn để rút kinh nghiệm trong các bài KT sau.

+ Nội dung của hoạt động: Xây dựng đáp án, nhận xét, đánh giá, chữa lỗi, trả bài.

+Phương pháp tổ chức dạy học: vấn đáp, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

**2.Trò:**

Lập dàn ý đại cương cho bài tự luận trong tiết kiểm tra Văn

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ:**

- Kiểm tra dàn bài HS đã chuẩn bị (lớp trưởng báo cáo)

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\* HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  - Thời gian: 5’  - Mục tiêu: Thu hút sự chú ý của HS vào bài mới.  - Phương pháp: Vấn đáp, thuyết trình.  - Kĩ thuật: Động não | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  Nêu những hiểu biết của em sau khi được học phần văn học trung đại?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, giới thiệu bài: Hiểu biết của chúng ta về phần văn học Trung đị phần nào đã được đánh giá trong bài kiểm tra vừa qua. Để đánh giá xem bài viết của các em đã làm: được những gì, còn điều gì chưa hoàn thành hoặc cần tránh. Tất cả những điều trên, chúng ta cùng nhau thực hiện trong tiết học này. | - Suy nghĩ độc lập.  - Chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực. | | Xác định được trọng tâm của bài, có hứng thú học bài mới. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**   * Thời gian: 15’   - Mục tiêu: HS nhận thấy những ưu, nhược điểm trong bài viết của mình và của bạn từ đó có hướng sửa chữa lỗi, phát huy điểm mạnh.   * Phương pháp tích cực: Hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân, vấn đáp…   Kĩ thuật: động não, tia chớp,321… | | | |
| **\* HD tìm hiểu đề:**  - Yêu cầu HS xem lại đề bài, xác định yêu cầu của đề.  **\* HD HS xây dựng đáp án, biểu điểm:**  +Giao nhiệm vụ:  -Yêu cầu HS xem lại đề bài.  - Thảo luận nhóm theo bàn, xây dựng đáp án.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  + GV nhận xét, chốt kiến thức:  **\*Nhận xét chung:**  + Hoạt động chung cả lớp.  - Giáo viên nhận xét nội dung kết quả bài làm của học sinh. | **I. Đề bài**  - Đọc, xác định yêu cầu của đề**.**  **II. Xây dựng đáp án, biểu điểm**  + HS thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân; thảo luận, thống nhất trong nhóm.  ***+*** Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  **III.Nhận xét chung**  - Nghe, rút kinh nghiệm | | **I. Đề bài**  **II. Xây dựng đáp án, biểu điểm**  **(Theo đáp án )**  **III.Nhận xét chung**  \*Ưu điểm:  - Đã hệ thống được kiến thức  -Xác định đúng yêu cầu phần tự luận  - Viết bài có bố cục rõ ràng  \*Nhược điểm:  - Mắc lỗi chính tả quá nhiều.  - Một số em chua nhớ chính xác tên nhân vật.  - Diễn đạt chưa lưu loát, lập luận chưa chặt chẽ.  - Một số bài sơ sài dẫn tới điểm chưa cao: Cao Đạt, Học, Mạc Phương...  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, hợp tác; sáng tạo, cảm thụ thẩm mĩ. |
| **\* HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  - Thời gian: 18'  - Mục tiêu: Biết phát hiện và sửa lỗi cho bài viết của mình và của bạn.  - Phương pháp: Vấn đáp, phân tích ngữ liệu, thảo luận nhóm.  - Kĩ thuật: Động não, khăn trải bàn. | | | |
| **\* HD HS chữa lỗi:**  - Giáo viên chữa lỗi cho học sinh trên bài viết của HS học sinh :  + Nêu những lỗi thường gặp.  + Gọi HS sửa lỗi.  + GV sửa lỗi.  **\* Trả bài:**  - GV trả bài cho HS.  - Gọi 1-2 em viết tốt đọc  ( Duyên, Thảo Linh) | | **IV. Chữa lỗi**  - Phát hiện, sửa lỗi.  - Nghe, rút kinh nghiệm.  - Nghe, sửa lỗi.  **V.Trả bài:**  - Nhận bài  - Nghe, học hỏi.  - Tự chữa lỗi. | **IV. Chữa lỗi**  1. Lỗi chính tả:  + Chương Sinh -> ...Trương Sinh  + Vũ Lương - Vũ Nương  + “Truyện người con gái nam Xương”  2.Lỗi dùng từ:  + yêu chồng da diết -> yêu chồng tha thiết  3. Lỗi diễn đạt:  + Diễn đạt chưa lưu loát.  + Dùng từ chưa chính xác.  + Chưa viết hoa danh từ riêng  4. Nội dung sơ sài:  + Thiếu ý (Lăng, Thương, Lộc…)  + Mới chỉ diễn xuôi tác phẩm mà chưa có dẫn chứng, phân tích.  **V.Trả bài:**  Trả bài cho HS và đọc các bài làm hay.  Sửa lỗi: một số lỗi dùng từ và chính tả (HS tự đọc lại phát hiện và sửa lại)  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, cảm thụ thẩm mĩ. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: 5’ * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân   Kĩ thuật: động não | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  - Rút ra nguyên nhân dẫn tới việc bị điểm kém, kinh nghiệm để làm tốt bài kiểm tra này?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân.  + Báo cáo kết quả, chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | Rút ra được nguyên nhân dẫn tới việc bị điểm kém, kinh nghiệm để làm tốt bài kiểm tra. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  - Trao đổi với người than, bạn bè phát hiện lỗi, tự sửa lỗi vào phần giấy còn lại.  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Chia sẻ , lưu sản phẩm. | - Phát hiện được lỗi, tự sửa lỗi vào phần giấy còn lại. |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (2’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Chuẩn bị bài tiếp theo: Soạn bài "Bếp lửa"

+ Tìm hiểu về nhà thơ Bằng Việt.

+ Đọc kĩ văn bản.

+ Xác định bố cục, trả lời câu hỏi cuối bài.

## TUẦN 12

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  4/11/2018 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT 56, 57.**

**VĂN BẢN: BẾP LỬA**

**(Bằng Việt)**

**ĐỌC THÊM: KHÚC HÁT RU NHỮNG EM BÉ LỚN TRÊN LƯNG MẸ**

**(Nguyễn Khoa Điềm)**

**VĂN BẢN: BẾP LỬA (60')**

**(Bằng Việt)**

**I.Mức độ cần đạt:**

***1.Kiến thức:***

- Có những hiểu biết b­ước đầu về tác giả Bằng Việt và hoàn cảnh ra đời của bài thơ.

- Những xúc cảm chân thành của tác giả và hình ảnh ng­ười bà giàu tình th­ơng, giàu đức hi sinh.

-Việc sử dụng kết hợp các yếu tố tự sự, miêu tả, bình luận trong tác phẩm trữ tình.

***2. Kĩ năng:***

- Nhận diện, phân tích đ­ược các yếu tố miêu tả, tự sự, bình luận và biểu cảm trong bài thơ.

- Liên hệ để thấy đ­ợc nỗi nhớ về ng­ời bà trong hoàn cảnh tác giả đang ở xa Tổ quốc có mối liên hệ chặt chẽ với những tình cảm với quê h­ương, đất n­ước.

***3.Thái độ:***

- Bồi đắp tình cảm bà cháu, tình yêu gia đình gắn với tình yêu đất nước.

- Biết sống yêu thương, sống trách nhiệm.

**II. Trọng tâm**

***1.Kiến thức:***

- Những xúc cảm chân thành của tác giả và hình ảnh ng­ời bà giàu tình th­ơng, giàu đức hi sinh.

-Việc sử dụng kết hợp các yếu tố tự sự, miêu tả, bình luận trong tác phẩm trữ tình.

***2. Kĩ năng:***

- Phân tích đ­ợc các yếu tố miêu tả, tự sự, bình luận và biểu cảm trong bài thơ.

- Liên hệ để thấy đ­ợc nỗi nhớ về ng­ời bà trong hoàn cảnh tác giả đang ở xa Tổ quốc có mối liên hệ chặt chẽ với những tình cảm với quê h­ơng, đất n­ớc.

***3.Thái độ:***

-Tình yêu gia đình gắn với tình yêu đất nước.

- Biết sống yêu thương, sống trách nhiệm.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: đọc- hiểu, sáng tạo, cảm thụ thẩm mĩ

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

+ Ý tưởng thiết kế hoạt động: Qua việc tổ chức các họa động đọc – hiểu, phân tích, cảm thụ, giáo viên giúp HS nắm được giá trị nội dung, nghệ thuật của bài thơ.

+ Nội dung của hoạt động: Tìm hiểu tác giả, hoàn cảnh sáng tác, thể thơ, mạch cảm xúc, bố cục của bài thơ. Cảm nhận về tình bà cháu, hình ảnh người bà trong bài thơ.

+Phương pháp tổ chức dạy học: hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ:**

***-*** KT trong tiết học.

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

***4. Năng lực cần hình thành cho HS:***

- Hình thành năng lực tự giải quyết vấn đề, hợp tác, phân tích.

- Năng lực cảm thụ văn học, bình giảng, thuyết trình.

- Sáng tạo, vận dụng giải quyết những tình huống trong thực tiễn cuộc sống…

**III. Chuẩn bị:**

+Thầy:- Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

-Phương pháp: Đọc diễn cảm, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, phân tích, giảng bình.

+ Trò: Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học:**

***1. Ổn định tổ chức***

***2. KTBC:***

***3. Tổ chức dạy và học* *bài mới:***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thầy** | | **Trò** | | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** |
| **\* Hoạt động 1: HĐ KHỞI ĐỘNG**  - Thời gian: 7'  - Mục tiêu: Xác định đ­ợc trọng tâm của bài, có hứng thú học bài mới  - Ph­ơng pháp: vân đáp, thuyết trình.  - Kĩ thuật: Động não | | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  - Hãy đọc một bài thơ hoặc hát một bài hát ca ngợi tình bà cháu?  ? Cảm nghĩ của em sau khi nghe bài hát (đoạn thơ) này?  ***+*** GV nhận xét, giới thiệu bài mới: Tiếng gà trưa của Xuân Quỳnh ( Đã học ở lớp 7 ), anh lính trẻ trên đường hành quân, nghe tiếng gà gáy trưa lại chợt nhớ tới bà mình khum khum soi trứng và mắng yêu cháu đừng nhìn gà đẻ mà lang mặt. Tình cảm của bà cháu thật cảm động . Một thanh niên khác đang du học tại Liên Xô cũ lại nhớ về bà mình khi đang hằng ngày sử dụng bếp điện, bếp ga hiện đại, chợt thương về cái bếp lửa ấp iu tình bà cháu tuổi thơ xa . Đó chính là nhà thơ Bằng Việt với bài thơ " Bếp lửa ". | | + HS hát hoặc đọc thơ.  + Nêu cảm nhận. | | Xác định đ­ợc trọng tâm của bài, có hứng thú học bài mới. |
| **\* HOẠT ĐỘNG 2: HĐ HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  - Thời gian: 40'  - Mục tiêu: Rèn kĩ năng đọc, nắm đ­ợc những nét cơ bản về tác giả, xuất xứ văn bản, hiểu những từ khó.Thấy đ­ợc những xúc cảm chân thành của tác giả về hình ảnh bếp lửa cùng hình ảnh ng­ời bà giàu tình th­ơng, giàu đức hi sinh. Việc sử dụng kết hợp các yếu tố tự sự, miêu tả, bình luận trong tác phẩm trữ tình.   * - Ph­ơng pháp: Đọc diễn cảm, vấn đáp, hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…   - Kĩ thuật: động não, XYZ, 321 | | | | |
| **\* HD**  **tìm hiểu chung:**  ***+ Giao nhiệm vụ:***  HS hoạt động cá nhân:  - Hãy giới thiệu về tác giả Bằng Việt ?  - Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm ?  + GV nhận xét, chốt kiến thức,cho điểm miệng.  \* Y/c HS tìm hiểu từ khó.  - Ngoài các từ khó đã đ­ợc giải thích, còn có từ nào ch­a hiểu nghĩa?  - Gọi HS giải thích-> GV giải thích.  + HD đọc: Giọng đọc có sự thay đổi theo mạch cảm xúc trữ tình (những câu đầu đọc với nhịp chậm trầm lắng, sau đó đọc nhanh hơn với giọng trìu mến, phần sau trở lại với nhịp chậm hơn ). Đọc mẫu 1 đoạn.  - Gọi HS đọc, nhận xét.  ? Nhận xét về mạch cảm xúc của bài thơ ?  GV: Bài thơ mở ra với hình ảnh bếp lửa, từ đó gợi những kỉ niệm tuổi thơ sống bên bà, được bà chăm sóc. Nay cháu đã trưởng thành, suy nghĩ và thấu hiểu về cuộc đời bà với lẽ sống giản dị mà cao quý của bà và tình yêu thương trìu mến mà bà dành cho cháu. Cuối cùng, người cháu muốn gửi niềm nhớ mong về với bà. Mạch cảm xúc bài thơ đi từ hồi tưởng đến hiện tại, từ kỉ niệm đến suy ngẫm.  -> Bài thơ là lời của người cháu ở nơi xa nhớ về bà và những kĩ niệm với bà, nói lên lòng kính yêu, suy ngẫm về bà.  ? Nêu bố cục bài thơ ?  ? Xác định thể thơ và ph­ơng thức biểu đạt? | | **I. Tìm hiểu chung**  + HS thực hiện nhiệm vụ: nghiên cứu SGK  ***+ HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  - Quan sát từ khó SGK.  - Cá nhân trình bày.  - Nghe  - Đọc, nhận xét.  - Suy nghĩ trả lời.  - Xác định bố cục.  - Phát hiện trả lời. | | **I/ Tìm hiểu chung**  **1.Chú thích**  a. Tác giả.  - Bằng Việt tên thật là Nguyễn Việt Bằng sinh năm 1941.  - Quê: Hà Tây.  - Nhà thơ tr­ởng thành trong kháng chiến chống Mỹ.  b. Tác phẩm.  - Viết năm 1963, khi tác giả là sinh viên đang học ở Liên Xô.  c. Từ khó  **2. Đọc.**  +Mạch cảm xúc: Mạch cảm xúc của bài thơ đi từ hồi t­ởng đến hiện tại, từ kỉ niệm đến suy ngẫm.  **3. Bố cục:** 4 phần  +3dòng đầu (khổ thứ nhất): là phần mở đầu-hình ảnh bếp lửa khơi nguồn cho dòng hồi tưởng cảm xúc về bà  +4 khổ tiếp:hồi tưởng những hình ảnh tuổi thơ sống bên bà và hình ảnh bà gắn liền với hình ảnh bếp lửa  +Khổ thứ 6: suy ngẫm về bà và cuộc đời bà  +Khổ cuối: người cháu đã trưởng thành đi xa nhưng không nguôi nhớ về bà.  **4. Thể thơ:** thơ tám chữ (xen câu7, 9)  **5**. **PTBĐ:** Biểu cảm kết hợp với tự sự, miêu tả bình luận.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, sử dụng ngôn ngữ, đoc –hiểu... |
| **\*HD phân tích**  ***+ Giao nhiệm vụ:***  HS thảo luận nhóm theo bàn, trả lời các câu hỏi sau:  ***+ HS thực hiện nhiệm vụ:*** HS làm việc cá nhân; thảo luận, thống nhất trong nhóm.  ***+ HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức:***  + Cho HS đọc 3 dòng thơ đầu.  ? Trong kí ức đầu tiên của người cháu có hình ảnh nào ?  - Cho HS thảo luận theo bàn: Nhận xét hình ảnh “bếp lửa” trong 3 câu thơ đầu( nghệ thuật, nội dung)? :  ? Từ ngữ sử dụng trong câu thơ đó như thế nào ? Tác dụng?  - Sử dụng từ láy "Chờn vờn " " ấp iu "...-> Những từ ngữ có sức gợi hình gợi cảm  ? Phân tích ý nghĩa các từ đó?  ? Vì sao nỗi nhớ thương bà lại được gợi lên từ hình ảnh bếp lửa ?  Những lo toan của người bà gắn bó với vùng quê nghèo  ? Em hiểu như thế nào về từ "nắng mưa "? Nắng mưa” gợi cho em suy nghĩ gì?  **GV** gợi ý :- Không nói thời tiết mà nói đến thời gian kéo dài cùng nỗi vất vả của bà... | | **II. Phân tích** - Đọc  - Suy nghĩ trả lời.  - Thảo luận, trình bày.  - Nhận xét.  - Phân tích, bình.  - Suy nghĩ trả lời.  +HS thảo luận theo bàn-trình bày | | **II. Phân tích**  ***1. Hình ảnh bếp lửa khơi nguồn cho dòng hồi tưởng cảm xúc về bà.***  - Hình ảnh ẩn dụ, điệp ngữ, từ láy gợi hình.  + Bếp lửa chờn vờn: Hình ảnh quen thuộc, gần gũi  + Bếp lửa ấp iu: Sự kiên nhẫn khéo léo chắt chiu tình cảm của người bà.  ***=> Những từ ngữ gợi hình, gợi cảm, nghệ thuật điệp từ, ẩn dụ tác giả gợi trong ta hình ảnh bếp lửa ở một làng quê yên bình vào buổi sáng , gợi cảm giác ấm áp, thân thuộc Hình ảnh bếp lửa đã khơi nguồn nhớ thương của người cháu đối với bà.***  -> ***Tình cảm th­ơng bà sâu nặng, bền bỉ.*** |
| ? Kỉ niệm về bà gắn liền với hình ảnh nào?  ? Từ hình ảnh bếp lửa, những kỉ niệm nào về bà và tình bà cháu đã được gợi lại?  (H ọc đọc đoạn thơ:  *“Lên bốn tuổi ....*  *Chứa niềm tin dai dẳng”*  ? Kỉ niệm thời thơ ấu hiện về trong hồi tưởng của tác giả em thấy sâu đậm nhất vẫn là hình ảnh nào? Ý nghĩa của hình ảnh đó?  ? Trong cái thiếu thốn nhọc nhằn ấy, hình ảnh bếp lửa có ý nghĩ như­ thế nào đối với ngư­ời cháu?  ? Sau hình ảnh *“mùi khói",* còn hình ảnh nào gợi liên tưởng của tác giả ?  *\** ***GV bình***: Tiếng chim tu hú - một âm thanh quen thuộc của làng quê mỗi độ hè về. ở đây tiếng chim khắc khoải giục giã một điều gì da diết khiến lòng người trỗi dậy những hoài niệm, nhớ mong. ? Tiếng chim tu hú vang vọng trong trí nhớ của tác giả giúp tác giả nhớ những gì về bà?  - Yêu cầu HS đọc khổ 6.  ? Những câu thơ trên thể hiện suy ngẫm gì của ng­ời cháu về bà?  ***\* GV:*** Hình ảnh người bà luôn gắn với bếp lửa- hình ảnh người phụ nữ Việt Nam tần tảo, nhẫn nại, đầy yêu thương. Bếp lửa là tình bà ấm nóng, bếp lửa là tay bà chăm chút. Bếp lửa gắn với khó khăn, gian khổ. Ngày ngày bà nhóm bếp lửa là nhóm lên niềm vui, sự sống, tình yêu thương dành cho con cháu và mọi người.  ? Trong bài thơ hình ảnh bếp lửa được nhắc tới bao nhiêu lần?  - Hình ảnh bếp lửa được nhắc tới 7 lần , khổ 5 chuyển sang "ngọn lửa".  ? Chỉ rõ tác dụng của sự chuyển đổi đó?  ? Cảm nhận của em về tình cảm bà cháu được thể hiện trong bài? Tình cảm ấy được gắn liền với tình cảm nào khác?  ***(Hết tiết 57, chuyển tiết 58)*** | | - Phát hiện trả lời.  - Tự bộc lộ.  - Suy nghĩ trả lời.  - Thảo luận theo bàn trả lời.  - Phát hiện trả lời.  - Nghe  - Đọc.  - Suy nghĩ trả lời.  - Nghe, ghi chép  - Suy nghĩ trả lời.  - Suy nghĩ trả lời.  - Nêu cảm nhận. | | ***2.Những hồi tưởng về bà và tình bà cháu:***  ***- Kỉ niệm về bà và những năm tháng tuổi thơ gắn với hình ảnh bếp lửa***  ***- Kỉ niệm tuổi thơ sống bên bà nhiều gian khổ, thiếu thốn, nhọc nhằn. Cháu sống trong sự cưu mang dạy dỗ của bà, sớm phải lo toan tự lập.***  => Bếp lửa hiện diện như tình bà ấm áp, như chỗ dựa tinh thần, như sự cưu mang đùm bọc đầy chi chút của bà  ***- Tiếng chim tu hú -> Gợi tình cảnh vắng vẻ nhớ mong của 2 bà cháu.***  ***3.Suy ngẫm về bà và hình ảnh bếp lửa***  ***- Bà là ng­ời nhóm lửa, là hiện thân của sự tần tảo, đức hi sinh.***  ***- Bếp lửa được bà nhen lên từ ngọn lửa trong lòng bà- ngọn lửa của sức sống, lòng tin yêu, niềm tin thiêng liêng kì diệu, nâng bước người cháu suốt chặng đường dài..***  ***- Bà không chỉ là người nhóm lửa, giữ lửa mà còn là người truyền lửa- ngọn lửa của sự sống, niềm tin cho các thế hệ***  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, cảm thụ thẩm mĩ. |
| **III/ Tổng kết**  - Nêu đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của bài thơ ? | | **III/ Tổng kết**  - HS thảo luận, trả lời. | | **III/ Tổng kết**  1/ Nghệ thuật.  - Xây dựng hình ảnh thơ vừa cụ thể, gần gũi, vừa gợi nhiều liên tưởng, mang ý nghĩa biểu tượng.  - Thể thơ tám chữ phù hợp với giọng điệu, cảm xúc và suy ngẫm.  - Kết hợp nhuần nhuyễn giữa miêu tả, tự sự, nghị luận và biểu cảm.  2/ Nội dung:  Từ những kỉ niệm tuổi thơ ấm áp tình bà cháu, nhà thơ cho ta hiểu thêm về những người bà, những người mẹ, về nhân dân |
| **\* HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  - Thời gian: 7'  - Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu cảm nhận về văn bản.  - Ph­ơng pháp: Đọc diễn cảm, bình  - Kĩ thuật: Động não | | | | |
| **IV. Luyện tập**   * Yêu cầu HS đọc diễn cảm bài thơ. * Yêu cầu HS bình một câu thơ, hình ảnh thơ mà em thích nhất. | **IV. Luyện tập**  - Đọc.  - Tự bộc lộ. | | **IV. Luyện tập**  1. Đọc diễn cảm  2.Bình một câu thơ, hình ảnh thơ mà em thích nhất.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** tư duy, sử dụng ngôn ngữ, cảm thụ thẩm mĩ. | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: 5’ * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, vấn đáp * Kĩ thuật: động não | | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  ? Bài thơ đánh thức trong ta tình cảm nào? Nêu suy nghĩ của em về vấn đề được gợi ra từ bài thơ.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân.  - Chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | | Giải quyết được tình huống thực tiễn.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, sáng tạo | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  -Tìm đọc các bài thơ cùng đề tài, tìm hiểu thêm tư liệu phân tích, giảng bình về bài thơ.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, tìm hiểu qua các kênh thông tin, troa đổi với người thân…  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | | Biết thêm các bài thơ cùng đề tài, tìm hiểu thêm tư liệu phân tích, giảng bình về bài thơ “Bếp lửa”  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tự học,cảm thụ thẩm mĩ. | |

**Hư­ớng dẫn đọc thêm: (30')**

**KHÚC HÁT RU NHỮNG EM BÉ LỚN TRÊN LƯNG MẸ**

***(Nguyễn Khoa Điềm)***

**I.Mức độ cần đạt:**

***1.Kiến thức:***

- Nắm đ­ược nét chính về tác giả Nguyễn Khoa Điềm và hoàn cảnh ra đời của bài thơ.

- Tháy đ­ược tình cảm bà mẹ Tà Ôi dành cho con gắn chặt với tình yêu quê h­ơng đất n­ước và niềm tin vào sự tất thắng của cách mạng.

- Nghệ thuật ẩn dụ, phóng đại, hình ảnh thơ mang tính biểu t­ượng, âm hư­ởng của những khúc hát ru thiết tha, trìu mến.

***2.Kĩ năng:***

- Nhận diện các yếu tố ngôn ngữ, hình ảnh mang màu sắc dân gian trong bài thơ.

- Phân tích đ­ược mạch cảm xúc trữ tình trong bài thơ qua những khúc hát của bà mẹ, của tác giả.

- Cảm nhận đ­ợc tinh thần kháng chiến của nhân dân ta trong thời kì kháng chiến chống Mĩ cứu n­ước.

***3.Thái độ:***

- Trân trọng tình mẫu tử, có lòng yêu nước, ý thức bảo vệ thành quả cách mạng.

**II. Trọng tâm**

***1.Kiến thức:***

- Hoàn cảnh ra đời của bài thơ.

- Tình cảm bà mẹ Tà Ôi dành cho con gắn chặt với tình yêu quê hư­ơng đất n­ước và niềm tin vào sự tất thắng của cách mạng.

- Nghệ thuật ẩn dụ, phóng đại, hình ảnh thơ mang tính biểu tư­ợng, âm h­ưởng của những khúc hát ru thiết tha, trìu mến.

***2.Kĩ năng:***

- Nhận diện các hình ảnh mang màu sắc dân gian trong bài thơ.

- Phân tích đ­ược mạch cảm xúc trữ tình trong bài thơ qua những khúc hát của bà mẹ, của tác giả.

- Cảm nhận đ­ược tinh thần kháng chiến của nhân dân ta trong thời kì kháng chiến chống Mĩ cứu n­ước.

***3.Thái độ:***

- Trân trọng tình mẫu tử, có lòng yêu nước, ý thức bảo vệ thành quả cách mạng.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, cảm thụ thẩm mĩ

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động: Qua việc tổ chức hoạt động hướng dẫn tự học của GV, học sinh nắm được gias trị nội dung, nghệ thuật của bài thơ ; nắm được hình ảnh bà mẹ dân tộc Tà- ôi trong kháng chiến, thấy được tình mẫu tử thiêng liêng cao đẹp…*

*+ Nội dung của hoạt động: Tác giả, tác phẩm; hình ảnh người mẹ Tà – ôi.*

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ**

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

**III. Chuẩn bị:**

+Thầy:- Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

-Phương pháp: Đọc diễn cảm, thảo luận nhóm, phân tích, giảng bình...

+ Trò: Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi

**IV.Tổ chức dạy và học:**

***1.Ổn định tổ chức***

***2.KTBC***:

- KT vở bài soạn của HS

***3. Tổ chức dạy và học* *bài mới:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thầy** | **Trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** |
| **\* Hoạt động 1: Hoạt động khởi động**  - Thời gian: 2'  - Mục tiêu: Thu hút sự chú ý của HS vào bài mới.  - Phư­ơng pháp: Thuyết trình.  - Kĩ thuật: Động não | | |
| ***- GV giới thiệu bài*:** Tiếng mẹ ru con, tiếng bà ru cháu ... Lời ru nào cũng ắp đầy tình cảm, chứa đựng ước mong. Trong thời kháng chiến chống Mỹ, đời sống nhân dân ta vô cùng gian khổ, vậy mà đất nước ta đâu đâu cũng có anh hùng, những con người lòng lúc nào cũng cháy bỏng khát vọng tự do, độc lập...  Qua *“Khúc hát ru những em bé lớn lên trên lưng mẹ”,* chúng ta không chỉ hiểu được tình yêu thương con, ước vọng của người mẹ dân tộc Tà-ôi trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ mà còn hiểu được lòng yêu quê hương, đất nước, khát vọng tự do của nhân dân ta trong thời kỳ này | - Nghe, suy nghĩ | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới.  =>***Những năng lực HS cần phát triển:*** tư duy, cảm thụ thẩm mĩ. |
| **HOẠT ĐỘNG 2: HĐ HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  - Thời gian: 20’  - Mục tiêu: Rèn kĩ năng đọc – hiểu. Phân tích để thấy đ­ợc tình cảm của bà mẹ Tà Ôi dành cho con gắn chặt với tình yêu quê h­ương đất n­ớc và niềm tin vào sự tất thắng của cách mạng. Nghệ thuật ẩn dụ, phóng đại, hình ảnh thơ mang tính biểu t ư ­ợng, âm h ư ­ởng của những khúc hát ru thiết tha, trìu mến.  - Ph­ ư ơng pháp: Vấn đáp, phân tích, bình giảng, tự nghiên cứu.  - Kĩ thuật: Động não, khăn trải bàn... | | |
| **\*HD tìm hiểu chung**  + HĐ cá nhân, vấn đáp:  ? Giới thiệu 1 vài nét về tác giả ?  ? Tác phẩm đ­ợc sáng tác trong thời gian nào ? Em hiểu gì về hoàn cảnh đất n­ớc ta thời kì đó ?  - Gv kết luận chung.  - Cho HS tìm hiểu từ khó  - Gv hd đọc: Giọng tha thiết, ngọt ngào, chú ý điệp khúc.  - Cho Hs đọc văn bản.  - Nhận xét về cách đọc của HS.  \* Yêu cầu học sinh tự tìm hiểu:  + Thể thơ?  + Bố cục?  + Nội dung bao trùm bài thơ ?  \*Định h­ớng:  - Thể thơ 8 tiếng, thơ trữ tình d­ới hình thức hát ru.  - Bài thơ có 3 lời ru, mỗi lời ru gồm hai khổ. Mở đầu bằng câu: "Em Cu Tai..." và kết thúc là lời ng­ời mẹ.  - Những lời thơ giản dị ngọt ngào trở đi trở lại dìu dặt, êm đềm... | **I.Tìm hiểu chung**  - Dựa vào chú thích \* để giới thiệu .  - Nghiên cứu sgk.  - Nghe.  - Đọc theo h­ ướng dẫn.  - Tự nghiên cứu cảm nhận.  - Nghe. | **I .Tìm hiểu chung**    1. Chú thích .  \* Tác giả Nguyễn Khoa Điềm sinh năm 1943 , quê Thừa Thiên- Huế.  - Ông thuộc thế hệ các nhà thơ tr­ởng thành trong kháng chiến Chống Mĩ.  \* Tác phẩm : sáng tác năm 1971.  \* Từ khó (Sgk).  2. Đọc . |
| **\* HD phân tích**  + Giao nhiệm vụ:  HS thảo luận nhóm theo bàn, trả lời các câu hỏi/ Sgk  ? Bài thơ có mấy lời ru? Đó là những lời ru của ai ?  (Lời ru của tác giả và lời ru của mẹ )  ? Hãy đọc lại lời ru của tác giả ở cả 3 đoạn. Hiện lên ở lời ru thứ nhất, lời ru của nhà thơ là hình ảnh ngư­ời mẹ Tà ôi đang làm gì?  ? Em thấy câu thơ nào hay nhất trong lời ru ? Vì sao ?  ? Em hiểu những câu thơ đó như­ thế nào ?  ? Ở lời ru thứ hai, công việc của mẹ là gì ? Câu thơ nào diễn tả nỗi vất vả của ngư­ời mẹ ?  ? Em hiểu thế nào về hai câu thơ " Mặt trời của bắp...trên lư­ng " ?  ? Công việc của mẹ ở lời ru thứ ba có gì khác với hai đoạn thơ trên ?  + Hai khổ thơ trên là công việc của người hậu ph­ương, ở đoạn thứ ba, mẹ trực tiếp tham gia kháng chiến.  ? Hai câu thơ "Từ trong...Trư­ờng Sơn" có ý nghĩa nh­ thế nào ?  - Khái quát bằng hình ảnh sự thật thần kì của cuộc chiến tranh nhân dân chống Mĩ xâm l­ ược mà quân và dân các dân tộc VN đã lớn mạnh trư­ởng thành.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, chốt kiến thức.  **HĐ chung cả lớp:**  ? Qua ba lời ru của tác giả, ta thấy ng­ời mẹ Tà ôi hiện lên như­ thế nào ?  **+HĐ cá nhân, phư­ơng pháp gợi tìm, vấn đáp:**  - Cho Hs đọc lời ru con của mẹ qua ba đoạn thơ .  ? Qua từng lời ru em thấy tình cảm và mơ ­ước của mẹ đối với em Cu Tai như­ thế nào ? Tình yêu thư­ơng con của ng­ời mẹ gắn liền với những tình cảm nào?  ? Mơ ư­ớc của mẹ đ­ợc thể hiện như­ thế nào trong từng lời ru ?  ? Từ hình ảnh, tấm lòng của ngư­ời mẹ Tà ôi, tác giả gửi gắm điều gì ?  ? Đọc và nhận xét về giọng điệu của bài thơ ? Giọng điệu đó thể hiện điều gì ? | **II.Phân tích**  + HS thực hiện nhiệm vụ:HS làm việc cá nhân; thảo luận, thống nhất trong nhóm.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  - Khái quát trả lời.  - Đọc thầm.  - Suy nghĩ trả lời.  - Phát hiện trả lời.  - Suy nghĩ trả lời.  - Nhận xét | **II. Phân tích**  **\* Hình ảnh ng­ười mẹ Tà ôi**  **a. Qua lời ru của tác giả.**  - Mẹ địu con giã gạo góp phần nuôi bộ đội kháng chiến.  - Mẹ địu con tỉa bắp trên núi Ka-l­i.  - Mẹ địu con giành trận cuối: mẹ trở thành ng­ười chiến sĩ trên mặt trận.    ***đ Ng­ười mẹ trên chiến khu gian khổ với những công việc cụ thể. Mẹ bền bỉ, quyết tâm trong công việc lao động, kháng chiến.***  **b. Qua lời ru con của mẹ.**  ***- Tình yêu th­ơng con vô bờ bến.***  ***- Gắn liền với tình yêu th­ơng con là tình cảm chung: tình cảm với bộ đội, với buôn làng, với cách mạng.***  *- Sự tr­ưởng thành sâu sắc trong tình cảm, ý nghĩ của mẹ.*  ***- Tình cảm, ­ước vọng của mẹ ngày càng lớn rộng, hoà cùng công cuộc kháng chiến gian khổ anh dũng của quê h­ương, đất n­ước.***  ***=> Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy,sử dụng ngôn ngữ; cảm thụ thẩm mĩ. |
| **\* HD tổng kết**  ? Khái quát giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm? | **III. Tổng kết**  - Tự khái quát | **III. Tổng kết**  Ghi nhớ/ sgk |
| **\* Hoạt động 5:Luyện tập, củng cố:**  - Thời gian: (về nhà)  - Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu cảm nhận về văn bản.  - Ph­ương pháp: Đọc diễn cảm, bình  - Kĩ thuật: Động não | | |
| **\* HD luyện tập**  - Yêu cầu HS về nhà làm các bài tập phần luyện tập trong sgk | **IV.Luyện tập**  - Làm ở nhà. | **IV.Luyện tập**  ***Những năng lực HS cần phát triển:*** tự học, giải quyết vấn đề, cảm thụ thẩm mĩ. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: 5’ (về nhà làm hoàn thiện) * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm   Kĩ thuật: động não | | |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  - Làm bài tập:  1. Từ bài thơ “Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ” của Nguyễn Khoa Điềm, hãy nêu suy nghĩ của em về ý nghĩa của lời ru trong cuộc sống mỗi con người?  2.Từ bài thơ “Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ” của Nguyễn Khoa Điềm, hãy nêu suy nghĩ của em về tình mẫu tử.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | *+ Thực hiện nhiệm vụ:* làm việc cá nhân,thảo luận, thống nhất trong nhóm.  *+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:* chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | ***Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, sáng tạo. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân,hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | |
| + Giao nhiệm vụ:  - Tìm hiểu thêm các bài thơ cùng đề tài.  - Tập ngâm thơ, tìm và nghe bài hát “Lời ru trên nương”  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, chia sẻ với người thân, bạn bè…  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ , lưu sản phẩm. | ***Những năng lực HS cần phát triển:*** tự học, hợp tác, giải quyết vấn đề, tư duy |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Học thuộc lòng 2 bài thơ. Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Chuẩn bị bài: Tổng kết từ vựng

+ Đọc trước bài,làm các bài tập.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  4/11/2018 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT 58. NGHỊ LUẬN TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ**

**I.Mức độ cần đạt:**

***1.Kiến thức:***HS nắm được:

- Yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự.

- Mục đích của việc sử dụng yếu tố nghị luận trong văn tự sự.

- Tác dụng của các yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự.

- Sử dụng có hiệu quả trong tạo lập văn bản tự sự.

***2.Kĩ năng:***

- Biết kết hợp yếu tố nghị luận trong khi làm văn tự sự.

- Phân tích được các yếu tố nghị luận trong một văn bản tự sự cụ thể.

***3.Thái độ:***

- Có ý thức kết hợp nghị luận trong tự sự để bài viết thêm sâu sắc.

**II. Trọng tâm:**

***1.Kiến thức:***

- Mục đích, tác dụng của việc sử dụng yếu tố nghị luận trong văn tự sự.

- Sử dụng có hiệu quả trong tạo lập văn bản tự sự.

***2.Kĩ năng:***

- Nghị luận trong khi làm văn tự sự.

***3.Thái độ:***

- Có ý thức kết hợp nghị luận trong tự sự để bài viết thêm sâu sắc.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* Qua việc tổ chức hoạt động tìm hiểu, phân tích ngữ liệu, HS nắm được tác dụng của các yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự, vận dụng giải quyết các bài tập.

*+ Nội dung của hoạt động:*Yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự; tác dụng của các yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự.

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ:**

* Kết hợp kiểm tra trong phần khởi động.

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thầy** | **Trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 5’ * Phương pháp: HĐ cá nhân,vấn đáp * Kĩ thuật: động não, tia chớp | | |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  HS trả lời các câu hỏi sau:  ? Nhắc lại hiểu biết của em về ngôi kể, thứ tự kể, nhân vật, sự việc trong văn tự sự?  ? Bên cạnh yếu tố tự sự, bài văn cần có những yếu tố bổ trợ nào khác ?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  ***+ GV nhận xét, giới thiệu bài***: Tự sự là trình bày diễn biến sự việc, nghị luận là đưa ra ý kiến, đánh giá, nhận xét, lập luận về một vấn đề. Vậy khi viết văn bản tự sự có cần yếu tố nghị luận hay không và thế nào là nghị luận trong văn bản tự sự ? | ***+*** Suy nghĩ độc lập  ***+*** Chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  - Lắng nghe, suy nghĩ. | Xác định được trọng tâm của bài, có hứng thú học bài mới. |
| **HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**   * Thời gian: 18’ * Phương pháp tích cực: Hoạt động nhóm, cá nhân, vấn đáp…   Kĩ thuật: động não, tia chớp, 321… | | |
| **\* HD tìm hiểu yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự:**  - Treo bảng phụ các đoạn trích.  - Gọi HS đọc đoạn trích (a).  ? Đoạn trích là lời nói của ai với ai?  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm ( 3')với nội dung sau:  ? Chỉ ra những câu, chữ thể hiện rõ tính chất nghị luận?  ? Luận điểm gì được nêu trong đoạn trích (a)?  ? Để đi đến kết luận này, ông giáo đã đưa ra lí lẽ, dẫn chứng nào và lập luận ra sao?  - GV yêu cầu đại diện trình bày.  - Cho HS nhận xét chéo.  - GV nhận xét, chốt kiến thức  + HĐ chung cả lớp:  ? Nhận xét về các câu văn được sử dụng để lập luận?  - Câu hô ứng thể hiện các phán đoán dưới dạng: nếu ....thì...; vì thế...cho nên...; sở dĩ..là vì..; vì A...nên B.  - Đều là những câu khẳng định ngắn gọn, khúc triết như diễn đạt chân lí.  ? Các từ để lập luận được dùng trong đoạn là gì?  - Tại sao, thật vậy, trước hết, sau cùng, nói chung, tóm lại...  \*Tương tự với cách tìm hiểu đoạn trích (a) hãy tìm hiểu yêú tố nghị luận trong đoạn trích (b).  ? Qua tìm hiểu 2 đoạn trích hãy rút ra kết luận về nghị luận trong văn bản tự sự? | **I.Tìm hiểu yếu tố nghị luận...**  - Quan sát  - Đọc  - Phát hiện trả lời.  - HS thảo luận nhóm.  - Đại diện trình bày, nhận xét chéo.  - Nghe.  - Suy nghĩ trả lời.  - HS thảo luận nhóm.  - Đại diện trình bày, nhận xét chéo.  - Nghe.  - Khái quát trả lời. | **I.Tìm hiểu yếu tố nghị luận trong** **văn bản tự sự.**  **1. Xét ngữ liệu:**  \* V í d ụ (a):  + Cuộc đối thoại của ông giáo với chính mình.  + Lập luận theo logic:  - Nêu vấn đề: *“Nếu ta không cố* *tìm mà hiểu...độc ác với họ”.*  - Phát triển vấn đề: *“Vợ tôi không phải là ác...Vì sao vậy?”*  + Khi người ta đau chân thì chỉ nghĩ đến cái chân đau (từ một qui luật tự nhiên)  + Khi người ta khổ quá...không còn nghĩ đến ai được nữa (như một qui luật tự nhiên mà thôi)  + Vì những cái bản tính tốt của người ta bị những nỗi lo lắng, buồn đau, ích kỉ che lấp mất.  - Kết thúc vấn đề: “Tôi biết vậy chỉ buồn chứ không nỡ giận”.  \* Ví dụ (b):  - Nội dung: cuộc đối thoại giữa Thuý Kiều và Hoạn Thư được diễn ra dưới hình thức lập luận (phù hợp với một phiên tòa). Kiều (luật sư buộc tội): sau câu chào mỉa là lời đay nghiến (càng...càng)  Hoạn Thư (bị cáo): biện minh cho mình bằng các luận điểm:  + Tôi là đàn bà, ghen tuông là chuyện thường (nêu một lẽ thường)  + Đã đối xử tốt với Kiều khi ở gác viết kinh...( kể công) bản thân cũng yêu kính Kiều nhưng vì chỗ chồng chung...  + Đã trót gây tội, bây giờ chỉ trông vào lòng khoan dung(nhận tội dề cao Kiều)  =>lập luận sắc sảo -> được tha bổng  ***2.Bài học***  - Nghị luận trong văn bản tự sự: thường xuất hiện ở các đoạn văn đối thoại, độc thoại, nêu ý kiến, đánh giá...để thuyết phục người khác.  - Đặc điểm : nêu lí lẽ, dẫn chứng thuyết phục người nói, người nghe một vấn đề .  - Các từ ngữ lập luận ; tại sao, thật vậy, tuy thế … câu khẳng định, phủ định .  ***=> Tác dụng của việc sử dụng yếu tố nghị luận trong văn tự sự là hỗ trợ cho việc kể, gợi ra cho người đọc một suy nghĩ, làm cho văn tự sự thêm sâu sắc, thêm tính triết lý.*** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**  - Thời gian: 18'  - Mục tiêu: Vận dụng lí thuyết nhận diện, phân tích tác dụng của yếu tố nghị luận trong một đoạn văn bản tự sự cụ thể.  - Phương pháp: Vấn đáp, thảo luận nhóm nhỏ.  - Kĩ thuật: Động não, XYZ. | | |
| **\* HD luyện tập**  ***+ Giao nhiệm vụ:***  - Cho hs đọc lại đọan trích a.  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm theo bàn, trả lời các câu hỏi sau:  ? Lời văn trong đoạn trích đó là lời của ai ? người ấy đang thuyết phục ai ? Thuyết phục điều gì ?  - Gọi đại diện trình bày kết quả, nhận xét chéo.  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức:*** | **III. Luyện tập**  - Đọc  ***+ HS thực hiện nhiệm vụ:*** HS làm việc cá nhân; thảo luận, thống nhất trong nhóm.  ***+*** Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực. | **III. Luyện tập**  Bài tập 1.  Lời văn trong đoạn trích là lời của nhân vật ông giáo đang thuyết phục người đọc về vấn đề con người không nên sống ích kỷ, cần quan tâm đến những số phận cơ hàn xung quanh ta.  Bài tập 2  Trình tự lập luận gỡ tội:  - Đàn bà ghen tuông là chuyện thường tình.  - Đã không tàn nhẫn với Kiều khi cho ra viết kinh và không đuổi bắt lại khi Kiều bỏ trốn.  - Cảnh chung chồng thì không thể nhường cho ai.  - Nhưng vẫn biết mình có tội, chỉ còn trông nhờ vào sự bao dung của Kiều thôi. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm   Kĩ thuật: động não | | |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  - Viết đoạn văn tự sự khoảng 8 -10 câu, trong đó có sử dụng các yếu tố miêu tả và nghị luận.  ***+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả.***  + GV nhận xét, đánh giá. | ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** làm việc cá nhân,thảo luận, thống nhất trong nhóm.  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | - Viết được đoạn văn tự sự khoảng 8 -10 câu, trong đó có sử dụng các yếu tố miêu tả và nghị luận. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | |
| + Giao nhiệm vụ:  - Tìm và phân tích vai trò của các yếu tố miêu tả và nghị luận trong đoạn văn bản tự sự cụ thể.  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, chia sẻ với người thân, bạn bè…  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ , lưu sản phẩm. | - Tìm và phân tích được vai trò của các yếu tố miêu tả và nghị luận trong đoạn văn bản tự sự cụ thể. |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Chuẩn bị bài tiếp theo: Lập dàn ý đại cương cho bài tự luận trong tiết kiểm tra Văn, chuẩn bị cho tiết trả bài.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  5/11/2018 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT 59. TỔNG KẾT VỀ TỪ VỰNG**

**(Luyện tập tổng hợp)**

**I.Mức độ cần đạt:**

***1.Kiến thức:***

- Vận dụng kiến thức về từ vựng đã học để phân tích những hiện tượng ngôn ngữ trong thực tiễn giao tiếp và trong văn chương.

- Nắm được tác dụng của việc sử dụng các phép tu từ trong các văn bản nghệ thuật.

***2.Kĩ năng:***

- Nhận diện được các từ vựng, các biện pháp tu từ từ vựng trong văn bản.

- Biêt phân tích tác dụng của việc lựa chọn, sử dụng từ ngữ và biện pháp tu từ trong văn bản.

***3.Thái độ:***

- Có ý thức vận dụng những kiến thức từ vựng đã học vào giao tiếp, tạo lập văn bản.

**II. Trọng tâm**

***1.Kiến thức:***

- Tác dụng của việc sử dụng các phép tu từ trong các văn bản nghệ thuật.

***2.Kĩ năng:***

- Nhận diện được các từ vựng, các biện pháp tu từ từ vựng trong văn bản.

- Phân tích tác dụng của việc lựa chọn, sử dụng từ ngữ và biện pháp tu từ trong văn bản.

***3.Thái độ, phẩm chất:***

- Có ý thức vận dụng những kiến thức từ vựng đã học vào giao tiếp, tạo lập văn bản.

- Biết sóng yêu thương, sống tự chủ

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

+ Ý tưởng thiết kế hoạt động: Qua HD học sinh giải quyết các bài tập, GV gúp HS củng cố lại các kiến thức về từ vựng.

+ Nội dung của hoạt động: Thực hành làm các bài tập

+Phương pháp tổ chức dạy học: hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

**III. Chuẩn bị:**

+Thầy:

- Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án, bảng phụ.

- Phương pháp: Vấn đáp, thảo luận nhóm,thực hành làm bài tập...

+ Trò: Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học:**

***Bước1. Ổn định tổ chức***

***Bước 2. Kiểm tra bài cũ:2'***

- Kiểm tra sự chuẩn bị bài của HS

***Bước 3. Tổ chức dạy và học* *bài mới:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HĐ của thầy** | **HĐ của trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** |
| **\* Hoạt động 1: Hoạt động khởi động**  - Thời gian: 5'  - Mục tiêu: Thu hút sự chú ý của HS vào bài mới.  - Phương pháp: Thuyết trình.  - Kĩ thuật: Động não | | |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  Cho biết các kiến thức đã được tổng kết về phần tự vựng ở các tiết học trước ?  ***+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:***  ***+ GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới.***  ***\* GV giới thiệu bài:*** Như vậy ở 3 tiết trước chúng ta đã được ôn và luyện về tất cả các kiến thức về từ vựng được học từ lớp 6 đến lớp 9. Tuy nhiên nếu chỉ nắm được lý thuyết thì sẽ không có hiệu quả mà chúng ta cần biết vận dụng các kiến thức đó để phân tích những hiện tượng ngôn ngữ trong thực tế giao tiếp, nhất là trong văn chương.Tiết luyện tập tổng hợp với 6 bài tập hôm nay phần nào giúp các em thực hiện điều đó. | ***+ HS thực hiện nhiệm vụ.***  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:***  chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  - Lắng nghe, suy nghĩ | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |

**\*HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

- Thời gian: 2'

- Mục tiêu: Nắm được các từ ngữ chỉ quan hệ ruột thịt, thân thích ở địa phương em.

- Phương pháp: Vấn đáp, thuyết trình

- Kĩ thuật: động não

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **\* HD ôn lí thuyết:**  ***+ Giao nhiệm vụ:***  Gv cho hs nhắc lại nội dung kiến thưc về từ vựng đã học ở các tiết trước | **I. Lí thuyết**  ***+ HS thực hiện nhiệm vụ***  - Nhớ lại kiến thức cũ trả lời.  - Trình bày theo hiểu biết thực tế. | **I. Lí thuyết**  - |

**\*HOẠT ĐỘNG 2 : LUYỆN TẬP**

- Thời gian:35'

- Mục tiêu: Qua việc giải quyết các bài tập củng cố kiến thức về phần từ vựng tiếng Việt đã học.

- Phương pháp: Vấn đáp, thảo luận nhóm, phân tích ngữ liệu, chơi trò chơi.

- Kĩ thuật: Động não, khăn trải bàn

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **HĐ của trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** |
| **II/ Luyện tập**  **Gv giao nhiệm vụ :**  **GV chia lớp thành 4 nhóm**  N1: BT 1  N2 : BT 2  N3: BT 3  N4 : BT 4  **\* HD làm bài tập 1/158*:***  - Treo bảng phụ có ghi BT 1- Sgk cho Hs đọc.(máy chiếu )  - Cho HS thảo luận nhóm trả lời.  ? Trong trường hợp này "gật đầu" hay "gật gù" thể hiện thích hợp ý nghĩa cần biểu đạt ? Vì sao ?  **\* HD làm bài tập 2/158:**  ? Nhận xét cách hiểu nghĩa từ ngữ của người vợ trong câu chuyện ?  **\* HD làm bài tập 3/158:**  - Cho HS đọc đoạn thơ.  ? Trong các từ: vai, miệng, chân, tay, đầu trong đoạn thơ , từ nào được dùng theo nghĩa gốc, từ nào được dùng theo nghĩa chuyển ? Nghĩa chuyển nào theo phương thức ẩn dụ, nghĩa chuyển nào theo phương thức hoán dụ ?  **\* HD làm bài tập 4/159:**  ? Vận dụng kiến thức đã học về trường từ vựng phân tích cái hay trong cách dùng từ của đoạn thơ ?  **\* HD làm b ài tập 5/159:**  - Cho Hs đọc đoạn trích.  ? Các sự vật hiện tượng trên được đặt tên theo cách nào ?  **- Cho HS chơi trò chơi tiếp sức**: Chia lớp thành 3 nhóm, các thành viên trong nhóm lần lượt lên bảng tìm từ theo y/cầu. Thời gian là 3p  - Cho HS nhận xét chéo.  - GV chữa.  ? Tìm 5 ví dụ về các sự vật, hiện tượng được gọi tên theo cách dựa vào đặc điểm riêng biệt của chúng ?  **\* HD làm bài tập 6/159:**  - Cho HS đọc truyện cười.  ? Truyện cười trên phê phán điều gì?  Gv chốt :Cho các ví dụ về biện pháp nói quá, nói giảm, nói tránh? | **-HS trả lời**  **HS thực hiện nhiệm vụ** : làm việc theo nhóm  -Các nhóm báo cáo kết quả  **Bài tập 1/158*.***  - Đọc  - Thảo luận nhóm theo bàn trả lời.  **Bài tập 2/158**  - Cá nhân nhận xét  **Bài tập 3/158**  - HS đọc  **Bài tập 4/159**  - Cá nhân làm.  **Bài tập 5/159**  - Đọc đoạn trích.  - Trao đổi – Trả lời .  - Thi tiếp sức, tìm từ.  **Bài tập 6/159**  - Đọc  - Suy nghĩ trả lời. | **II/ Luyện tập**  **Bài tập 1/158*.*** *So sánh dị bản của hai câu ca dao.*  - Gật đầu: cúi dầu xuống rồi ngẩng lên ngay tỏ sự đồng ý.  - Gật gù: gật nhẹ và nhiều lần biểu thị thái độ đồng tình tán thưởng.  -> Dùng "gật gù " phù hợp hơn: sự chia sẻ niềm vui đơn sơ của cặp vợ chồng nghèo trong cuộc sống.  **Bài tập 2/158***. Truyện cười.*  - Nghĩa của từ "chân" theo cách nói của người chồng: Cả đội chỉ có một cầu thủ có khả năng ghi bàn.  - Người vợ không hiểu nghĩa của cách nói "chỉ có một chân sút".  **Bài tập 3/158**  - Nghĩa gốc: vai, miệng, chân, tay.  - Nghĩa chuyển:  + Vai: hoán dụ  + Đầu: ẩn dụ  **Bài tập 4/159**  - Trường từ vựng  + Nhóm từ: đỏ, xanh, hồng nằm trong trường từ vựng chỉ màu sắc  + Nhóm từ: lửa, cháy, tro trường từ vựng các sự vật hiện tượng có liên quan đến nhau.  - Hai trường từ vựng này lại cộng hưởng với nhau về ý nghĩa.  -> Thể hiện độc đáo một tình yêu mãnh liệt cháy bỏng.  **Bài tập 5/159**  - Sự vật hoạt động được đặt tên theo cách dùng từ ngữ có sẵn theo một nội dung mới : rạch, rạch Mái Giầm.  - Dựa vào đặc điểm của sự vật, hiện tượng được gọi tên: kênh, kênh Bọ Mắt.  - 5 VD tương tự: Cá Kiếm, cá Kìm, chè móc câu, chim lợn, gấu chó, ớt chỉ thiên, ong ruồi...    **Bài tập 6/159**  → Phê phán thói sính dùng từ nước ngoài của một số người. |
|  | | |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

- Thời gian: 5 phút

- Mục tiêu : Vận dụng các kiến thức đã học để luyện tập kĩ năng viết đoạn có sử dụng các yêu cầu Tiếng Việt.

- Phương pháp: Vấn đáp giải thích, phân tích cắt nghĩa; nêu và giải quyết vấn đề.

- Kĩ thuật : Động não, Dạy theo góc

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| HĐ của thầy | HĐ của trò | Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt |
| Viết các đoạn văn với các đề tài :.  -Biển đảo  -Bảo vệ môi trường , chống biến đổi khí hậu  -Bảo vệ tài nguyên rừng …  Có vận dụng các kiến thức về phần từ vựng đã tổng kết . | ***+ HS thực hiện nhiệm vụ*** |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI MỞ RỘNG**

HS làm việc cá nhân; Làm việc theo cặp (2 học sinh); Làm việc chung cả nhóm; Làm việc cả lớp; học sinh phát huy tìm tòi kiến thức mới, hỗ trợ cho cả lớp, hướng dẫn học sinh báo cáo sản phẩm… tìm tòi mở rộng thêm theo sở thích, sở trường, hứng thú của mình. tìm hiểu và giải quyết các tình huống thường gặp trong cuộc sống hàng ngày, ở nhà và cộng đồng.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| HĐ của thầy | HĐ của trò | Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt |
| - GV giao nhiệm vụ cho học sinh:  - Tự làm sổ tay Tiếng Việt – Văn học.  - Đọc các tài liệu tham khảo, tham khảo trên in-tơ-nét về các kiến thức TV đã học . | Lắng nghe | Hoàn thành với hướng dẫn giáo viên trên lớp và thời gian sau tiết học. |

**IV/. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.** **: 2'**

- Ôn tập, luyện tập các kiến thức về từ vựng đã học

- Tập viết đoạn văn có sử dụng một trong số cá phép tu từ so sánh, ẩn dụ, nhân hoá, hoán dụ, nói quá, nói giảm, nói tránh, điệp ngữ, chơi chữ.

- Chuẩn bị bài “Luyện tập viết đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố

nghị luận.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  5/11/2018 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT 60.**

**LUYỆN TẬP VIẾT ĐOẠN VĂN TỰ SỰ**

**CÓ SỬ DỤNG YẾU TỐ NGHỊ LUẬN**

**I.Mức độ cần đạt:**

**1.Kiến thức**:

- Thấy rõ vai trò kết hợp của các yếu tố nghị luận trong đoạn văn tự sự và biết vận dụng viết đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố nghị luận.

**2.Kĩ năng:**

- Viết đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố nghị luận với độ dài trên 90 chữ.

- Phân tích được tác dụng của yếu tố nghị luận trong đoạn văn tự sự.

**3.Thái độ:**

-Thấy được giá trị của miêu tả và nghị luận trong văn tự sự

**II. Trọng tâm**

**1.Kiến thức**:

- Đoạn văn tự sự.

- Các yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự.

**2.Kĩ năng:**

- Viết đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố nghị luận với độ dài trên 90 chữ.

- Phân tích được tác dụng của yếu tố nghị luận trong đoạn văn tự sự.

**3.Thái độ:**

-Thấy được giá trị của miêu tả và nghị luận trong văn tự sự

***4. Năng lực cần hình thành cho HS:***

- Năng lực tự học

- Năng lực hợp tác , giao tiếp ,giải quyết vấn đề

- Sáng tạo, vận dụng giải quyết những tình huống trong thực tiễn cuộc sống…

**III. Chuẩn bị:**

- Chuẩn bị của thầy: bảng phụ

- Chuẩn bị của trò: định hướng trả lời câu hỏi SGK

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước I .Ổn định tổ chức**

**Bước II. Kiểm tra bài cũ** : 2'

**H:** Nghị luận là gì? Trong văn tự sự, nghị luận thường được thể hiện ở đâu? Bằng những hình thức nào?

-Trả lời :

**Bước III. Tổ chức dạy và học bài mới**

**\* HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

- Thời gian: 1'

- Mục tiêu: Thu hút sự chú ý của HS vào bài mới.

- Phương pháp: Thuyết trình.

- Kĩ thuật: Động não

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***HĐ của thầy*** | ***HĐ của trò*** | ***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt*** |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  Nêu vai trò tác dụng của việc sử dụng các yếu tố nghị luận vào bài văn tự sự .  ***+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:***  ***+ GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới\***  Các tiết học trước đã giúp các em biết về nội dung, hình thức và cách lập luận. Tiết học hôm nay, chúng ta sẽ tiến hành viết đọan văn nghị luận. | ***+ HS thực hiện nhiệm vụ.***  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:***  chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  - Lắng nghe, suy nghĩ | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |

**\*HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

- Thời gian: 15'

- Mục tiêu: Thấy rõ vai trò kết hợp của các yếu tố nghị luận trong đoạn văn tự sự và biết vận dụng viết đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố nghị luận.

- Phương pháp: Vấn đáp, thuyết trình, phân tích ngữ liệu.

- Kĩ thuật: Động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | | **HĐ của trò** | ***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt*** |
| **\* HD thực hành tìm hiểu yếu tố nghị luận trong đoạn văn tự sự:**  - Gọi học sinh đọc đoạn văn? Nội dung?  ? Trong đoạn văn trên, yếu nghị luận thể hiện ở những câu nào?  - Chỉ ra vai trò của các yếu tố ấy trong việc làm nổi bật nội dung của đoạn văn?  \* GV nhấn mạnh:Yếu tố nghị luận làm cho câu chuyện thêm sâu sắc, giàu tính triết lí và có ý nghĩa giáo dục cao - bài học về sự bao dung, lòng nhân ái, biết tha thứ và ghi nhớ ân tình, tình nghĩa....) | **I.Thực hành tìm hiểu yếu tố nghị luận trong đoạn văn tự sự:**  - Đọc  - Phát hiện trả lời.  - Suy nghĩ trả lời.  - Nghe. | | **I.Thực hành tìm hiểu yếu tố nghị luận trong đoạn văn tự sự:**  1.Đọc đoạn văn:  Lỗi lầm và sự biết ơn  2.Câu mang yếu tố nghị luận:  *+Những điều viết trên cát sẽ mau chóng xóa nhòa theo thời gian, nhưng không ai có thể xóa được những điều tốt đẹp đã được ghi tạc trên đá, trong lòng người.*  *+Chúng ta hãy học cách viết những nỗi đau buồn trên ....đá*  => Yếu tố nghị luận này mang dáng dấp của một triết lí về cái hữu hạn và cái trường tồn trong đời sống tinh thần của con người.  - Nhắc nhở con người cách ứng xử có văn hóa |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3, 4 : LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG**  - Thời gian: 24'  - Mục tiêu: Viết đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố nghị luận với độ dài trên 90 chữ. Phân tích được tác dụng của yếu tố nghị luận trong đoạn văn tự sự.  - Phương pháp: Thực hành luyện viết, phân tích.  - Kĩ thuật: Động não.... | | | |  |
| **\* HD thực hành viết đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố nghị luận:**  - Yêu cầu HS đọc, nêu yêu cầu của bài tập.  - Hãy phân tích yếu tố nghị luận trong đoạn văn?  - Từ hiểu yếu tố nghị luận trong bài văn tham khảo, viết đoạn văn kể những lời dạy bảo giản dị mà sâu sắc của người bà kính yêu đã làm cho em cảm động?  - Yêu cầu HS viết đoạn văn kể lại buổi sinh hoạt lớp. Trong buổi sinh hoạt đố, em đã phát biểu ý kiên để chứng minh Nam là người bạn rất tốt.  - Gọi HS trình bày.  - Nhận xét chéo.  - Nhận xét, giúp HS sửa chữa.  Gv chốt bài học  - Tác dụng của yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự? | | **II.Thực hành viết đoạn văn tự sự ...**  - Đọc, xác định yêu cầu.  - Phân tích.  - Đọc bài tham khảo, viết bài.  - Viết đoạn văn theo gợi ý.  - Trình bày.  - Nhận xét chéo.  - Nghe, sửa chữa. | **II.Thực hành viết đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố nghị luận**  Bài tập 1: Đọc văn bản tham khảo ***“Bà nội”***  - Từ một lời dạy: “Con hư tại mẹ, cháu hư tại bà”, tác giả bàn về tấm gương và hiệu quả giáo dục của nó trong gia đình “Bà như thế....”  ***=> yếu tố nghị luận suy lí***  - Từ cuộc đời và những lời răn dạy của bà, tác giả bàn về một nguyên tắc giáo dục: “Người ta cũng như cây....nó gẫy.”  ***=>Yếu tố nghị luận khái quát hóa.***  Bài tập 2  \* Gợi ý:  - Buổi sinh hoạt lớp diễn ra như thế nào?(thời gian, địa điểm, người điều hành, không khí....)  - Nội dung buổi sinh hoạt?  - Em phát biểu vấn đề gì? Tại sao?  - Em đã thuyết phục cả lớp rằng Nam là người bạn rất tốt ntn?(lí lẽ, ví dụ, lời phân tích...) | |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI MỞ RỘNG**

HS làm việc cá nhân; Làm việc theo cặp (2 học sinh); Làm việc chung cả nhóm; Làm việc cả lớp; học sinh phát huy tìm tòi kiến thức mới, hỗ trợ cho cả lớp, hướng dẫn học sinh báo cáo sản phẩm… tìm tòi mở rộng thêm theo sở thích, sở trường, hứng thú của mình. tìm hiểu và giải quyết các tình huống thường gặp trong cuộc sống hàng ngày, ở nhà và cộng đồng.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HĐ của thầy** | **HĐ của trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** |
| - GV giao nhiệm vụ cho học sinh:  - Hoàn thiện các bài viết đoạn.  - Tìm đọc trong các văn bản tự sự đã học có sử dụng yếu tố nghị luận . | Lắng nghe | Hoàn thành với hướng dẫn giáo viên trên lớp và thời gian sau tiết học. |

**Bước IV. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.**

- Rút ra được bài học trong việc viết đoạn văn tự sự có sử dụng kết hợp được các yếu tố nghị luận; đoạn văn được sắp xếp nhằm mục đích tự sự, các yếu tố nghị luân được đưa vào bài chỉ khi cần thiết và không làm ảnh hưởng đến việc kể chuyện.

- Viết một đoạn văn tự sự kể lại một sự việc trong một câu chuyện đã học.

- Soạn bài: *“Làng*

*+ Đọc văn bản , tóm tắt truyện , ghi nhớ tác giả , hoàn cảnh sáng tác truyện , tình huông truyện …*

*-Trả lời các câu hỏi phần đọc – hiểu văn bản*

## TUẦN 13

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  10/11/2018 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT 61,62. VĂN BẢN:** **LÀNG**

**(*Kim Lân)***

**I.Mức độ cần đạt:**

***1.Kiến thức***

- Có hiểu biết bước đầu về tác giả Kim Lân - một đại diện của thế hệ nhà văn đã có những thành công từ giai đoạn trước Cách mạng tháng tám.

- Hiểu, cảm nhận được giá trị nội dung và nghệ thuật của truyện ngắn *Làng*.

***2.Kĩ năng***

- Đọc - hiểu văn bản truyện Việt Nam hiện đại được sáng tác trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp.

- Vận dụng kiến thức về thể loại và sự kết hợp các phương thức biểu đạt trong tác phẩm truyện để cảm nhận một văn bản tự sự hiện đại.

***3.Thái độ:***

Bồi dưỡng tình yêu quê hương đất nước.

**II. Trọng tâm**

***1.Kiến thức***

- Nhân vật, sự việc, cốt truyện trong một tác phẩm truyện hiện đại.

- Đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm ; sự kết hợp với các yếu tố miêu tả, biểu cảm trong văn bản tự sự hiện đại.

- Tình yêu làng, yêu nước, tinh thần kháng chiến của người nông dân Việt Nam trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp.

***2.Kĩ năng***

- Đọc - hiểu văn bản truyện Việt Nam hiện đại được sáng tác trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp.

- Vận dụng kiến thức về thể loại và sự kết hợp các phương thức biểu đạt trong tác phẩm truyện để cảm nhận một văn bản tự sự hiện đại.

***3.Thái độ:***

Bồi dưỡng tình yêu quê hương đất nước.

***4. Năng lực cần hình thành cho HS:***

- Năng lực hợp tác, tự giải quyết vấn đề, sáng tạo…

- Năng lực đọc hiểu, cảm thụ thẩm mĩ , tư duy hình tượng...

**III. Chuẩn bị:**

- Chuẩn bị của thầy: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án, chân dung nhà văn

- Chuẩn bị của trò: soạn bài.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước I .Ổn định tổ chức**

**Bước II. Kiểm tra bài cũ** : 5'

**\* Hỏi:** Đọc thuộc lòng bài thơ “Ánh trăng” của Nguyễn Duy. Nêu chủ đề bài thơ?

**\* Trả lời**: Từ câu chuyện cất lên lời tự nhắc nhở về thái độ tình cảm đối với những năm tháng quá khứ gian lao nghĩa tìn, đối với thiên nhiên đất nước bình dị.

Bài thơ đặt ra một vấn đề: thái độ đối với quá khứ, với người đã khuất và với cả chính mình. " Ánh trăng" nằm trong mạch cảm xúc "Uống nước nhớ nguồn".

**Bước III. Tổ chức dạy và học bài mới**

**\* HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

- Thời gian: 2'

- Mục tiêu: Thu hút sự chú ý của HS vào bài mới.

- Phương pháp: Thuyết trình.

- Kĩ thuật: Động não

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***HĐ của thầy*** | ***HĐ của trò*** | ***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt*** |
| ***-Cho HS nghe lời bài hát “ Làng tôi “***  ***+ Giao nhiệm vụ:***  Từ những ca từ trong lời bài hát hãy nói đôi lời cảm nhận của em về quê hương ?  ***+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:***  ***+ GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới.***  Mỗi người dân Việt Nam đều vô cùng gắn bó với làng quê của mình nơi sinh ra và sống cả suốt cuộc đời cần lao giản dị. Sống ở làng, chết nhờ làng. Không khổ gì bằng phải bỏ làng tha hương cầu thực, lâm vào cảnh sống nơi đất khách, chết chôn quê người ... Tình cảm đặc biệt đó đã được nhà văn Kim Lân thể hiện một cách độc đáo trong một hoàn cảnh đặc biệt: kháng chiến chống Pháp; để viết nên truyện ngắn đặc sắc Làng. | ***+ HS thực hiện nhiệm vụ.***  *-Cá nhân bộc lộ*  - Lắng nghe, suy nghĩ | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |

**\*HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

- Thời gian: 70'

-- Mục tiêu: Rèn kĩ năng đọc, nắm được những nét cơ bản về tác giả, xuất xứ văn bản, hiểu những từ khó.

Thấy được tình yêu làng, yêu nước, tinh thần kháng chiến của người nông dân Việt Nam trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp qua nhân vật ông Hai. Nhận diện, hiểu được tác dụng của đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm ; sự kết hợp với các yếu tố miêu tả, biểu cảm trong văn bản tự sự.

- Phương pháp: Đọc diễn cảm, Vấn đáp, thuyết trình, bình giảng, thảo luận nhóm...

- Kĩ thuật: Động não, khăn trải bàn...

- Kĩ thuật: động não

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***HĐ của thầy*** | ***HĐ của trò*** | ***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt*** | |
| **\* HD tìm hiểu chung:**  - GV tóm tắt phần đầu truyện.  - Giáo viên hướng dẫn cách đọc: diễn cảm, giọng đọc phù hợp với những lời đối thoại  , đoạn trực tiếp tả tâm trạng nhân vật.  - Giáo viên đọc mẫu, gọi học sinh đọc.  -Gọi hs tóm tắt truyện  **2. Chú thích**  ***+ Giao nhiệm vụ:***  HS thảo luận nhóm theo bàn, trả lời các câu hỏi sau:  - Quan sát chú thích \* và nêu khái quát về tác giả, tác phẩm?  (giáo viên đưa chân dung tác giả để học sinh quan sát)  ? Tác giả sử dụng phương thức biểu đạt nào để làm rõ nội dung trên?  Phương thức nào là chủ yếu? Tại sao?  ***\* GVchốt và bổ sung***: Truyện thuộc loại cốt truyện tâm lí, không xây dựng trên những biến cố bên ngoài mà chú trọng đến các tình huống bên trong nội tâm nhân vật, miêu tả các diễn biến tâm lí nhân vật=>nổi bật đặc điểm nhân vật và chủ đề tác phẩm)  ? Truyện “Làng” đã xây dựng được một tình huống truyện làm bộc lộ sâu sắc tình yêu làng của ông Hai, đó là tình huống nào?  ? Việc đưa ra tình huống ấy có mục đích gì?  **\* GV**: Tạo 1 nút thắt gây 1 mâu thuẫn giằng xé tâm tư ông Hai → tạo điều kiện để thể hiện tâm trạng, phẩm chất, tính cách của nhân vật thêm chân thực, sâu sắc góp phần thể hiện chủ đề tác phẩm.  ? Nêu đại ý của truyện?  ? Kết cấu truyện gồm mấy phần? Nội dung của từng phần?  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức.***  - Kiểm tra việc hiểu chú thích của học sinh. | **I. Tìm hiểu chung**  - Nghe.    - Đọc.  -Nhận xét đọc  -HS tóm tắt  ***Thực hiện nhiệm vụ:*** HS làm việc cá nhân; thảo luận, thống nhất trong nhóm.  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  -Nghe, ghi chép.  - Nghe.  - Thảo luận trong bàn trả lời.  - Nghe  Cá nhân thực hiện:  - Nêu đại ý.  - Xác định bố cục.  - Giải nghĩa từ. | **I.Tìm hiểu chung**  **2. Đọc**  -Đọc  -Tóm tắt  **2. Chú thích**  a.Tác giả: Sgk  - Kim Lân (1920 - 2007).  - Là nhà văn chuyên viết truyện ngắn, có sáng tác đăng báo từ trước cách mạng tháng Tám.  - Ôn hầu như chỉ viết về sinh hoạt làng quê và cảnh ngộ của người nông dân.  b. Tác phẩm  - Viết năm 1948.  \* Phương thức biểu đạt:  - Tự sự + miêu tả + biểu cảm.  \*Tình huống truyện:  Ông Hai một người vô cùng yêu làng, yêu nước nghe tin làng ông theo giặc từ những người tản cư dưới xuôi lên.  **\* Đại ý:**  Truyện đã diễn tả chân thực và sinh động tình yêu làng quê của ông Hai - một người dân rời làng đi tản cư trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.  \* **Bố cục:** 3 phần.  *P1*: Tâm trạng của ông Hai trước khi nghe tin làng mình theo Tây.  *P2*: Tâm trạng của ông Hai khi nghe tin làng mình theo Tây.  *P3*: Tâm trạng của ông Hai khi nghe tin cải chính.  c.Từ khó: SGK | |
| **\* HD phân tích**  - GV gọi HS đọc từ đầu -> "dật dờ"  ***+ Giao nhiệm vụ:***  HS thảo luận nhóm theo bàn, trả lời các câu hỏi sau:  - Trước khi nghe tin xấu về làng tâm trạng của ông Hai được miêu tả như thế nào? Tìm các chi tiết, từ ngữ diễn tả điều đó?  -Những biểu hiện đó cho em hiểu được điều gì về nhân vật ông Hại?  ? Ngôn ngữ trong đoạn truyện có gì đặc biệt?  - *Ngôn ngữ quần chúng, độc thoại: cơ chừng, giữ chịt, khiếp thật...*  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức.***  **Hết tiết 1 chuyển tiết 2**  ? Tình huống nào bộc lộ sâu sắc nhất tình yêu làng, yêu nước của nhân vật ông Hai?  ? Khi tình cờ nghe được tin dữ đó, ông Hai có tâm trạng ra sao?  ? Chi tiết nào miêu tả tâm trạng của ông lúc đó?  TL: + Cổ ông lão nghẹn ắng lại, da mặt tê rân rân…  + Ông lão lặng đi tưởng như không thở được…  + Ông Hai cúi gằm mặt xuống mà đi…  +Về đến nhà ông nằm vật ra giường…  + Suốt mấy ngày.....ông chỉ quanh quẩn trong nhà.  ? Nhận xét về nghệ thuật miêu tả tâm trạng nhân vật của tác giả ? Tác dụng?  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức.***  =>Tác giả đã diễn tả rất cụ thể nỗi ám ảnh nặng nề thành sự sợ hãi thường xuyên trong ông Hai cùng với nỗi đau xót tủi hổ của ông trước cái tin làng mình theo giặc.  ? Tại sao ông Hai lại có tâm trạng này?  - Là người nông dân gắn bó sâu sắc với làng quê, ông Hai yêu mến tự hào về cái làng của mình ...  -Cho học sinh đọc thầm đoạn chữ nhỏ.  ? Khi nghe tin làng theo giặc theo giặc, trong tình cảm ông Hai đã có cuộc đấu tranh nội tâm và ông đã chọn cách giải quyết như thế nào đối với làng của ông?  - Bị đẩy vào tình thế bế tắc tuyệt vọng khi mụ chủ nhà muốn đuổi ông cũng không thể quay về làng. Về làng cũng tức là quay trở lại làm nô lệ...  ? Tại sao là người yêu làng, tự hào về làng ông Hai lại thù làng, quyết không trở về làng?  => Ông Hai đã đặt tình yêu nước trên tình yêu làng quê.  ? Đọc lại đoạn ông Hai trò chuyện với đứa con nhỏ?  ? Tại sao ông Hai lại trò chuyện như thế với con ?  ? Qua lời trò chuyện ấy, em cảm nhận được điều gì trong tấm lòng của ông với làng quê, đất nước, kháng chiến?  - Cho Hs đọc phần còn lại.  ? Ông Hai nghe tin này vào thời gian nào? Thái độ, việc làm của ông ra sao?  ***+ Giao nhiệm vụ:***  - HS thảo luận(3’): Từ những chi tiết trên, em suy nghĩ gì về thái độ, hành động, tâm trạng của ông Hai Thu?  → Ông Hai chỉ là một người nông dân bình thường nhưng biết hy sinh cái riêng vì kháng chiến. Điều đó cho thấy cuộc kháng chiến chống Pháp đã đi sâu vào tiềm thức của người dân để trở thành cuộc kháng chiến của toàn dân. Đó chính là sự tinh tế, tài tình của Kim Lân.  - GV cho HS liên hệ tới tấm gương Nguyễn Đình Chiểu.  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức.*** | **II.Phân tích**  - Đọc  ***Thực hiện nhiệm vụ:***  - Phát hiện trả lời.  - Suy nghĩ trả lời.  -Suy nghĩ trả lời.  - Phát hiện trả lời.  - Suy nghĩ trả lời.  - Phát hiện trả lời.  - Nhận xét  - Suy nghĩ trả lời.  - Đọc  - Phát hiện, phân tích.  - Suy nghĩ trả lời.  - Đọc  - Suy nghĩ trả lời.  - Tự bộc lộ  - Đọc  -Phát hiện trả lời.  ***\*Thực hiện nhiệm vụ:***  - Thảo luận, trả lời.  - Nghe | **II. Phân tích**  **\* Diễn biến tâm trạng ông Hai:**  **1. Trước khi nghe tin xấu về làng**:  *- Khổ tâm , day dứt khi phải đi tản cư.*  *- Nhớ làng tha thiết, vẫn nghe thông tin, vui khi quân kháng chiến thắng lợi.*  *→ Yêu làng quê tha thiết, yêu kháng chiến.*  **2. Khi nghe tin làng theo giặc**  ***-***Ông Hai sững sờ. Khi trấn tĩnh lại ông còn cố chưa tin cái tên ấy. Nhưng rồi ông không thể không tin...  - Trong tâm trí ông chỉ còn cái tin dữ ấy xâm chiếm.  - Nỗi ám ảnh nặng nề thành sự sợ hãi thường xuyên cùng với nỗi đau xót tủi hổ.  ***-*** Dứt khoát: yêu làng nhưng làng theo Tây nên phải thù làng.  *=>Tình yêu nước rộng hơn, bao trùm lên tình cảm làng quê*  ***- Tâm sự với đứa con nhỏ (thực ra là lời tự nhủ với mình, tự giãi bày với mình).***  *=> Tình yêu sâu sắc với làng và lòng thủy chung với kháng chiến.*  **3. Khi nghe tin cải chính.**  - Ông Hai lại hồ hởi vui vẻ, chia quà cho con, đi báo tin nhà ông bị Tây đốt, làng ông không theo giặc.  *=>Tình yêu làng hòa quyện với tình yêu đất nước. Tình yêu nước rộng lớn, bao trùm lên tình yêu làng.* | |
| **\* HD tổng kết:**  - Cho HS thảo luận nhóm (3')  - Gọi đại diện các nhóm trình bày, nhận xét chéo.  ? Khái quát ngắn gọn nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản Làng?  ***- GV nhận xét, chốt kiến thức.*** | **III.Tổng kết**  - Thảo luận.  - Trình bày.  - Nhận xét.  - Nghe. | **III. Tổng kết**  ***1. Nghệ thuật*:**  - Tạo tình huống truyện gay cấn  - Miêu tả tâm lí nhân vật chân thực và sinh động qua suy nghĩ, hành động, qua lời nói(đối thoại,độc thoại)  - Ngôn ngữ nhân vật sinh động, giàu tính khẩu ngữ và cá tính từng nhân vật.  +Cách trần thuật của tác giả linh họat, tự nhiên.  ***2. Nội dung*:**  Đoạn trích thể hiện tình cảm yêu làng, tinh thần yêu nước của người nông dân trong thời kì kháng chiến chống Pháp.  ***\* Ghi nhớ /Sgk*** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3 : LUYỆN TẬP**  - Thời gian:5'  - Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu cảm nhận về văn bản.  - Phương pháp: Phân tích, bình  - Kĩ thuật: Động não | | |
| **\* HD luyện tập**  - Cho HS làm bài tập.  - Yêu cầu HS trình bày.  – GV nhận xét bổ sung  ***- GV nhận xét, chốt kiến thức.*** | **IV. Luyện tập**  - HS trình bày | **IV. Luyện tập**  Chọn phân tích một đoạn miêu tả tâm lí nhân vật ông Hai trong tác phẩm ?  + Đoạn ông hai đột ngột nghe tin làng chợ Dầu theo giặc  + Đoạn ông ở lì trong buồng vừa lo lắng vừa đau đớn tủi hổ.... |

**\* HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

*- Mục tiêu : Vận dụng các kiến thức đã học để luyện tập kĩ năng viết đoạn cảm thụ, đoạn tóm tắt.*

*- Phương pháp: Vấn đáp giải thích, phân tích cắt nghĩa; nêu và giải quyết vấn đề.*

*- Kĩ thuật : Động não, Dạy theo góc*

*- Thời gian: 5 phút*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HĐ của thầy** | **HĐ của trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** |
| Cảm nghĩ về nhân vật ông Hai qua truyện ngắn Làng  -Từ nhân vật ông Hai trong truyện hãy nêu một vài suy nghĩ của em về tình yêu quê hương đất nước ? | Quan sát | Luyện viết đoạn |
| Cho hs trao đổi và tìm ý | Trao đổi và tìm ý |  |
| Giao nhiệm vụ thực hành viết đoạn. | Viết | Đoạn văn hoàn chỉnh:  - Về hình thức: số câu, có mở kết, chữ viết…  - Về nội dung: đảm bảo theo đùng chủ đề và ý hợp lý. |
| Kể diễn cảm bằng lời văn của em. |  |  |

**\*HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI MỞ RỘNG**

*HS làm việc cá nhân; Làm việc theo cặp (2 học sinh); Làm việc chung cả nhóm; Làm việc cả lớp; học sinh phát huy tìm tòi kiến thức mới, hỗ trợ cho cả lớp, hướng dẫn học sinh báo cáo sản phẩm… tìm tòi mở rộng thêm theo sở thích, sở trường, hứng thú của mình. tìm hiểu và giải quyết các tình huống thường gặp trong cuộc sống hàng ngày, ở nhà và cộng đồng.*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HĐ của thầy** | **HĐ của trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** |
| - Đọc thêm các truyện ngắn của Kim Lân có cùng đề tài về người nông dân  - Trao đổi với người thân về nội dung bài học, như: kể cho người thân nghe về câu  chuyện vừa học, hỏi về ý nghĩa của câu chuyện, v.v…  ? Hãy tìm một số tác phẩm văn học cùng nói về sự gắn bó của con người với làng quê? | Lắng nghe | Hoàn thành với hướng dẫn giáo viên trên lớp và thời gian sau tiết học. |

**Bước IV/ . Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.** **2'**

1. **Bài cũ** : - Nhớ được một số chi tiết nghệ thuật đặc sắc miêu tả nhân vật ông Hai trong truuyện.

**2.Bài mới** - Chuẩn bị cho tiết học: “Chương trình địa phương”.

+Đọc tài liệu địa phương phần Tiếng Việt : tìm hiểu các từ ngữ địa phương .

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  11/11/2018 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT 63. CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG**

**(Phần Tiếng Việt)**

**I.Mức độ cần đạt:**

**1.Kiến thức:**

- Hiểu được sự khác biệt giữa phương ngữ mà học sinh đang sử dụng với phương ngữ khác và ngôn ngữ toàn dân thể hiện qua những từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động, trạng thái, đặc điểm, tính chất,...

**2.Kĩ năng**:

- Nhận biết một số từ ngữ thuộc các phương ngữ khác nhau.

- Phân tích tác dụng của việc sử dụng phương ngữ trong một số văn bản.

**3.Thái độ:**

- Có ý thức tìm hiểu để biết thêm vốn từ địa phương.

**II. Trọng tâm**

**1.Kiến thức:**

- Từ ngữ địa phương chỉ sự vật, hoạt động trạng thái, đặc điểm, tính chất,...

- Sự khác biệt giữa các từ ngữ địa phương.

**2.Kĩ năng**:

- Nhận biết một số từ ngữ thuộc các phương ngữ khác nhau.

- Phân tích tác dụng của việc sử dụng phương ngữ trong một số văn bản.

**3.Thái độ:**

- Có ý thức tìm hiểu để biết thêm vốn từ địa phương.

***4. Năng lực cần hình thành cho HS:***

- Năng lực tự học

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ

- Năng lực hợp tác , giao tiếp ,giải quyết vấn đề

.**III. Chuẩn bị:**

- Chuẩn bị của thầy: sưu tầm một số từ ngữ trong phương ngữ Bắc, Trung, Nam.

- Chuẩn bị của trò: định hướng trả lời câu hỏi SGK

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước I .Ổn định tổ chức**

**Bước II. Kiểm tra bài cũ** : 2'

***-*** Kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh.

**Bước III. Tổ chức dạy và học bài mới**

**\* HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

*- Thời gian : 2 phút*

**-** *Mục tiêu : Khởi động tiết học, tạo không khí vui tươi trước khi bắt đầu tiết học.*

*- Phương pháp : Đàm thoại, thuyết trình.*

- *Kĩ thuật : Động não*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***HĐ của thầy*** | ***HĐ của trò*** | ***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt*** |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  Tìm và đọc một số từ ngữ thuộc địa phương Hải Phòng ?  ***+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:***  .  ***+ GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới.***  Các địa phương trong dân tộc Việt Nam cùng nói chung tiếng nhưng mỗi vùng miền lại có những từ ngữ đặc trưng riêng thể hiện bản sắc văn hoá ngôn ngữ từng vùng và làm cho tiếng Việt càng thêm phong phú và đa dạng. Tiết học hôm nay , chúng ta sẽ tìm hiểu từ ngữ địa phương Hải Phòng | ***+ HS thực hiện nhiệm vụ.***  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:***  chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  - Lắng nghe, suy nghĩ | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

- Thời gian: 35'

- Mục tiêu: Nhận biết một số từ ngữ thuộc các phương ngữ khác nhau.Phân tích tác dụng của việc sử dụng phương ngữ trong một số văn bản. Hiểu được sự khác biệt giữa phương ngữ mà học sinh đang sử dụng với phương ngữ khác và ngôn ngữ toàn dân

- Phương pháp: Thảo luận nhóm, vấn đáp

- Kĩ thuật:động não, khăn trải bàn, các mảnh ghép.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***HĐ của thầy*** | ***HĐ của trò*** | ***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt*** | |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  - Chia lớp thành 3 nhóm- cho HS thảo luận-> trình bày.  Nhóm1: phần a  Nhóm2: phần b  Nhóm3: phần c  - Cho các nhóm trình bày kết quả.  - Gọi HS nhận xét chéo.  - Gv nhận xét, kết luận chung.  ? Tìm trong phương ngữ em đang sử dụng hay một phương ngữ em biết những từ ngữ theo yêu cầu của bài tập 1/175?  - Yêu cầu HS tìm thêm một số từ ngữ theo mẫu bảng trên? | ***+ HS thực hiện nhiệm vụ***  - Trao đổi theo bàn để tìm.  - Trình bày kết quả.  - Nhận xét chéo.  - Nghe, ghi chép.  - Điền từ tìm được vào bảng. | **Bài tập 1/175**  a.Chỉ các sự vật, hiện tượng...không có tên gọi trong các phương ngữ khác và trong ngôn ngữ toàn dân.  VD:+ Địa danh: Đền Nghè, Đồ Sơn...  + Nghề trồng thuốc lào: lá la, lá cái, lá tránh, nhờn, nổ mắt cua, đốm lá...  + Nghề chọi trầu: lưng tôm bà, sừng vấu đá, lông sâu róm ...  b.Đồng nghĩa nhưng khác về âm so với các từ ngữ trong phương ngữ khác, hoặc trong ngôn ngữ toàn dân.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Phương ngữ Bắc | Phương ngữ Nam | Phương ngữ Trung | | cá quả  lợn  ngã  bố, mẹ  giả vờ  cái bát  thuyền  quả dứa | cá tràu  heo  bổ  bọ, mạ  giả đò  cái chén  mè  hái | cá lóc  heo  té  ba, má  giả đò  cái tô  ghe  trái thơm |   c. Đồng âm nhưng khác nghĩa với các từ trong các phương ngữ khác hoặc trong ngôn ngữ toàn dân.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Phương ngữ Bắc | Phương ngữ Trung | Phương ngữ Nam | | -ốm:bị bệnh  -hòm: bằng gỗ,chứa đồ  -sương: hơi nước | -ốm: gầy  -hòm: quan tài  -sương: gánh | -ốm: gầy  -hòm:quan tài | | |
| - Cho HS thảo luận câu hỏi trong bài tập 2,3,4 trang 175 (SGK).  - Cho các nhóm trình bày kết quả.  - Gọi HS nhận xét chéo.  - Gv nhận xét , kết luận chung. | - Trao đổi theo bàn để tìm.  - Trình bày kết quả.  - Nhận xét chéo.  - Nghe, ghi chép. | **Bài tập 2/ 175**  + Có những từ ngữ địa phương trong mục 1.a vì có những sự vật hiện tượng xuất hiện ở địa phương này nhưng không xuất hiện ở địa phương khác.  =>đất nước ta sự khác biệt giữa các vùng, miền về điều kiện tự nhiên. đặc điểm tâm lí, phong tục tập quán....Song sự khác biệt đó không quá lớn vì những từ ngữ thuộc nhóm này không nhiều.  **Bài tập 3/ 175**  + Các từ ngữ ở bảng mẫu bài tập 1 đều không được coi là ngôn ngữ toàn dân vì trong vốn từ vựng của ngôn ngữ địa phương đã có những từ ngữ tương đương.  **Bài tập 4(176)**  Đọc đoạn trích (trong bài “Mẹ Suốt”), chỉ ra những từ ngữ địa phương trong đó. Những từ ngữ đó thuộc phương ngữ nào?  Những từ ngữ địa phương: chi, rứa, nớ, tui, cớ rằng, ưng, mụ.  => phương ngữ Trung Bộ (tỉnh Quảng Bình) |  |  |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

*- Mục tiêu : Vận dụng các kiến thức đã học để luyện tập kĩ năng viết đoạn có sử dụng các yêu cầu Tiếng Việt.*

*- Phương pháp: Vấn đáp giải thích, phân tích cắt nghĩa; nêu và giải quyết vấn đề.*

*- Kĩ thuật : Động não, Dạy theo góc*

*- Thời gian: 5 phút*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HĐ của thầy** | **HĐ của trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** |
| Tìm những câu thơ có sử dụng từ ngữ địa phương? | Quan sát |  |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI MỞ RỘNG**

HS làm việc cá nhân; Làm việc theo cặp (2 học sinh); Làm việc chung cả nhóm; Làm việc cả lớp; học sinh phát huy tìm tòi kiến thức mới, hỗ trợ cho cả lớp, hướng dẫn học sinh báo cáo sản phẩm… tìm tòi mở rộng thêm theo sở thích, sở trường, hứng thú của mình. tìm hiểu và giải quyết các tình huống thường gặp trong cuộc sống hàng ngày, ở nhà và cộng đồng.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HĐ của thầy** | **HĐ của trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** |
| - GV giao nhiệm vụ cho học sinh:  - Đọc thêm :- Từ điển đối chiếu từ địa phương (Nguyễn Như ý chủ biên - Đặng Ngọc Lệ- Phan Xuân Thành).Tiếng Việt trên các miền đất nước (Phương ngữ học, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1989). | Lắng nghe | Hoàn thành với hướng dẫn giáo viên trên lớp và thời gian sau tiết học. |

**Bước IV/ Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.** **2'**

- Điền thêm một số từ ngữ, cách hiểu vào bảng đã lập ở lớp.

- Chuẩn bị bài: “Đối thoại, độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự":

+ Đọc kĩ đoạn trích

+ Trả lời câu hỏi SGK/177

+ Viết đoạn văn theo chủ để tự chọn, trong đó sử dụng cả hình thức đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  11/11/2018 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT 64. ĐỐI THOẠI, ĐỘC THOẠI VÀ ĐỘC THOẠI NỘI TÂM**

**TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ**

**I.Mức độ cần đạt:**

**1.Kiến thức**- Hiểu được vai trò của đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự.

- Biết viết văn bản tự sự có đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm.

**2.Kĩ năng:**

- Phân biệt được đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm.

- Phân tích được vai trò của đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự.

**3.Thái độ**, tư tưởng: có ý thức cảm nhận về đối thoại, độc thoại… trong văn tự sự

**II. Trọng tâm**

**1.Kiến thức**:

- Đối thoại , độc thoại và độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự.

- Tác dụng của việc sử dụng đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự.

**2.Kĩ năng:**

- Phân biệt được đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm.

- Phân tích được vai trò của đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự.

**3.Thái độ**, tư tưởng: có ý thức cảm nhận về đối thoại, độc thoại… trong văn tự sự

***4. Năng lực cần hình thành cho HS:***

- Năng lực tự học

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ

- Năng lực hợp tác , giao tiếp ,giải quyết vấn đề.

**III. Chuẩn bị:**

- Chuẩn bị của thầy: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án, bảng phụ

- Chuẩn bị của trò: định hướng trả lời câu hỏi SGK

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước I .Ổn định tổ chức**

**Bước II. Kiểm tra bài cũ** : 2'

**\* Hỏi:**

- Yêu cầu HS đọc BTVN: Viết đoạn văn kể lại buổi sinh hoạt lớp. Trong buổi sinh hoạt đó, em đã phát biểu ý kiến để chứng minh Nam là người bạn rất tốt.

**Bước III. Tổ chức dạy và học bài mới**

**\* HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

*- Thời gian : 2 phút*

**-** *Mục tiêu : Khởi động tiết học, tạo không khí vui tươi trước khi bắt đầu tiết học.*

*- Phương pháp : Đàm thoại, thuyết trình.*

- *Kĩ thuật : Động não*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***HĐ của thầy*** | ***HĐ của trò*** | ***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt*** |
| ***+ GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới.***: Nói đến tự sự không thể không nói đến nhân vật. Nhân vật là yếu tố trung tâm của văn bản tự sự. Nhân vật trong tự sự được miêu tả trên nhiều phương diện: ngoại hình, nội tâm, hành động, ngôn ngữ, trang phục... ở các lớp 6, 7, 8 các em đã học nhiều về miêu tả nhân vật ở các mặt về ngoại hình, trang phục,... Ngữ văn 9 tập trung xem xét nhân vật ở phương diện ngôn ngữ. Ngôn ngữ nhân vật thể hiện trong tự sự bao gồm ngôn ngữ đối thoại và ngôn ngữ độc thoại. Trong độc thoại có độc thoại thành lời và độc thoại nội tâm (không thành lời). Phân tích nhân vật không thể không chú ý tới việc phân tích ngôn ngữ. Nói cách khác ngôn ngữ là một phương tiện nghệ thuật để nhà văn khắc hoạ tính cách và phẩm chất nhân vật khá rõ nét. Qua ngôn ngữ ta hiểu được nhân vật.  Để làm tốt văn bản tự sự bên cạnh yếu tố nghị luận còn có các yếu tố đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm. Vậy những yếu tố này như thế nào chúng ta tìm hiểu bài học hôm nay. | .  - Lắng nghe, suy nghĩ | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |

**\*HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

- Thời gian:15'

- Mục tiêu: Nhận diện được đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự.Tác dụng của việc sử dụng đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự.

*- Phương pháp:* Đọc diễn cảm, nêu vấn đề, vấn đáp, thuyết trình....

- *Kỹ thuật*: Động não. ....

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***HĐ của thầy*** | | ***HĐ của trò*** | ***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt*** | |
| **\* HD tìm hiểu yếu tố** **đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự:**  - GV gọi HS đọc câu hỏi SGK suy nghĩ và trả lời các câu hỏi.  ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** thảo luận cặp đôi.  ? Trong ba câu đầu đoạn trích, ai nói với ai? Tham gia câu chuyện có ít nhất mấy người ?  ? Dấu hiệu nào nào cho ta thấy đó là một cuộc trao đổi trò chuyện qua lại?  ? Câu: "-Hà nắng gớm về nào...'' ông Hai nói với ai?  ? Đây có phải là một cuộc đối thoại không? Vì sao?  - Không phải là đối thoại vì nội dung ông nói không hướng tới một người tiếp chuyện cụ thể nào cả, câu nói đó chẳng ai đáp lại.  ? Trong đoạn trích còn câu nào kiểu này không? Hãy dẫn ra các câu đó?  **-** Ông Hai đã nói thành lời chưa?  ? Những câu như: "Chúng nó cũng là trẻ con....tuổi đầu..."? Là những câu ai hỏi ai? Tại sao trước những câu này không có gạch đầu dòng như những câu trên?  - Những câu như:"Chúng nó cũng là trẻ con....tuổi đầu...". Ông Hai hỏi chính mình, không phát thành lời chỉ trong suy nghĩ.  ? Những câu trên thể hiện tâm trạng ông Hai như thế nào?  - Tâm trạng dằn vặt đau đớn khi nghe tin làng mình theo Tây.  ? Như vậy đó là độc thoại gì?  ? Các hình thức diễn đạt trên có tác dụng như thế nào trong việc thể hiện diễn biến của câu chuyện và thái độ của những người tản cư trong buổi trưa ông Hai gặp họ ? Đặc biệt chúng đã giúp nhà văn thể hiện thành công những diễn biến tâm lí của nhân vật ông Hai như thế nào?  ? Vậy em hiểu thế nào là đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự? Tác dụng của chúng?  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức.*** | | **I.Tìm hiểu yếu tố** **đối thoại...**  - Đọc  ***+Thực hiện nhiệm vụ:*** HS làm việc cá nhân; thảo luận, thống nhất trong nhóm.  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  -Nghe, ghi chép.  -  .  - Khái quát rút ra nội dung phần ghi nhớ. | **I.Tìm hiểu yếu tố** **đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự**  ***1.Ví dụ: Sgk***  - Có ít nhất hai người phụ nữ tản cư đang nói chuyện với nhau  - Có hai lượt lời qua lại  + Nội dung: mỗi người đều hướng tới người tiếp chuyện  + Hình thức: Thể hiện bằng hai gạch đầu dòng  => Đối thoại  - Câu "- Hà nắng gớm về nào...'' ông Hai nói với chính mình.  - Có gạch đầu dòng  + ''ông lão ...rít lên"  + "chúng bay....thế này"  => Độc thoại thành lời  - Những câu như:"Chúng nó cũng là trẻ con....tuổi đầu...".ông Hai hỏi chính mình, không phát thành lời.  - Tâm trạng dằn vặt đau đớn khi nghe tin làng mình theo Tây.  => Độc thoại nội tâm.  \* Tác dụng : + Tạo cho câu chuyện có không khí như cuộc sống thật  + Thể hện thái độ căm giận của những người tản cư với dân làng chợ dầu .  + Giúp nhà văn khắc họa sâu sắc tâm trạng dằn vặt đau đớn của ông Hai khi nghe tin làng mình theo Tây.  ***2.Ghi nhớ : Sgk/178***  - Đối thoại là đối đáp, trò chuyện giữa hai hoặc nhiều người...  - Độc thoại:Là lời của một người nào đó nói với chính mình hoặc với một ai đó trong tưởng tượng... | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3 : LUYỆN TẬP**  - Thời gian: 19'  - Mục tiêu: Phân tích tác dụng của đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự. Biết viết văn bản tự sự có đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm.  - Phương pháp: Thuyết trình, thuyết trình ...  - Kĩ thuật: Động não. | | | |
| **\* HD HS luyện tập:**  - Cho Hs đọc BT1.  ? Phân tích tác dụng của hình thức đối thoại trong đoạn trích?  \* Gợi ý : Cuộc đối thoại có bình thường không ? Người nói ở đây có tâm trạng như thế nào? Việc biểu hiện tâm trạng đó giúp ta hiểu gì về ông Hai?  - Gv cho Hs trình bày.  - Gv nhận xét, kết luận chung.  - Cho 2 học sinh nên bảng viết còn học sinh dưới lớp viết ra giấy nháp và trình bày miệng,   * ***Gv nhận xét, kết luận chung.***   **\*.Củng cố:**  **-** Nhắc lại thế nào là đối thoại, độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự? | **II.Luyện tập**  - Đọc BT1.  - Nghe gợi ý để làm.  - HS làm việc độc lập.  - Trình bày trước lớp.  - Nghe, ghi chép.  -2 HS làm trên bảng, dưới lớp làm ra giấy .  - Đọc bài của trước lớp.  - Nghe. | | **II. Luyện tập**  Bài tập1.  - Có ba lượt lời ( lời bà Hai) nhưng chỉ có hai lời đáp  + Lời 1: Ông Hai không đáp  + Lời 2: đáp bằng một câu hỏi "gì"  + Lời 3: đáp lại bằng một câu cụt ngủn"biết rồi"  \* Tác dụng: Làm nổi bật tâm trạng chán chường, buồn bã, đau khổ, thất vọng của ông Hai trong cái đêm nghe tin làng mình theo Tây.  Bài tập 2 |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

*- Mục tiêu : Vận dụng các kiến thức đã học để luyện tập kĩ năng viết lời văn và đoạn văn tự sự*

*- Phương pháp: Vấn đáp giải thích, phân tích cắt nghĩa; nêu và giải quyết vấn đề.*

*- Kĩ thuật : Động não, Dạy theo góc*

*- Thời gian: 5 phút*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HĐ của thầy** | **HĐ của trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** |
| \* Yêu cầu HS xác định viết đoạn văn kể chuyện theo đề tài tự chọn, trong đó có sử dụng cả hình thức đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm.  - Đoạn văn: 7- 12 câu.  - Đề tài: tự chọn.  - Yêu cầu có sử dụng cả hình thức đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm. | Quan sát | Luyện viết đoạn |
| Cho hs trao đổi và tìm ý | Trao đổi và tìm ý |  |
| Giao nhiệm vụ thực hành viết đoạn. | Viết | Đoạn văn hoàn chỉnh:  - Về hình thức: số câu, có mở kết, chữ viết…  - Về nội dung: đảm bảo theo đùng chủ đề và ý hợp lý. |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI MỞ RỘNG**

*HS làm việc cá nhân; Làm việc theo cặp (2 học sinh); Làm việc chung cả nhóm; Làm việc cả lớp; học sinh phát huy tìm tòi kiến thức mới, hỗ trợ cho cả lớp, hướng dẫn học sinh báo cáo sản phẩm… tìm tòi mở rộng thêm theo sở thích, sở trường, hứng thú của mình. tìm hiểu và giải quyết các tình huống thường gặp trong cuộc sống hàng ngày, ở nhà và cộng đồng.*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HĐ của thầy** | **HĐ của trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** |
| - GV giáo nhiệm vụ cho học sinh.  - Hoàn thiện các bài viết đoạn.  Tìm yếu tố đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong văn bản  **“ Truyện Kiều”**  - Đoạn thêm tác phẩm văn học học tập cách viết. | Lắng nghe | Hoàn thành với hướng dẫn giáo viên trên lớp và thời gian sau tiết học. |

**Bước IV/ Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.**

- Phân biệt được đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm. Phân tích được vai trò của đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự.

**2. Bài mới:**  - Chuẩn bị bài : Luyện nói tự sự kết hợp với nghị luận và miêu tả nội tâm. Chuẩn bị theo 3 nhóm, mỗi nhóm 1 nội dung trong SGK (N1: đề 1; N2: đề 2; N3: đề 3)

- Làm đề cương cho 3 đề trong SGK/ 179, lưu ý:

+ Sử dụng yếu tố nghị luận, miêu tả nội tâm, các hình thức đối thoại, độc thoại.

+ Không viết thàn bài văn, chỉ nêu ra các ý chính mà mình sẽ nói.

+ Luyện nói ở nhà, hình dung trước: mở đầu định nói gì, sau đó lần lượt nói về các nội dung gì và kết thúc như thế nào?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  11/11/2018 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT 65. LUYỆN NÓI: TỰ SỰ KẾT HỢP**

**VỚI NGHỊ LUẬN VÀ MIÊU TẢ NỘI TÂ**M

**I.Mức độ cần đạt:**

***1.Kiến thức:***

- Hiểu được vai trò của tự sự, nghị luận và miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự.

- Biết kết hợp tự sự, nghị luận và miêu tả nội tâm trong văn kể chuyện.

***2.Kĩ năng:***

- Nhận biết được các yếu tố tự sự, nghị luận và miêu tả nội tâm trong một.

- Sử dụng các yếu tố tự sự, nghị luận và miêu tả nội tâm trong văn kể chuyện.

***3.Thái độ:***

- Coi trọng sự kết hợp giữa tự sự và miêu tả nội tâm.

**II. Trọng tâm**

***1.Kiến thức:***

- Tự sự, nghị luận và miêu tả nội tâm trong kể chuyện.

- Tác dụng của việc sử dụng các yếu tố tự sự, nghị luận và miêu tả nội tâm trong kể chuyện.

***2.Kĩ năng:***

- Nhận biết được các yếu tố tự sự, nghị luận và miêu tả nội tâm trong một.

- Sử dụng các yếu tố tự sự, nghị luận và miêu tả nội tâm trong văn kể chuyện.

***3.Thái độ:***

- Coi trọng sự kết hợp giữa tự sự và miêu tả nội tâm.

***4. Năng lực cần hình thành cho HS:***

- Hình thành năng lực tự giải quyết vấn đề, hợp tác; năng lực giao tiếp.

- Sáng tạo, vận dụng giải quyết những tình huống trong thực tiễn cuộc sống…

- **III. Chuẩn bị:**

- Chuẩn bị của thầy: Giáo án, hướng dẫn học sinh chuẩn bị bài ở nhà (SGK /149)

- Chuẩn bị của trò: Chuẩn bị theo 3 nhóm , mỗi nhóm 1 nội dung trong SGK.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước I .Ổn định tổ chức**

**Bước II. Kiểm tra bài cũ** : 2'

- Kiểm tra sự chuẩn bị bài của HS.

**Bước III. Tổ chức dạy và học bài mới**

**\* HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

*- Thời gian : 2 phút*

**-** *Mục tiêu : Khởi động tiết học, tạo không khí vui tươi trước khi bắt đầu tiết học.*

*- Phương pháp : Đàm thoại, thuyết trình.*

- *Kĩ thuật : Động não*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***HĐ của thầy*** | ***HĐ của trò*** | ***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt*** |
| ***+ GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới.***  Các tiết trước chúng ta đã được tìm hiểu kĩ thế nào là nghị luận, miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự và tác dụng của chúng. Các em đã chuẩn bị dàn ý cho bài văn tự sự có sử dụng yếu tố nghị luạn và miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự. Trong tiết học hôm nay, các em sẽ có cơ hội trình bày bài nói của mình trước các bạn. | - Lắng nghe, suy nghĩ | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |

**\*HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

- Thời gian:10'

- Mục tiêu: Thảo luận thống nhất nội dung bài luyện nói trong nhóm. Biết đưa các yếu tố tự sự, nghị luận, miêu tả nội tâm vào văn bản tự sự một cách hợp lí.

- Phương pháp: Thảo luận nhóm.

- Kĩ thuật: Các mảnh ghép.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***HĐ của thầy*** | | ***HĐ của trò*** | | ***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt*** |
| **\* HD HS chuẩn bị nội dung nói**:  - Chia lớp thành 3 nhóm, yêu cầu HS thảo luận, thống nhất các nội dung đã chuẩn bị .  \* Gợi ý:  +Các ý chính em sẽ trình bày?  +Sử dụng yếu tố nghị luận, miêu tả nội tâm, đối thoại, độc thoại vào những chỗ nào cho hợp lí?  Đề 1:- Sau khi để xảy ra một chuyện có lỗi với bạn tâm trạng mình ra sao? (dằn vặt, xấu hổ, thấy có lỗi với bạn...)  Đề 2: - Buổi sinh hoạt diễn ra ntn? (thời gian, địa điểm, người điều khiển, không khí buổi sinh hoạt...)  - Nội dung buổi sinh hoạt: em đã phải thuyết phục các bạn Nam là người tốt như thế nào ? (lí lẽ, ví dụ, lời phân tích...)  Đề 3: - Thay đổi ngôi kẻ.  - Lời kể phù hợp với tính cách, tâm trạng nhân vật. | | **I.Chuẩn bị nội dung nói**:  - Nghe, rút kinh nghiệm.  - Thảo luận nhóm theo 3 nội dung đưa ra trong SGK. | | **I.Chuẩn bị nội dung nói**:  \* Nhóm 1:  Tâm trạng của em sau khi để xảy ra một chuyện có lỗi với bạn  \*Nhóm 2:  Kể lại buổi sinh hoạt lớp, ở đó em đã phát biểu ý kiến để chứng minh Nam là người bạn rất tốt  \*Nhóm 3:  Đóng vai Trương Sinh kể lại phần đầu văn bản “Chuyện người con gái Nam Xương” và bày tỏ niềm ân hận. |
| **HOẠT ĐỘNG 3, 4 : LUYỆN TẬP ,VẬN DỤNG**  - Thời gian: 26'  - Mục tiêu: Trình bày bài nói rõ ràng, hấp dẫn, đảm bảo đủ nội dung, đúng hình thức. Biết nghe, nhận xét bài nói của bạn.  - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm..  - Kĩ thuật: Động não, các mảnh ghép. | | | | | |  |
| \***HD luyện nói :**  - GV nêu yêu cầu chung:  - Yêu cầu HS đưa dàn ý đã thống nhất của nhóm lên bảng. Lần lượt trình bày.  - Cho HS nhận xét chéo.  -Nhận xét chung, chấm điểm. | **II. Luyện nói**  - Nghe  - Đại diện mỗi nhóm trình bày  - Nhận xét chéo  - Nghe, rút kinh nghiệm. | | **II. Luyện nói**  \*Nói rõ ràng, mạch lạc, có giọng điệu, tư thế ngay ngắn, mắt hướng vào người nghe.  + Chú ý sử dụng yếu tố nghị luận, miêu tả nội tâm, các hình thức đối thoại, độc thoại. | |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI MỞ RỘNG**

*HS làm việc cá nhân; Làm việc theo cặp (2 học sinh); Làm việc chung cả nhóm; Làm việc cả lớp; học sinh phát huy tìm tòi kiến thức mới, hỗ trợ cho cả lớp, hướng dẫn học sinh báo cáo sản phẩm… tìm tòi mở rộng thêm theo sở thích, sở trường, hứng thú của mình. tìm hiểu và giải quyết các tình huống thường gặp trong cuộc sống hàng ngày, ở nhà và cộng đồng.*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HĐ của thầy** | **HĐ của trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** |
| - GV giáo nhiệm vụ cho học sinh.  - Luyện nói ở nhà theo các yêu cầu của các bài tập . | Lắng nghe | Hoàn thành với hướng dẫn giáo viên trên lớp và thời gian sau tiết học. |

**Bước IV/ Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.**

- Học lý thuyết

Tập nói lại theo 4 đề bài trong SGK (nói tự nhiên, rõ ràng, mạch lạc. Tư­ thế ngay: ngay ngắn, nghiêm túc, đàng hoàng, tự tin, hư­ớng vào ng­ười nghe, thu hút họ vào nội dung cần nói).

- Tìm hiểu sự kết hợp các yếu tố nghị luận và miêu tả trong truyện “Lặng lẽ Sa Pa”

- Chuẩn bị bài: Lặng lẽ Sa Pa.

## TUẦN 14

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  17/11/2018 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT 66,67. VĂN BẢN: LẶNG LẼ SA PA** (Trích)

**(Nguyễn Thành Long)**

**I.Mức độ cần đạt:**

**1.Kiến thức**:

- Có hiểu biết thêm về tác giả và tác phẩm truyện Việt Nam hiện đại viết về những con người lao động mới trong thời kì miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Nam kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

- Hiểu, cảm nhận được giá trị nội dung và nghệ thuật của truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa*

**2.Kĩ năng:**

- Nắm bắt diễn biến truyện và tóm tắt được truyện.

- Phân tích được nhân vật trong tác phẩm tự sự.

- Cảm nhận được một số chi tiết nghệ thuật độc đáo trong tác phẩm.

**3.Thái độ**: Giáo dục cho học sinh lòng mến yêu, kính phục những con người đang lặng lẽ dâng cho đời và sẽ có xu hướng phấn đấu để cống hiến cho đời.

**II. Trọng tâm**

**1.Kiến thức**:

- Vẻ đẹp của hình tượng con người thầm lặng cống hiến quên mình vì Tổ quốc trong tác phẩm.

- Nghệ thuật kể chuyện, miêu tả sinh động, hấp dẫn trong truyện.

**2.Kĩ năng:**

- Nắm bắt diễn biến truyện và tóm tắt được truyện.

- Phân tích được nhân vật trong tác phẩm tự sự.

- Cảm nhận được một số chi tiết nghệ thuật độc đáo trong tác phẩm.

**3.Thái độ**: Giáo dục cho học sinh lòng mến yêu, kính phục những con người đang lặng lẽ dâng cho đời và sẽ có xu hướng phấn đấu để cống hiến cho đời.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, cảm thụ thẩm mĩ

**III. Chuẩn bị:**

**1.Thầy:**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* Qua đọc- hiểu, phân tích văn bản, HS nắm được nét chính về nhà văn Nguyễn Thành Long; thấy được vẻ đẹp của anh thanh niên – hình ảnh con người lao động mới trong thời kì kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

*+ Nội dung của hoạt động:* Tác giả, hoàn cảnh sáng tác của tác phẩm. Vẻ đẹp của những con người lao động mới trong thời kì miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Nam kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

*+ Phương tiện dạy học:*  Tranh ảnh, tư liệu liên quan đến bài học, phiếu học tập

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1 .Ổn định tổ chức**

**Bước 2. Kiểm tra bài cũ** : 5'

\* Hỏi: - Nhân vật ông Hai trong tác giả “Làng” là người nông dân có tình yêu làng, yêu nước sâu sắc. Bằng lí lẽ và dẫn chứng, em hãy làm rõ vấn đề này.

\* Định hướng trả lời:

- Ông Hai là người yêu làng yêu nước, sẵn sàng hi sinh tất cả vì Tổ quốc. Khi đi tản cư ông rất khổ tâm, day dứt, luôn nhớ về làng, nghe ngóng tin tức về làng. Sững sờ, đau xót, tủi hổ khi nghe tin làng theo giặc. Căm thù làng, căm thù lũ Việt gian bán nước. Vui mừng, hồ hởi khi nghe tin cải chính. Tiếp tục khoe về làng, khoe Tây đốt nhà mình.

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới**

**\* HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

*- Thời gian : 5 phút*

**-** *Mục tiêu : Khởi động tiết học, tạo không khí vui tươi trước khi bắt đầu tiết học.*

*- Phương pháp : Đàm thoại, thuyết trình.*

- *Kĩ thuật : Động não*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***HĐ của thầy*** | ***HĐ của trò*** | ***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt*** |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  - GV cho HS quan sát tranh ảnh về Sa Pa.  ? Em hiểu gì về vùng đất này?  ***+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:***  ***+ GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới.***  Sa Pa- một thắng cảnh nổi tiếng ở Việt Nam. Sa Pa mà chỉ nghe tên người ta đã nghĩ ngay tới sự nghỉ ngơi vẫn có những con người lao động và cống hiến thầm lặng cho đất nước. Đó cũng là chủ đề của truyện ngắn" Lặng lẽ Sa Pa" của Nguyễn Thành Long. Vậy tại sao tác giả lại khẳng định như thế? Tiết học hôm nay sẽ giúp chúng ta trả lời câu hỏi đó. | ***+ HS thực hiện nhiệm vụ.***  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:***  chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  - Lắng nghe, suy nghĩ | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |

**\*HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

- Thời gian: 60'

- Mục tiêu: Rèn kĩ năng đọc, nắm được những nét cơ bản về tác giả, xuất xứ văn bản, hiểu những từ khó.

HS biết phân tích, cảm nhận về vẻ đẹp của cảnh sắc thiên nhiên, của những con người âm thầm lao động, cống hiến cho Tổ quốc nơi Sa Pa lặng lẽ, tiêu biểu là nhân vật anh thanh niên. Khái quát giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản.

- Phương pháp: Thảo luận nhóm.

- Phương pháp: Đọc diễn cảm, vấn đáp, thuyết trình., thảo luận nhóm.

- Kĩ thuật: động não, khăn trải bàn...

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***HĐ của thầy*** | ***HĐ của trò*** | ***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt*** | |
| **\* HD tìm hiểu chung:**  *1. Đọc*  - HD đọc: đọc chậm rãi, thể hiện cảm xúc sâu lắng, đọc xen kể.  - Cho HS đọc VB.  - Nhận xét về cách đọc của Hs.  ***+ Giao nhiệm vụ:***  ? Giới thiệu 1 vài nét về tác giả?  ? Tác phẩm được sáng tác trong thời gian nào ?  - Gv giới thiệu về hoàn cảnh ra đời của tác phẩm.  ***+ Giao nhiệm vụ:***  - **Trao đổi theo nhóm bàn (3’) các nội dung sau :**  + Phương thức biểu đạt chính .  + Thể loại .  + Bố cục.  + Tình huống truyện .  - Cho các nhóm trình bày kết quả.  - Gọi các nhóm nhận xét chéo.  - GV nhận xét , chốt kiến thức.  ? Kể tóm tắt văn bản?  ? Có thể tóm tắt ngắn gọn nội dung cốt truyện bằng 1 câu văn được không?  ? Xác định ngôi kể của văn bản? Điểm nhìn để kể đặt vào nhân vật nào ? Tác dụng của lối kể này ?  - Giữ cho câu chuyện mang vẻ đẹp chân thực, khách quan và làm nổi bật chất trữ tình, đào sâu suy tư của n/v.  Cho trao đổi, tìm hiểu các chú thích trong Sgk. | **I. Tìm hiểu chung**  - HS đọc VB.  - Nhận xét về cách đọc của Hs.  - Phát hiện trả lời.  - Nghe.  ***+ HS thực hiện nhiệm vụ.***  - Trao đổi theo bàn.  - Thảo luận nhóm 4 người  - Đại diện trình bày.  - Nhận xét chéo.  - Nghe, ghi chép.  - Tóm tắt  - Phát hiện trả lời.  - Dựa vào Sgk trả lời. | **I. Tìm hiểu chung**  *1. Đọc*  *1. Chú thích*  a. Tác giả Nguyễn Thành Long (1925- 1991) quê Duy Xuyên, Quảng Nam - Sở trường về truyện ngắn và bút ký.  b. Tác phẩm :  -H/c sáng tác : sáng tác năm 1970 , rút từ tập “Giữa trong xanh”.  - Phương thức biểu đạt chính : tự sự.  - Thể loại : truyện ngắn.  - Bố cục : 3 phần:  + Giới thiệu cuộc gặp gỡ tình cờ...  + Diễn biến cuộc gặp gỡ ...  + Cuộc chia tay của 3 n/v  -. Tình huống truyện : *Truyện kể lại cuộc gặp gỡ tình cờ của mấy người khách trên xe với người thanh niên làm công tác khí tượng trên đỉnh cao Yên Sơn ở Sa Pa.*  - Ngôi kể: *ngôi thứ 3*  c. Từ khó (Sgk). | |
| **\* HD phân tích:**  ? Truyện có mấy nhân vật ? Nhân vật nào là nhân vật chính?  - Gv: *Nhân vật chính không xuất hiện ngay từ đầu mà chỉ hiện ra qua cuộc gặp gỡ với các nhân vật khác.... Nhân vật ấy chỉ hiện ra trong chốc lát, đủ để các nhân vật khác kịp ghi nhận 1 ấn tượng, 1 kí họa chân dung về anh rồi dường như anh lại khuất lấp vào trong mây mù bạt ngàn và cái lặng lẽ muôn thuở của núi cao Sa Pa. Nhân vật anh thanh niên hiện ra để cho mọi người cảm nhận được rằng “Trong cái lặng im của Sa Pa, Sa Pa ... cho đất nước”.*  ? Trước khi để họa sĩ, cô kĩ sư gặp mặt, anh thanh niên được giới thiệu là người ntn ? Ý nghĩa của việc giới thiệu này ?  - Người cô độc nhất thế gian → gây ấn tượng mạnh, tạo sự tò mò, chú ý của người đọc.  ***+ Giao nhiệm vụ:***  - **Cho Hs trao đổi theo nhóm (5’):**  ? Theo lời kể của anh thanh niên ta biết được anh đang làm công việc gì ? Trong hoàn cảnh như thế nào ? Hãy nhận xét cuộc sống, công việc của anh ?  - Cho Hs trình bày kết quả.  ***- Gv nhận xét, kết luận.***  ? Cái khó khăn nhất của anh là gì ? Vì sao?  - Vượt qua sự cô đơn vắng vẻ quanh năm suốt tháng 1 mình trên đỉnh núi cao không bóng người.  ? Điều gì đã giúp anh vượt lên hoàn cảnh đó?  - Cho Hs làm BTTN: Câu 3→7 /104,105.    *(****Hết tiết 66****)*  *GV tóm tắt qua nội dung tiết 66, giới thiệu nội dung tiếp theo tiết 67…..*  - Cho HS đọc: “Anh thanh niên... cho bác vẽ hơn”.  ***+ Giao nhiệm vụ:***  HS thảo luận cặp đôi , trả lời các câu hỏi sau:  ? Anh suy nghĩ và quan niệm về công việc của mình ntn ?  ? Vì sao ở 1 mình giữa mênh mông lặng lẽ mà anh không thấy cô đơn, buồn tẻ?  - Lấy sách vở, công việc làm bè bạn.  ? Cuộc sống được anh tổ chức ntn ? Tìm chi tiết ?  - **Cho hs thảo luận (5’):**  + Cuộc gặp gỡ và trò chuyện với bác lái xe cho ta hiểu được gì về tính cách của anh ?  + Qua cuộc đối thọai và câu chuyện anh tự kể ta còn hiểu thêm điều gì ở anh?  - Cho HS trình bày kết quả.  - Gv nhận xét, kết luận.  ? Qua đó em có nhận xét gì về nhân vật người thanh niên và nghệ thuật khắc hoạ nhân vật của tác giả?  *⇒ Bức chân dung nhân vật chính với những nét đẹp tinh thần , tình cảm, cách sống và những suy nghĩ về cuộc sống, về ý nghĩa của công việc.*  ? Ngoài anh thanh niên, còn nhân vật nào khác ở Sa Pa ? Đặc điểm chung của họ là gì ?  - GV: ông bố, ông kĩ sư vườn rau, anh cán bộ nghiên cứu sét → hi sinh quyền lợi riêng... lặng lẽ mà khẩn trương vì lợi ích của đất nước, vì cuộc của mọi người. Đó là hình ảnh đẹp của những con người lao động mới trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.  ? Bác lái xe có vai trò gì trong truyện ? Qua đó ta thấy bác là người ntn ?  ? Theo em, nhân vật ông hoạ sĩ đóng vai trò gì trong chuyện ?  ? Mục đích của ông họa sĩ già trong chuyến đi này?  ? Tình cảm và thái độ của ông khi tiếp xúc, trò chuyện với anh thanh niên ?  - Xúc động và bối rối ngay từ giây phút đầu gặp anh thanh niên.  - Muốn ghi lại hình ảnh anh thanh niên bằng nét kí hoạ.  ? Chi tiết nào thể hiện điều đó?  **- Cho hs trao đổi**: Cuộc gặp gỡ với anh thanh niên đã để lại cho cô kĩ sư những ấn tượng, tình cảm gì ?  + Bàng hoàng  + Hiểu thêm về cuộc sống tốt đẹp của người thanh niên, về con đường cô đã chọn.  - Gv yêu cầu Hs trình bày kết quả. Nhận xét chéo.  **- Gv chốt ý.**  ? Theo em, các nhân vật phụ trong tác phẩm có vai trò gì ?  *Thông qua cảm xúc, suy nghĩ của các nhân vật phụ, hình ảnh nhân vật chính hiện ra rõ nét và đẹp hơn, chủ đề tác phẩm được mở rộng thêm, mang nhiều ý nghĩa.* | **II.Phân tích**.  -Cá nhân làm việc  - Xác định nhân vật chính.  - Nghe  -Cá nhân làm việc  - Phát hiện trả lời.  ***+ HS thực hiện nhiệm vụ***  - Thảo luận nhóm.  - Đại diện trình bày.  - Nhận xét chéo.  - Nghe, ghi chép.  - Đọc  ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** thảo luận cặp đôi.  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** Đại diện các cặp đôi chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  - Nghe, ghi chép.  ***+ HS thực hiện nhiệm vụ***  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** Đại diện trình bày chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  - Nghe, ghi chép.  -Cá nhân trình bày  -Nghe  -Cá nhân  suy nghĩ trả lời  - Nhận xét.  -Phát hiện và trả lời  ***+ HS thực hiện nhiệm vụ***  HS thảo luận, thống nhất trong nhóm.  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:***  - Nghe, ghi chép.  - | **II. Phân tích**.  **1. Nhân vật anh thanh niên.**  ***\* Hoàn cảnh sống và làm việc.***  *- Một mình trên đỉnh núi cao 2600m.*  *- Đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây...*  *→ hoàn cảnh sống thật đặc biệt, công việc đòi hỏi phải tỉ mỉ, chính xác, có tinh thần trách nhiệm.*  ***\* Ý thức về công việc.***  ***-*** *Yêu nghề, thạo việc , suy nghĩ, quan niệm đúng đắn về công việc, cuộc sống.*  *\* Tổ chức , sắp xếp cuộc sống: chủ động, ngăn nắp, khoa học.*  ***\* Tính cách, phẩm chất:***  *- Chu đáo, ân cần, quan tâm đến người khác.*  *- Cởi mở, chân thành, khiêm tốn...*  **2. Các nhân vật khác.**  **\* Bác lái xe.**  *- Cởi mở, vui tính, hiếu khách.*  *- Đưa đường người giới thiệu nhân vật chính, tạo không khí hồi hộp cho nhân vật xuất hiện.*  **\* Ông họa sĩ.**  *Giữ vai trò quan trọng trong truyện. Người kể như nhập vào cái nhìn và suy nghĩ của nhân vật ông hoạ sĩ để quan sát và miêu tả từ cảnh thiên nhiên đến nhân vật chính.*  **\* Cô kĩ sư**  *- Sự bừng dậy của tình cảm lớn lao, cao đẹp khi gặp ánh sáng đẹp đẽ toả ra từ cuộc sống, tâm hồn anh thanh niên.* | |
| **\* HD tổng kết:**  ***+ Giao nhiệm vụ:***  HS thảo luận nhóm theo bàn, trả lời các câu hỏi sau:  ? Em có nhận xét gì về tên các nhân vật trong truyện? Tại sao tác giả lại gọi như vậy?  - Đều không có tên. Tác giả muốn khẳng định: tất cả mọi người ở mọi ngành nghề, mọi lứa tuổi đề âm thầm lặng lẽ cống hiến cho đất nước.  ? Truyện kết hợp tự sự, trữ tình và bình luận. Hãy chỉ ra chất trữ tình và nêu tác dụng ?  - Chất trữ tình toát lên từ phong cảnh thiên nhiên đẹp và thơ mộng, qua cái nhìn của ông hoạ sĩ, từ cuộc gặp gỡ tình cờ...  ? Qua tìm hiểu rút ra đặc sắc nội dung, nghệ thuật của tác phẩm?  ? Tư tưởng, chủ đề của truyện ?  - Ngợi ca những con người lao động quên mình, hi sinh một cách thầm lặng... Họ là những anh hùng trên mặt trận sản xuất. Gợi ra vấn đề: ý nghĩa, niềm vui của người lao động tự giác vì những mục đích chân chính đối với con người sống cống hiến thầm lặng.  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức.*** | **III.Tổng kết**  ***+ HS thực hiện nhiệm vụ***  HS làm việc cá nhân; thảo luận, thống nhất trong nhóm  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:***  Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  -Nghe, ghi chép.  - | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**:  -Truyện không có tình tiết phức tạp.Các nhân vật đều là những người vô danh. Nhân vật chính được giới thiệu qua lời kể của nhân vật phụ. Lời văn chau chuốt, giàu chất thơ. Miêu tả độc đáo.  **2. Chủ đề của truyện: Sgk** | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3 : LUYỆN TẬP**  - Thời gian: 10'  - Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu cảm nhận về văn bản.  - Phương pháp: Thuyết trình  - Kĩ thuật: Động não | | |  |
| **\* HD luyện tập :**  ? Phát biểu cảm nghĩ của em về nhân vật mà em yêu thích nhất trong văn bản vừa học? | **III. Luyện tập**  - Cá nhân phát biểu ý kiến. | **III. Luyện tập** |  |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG 7’**

**-** Mục tiêu : Vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết vấn đề .

*- Phương pháp: Vấn đáp giải thích, phân tích cắt nghĩa; nêu và giải quyết vấn đề.*

*- Kĩ thuật : Động não, Dạy theo góc*

- Thời gian: 5 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***HĐ của thầy*** | ***HĐ của trò*** | ***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt*** |
| -Từ hình ảnh anh thanh niên trong truyện có gợi cho em suy nghĩ gì về thái độ trách nhiệm của tuổi trẻ đối với công cuộc xây dựng đất nước trong giai đoạn hiện nay ?  Cho hs trao đổi và tìm ý  Giao nhiệm vụ: thực hành viết đoạn. | Quan sát  Trao đổi và tìm ý .  Viết | Đoạn văn hoàn chỉnh:  - Về hình thức: số câu, có mở kết, chữ viết…  - Về nội dung: đảm bảo theo đùng chủ đề và ý hợp lý. |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI MỞ RỘNG**

* Thời gian: (Có thể làm ở nhà)
* - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo của HS.
* Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng.

Kĩ thuật: động não

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***HĐ của thầy*** | ***HĐ của trò*** | ***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt*** |
| - GV giao nhiệm vụ cho học sinh.  Tìm đọc trong sách báo , in tơ nét những tác phẩm cùng đè tài .  -Trao đổi với người thân về những vấn đề gợi ra từ văn bản . | Lắng nghe | Hoàn thành với hướng dẫn giáo viên trên lớp và thời gian sau tiết học. |

**4. HDVN: 3'**

- Sưu tầm thơ tám chữ của các nhà thơ tiêu biểu . Phân tích theo các đặc điểm của thơ 8 chữ . Tập viết các lời bình cho các bài thơ đoạn thơ 8 chữ

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  18/11/2018 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT 68. TẬP LÀM THƠ TÁM CHỮ**

**HD TỰ HỌC: NGƯỜI KỂ CHUYỆN TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ**

**I. Mức độ cần đạt:**

**1.Kiến thức**

- Nắm được đặc điểm của thể thơ tám chữ (số tiếng, cách gieo vần, ngắt nhịp...)

- Nhận diện thể thơ tám chữ qua các đoạn văn bản và bước đầu biết cách làm thơ tám chữ.

-Tích hợp liên hệ sáng tác thơ về đề tài môi trường, ATGT, biển đảo quê hương..

**2.Kĩ năng:**

- Nhận biết thơ tám chữ.

- Tạo đối, vần, nhịp trong khi làm thơ tám chữ.

**3.Thái độ:**

- Qua hoạt động làm thơ 8 chữ mà phát huy tinh thần sáng tạo, sự hứng thú trong học tập, rèn luyện thêm năng lực cảm thụ thơ ca.

**II. Trọng tâm**

**1.Kiến thức**:

- Đặc điểm của thể thơ tám chữ.

- Tích hợp liên hệ sáng tác thơ về đề tài môi trường, ATGT, biển đảo quê hương..

**2.Kĩ năng:**

- Nhận biết thơ tám chữ.

- Tạo đối, vần, nhịp trong khi làm thơ tám chữ.

**3.Thái độ:**

- Qua hoạt động làm thơ 8 chữ mà phát huy tinh thần sáng tạo, sự hứng thú trong học tập, rèn luyện thêm năng lực cảm thụ thơ ca.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:*

*+ Nội dung của hoạt động:*

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ**

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

**\* HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

*- Thời gian : 2 phút*

**-** *Mục tiêu : Khởi động tiết học, tạo không khí vui tươi trước khi bắt đầu tiết học.*

*- Phương pháp : Đàm thoại, thuyết trình.*

- *Kĩ thuật : Động não*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***HĐ của thầy*** | ***HĐ của trò*** | ***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt*** |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  Gv cho hs đọc một số bài thơ 8 chữ đã được học và đọc thêm hay được biết ?  -Nhận xét về số câu , số chữ cách ngắt nhịp , gieo vần …  ***+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:***  .  ***+ GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới.***  Thơ tám chữ là một thể thơ phổ biến của dân tộc, khá quen thuộc với mỗi chúng ta. Vậy thơ tám chữ có đặc điểm như thế nào, cách làm thể thơ này ra sao? Bài học hôm nay sẽ giúp các em hiểu được điều đó? | ***+ HS thực hiện nhiệm vụ.***  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:***  chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  - Lắng nghe, suy nghĩ | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |

**\*HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

- Thời gian: 25'

- Mục tiêu: Nắm được đặc điểm thể thơ tám chữ qua các đoạn văn bản và bước đầu biết cách làm thơ tám chữ.

- Phương pháp: Vấn đáp, phân tích ngữ liệu, thuyết trình.

- Kĩ thuật: Động não, lắng nghe và phản hồi tích cực.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***HĐ của thầy*** | ***HĐ của trò*** | ***Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt*** |
| **\* HD nhận diện thể thơ 8 chữ:**  - Gọi HS đọc tìm hiểu các đoạn thơ.  ***+ Giao nhiệm vụ:***  HS thảo luận nhóm theo bàn, trả lời các câu hỏi sau:  - Nhận xét về số chữ của mỗi dòng trong 3 đoạn thơ?  - Xác định những chữ có chức năng gieo vần?  - Nhận xét về cách gieo vần ở từng đoạn?  - Nhận xét về cách ngắt nhịp ở mỗi đoạn thơ trên?  =>2/3/3; 3/2/3; 4/2/2  ? Khái quát lại những đặc điểm của thể thơ tám chữ?  ***\*GV chốt***: Thơ tám chữ là thể thơ mỗi dòng tám chữ, có cách ngắt nhịp rất đa dạng. Bài thơ theo thể tám chữ có thể gồm nhiều đoạn dài ( số câu không hạn định), có thể được chia thành các khổ (thường mỗi khổ bốn dòng) và có nhiều cách gieo vần, nhưng phổ biến nhát vẫn là vần chân (được gieo liên tiếp hoặc gián cách). | **I.Nhận diện thể thơ 8 chữ:**  - Đọc, tìm hiểu  ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** thảo luận, thống nhất trong nhóm.  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Lắng nghe    - Nghe, ghi chép | **I.Nhận diện thể thơ 8 chữ:**  1.Đọc các đoạn thơ SGK  a, b, c.  2.Nhận xét:  - Số chữ: mỗi dòng 8 chữ  =>số dòng trong khổ không hạn định  - Gieo vần:  a.tan-ngàn-mới-gội-bừng-rừng- gắt -mật  b.về-nghe-hè-học-nhọc-bà-xa  c.ngát-non-hát-son-đứng-tiên-dựng-nhiên  =>gieo vần chân liên tiếp theo từng cặp khuôn vần  =>gieo vần chân giãn cách theo từng cặp  -Ngắt nhịp: linh hoạt, đa dạng  **3. Ghi nhớ: SGK/151** |
| **\* HD luyện tập nhận diện thể thơ 8 chữ:**  Đoạn thơ trích trong bài “Tháp đổ” của Tố Hữu. Hãy điền vào chỗ trống cuối các dồng thơ một trong những từ: ca hát, bát ngát, ngày qua, muôn hoa ?  - Đọc, điền vào chỗ trống mỗi dòng thơ một trong các từ: cũng mất, đất trời, tuần hoàn sao cho đúng vần?  ***+ Giao nhiệm vụ:***  HS thảo luận nhóm theo bàn, trả lời các câu hỏi sau:  - Đọc đoạn thơ trong bài “Tựu trường”. Chỉ ra chỗ sai trong câu thơ 3. Nói lí do và tìm cách sửa?  ***GV chốt - Nêu những hiểu biết của em về đặc điểm của thơ 8 chữ?*** | **II.Luyện tập nhận diện thể thơ 8 chữ:**  - Đọc đoạn thơ  ***-Cá nhân thực hiện nhiệm vụ***  - Điền các từ theo thứ tự  ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** thảo luận, thống nhất trong nhóm.  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Lắng nghe  -HS trình bày | **II.Luyện tập nhận diện thể thơ 8 chữ:**  ***1.Đoạn trong “Tháp đổ”***  Hãy cắt đứt những dây đàn ca hát  Những sắc tàn vị nhạt của ngày qua  Nâng đón lấy màu xanh hương bát ngát  Của ngày mai muôn thưở với muôn hoa  ***2.Đoạn trong “Vội vàng”:***  cũng mất - tuần hoàn -đất trời  3 .Đoạn thơ trong “Tựu trường”  - Câu thứ 3 sai ở từ ‘rộn rã”  (âm tiết cuối cùng ở câu thơ này phải mang thanh bằng và hiệp vần với chữ gương ở dòng trên)  ->Những chàng trai 15 tuổi vào trường  **\* Ghi nhớ SGK** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3 : LUYỆN TẬP**  - Thời gian: 10'  - Mục tiêu: Biết hoàn thiện những câu thơ tám chữ chưa hoàn chỉnh. Làm được một bài thơ tám chữ theo yêu cầu.  - Phương pháp: Thảo luận nhóm, vấn đáp, sáng tác thơ...  - Kĩ thuật: Động não, khăn trải bàn... | | |
| **\* HD thực hành làm thơ 8 chữ: (học ở tiết 89 luyện tập tiếp theo )**  - Treo bảng phụ ghi khổ thơ khuyết chỗ trống. Yêu cầu học sinh tìm từ thích hợp để điền?  - Ghi trên bảng phụ khổ thơ còn thiếu 1 câu. Hãy làm thêm câu cuối?( đúng vần, phù hợp cảm xúc) | **III.Thực hành làm thơ 8 chữ:**  - Thảo luận theo bàn làm BT.  - Tập làm thơ.  - Trình bày  - Nhận xét.   * Nghe | **III.Thực hành làm thơ 8 chữ:**  **Bài tập 1/151**  1....vườn  2…. qua  **Bài tập 2/151**  - các cặp vần giãn cách  lạ-rã, trường-sương  =>Bóng ai thấp thoáng giữa màn sương  - vần chân: lạ-rã-ta  =>Thoang thoảng hương bay dịu ngọt quanh ta  **Bài tập 3 .Viết thêm một câu thơ để hoàn thiện khổ thơ:**  a.Cành mùa thu đã mùa xuân nảy lộc  Hoa gạo nở rồi , nở đỏ bến sông  Tôi cũng khác với tôi sau lần gặp trước  ......?  (Đỗ Bạch Mai-Trước dòng sông)  =***Mà sông bình yên nước chảy theo dòng***  b.Biết làm thơ chưa hẳn là thi sĩ  Như người yêu khác hẳn với tình nhân  Biển dù nhỏ không phải là ao rộng  ...........................................  (Phạm Công Trứ-Vô đề)  ***=Một cành đào chưa thể gọi mùa xuân*** |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

*- Mục tiêu : Vận dụng các kiến thức đã học để thực hành làm thơ tám chữ theo đề tài*

*- Phương pháp: Vấn đáp giải thích, phân tích cắt nghĩa; nêu và giải quyết vấn đề.*

*- Kĩ thuật : Động não, Dạy theo góc*

*- Thời gian: 7 phút*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HĐ của thầy** | **HĐ của trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** |
| - GV khuyến khích HS làm một bài thơ tám chữ nói về mái trường -> trình bày.  - Gọi HS nhận xét chéo.   * GV nhận xét, cho điểm.   GV chốt - Nêu những hiểu biết của em về thơ 8 chữ? | -HS làm bài cá nhân  -HS trình bày  HS nhận xét chéo. | * **Bài tập 4. Làm thơ theo đề tài:** mái trường, tình bạn **,** môi trường, ATGT, biển đảo quê hương..   a. Nhớ trường:  \* VD:  Nơi ta đến hằng ngày quen thuộc thế  Sân trường mênh mông, nắng cũng mênh mông  Khăn quàng tung bay rực rỡ sắc hồng  Xa bạn bè sao bỗng thấy bâng khuâng  **b. Nhớ bạn:**  VD:  Ta chia tay nhau phượng đỏ đầy trời  Nhớ những ngày rộn rã tiếng cười vui  Và nhớ những đêm lửa trại tuyệt vời  Tay nắm tay long lanh rơi lệ  c. Các đề tài khác  -ATGT; Bảo vệ môi trường .; Em yêu biển đảo quê em …. |

**\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**

-Thời gian: (Có thể làm ở nhà)

- Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn.

- Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm

- Kĩ thuật: động não.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HĐ của thầy** | **HĐ của trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** |
| - GV giáo nhiệm vụ cho học sinh.  - Hoàn thiện các bài viết đoạn.  - Đọc thêm tác phẩm văn học học tập cách viết. | Lắng nghe | Hoàn thành với hướng dẫn giáo viên trên lớp và thời gian sau tiết học. |

**HD tự học**: **“Người kể chuyện trong văn tự sự”**

- Thời gian: 5'

- Mục tiêu: Thấy đ­ược vai trò của ngư­ời kể chuyện trong tác phẩm tự sự. Những hình thức kể chuyện, đặc điểm của mỗi hình thức ng­ười kể chuyện trong tác phẩm tự sự.

- Ph­ương pháp: vấn đáp, tự nghiên cứu.

- Kĩ thuật: Động não.

**# Yêu cầu HS về nhà tự tìm hiểu để nắm được các nội dung sau:**

***I.Vai trò của người kể chuyện trong văn bản tự sự.***

Trong văn bản tự sự, ngoài hình thức kể chuyện theo ngội thứ nhât còn có hình thức kể chuyện theo ngôi thứ 3. Đó là ngư­ời kể giấu mình như­ng có mặt khắp nơi trong văn bản. Ng­ời kể này d­ờng nh­ biết hết mọi việc, mọi hành động, tâm t­, tình cảm của các nhân vật.

Ng­ời kể có vai trò dẫn dắt ng­ười đọc đi vào câu chuyện : giới thiệu nhân vật và tình huống, tả ng­ời và tả cảnh vật, đ­a ra các nhận xét, đánh giá về những điều đ­ược kể.

***II.Luyện tập***

**Bài tập 1:**

- Người kể chuyện trong đoạn văn là nhân vật “tôi” (ngôi thứ nhất)...

=>giúp người kể dễ đi sâu vào tâm tư, tình cảm, miêu tả được diễn biến tâm lí tinh vi, phức tạp diễn ra trong tâm hồn nhân vật.

- Hạn chế trong việc bao quát các yếu tố khách quan, sinh động.

**Bài tập 2.**

Trong vai một nhân vật, hãy kể lại nội dung đoạn trích ở mục I.1

**IV/Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.**

**Bài cũ :** -Thực hiện các yêu càu của phần tự học

**Bước 4 . Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.**

- BTVN: Làm bài thơ 8 chữ, chủ đề nói về mái trường, thầy cô. (Tiết sau nộp )

- Đọc, tóm tắt tác phẩm.

- Viết một đoạn văn phát biểu cảm nghĩ về nhân vật anh thanh niên

- Ôn luyện, viết bài tập làm văn số 3

**Ngày viết bài :**

**TIẾT 69,70. VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 3**

**I.Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức***:

- Vận dụng kiến thức về văn tự sự có sử dụng yếu tố miêu tả nội tâm và nghị luận thực hành viết một bài tự sự hoàn chỉnh theo yêu cầu.

***2. Kĩ năng:***

**-**  Rèn kĩ năng viết văn tự sự có sử dụng yếu tố miêu tả nội tâm và nghị luận.

***3. Thái độ****:*

- Có ý thức sử dụng miêu tả nội tâm,độc thoại nội tâm, nghị luận trong văn tự sự.

**II. Trọng tâm:**

***1. Kiến thức***:

- Kiến thức về văn tự sự có sử dụng yếu tố miêu tả nội tâm và nghị luận.

***2. Kĩ năng:***

**-**  Rèn kĩ năng viết văn tự sự có sử dụng yếu tố miêu tả nội tâm và nghị luận

***3. Thái độ****:*

- Có ý thức sử dụng miêu tả nội tâm,độc thoại nội tâm, nghị luận trong văn tự sự.

***4. Năng lực cần hình thành cho HS:***

-Năng lực tự giải quyết vấn đề, sáng tạo.

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ, tạo lập văn bản.

**III. Chuẩn bị:**

- Chuẩn bị của thầy: ra đề, nhập vào ngân hàng đề.

- Chuẩn bị của trò: xem lại lí thuyết, chuẩn bị làm bài

**IV. Tổ chức dạy và học:**

1. Ổn định tổ chức

2. Kiểm tra sự chuẩn bị của HS

3. Nội dung tiết kiểm tra:

**\* Hoạt động 1**: Phát đề

**\* Hoạt động 2:** Học sinh làm bài.

- Yêu cầu HS làm bài tự giác, nghiêm túc.

**\* Hoạt động 3:** Thu bài.

- Giáo viên thu bài đúng giờ.Nhận xét giờ kiểm tra.

**4.Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.**

- Chuẩn bị bài: Chiếc lược ngà

Nhóm 1: Tìm những chi tiết nói về diễn biến tâm trạng của bé Thu trước khi nhận ra cha.

Nhóm 2:Tìm những chi tiết nói về diễn biến tâm trạng của bé Thu khi đã nhận ra cha.

Nhóm 3: Tìm những chi tiết thể hiện tình cảm của ông Sáu đối với con.

Nhóm 4: Tìm và phân tích tác dụng của tình huống truyện. Lập sơ đồ tư duy giới thiệu tác giả, tác phẩm.

## TUẦN 15

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  24/11/2018 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT 71,72. VĂN BẢN: CHIẾC LƯỢC NGÀ**

**( Nguyễn Quang Sáng)**

**I.Mức độ cần đạt**

***1.Kiến thức:***

- Cảm nhận được giá trị nội dung và nghệ thuật của truyện *Chiếc lược ngà:*

- Tình cảm cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh.

-Sự sáng tạo trong nghệ thuật xây dựng tình huống truyện, miêu tả tâm lí nhân vật.

***2. Kĩ năng:***

- Đọc - hiểu văn bản truyện hiện đại sáng tác trong thời kì kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

***3. Thái độ:***

**-** Trân trọng tình cảm gia đình, biết sống yêu thương, sống trách nhiệm. Thấy được sự mất mát của chiến tranh, từ đó biết quý trọng thành quả cách mạng hôm nay.

**II Trọng tâm**

***1.Kiến thức:***

- Nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong một đoạn truyện *Chiếc lược ngà* .

- Tình cảm cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh.

- Sự sáng tạo trong nghệ thuật xây dựng tình huống truyện, miêu tả tâm lí nhân vật.

***2. Kĩ năng:***

- Đọc - hiểu văn bản truyện hiện đại sáng tác trong thời kì kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

***3. Thái độ:***

**-** Trân trọng tình cảm gia đình, biết quý trọng cha mẹ. Thấy được sự mất mát của chiến tranh, từ đó biết quý trọng thành quả cách mạng hôm nay.

**4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:**

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, cảm thụ thẩm mĩ

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:*Qua đọc- hiểu, phân tích văn bản, HS nắm được nét chính về tác giả Nguyễn Quang Sáng và hoàn cảnh sáng tác của truyện ngắn “Chiếc lược ngà”; thấy được tình cảm cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh; sự sáng tạo trong nghệ thuật xây dựng tình huống truyện, miêu tả tâm lí nhân vật

*+ Nội dung của hoạt động:* Tác giả Nguyễn Quang Sáng.

Tình cảm cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh.

Sự sáng tạo trong nghệ thuật xây dựng tình huống truyện, miêu tả tâm lí nhân vật

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

Đọc diễn cảm, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, phân tích, giảng bình...

+ Trò: Đọc, tóm tắt văn bản. Soạn bài

* + Chuẩn bị bài theo các nhóm:

Nhóm 1: Tìm và phân tích tác dụng của tình huống truyện. Lập sơ đồ tư duy giới thiệu tác giả, tác phẩm.

Nhóm 2: Tìm và phân tích tác dụng của tình huống truyện. Lập sơ đồ tư duy giới thiệu tác giả, tác phẩm.

Nhóm 3: Tìm những chi tiết nói về diễn biến tâm trạng của bé Thu trước khi nhận ra cha.

Nhóm 4:Tìm những chi tiết nói về diễn biến tâm trạng của bé Thu khi đã nhận ra cha.

Nhóm 5: Tìm những chi tiết thể hiện tình cảm của ông Sáu đối với con.

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ**

- Kiểm tra sự chuẩn bị của HS

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thầy** | **Trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** |
| **\* HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:**  - Thời gian: 5'  - Mục tiêu: Thu hút sự chú ý của HS vào bài mới.  - Phương pháp: Thuyết trình.  - Kĩ thuật: Động não | | |
| *+ Giao nhiệm vụ:*  ? Nêu cảm nghĩ của em về hai cuộc kháng chiến trường kì của dân tộc.  *+ HS thực hiện nhiệm vụ:* làm việc cá nhân, chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  *+ GV nhận xét, dẫn dắt vào bài mới:*  tranh đã kết thúc hơn 30 năm nhưng hậu quả và dư âm của nó vẫn còn mãi đế tận bây giờ. Và trong sâu thẳm một số gia đình Việt Nam vẫn còn đó những nỗi đau, những vết thương không thể nào hàn gắn được. Truyện “Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng là một câu chuyện như thế. Ở đó ta bắt gặp một tình phụ tử thật thiêng liêng, xúc động. Hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu. | *+ Thực hiện nhiệm vụ:* làm việc cá nhân, chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Lắng nghe. | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **\* HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:**  - Thời gian: 70'  - Mục tiêu: HS nắm được nét khái quát về tác giả, nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong đoạn trích. Thấy được tình cảm cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh của cha con ông Sáu. Thấy được sự sáng tạo trong nghệ thuật xây dựng tình huống truyện, miêu tả tâm lí nhân vật của tác giả.  - Phương pháp: Vấn đáp, bình giảng, thảo luận nhóm, nêu vấn đề, câu hỏi gợi tìm  - Kĩ thuật: Động não, sơ đồ tư duy,321... | | |
| **\* HD tìm hiểu chung:**  ***+ Giao nhiệm vụ:***  HS thảo luận nhóm theo bàn.  + Nhóm 1 trình bày sơ đồ tư duy  Giới thiệu 1 vài nét về tác giả, tác phẩm.  + GV nhận xét, chốt kiến thức.  - Cho Hs quan sát chân dung tác giả.  - Cho trao đổi tìm hiểu chú thích trong Sgk.  - Gv HD đọc : Đọc chậm rãi, lời kể thể hiện cảm xúc sâu lắng, hơi buồn.  - Cho Hs đọc văn bản.  - Nhận xét về cách đọc của HS.  - Yêu cầu 1 HS tóm tắt ngắn gọn đoạn trích.  - Cho nhóm 2 trình bày kết quả đã chuẩn bị ở nhà.  - Gọi các nhóm nhận xét chéo.  + GV nhận xét, chốt kiến thức. | **I.Tìm hiểu chung**  - Trình bày kết quả.  - Nhận xét chéo.  - Nghe, ghi chép.  - Trình bày kết quả.  - Nhận xét chéo.  - Nghe, ghi chép. | **I .Tìm hiểu chung.**  1. Chú thích .  a .Tác giả  - Nguyễn Quang Sáng sinh 1932 ở An Giang ông tham gia quân đội ông hầu như chỉ viết về cuộc sống và con người Nam Bộ.  \*Tác phẩm: Sáng tác năm 1966 ở chiến trường Nam Bộ,rút trong tập "Chiếc lược ngà".  \* Từ khó (Sgk).  2. Đọc, tóm tắt.  3. Phương thức biểu đạt chính: tự sự.  4.Thể loại: Truyện ngắn.  5. Tình huống truyện:  + TH1: Ông Sáu về phép thăm nhà 3 ngày, bé Thu kiên quyết không nhận ba vì vết thẹo dài trên má. Đến khi bé hiểu ra thì cha con phải chia tay.  - TH2: Ông Sáu ở chiến khu làm lược cho con và hi sinh.  6. Bố cục và ngôi kể:  - Bố cục*:* 3phần  +Từ đầu đến “bắt nó về”- Tình trạng cha con anh Sáu trước buổi chia tay.  +Tiếp đến --> tuột xuống”: Buổi chia tay đầy nước mắt.  +Còn lại: Anh Sáu ở chiến khu làm chiếc lược ngà và hi sinh.  *7. Ngôi kể:*  Ngôi thứ nhất,đặt vào nhân vật anh Ba.  Tác dụng: tăng độ tin cậy và tính trữ tình của câu truyện |
| **\* HD phân tích:**  ***+ Giao nhiệm vụ:***  HS HĐ cá nhân trả lời các câu hỏi sau:  ? Truyện có những nhân vật nào ? Nhân vật nào là nhân vật chính ?  ? Diễn biến tâm trạng bé Thu khi cha về thăm nhà trải qua những thời điểm quan trọng nào trong tâm thức của bé ?  + Trước khi nhận ra cha  + Sau khi nhận ra cha  \* Nhóm 3 trình bày.  - GV giúp HS chốt kiến thức theo các câu hỏi gợi mở.  ? Bé Thu có phản ứng như thế nào khi nghe ông Sáu gọi mình là con? Em hãy tìm chi tiết ?  ? Vì sao Thu có phản ứng như vậy?  ? Hai ngày tiếp theo thái độ và tình cảm của bé Thu đối với ông Sáu như thế nào?  ? Qua các chi tiết trên em hiểu thêm điều gì về bé Thu?  **+ HS thực hiện nhiệm vụ**, nhận xét chéo, phản biện tích cực.  + GV nhận xét, chốt kiến thức.  ? Vì sao Thu lại có thái độ như vậy đối với anh Sáu?  - Vì theo Thu anh Sáu không phải là cha mình → không chịu thừa nhận người lạ là cha → tình cảm sâu sắc và chân thật đối với người cha.  - Cho HS thảo luận cặp đôi: Có người nói sự ương ngạnh của bé Thu rất đáng trách. Có người nói sự ương ngạnh của bé Thu không hề đáng trách. ý kiến của em như thế nào? Vì sao?  → Không đáng trách. Trong hoàn cảnh xa cách, trắc trở của chiến tranh, nó còn quá nhỏ không thể hiểu được những khắc nghiệt, éo le cuả chiến tranh và người lớn chưa kịp chuản bị cho nó tâm thế để đón nhận những khả năng bất thường. Nó không nhận ba vì trong hình ba nó không có vết thẹo dài trên má.  - Gv giảng : Phản ứng của bé Thu là hoàn toàn tự nhiên. Tình cảm của bé đối với ba là chân thật, sâu sắc, mạnh mẽ. Trong cái "cứng đầu" của em ẩn chứa một tình cảm thiêng liêng, trọn vẹn dành cho người cha khác- người cha trong tấm hình chụp chung với  má.  **(Hết tiết 71, chuyển tiết 72)**  - HS đọc đoạn truyện "Sáng hôm sau..."  ***+ Giao nhiệm vụ:***  \* Nhóm 4 trình bày.  - GV giúp HS chốt kiến thức theo các câu hỏi gợi mở.  ? Tìm những chi tiết miêu tả hành động, thái độ của bé Thu trong buổi sáng cuối cùng trước khi ông Sáu lên đường?  ? Em có nhận xét gì về thái độ, hành động của bé Thu lúc này?  - Có sự thay đổi đột ngột và đối lập với những hành động trước.  ? Lần này thu cũng thét lên, đây có phải là nỗi sợ hãi không?  - Không. Đây là tiếng nói của tình thương yêu ruột thịt. Tình cảm mà nó đã dồn nén bấy lâu trong lòng mình.  ? Lời bình luận của tác giả về tiếng kêu của bé Thu: "Tiếng kêu như xé...", cùng những câu văn miêu tả trên cho em hiểu gì về tác giả?  - Là người am hiểu tâm lí trẻ thơ, có sự đồng cảm sâu sắc với nhân vật mình yêu mế trân trọng.  ? Vì sao bé Thu có sự thay sự đổi như vậy ?  - Được bà ngoại giải thích. Sự nghi ngờ về cha đã được giải toả, ân hận, hối tiếc đã làm cho tình yêu và nỗi nhớ bùng nổ mạnh mẽ, hối hả, cuống quýt.  ? Vì sao Thu bày tỏ nỗi băn khoăn của mình với bà ngoại chứ không phải với má nó?  ? Em có nhận xét gì về nghệ thuật dẫn chuyện ở đoạn này?  - Nghệ thuật dẫn chuyện tinh tế, chuẩn bị tâm lí cho người đọc dần dần hiểu ra sự việc.  ? Tâm trạng của người kể chuyện như thế nào và tâm trạng đó được thể hiện điều gì?  - "Như có ai nắm lấy trái tim mình" → Xúc động trước hoàn cảnh trớ trêu của cha con Thu.  ? Nếu chứng kiến cảnh này em có thái độ như thế nào?  ? Ngoài phương thức tự sự, đoạn văn còn kết hợp với phương thức biểu đạt nào khác? Tác dụng ?  - Phương thức kể + tả→ câu chuyện xúc động  ? Qua phần tìm hiểu trên, em thấy bé Thu có tính cách như thế nào ?  - Giáo viên chốt: *Tình cảm của bé Thu thật sâu sắc, mạnh mẽ và cũng thật dứt khoát, rạch ròi. Những biểu hiện tưởng như trái ngược trong thái độ và hành động của Thu thật ra vẫn nhất quán trong tình cảm, tính cách của em. Ở Thu có nét cứng cỏi tưởng như đến ương ngạnh, nhưng Thu vẫn là một đứa trẻ với tất cả nét hồn nhiên, ngây thơ của trẻ con. Nhà văn đã miêu tả bé Thu với sự am hiểu sâu sắc tâm lí trẻ thơ và tấm lòng yêu thương, trân trọng vô cùng trẻ thơ*.  - GV giúp HS nắm kiến thức theo các câu hỏi gợi mở.  ? Vì sao người mà ông Sáu mong gặp nhất là bé Thu?  - Vì 8 năm nay ông chưa một lần gặp đứa con gái đầu lòng mà ông vô cùng thương nhớ.  ? Tìm những chi tiết nói về hành động, thái độ của ông Sáu khi về thăm nhà?  + Háo hức gặp con để ôm con vào lòng, không đợi thuyền cập bến đã nhẩy .. khát khao được nghe 1 tiếng gọi ba .... khổ tâm không khóc được, tìm mọi cách để con gọi "ba", gắp cho con cái trứng cá to ...  + Day dứt, ân hận vì đã đánh con.  ? Những chi tiết đó thể hiện điều gì?  ? Những chi tiết nào ở phần cuối đoạn thể hiện tình yêu thương con vô hạn của ông ?  ? Chiếc lược được làm như thế nào? Tìm những chi tiết thể hiện thái độ của ông Sáu với chiếc lược.  Vui mừng, sung sướng khi kiếm được mẩu ngà voi ; Dồn hết tâm trí, công sức, tình cảm vào cây lược  ? Chiếc lược có ý nghĩa như thế nào đối với ông ?  - Chiếc lược thành vật quý giá, thiêng liêng của ông Sáu. Thể hiện tình cảm sâu nặng thắm thiết của ông Sáu dành cho con gái.  ? Qua đây em hiểu gì về nỗi lòng người cha của ông Sáu?  ? Ông Sáu hi sinh không kịp gặp lại con và trao lược cho con gây cho em cảm xúc gì?  - Thấm thía những đau thương, mất mát, éo le của chiến tranh gây cho bao người, bao gia đình (xót xa, tiếc nuối ...) | **II. Phân tích**  - Xác định nhân vật chính.  - Phát hiện trả lời.   * + Trình bày kết quả đã tìm hiểu.   - Suy nghĩ trả lời.  - Phát hiện trả lời.  - Khái quát trả lời.  - Nghe, ghi chép.  - Nhận xét.  - Thảo luận trả lời.  - Nghe, ghi chép.  - Đọc.  - Phát hiện trả lời.  - Nhận xét.  - So sánh, nhận xét.  - Suy nghĩ trả lời.  - Suy nghĩ trả lời.  - Suy nghĩ trả lời.  - Đánh giá về nghệ thuật.  - Suy nghĩ trả lời.  - Tự bộc lộ.  - Xác định phương thức biểu đạt.  - Suy nghĩ trả lời.  - Phát hiện trả lời.  - Suy nghĩ trả lời.  - Phát hiện trả lời.  - Phát hiện trả lời.  - Suy nghĩ trả lời.  - Bộc lộ cảm nhận.  - Tự bộc lộ. | **II. Phân tích**  ***1. Diễn biến tâm trạng bé Thu khi cha về thăm nhà.***  ***\* Trước khi nhận ra cha:***  ***- Bé Thu hốt hoảng, sợ hãi khi có người lạ gọi mình là con,vội cầu cứu mẹ.***  ***- Bé Thu tỏ ra thờ ơ lạnh lùng đến bướng bỉnh, ngang ngạnh. Cự tuyệt một cách quyết liệt trước tình cảm của ông Sáu.***  ***=> Phản ứng của bé Thu là hoàn toàn tự nhiên Trong cái "cứng đầu" của em ẩn chứa cả sự kiêu hãnh trẻ thơ về tình yêu son sắt dành cho người cha đáng kính.***  ***\* Khi nhận ra cha.***  ***- Khuôn mặt sầm lại, đôi mắt mênh mông, vẻ nghĩ ngợi sâu xa.***  ***- Khi chia tay: kêu thét lên, giữ không cho ba đi, ôm chầm lấy ba, hôn ba, khóc nức nở, cuống quýt xen cả nỗi hối hận.***  ***\* Thu là một cô bé có cá tính sâu sắc, mạnh mẽ, dứt khoát, rạch ròi, quyết liệt nhưng cũng rất hồn nhiên ngây thơ, chân thật trong tình cảm yêu thương mãnh liệt đối với ba mình.***  **2. Diễn biến tâm trạng của ông Sáu:**  ***- Ông Sáu háo hức muốn gặp con. Buồn bã, thất vọng khi bị con từ chối.***  ***- Luôn sẵn lòng tha thứ cho con, mong con nhận ba. Day dứt khi đánh con.***  ***- Vô cùng vui sướng khi con gái nhận ba.***  ***- Dồn tất cả tình yêu thương, nhớ mong con vào việc làm chiếc lược cho con.***  ***=>Một người cha hết lòng yêu thương con.*** |
| **\* HD tổng kết:**  ***+ Giao nhiệm vụ:*** HĐ cá nhân: Khái quát giá trị nội dung, nghệ thuật của đoạn trích?  - Trình bày.  - Cho các nhóm nhận xét chéo.  - GV nhận xét, chốt nội dung phần ghi nhớ. | **III/ Tổng kết**  - Thảo luận nhóm.  - Trình bày  - Nhận xét chéo.  - Nghe, ghi chép. | **III/ Tổng kết**  1. Nghệ thuật:  - Tạo tình huống éo le.  - Có cốt truyện mang yếu tố bất ngờ.  - Lựa chọn người kể chuyện là bạn của ông Sáu, chứng kiến toàn bộ câu chuyện, thấu hiểu cảnh ngộ và tâm trạng của nhân vật trong truyện.  2. Ý nghĩa:  - Là câu chuyện cảm động về tình cha con sâu nặng, "Chiếc lược ngà" cho ta hiểu thêm về những mất mát to lớn của chiến tranh mà nhân dân ta đã trải qua trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, cảm thụ thẩm mĩ. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**   * Thời gian: 10’ * Mục tiêu: Vận dụng kiến thứ đã học vào giải quyết các bài tập. * Phương pháp tích cực: HĐ cá nhân, đóng vai * Kĩ thuật: động não | | |
| **\* HD luyện tập:**  ? Kể tóm tắt câu chuyện bằng cách đóng vai nhân vật bé Thu? | **IV. Luyện tập**  - Cá nhân kể . | **IV.Luyện tập**  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo. |
| **HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: 5’ * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân. * Kĩ thuật: động não | | |
| * Yêu cầu HS thử đặt nhan đề khác cho truyện. So sánh với nhan đề mà tác giả đã đặt? | - Suy nghĩ trả lời | Đặt nhan đề khác cho truyện. So sánh được với nhan đề mà tác giả đã đặt  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề,sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo. |
| **HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  + Hỏi người thân, tìm hiểu trên In- tơ-nét để hiểu biết thêm về sự ác liệt của cuộc kháng chiến chống Mĩ; về sự kiên cường, dũng cảm của thế hệ trẻ Việt Nam trên tuyến đường Trường Sơn.  ***+ Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.***  + GV nhận xét, đánh giá. | ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** làm việc cá nhân,chia sẻ với người thân, bạn bè…  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** chia sẻ , lưu sản phẩm. | ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, sáng tạo. |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Chuẩn bị bài tiếp theo: Ôn tập Tiếng Việt

( Đọc trước bài, trả lời các câu hỏi)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  25/11/2018 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT 73,74. ÔN TẬP TIẾNG VIỆT**

**I.Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

**\*** Nắm vững một số kiến thức Tiếng Việt đã học ở kì I- lớp 9:

- Các phương châm hội thoại.

- Xưng hô trong hội thoại.

- Lời dẫn trực tiếp và lời dẫn gián tiếp.

***2. Kĩ năng:***

- Khái quát một số kiến thức Tiếng Việt đã học về phương châm hội thoại, xưng hô trong hội thoại, lời dẫn trực tiếp và lời dẫn gián tiếp.

***3. Thái độ:***

- Có ý thứ tuân thủ các phương châm hội thoại, xưng hô phù hợp trong giao tiếp.

**II. Trọng tâm**

***1. Kiến thức:***

- Các phương châm hội thoại.

- Xưng hô trong hội thoại.

- Lời dẫn trực tiếp và lời dẫn gián tiếp.

***2. Kĩ năng:***

- Khái quát một số kiến thức Tiếng Việt đã học về phương châm hội thoại, xưng hô trong hội thoại, lời dẫn trực tiếp và lời dẫn gián tiếp.

***3. Thái độ:***

- Có ý thức tuân thủ các phương châm hội thoại, xưng hô phù hợp trong giao tiếp.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt.

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* Qua việc ôn tạp lý thuyết, thực hành làm các bài tập, HS nắm được các phương châm hội thoại, xưng hô trong hội thoại, lời dẫn trực tiếp và lời dẫn gián tiếp.

*+ Nội dung của hoạt động:* phương châm hội thoại, xưng hô trong hội thoại, lời dẫn trực tiếp và lời dẫn gián tiếp.

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ**

* Kiểm tra khi ôn tập

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thầy** | **Trò** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** |
| **\* HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG:**  - Thời gian: 5'  - Mục tiêu: Thu hút sự chú ý của HS vào bài mới.  - Phương pháp: Vấn đáp, thuyết trình.  - Kĩ thuật: Động não | | |
| *+ Giao nhiệm vụ:*  ? Nhắc lại những đơn vị kiến thức Tiếng Việt đã học trong HKI?  *+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả, nhạn xét chéo.*  *+ GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới.*  ***\* Giới thiệu bài***: Chúng ta đã có rất nhiều tiết Tổng kết từ vựng. Để giúp các em nắm vững một số nội dung phần tiếng Việt đã học ở Học kì I - lớp 9, trong tiết học hôm nay, sẽ tiến hành ôn tập. | ***+ Thực hiện nhiệm vụ.***  ***+***  Chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Lắng nghe. | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **\* HOẠT ĐỘNG 2,3. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC, LUYỆN TẬP:**  - Thời gian: 41'  - Mục tiêu: Củng cố một số kiến thức Tiếng Việt đã học về phương châm hội thoại, xưng hô trong hội thoại, lời dẫn trực tiếp và lời dẫn gián tiếp.  - Phương pháp: Vấn đáp, thảo luận nhóm, thuyết trình.  - Kĩ thuật: Động não, khăn trải bàn. | | |
| **\* HD ôn tập các phương châm hội thoại:**  ? Nêu các phương châm hội thoại đã học ?  ?Cho ví dụ từng phương châm hội thoại ?  - Cho HS nhận xét các VD đã lấy.  - Gv nhận xét chung.  ? Hãy phân biệt các phương châm hội thoại ?  - Cho các nhóm trình bày kết quả.  - Gv nhận xét, chốt kiến thức. | **I.Các phương châm hội thoại.**  - Nhớ lại KT để trả lời.  - HS lấy ví dụ  Nhận xét chéo.  - Nghe.  - HS làm việc theo nhóm.  - Đại diện nhóm trình bày kết quả. Nhận xét.  - Nghe. | **I.Các phương châm hội thoại**.  **Bài tập 1/ 190**  \* Nội dung các phương châm hội thoại:  *1. Phương châm về lượng.*  - Nói có nội dung  - Nội dung giao tiếp không thiếu, không thừa.  *2. Phương châm về chất.*  - Đừng nói những điều mà mình không tin là đúng và không có bằng chứng xác thực.  *3. Phương châm quan hệ.*  - Nói đúng đề tài, tránh lạc đề.  *4. Phương châm cách thức.*  - Nói ngắn gọn, rành mạch, tránh nói mơ hồ.  *5. Phương châm lịch sự.*  Tế nhị và tôn trọng người khác.  **Bài tập 2/ 190**  Hãy kể một tình huống giao tiếp trong đó vi phạm một hoặc một số phương châm hội thoại ? |
| **\* HD ôn xưng hô trong hội thoại.**  ? Xưng hô trong hội thoại là gì ?  ? Tìm các từ xưng hô thông dụng trong tiếng Việt và cách dùng?  + Giao nhiệm vụ:  HS thảo luận nhóm theo bàn (3’):  - Cho các nhóm trình bày kết quả.  - GV nhận xét, chốt kiến thức***:***  HĐ cá nhân:  - Yêu cầu HS trả lời câu hỏi ở bài tập 3.  **(Hết tiết 73, chuyển tiết 74)** | **II . Xưng hô trong hội thoại.**  - Nhớ lại kt để trả lời.  - Suy nghĩ trả lời.  - Trao đổi theo bàn .  - Trình bày kết quả:  - Nghe, ghi chép.  - Suy nghĩ trả lời. | **II . Xưng hô trong hội thoại.**  **Bài tập 1/ 190**  *a. Xưng hô trong hội thọai.*  Căn cứ vào đặc điểm của tình huống giao tiếp để xưng hô cho thích hợp.  *b .Các từ ngữ xưng hô.*  + Đối với người trên: Ông, bà-cháu; anh-em; bác-cháu...  + Bạn bè: tớ-bạn  + Trong hội nghị: tôi- đồng chí...  **Bài tập 2/ 190**  Trong tiếng Việt, xưng hô thường tuân thủ theo phương châm "xưng khiêm- hô tôn". Em hiểu như thế nào ?  ***\* Đáp án:***  Khi xưng hô người nói tự xưng mình một cách khiêm nhường và gọi người đối thoại một cách tôn kính.  **Bài tập 3/ 190**  Vì sao trong Tiếng Việt, khi giao tiếp, người nói phải hết sức chú ý đến sự lựa chọn từ ngữ xưng hô ?  ***\* Đáp án:***  *-* Để xưng hô có thể dùng không chỉ các đại từ xưng hô mà còn dùng các danh từ chỉ quan hệ thân thuộc, danh từ chỉ chức vụ, nghề nghiệp, tên riêng... Mỗi phương tiện xưng hô thể hiện tính chất của tình huống giao tiếp. |
| **\* HD ôn tập lời dẫn trực tiếp- lời dẫn gián tiếp:**  + Giao nhiệm vụ:  HS thảo luận nhóm theo bàn, trả lời các câu hỏi sau:  - Yêu cầu HS phân biệt cách dẫn trực tiếp với cách dẫn gián tiếp?  + HS thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân.  + HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  + GV nhận xét, chốt kiến thức  **HĐ cá nhân:**  - Cho HS đọc đoạn trích SGK (Tr 191). Hãy chuyển những lời đối thoại trong đoạn trích thành lời dẫn gián tiếp ?  ? Phân tích những thay đổi về từ ngữ trong lời dẫn gián tiếp so với lời đối thoại.  + Thay đổi về từ xưng hô  + Địa điểm (đây, không)  + Từ chỉ thời gian (bây giờ, bấy giờ).  - Yêu cầu HS viết đoạn, trình bày.  - GV cho HS nhận xét chéo.  - GV nhận xét, cho điểm. | **III. Lời dẫn trực tiếp- lời dẫn gián tiếp.**  - Nhớ lại KT để trả lời.  - Đọc đoạn trích Sgk/191.  - Viết đoạn, trình bày.  - Nhận xét chéo.  - Nghe, sửa lỗi. | **III. Lời dẫn trực tiếp- lời dẫn** **gián tiếp**.  **Bài tập 1/ 190**  Phân biệt cách dẫn trực tiếp với cách dẫn gián tiếp:  *+ Dẫn trực tiếp*:  - Nhắc lại nguyện vẹn lời nói hay ý nghĩ của nhân vật, đặt trong dấu ngoặc kép.  *+ Dẫn gián tiếp:* Thuật lại lời nói hay ý nghĩ của nhân vật có điều chỉnh cho thích hợp.  **Bài tập 2/ 190**  Đọc đoạn trích SGK (Tr 191). Hãy chuyển những lời đối thoại trong đoạn trích thành lời dẫn gián tiếp?  ***\* Đáp án:***  ( Chuyển "tôi"-> "nhà vua").  + Vua Quang Trung hỏi Nguyễn Thiếp là nếu quân Thanh sang đánh, đem quân ra chống cự thì khả năng thắng thua như thế nào?  + Nguyễn Thiếp trả lời rằng:...  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp tiếng Việt. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: 15’ * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm   Kĩ thuật: động não | | |
| + Giao nhiệm vụ: Hãy viết một đoạn văn (7-9 câu) nói về sự giàu đẹp của Tiếng Việt, trong đó có sử dụng lời dẫn trực tiếp. Gạch chân xác định lời dẫn trực tiếp.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, thảo luận, thống nhất trong nhóm.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | Viết được một đoạn văn (7-9 câu) nói về sự giàu đẹp của Tiếng Việt, trong đó có sử dụng lời dẫn trực tiếp. Gạch chân xác định lời dẫn trực tiếp.  =>Những năng lực HS cần phát triển: giải quyết vấn đề, tư duy, sử dụng ngôn ngữ. |
| **HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  - Thực hiện một cuộc hội thoại với người thân, bạn bè. Phân tích các phương châm hội thoại trong cuộc thoại. Tập đưa lời dẫn trực tiếp, gián tiếp vào cuộc thoại đó.  ***+ Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.***  + GV nhận xét, đánh giá. | ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** làm việc cá nhân,chia sẻ với người thân, bạn bè…  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** chia sẻ , lưu sản phẩm. | Thực hiện một cuộc hội thoại với người thân, bạn bè. Phân tích các phương châm hội thoại trong cuộc thoại; lời dẫn trực tiếp, gián tiếp vào cuộc thoại đó.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:***  sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ. |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Chuẩn bị bài tiếp theo: Ôn toàn bộ kiến thức Tiếng Việt.

Chuẩn bị các nội dung cho tiết kiểm tra 45’.

**Ngày kiểm tra:**

**TIẾT 75. KIỂM TRA TIẾNG VIỆT**

**I. Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức***

Vận dụng kiến thức đã học về: các phương châm hội thoại, các biện pháp tu từ, câu, lời dẫn trực tiếp và lời dẫn gián tiếp để làm một bài kiểm tra cụ thể theo yêu cầu.

***2. Kĩ năng***

- Rèn kĩ năng dùng từ, đặt câu, viết đoạn theo yêu cầu.

***3. Thái độ***

- Có thái độ nghiêm túc, tự giác trong kiểm tra, thi cử..

**II. Trọng tâm:**

***1. Kiến thức***

- Các phương châm hội thoại.

- Các biện pháp tu từ

- Câu.

- Lời dẫn trực tiếp và lời dẫn gián tiếp.

***2. Kĩ năng***

- Rèn kĩ năng dùng từ, đặt câu, viết đoạn theo yêu cầu.

***3. Thái độ***

- Có thái độ nghiêm túc, tự giác trong kiểm tra, thi cử..

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt.

**III. Chuẩn bị:**

- Chuẩn bị của thầy: ra đề, nhập vào ngân hàng đề.

- Chuẩn bị của trò: ôn tập kiến thức về từ vựng đã học từ đầu năm.

**IV. Tổ chức dạy và học:**

1.Ổn định tổ chức

2.Kiểm tra sự chuẩn bị của HS

3.Nội dung tiết kiểm tra:

**\* Hoạt động 1**: Phát đề

**\* Hoạt động 2:** Học sinh làm bài.

- Yêu cầu HS làm bài tự giác, nghiêm túc.

**\* Hoạt động 3:** Thu bài.

- Giáo viên thu bài đúng giờ.Nhận xét giờ kiểm tra.

**4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Ôn tập truyện thơ hiện đại, chuẩn bị cho tiết kiểm tra.

## TUẦN 16

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  01/12/2018 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT76,77. VĂN BẢN: CỐ HƯƠNG**

**(Lỗ Tấn)**

**Hướng dẫn đọc thêm: NHỮNG ĐỨA TRẺ ( M. Go-rơ-ki)**

**\* VĂN BẢN: CỐ HƯƠNG (70')**

**I.Mức độ cần đạt:**

**1. Kiến thức:**

- Có hiểu biết bước đầu về nhà văn Lỗ Tấn và tác phẩm của ông.

- Hiểu, cảm nhận được giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm *Cố hương*.

**2. Kĩ năng:**

- Đọc - hiểu văn bản truyện hiện đại nước ngoài.

- Vận dụng kiến thức về thể loại và sự kết hợp các phương thức biểu đạt trong tác phẩm tự sự để cảm nhận một văn bản truyện hiện đại.

- Kể và tóm tắt được truyện.

**3. Thái độ:**

- Giáo dục tình yêu quê hương, đất nước.

- Có tư tưởng tích cực, tinh thần kiên trì trong việc lựa chọn con đường đi trong cuộc sống; có sáng kiến trong việc cải biến xã hội nhằm xây dựng đát nước ngày càng văn minh, giàu đẹp.

**II. Trọng tâm**

**1. Kiến thức:**

- Hiểu, cảm nhận được giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm *Cố hương*:

- Tinh thần phê phán sâu sắc xã hội cũ và niềm tin vào sự tất yếu của cuộc sống mới, con người mới.

- Màu sắc trữ tình đậm đà trong tác phẩm.

- Những sáng tạo về nghệ thuật của nhà văn Đỗ Tấn trong truyện *Cố hương*.

**2. Kĩ năng:**

- Đọc - hiểu văn bản truyện hiện đại nước ngoài.

- Vân dụng kiến thức về thể loại và sự kết hợp các phương thức biểu đạt trong tác phẩm tự sự để cảm nhận một văn bản truyện hiện đại.

**3. Thái độ:**

- Giáo dục tình yêu quê hương, đất nước.

- Có tư tưởng tích cực, tinh thần kiên trì trong việc lựa chọn con đường đi trong cuộc sống; có sáng kiến trong việc cải biến xã hội nhằm xây dựng đát nước ngày càng văn minh, giàu đẹp.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, cảm thụ thẩm mĩ

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* Qua đọc- hiểu, phân tích văn bản, HS nắm được nét chính về giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm *Cố hương*; tinh thần phê phán sâu sắc xã hội cũ và niềm tin vào sự tất yếu của cuộc sống mới, con người mới.

*+ Nội dung của hoạt động: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm. Tâm trạng của nhân vật tôi, ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh cố hương, con đường ....*

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ**

- Kiểm tra sự chuẩn bị bài của HS.

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

**III. Chuẩn bị:**

- Chuẩn bị của thầy: chân dung tác phẩm, bảng phụ, tuyển tập truyện ngắn Lỗ Tấn, soạn giáo án.

- Chuẩn bị của trò: Đọc văn bản, soạn bài. Thảo luận nhóm, chuẩn bij cho phần tìm hiểu chung.(nhóm 1,2,3: Tác giả, tác phẩm. Nhóm 4,5,6: Phương thức biểu đạt, bố cục, thể loại...)

**IV. Tổ chức dạy và học:**

***1.Ổn định tổ chức***

***2. Kiểm tra bài cũ:***

***3.* *Tổ chức dạy và học* *bài mới:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thầy** | **Trò** | | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** |
| **\* HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG:**  - Thời gian: 5’  - Mục tiêu: Thu hút sự chú ý của HS vào bài mới.  - Phương pháp: Thuyết trình  - Kĩ thuật: Động não | | | |
| - Yêu cầu lớp trưởng điều hành.  - Cho HS tìm một số bài thơ, câu thơ viết về quê hương, nêu cảm nhận. Có thể hát một vài câu hát về quê hương.  - Dẫn dắt, giới thiệu vào bài.  Chúng ta đã được học bài thơ "Hồi hương ngẫu thư" của Hạ Tri Chương (lớp 7) "Trẻ đi, già trở lại nhà, giọng quê không đổi, sương pha mái đầu, gặp nhau mà chẳng biết nhau, trẻ cười hỏi: Khách từ đâu đến làng? " Sau nhiều năm đi xa, nhân vật tôi trong truyện “Cố hương” của Lỗ Tấn trở lại quê nhà tuy không bẽ bàng như nhà thơ họ Hạ nhưng cũng bùi ngùi tê tái vì cảnh quê, người quê và tâm trạng người về thăm quê lần cuối cùng như thế nào, ta sẽ đến với bài học ngày hôm nay. | - Đọc thơ, hát; nêu cảm nhận.  - Lắng nghe, suy nghĩ | | - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới, xác định được trọng tâm của bài. |
| **\* HOẠT ĐỘNG2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:**  - Thời gian: 55'  - Mục tiêu: Rèn kĩ năng đọc- hiểu. Phân tích để thấy được diễn biến của tâm trạng nhân vật "tôi" trong chuyến về thăm cố hương trước sự đổi thay của cảnh vật, con người cố hương theo chiều hướng tàn tạ đi. Đồng thời cũng thấy được tinh thần phê phán sâu sắc xã hội cũ và niềm tin vào sự tất yếu của cuộc sống mới, con người mới của tác giả qua tác phẩm.  - Phương pháp: Vấn đáp, thuyết trình, câu hỏi gợi mở, giảng bình, thảo luận nhóm...  - Kĩ thuật: Động não, XYZ, 321 | | | |
| **I.Tìm hiểu chung**:  - Yêu cầu các nhóm thống nhất, cử đại diện lên bảng báo cáo kết quả chuẩn bị của nhóm mình:  \*Nhóm 1: Giới thiệu về tác giả, tác phẩm.  - Cho các nhóm nhận xét chéo, phản biện.  - GV nhận xét, chốt kiến thức.  + Nhấn mạnh:  Lỗ Tấn là nhà văn cách mạng nổi tiếng của Trung Quốc. Quê ở phủ Thiệu Hưng Triết Giang. Xuất thân trong 1 gia đình quan lại sa sút từng hoạt động trong nhiều lĩnh vực khoa học và là chiến sĩ cộng sản kiên định, nhà văn hoá tư tưởng lớn của Trung Quốc.  *-* "Cố hương" rút trong tập "Gào thét".  Giáo viên đưa chân dung tác giả.  - Kiểm tra việc đọc chú thích của học sinh ở nhà.  - Yêu cầu HS đề xuất cách đọc.  - Hướng dẫn đọc: giọng điệu chậm, buồn, hơi bùi ngùi khi kể, tả; giọng ấp úng của Nhuận Thổ, chao chát của thím Hai Dương, giọng suy ngẫm, triết lí ở một số đoạn.  Đọc mẫu -> Gọi học sinh đọc, nhận xét ?  - Hãy tóm tắt toàn truyện?  \* Nhóm 2: Xác định ngôi kể, phương thức biểu đạt, bố cục.  - Cho các nhóm nhận xét chéo, phản biện.  - GV nhận xét, chốt kiến thức.  (Truyện ngắn mang yếu tố hồi kí chứ không phải là hồi kí) | **I.Tìm hiểu chung**:  - Thảo luận nhóm.  - Báo cáo sản phẩm.  - Nhận xét, phản biện tích cực.  - Nghe, ghi chép.  - Tìm hiểu chú thích SGK  - Nghe.  - Từ 3 đến 4 học sinh đọc văn bản.  - Kể tóm tắt  - Báo cáo sản phẩm.  - Nhận xét, phản biện tích cực.  - Nghe, ghi chép. | | **I.Tìm hiểu chung**:  1.Chú thích:  a.Tác phẩm,tác giả  b.Từ khó:  2. Đọc, tóm tắt:  3.Ngôi kể:  - Ngôi thứ nhất cho nhân vật “tôi”.  - Tăng đậm chất trữ tình của truyện (tôi trực tiếp quan sát, cảm xúc, suy ngẫm....)  4.Bố cục: 3 phần  - ‘Tôi” trên đường về quê.  - Những ngày “tôi” ở quê.  - “Tôi” trên đường xa quê.  -> Thời gian nghệ thuật, không gian nghệ thuật.  Kết cấu theo kiểu đầu cuối tương ứng.  5.Phương thức biểu đạt: tự sự - biểu cảm + miêu tả + lập luận. |
| **\* HD phân tích**  ? Truyện có những n/v nào? Có mấy nhân vật chính, nhân vật nào là trung tâm? Vì sao?  - Có 2 nhân vật chính: Nhuận Thổ và “Tôi”  -Nhân vật trung tâm: “tôi”, vì xuyên suốt tác phẩm là suy nghĩ, tình cảm của “tôi”  ?Có 2 hình ảnh nghệ thuật rất đặc biệt trong tác phẩm, đó là những hình ảnh nào?  - Hình ảnh “cố hương”  Hình ảnh “con đường”  (2 hình ảnh giàu ý nghĩa biểu cảm và biểu tượng)  \* Yêu cầu HS tự nghiên cứu/ Sgk phần chữ in nhỏ.  + GV khái quát về cảm xúc của “tôi” trên đường về quê:Trước cảnh thôn xóm tiêu điều tôi phảng phất một nỗi buồn se sắt. Thực tế khác xa với mong ước, hi vọng và tưởng tượng. Phản ánh sự sự sa sút, hoang phế của ngôi nhà, làng quê.  ? Cảnh hiện tại và cảnh trong kí ức của nhân vật tôi có gì khác biệt? Ta cùng tìm hiểu phần chữ in to/Sgk.  - Yêu cầu HS nhắc lại nội dung phần này.  ? Những ngày ở quê, nhân vật "tôi" chứng kiến điều gì?  ? Sự thay đổi của cảnh vật được miêu tả qua những chi tiết nào?  ? Em có nhận xét gì về cảnh vật ở đây?  ? Ở quê, "tôi" đã gặp những ai? Nhân vật nào được thể hiện rõ nhất?  - Nhuận Thổ và chị Hai Dương, những người đến tiễn chân.  ? Mối quan hệ của “tôi” và Nhuận Thổ được kể trong thời điểm nào?  - GV hướng dẫn HS phân tích nhân vật Nhuận Thổ (Kẻ bảng thành 2 cột)  - Cho HS thảo luận nhóm:  ***N1: Nhuận Thổ hai mươi năm về trước?***  ***N2***:***Nhuận Thổ trong hiện tại?***  - Cho các nhóm nhận xét chéo, phản biện.  - GV nhận xét, chốt kiến thức:  +Hình ảnh Nhuận Thổ qua hồi tưởng của “tôi”:  - Một đứa bé trạc 11, 12 tuổi cổ đeo vòng bạc, tay lăm lăm cầm chiếc đinh ba...  -Khuôn mặt tròn trĩnh, nước da bánh mặt, bàn tay bụ bẫm ...  - Cổ đeo vòng bạc sáng loán, đầu đội mũ lông chiên bé tí tẹo.  - Thấy ai cũng bẽn lẽn, chỉ không bẽn lẽn với tôi  - Bẫy chim sẻ tài, biết nhiều chuyện  - Gắn bó, thân thiện, bình đẳng với “tôi”.  Yêu cầu nhóm 2 trình bày.  + Cho các nhóm nhận xét chéo, phản biện.  + GV nhận xét, chốt kiến thức:  - Nước da vàng sạm, có thêm nhiều nếp nhăn sâu hoắm ...  - Đội chiếc mũ lông chiên rách bươm ...  - Người co ro cúm rúm  - Bàn tay vừa thô kệch, vừa nặng nề, nứt nẻ ...  - Dáng điệu cung kính: “Bẩm ông.”  ? Nguyên nhân nào dẫn đến sự đổi thay ở nhân vật Nhuận Thổ?  **\* GV tóm lược phần chữ nhỏ**: Bên cạnh Nhuận Thổ, nhân vật chị Hai Dương cũng được kể ở 2 thời điểm: xưa và nay.  - Xưa: Đẹp người đẹp nết.  - Hai mươi năm sau: thay đổi cả hình dạng lẫn tính tình - suy thoái về đạo đức.  ? Em có nhận xét gì về cố hương của nhân vật "tôi". Trước sự đổi thay đó, "tôi" có tâm trạng như thế nào?  ***(Hết tiết 76 chuyển tiết 77)***  - Đọc phần cuối.  ? ND chính?  ? Tâm trạng nhân vật "tôi" khi rời cố hương?  ? Vì sao khi rời cố hương, nhân vật “tôi” lại cảm thấy không chút lưu luyến và vô cùng lẻ loi, ngột ngạt?  -> Cố hương không còn đẹp đẽ, trong lành như xưa và hiện tại chỉ là xơ xác, nghèo hèn, xa lạ từ cảnh vật tới con người.  ? Khi rời “cố hương” “tôi” đã mong ước điều gì?  ? Theo em, cuộc đời mới trong mơ ước của “tôi” là cuộc đời như thế nào ?  ? Em hiểu như thế nào về ý nghĩ của tác giả ở câu kết văn bản: “Trên mặt đất này làm gì có đường, người ta đi mãi thì thành đường thôi”?  ? Hình ảnh “cố hương” có ý nghĩa như thế nào?  => Cố hương: - hình ảnh thu nhỏ của XH, sự thay đổi của cố hương phản ánh điển hình sự biến đổi của xã hội Trung Quốc 20 năm đầu thế kỉ XX.  ?Phương thức biểu đạt nổi bật ở phần cuối văn bản này?  (Biểu cảm và nghị luận)  ? Từ đó “tôi” đã tự bộc lộ tư tưởng tình cảm nào đối với quê hương?  -> Vấn đề xã hội bức thiết đặt ra: cần thiết phải xây dựng cuộc đời mới, những con đường mới khác trước tốt đẹp hơn cho các thế hệ tương lai. | **II. Phân tích**  -Xác định nhân vật chính, nhân vật trung tâm.  - Suy nghĩ trả lời.  -Tự nghiên cứu.  - Nghe.  - Theo dõi Sgk.  - Nhắc lại nội dung.  - Phát hiện trả lời.  - Phát hiện trả lời.  - Suy nghĩ trả lời.  - Phát hiện trả lời.  - Suy nghĩ trả lời.  - HS thảo luận nhóm 4 người.  (2 dãy bàn: mỗi dãy làm một ý)  - Đại diện nhóm 1 trình bày.  - Nhận xét chéo, phản biện  - Nghe, ghi chép.  -Đại diện nhóm 4,5,6 trình bày.  -Nhận xét chéo.   * + Nghe, ghi chép.   - Theo dõi, tìm hiểu thêm.  - Khái quát trả lời.  - Đọc.  - Khái quát trả lời.  - Suy nghĩ trả lời.  - Suy nghĩ trả lời.  - Suy nghĩ trả lời.  - Suy nghĩ trả lời.  - Suy nghĩ trả lời.  - Thảo luận theo bàn trả lời.  - Xác định phương thức biểu đạt.  - Suy nghĩ trả lời. | | **II. Phân tích**  ***1. Cảm xúc, tâm trạng của nhân vật “tôi” trong những ngày ở quê.***  - Nhân vật "tôi" chứng kiến sự thay đổi của cảnh vật và con người của quê hương:  \* Cảnh vật: tàn tạ, hiu quạnh.  \* Con người: Sự thay đổi của con người được thể hiện rõ nhất qua nhân vật nhuận Thổ.  **Nhân vật Nhuận Thổ**  ***+ Nhuận Thổ hai mươi năm về trước:***  - Là một đứa trẻ nhanh nhẹn, hoạt bát, đáng yêu. Sống gần gũi với thiên nhiên, hiểu biết nhiều điều. Rất thân thiện, bình đẳng với Tấn.  ***+ Nhuận Thổ trong hiện tại:***  - Là một nông dân già nua, thô kệch, đần độn, mụ mẫm. Tất khách sáo, cung kính trước Tấn do bức tường đẳng cấp ngăn cánh.  - Tình cảm chân thàh, sự hiền lành chất phác của Nhuận Thổ là không thay đổi.  ***>*** *Cảnh vật thay đổi theo chiều hướng tàn tạ đi. Con người đổi thay, sa sút trở nên thấp hèn, mụ mẫm, đần độn vì nghèo đói, vì lễ giáo phong kiến cổ hủ, vì hiện thực đen tối của xã hội... khiến nhân vật tôi vô cùng bàng hoàng, xót xa, căm ghét XH phong kiến, bùi ngùi chia tay với quê.*  **2.Cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật “tôi” khi rời cố hương**  - Không nỡ lưu luyến.  - Mong cho thế hệ con cháu không bao giờ phải cách bức, không phải vất vả, đần độn... chúng nó cần phải sống một cuộc đời mới.  - Hình ảnh con đường mang ý nghĩa biểu trưng: Con đường đến tự do hạnh phúc của con người, con đường của tự thân hành động xây dựng và hi vọng của con người – do con người, nhiều người góp phần dựng nên...  => Khơi dậy tinh thần không chịu áp bức nghèo hèn; tin tưởng vào cuộc đổi đời của quê hương -> Biểu hiện của tình yêu quê hương mới mẻ... |
| **\* HD tổng kết**  ? Qua tìm hiểu, em rút ra được kết luận gì về giá trị văn bản ? | **III. Tổng kết**  - Khái quát trả lời. | **III. Tổng kết**  \* Ghi nhớ (SGK) | |
| **\* HOẠT ĐỘNG3. LUYỆN TẬP:**  - Thời gian: 5'  - Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu cảm nhận về văn bản.  - Phương pháp: Bình, vấn đáp.  - Kĩ thuật: Động não | | | |
| III. Luyện tập  ? Trình bày cảm nhận của em về một hình ảnh mà em thích trong tác phẩm " Cố hương"?  - Có thể cho điểm những HS bình tốt. | III. Luyện tập  - Tự bộc lộ | III. Luyện tập  Cảm nhận của em về một hình ảnh mà em thích trong tác phẩm " Cố hương"? | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: 5’ * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân   Kĩ thuật: động não | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  Từ truyện ngắn “ Cố hương” của Lỗ Tấn, hãy viết đôi điều về tình cảm và mong ước của em đối với quê hương.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, thảo luận, thống nhất trong nhóm.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | Từ truyện ngắn “ Cố hương” của Lỗ Tấn, HS nêu được vài nét về tình cảm và mong ước của banr thân đối với quê hương. | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | | |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  -Sưu tầm và đọc thêm các văn bản cùng viết về quê hương.  ***+ Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.***  + GV nhận xét, đánh giá. | ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** làm việc cá nhân,chia sẻ với người thân, bạn bè…  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** chia sẻ , lưu sản phẩm. | -Sưu tầm và đọc thêm các văn bản cùng viết về quê hương. | |

**Hướng dẫn đọc thêm: NHỮNG ĐỨA TRẺ (20')**

*(Trích “Thời thơ ấu” – M.Go-rơ-ki)*

**I.Mức độ cần đạt:**

**1. Kiến thức:**

- Có hiểu biết bước đầu về nhà văn M. Go- rơ- ki và tác phẩm của ông.

- Hiểu, cảm nhận được giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích *Những đứa trẻ*.

**2. Kĩ năng:**

- Đọc - hiểu văn bản truyện hiện đại nước ngoài.

- Vân dụng kiến thức về thể loại và sự kết hợp các phương thức biểu đạt trong tác phẩm tự sự để cảm nhận một văn bản truyện hiện đại.

**3. Thái độ:**

- Giáo tình cảm bạn bè, lòng nhân ái.

- Biết trân trọng, giữ gìn và vun đắp tình bạn đẹp.

**II. Trọng tâm**

**1. Kiến thức:**

- Có hiểu biết bước đầu về nhà văn M. Go- rơ- ki và tác phẩm của ông.

- Hiểu, cảm nhận được giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích *Những đứa trẻ*.

**2. Kĩ năng:**

- Đọc - hiểu văn bản truyện hiện đại nước ngoài.

- Vân dụng kiến thức về thể loại và sự kết hợp các phương thức biểu đạt trong tác phẩm tự sự để cảm nhận một văn bản truyện hiện đại.

**3. Thái độ:**

- Giáo tình cảm bạn bè, lòng nhân ái.

- Biết trân trọng, giữ gìn và vun đắp tình bạn đẹp.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, cảm thụ thẩm mĩ

**III. Chuẩn bị:**

- Chuẩn bị của thầy: Soạn giáo án.

- Chuẩn bị của trò: soạn bài theo hệ thống câu hỏi SGK

**IV. Tổ chức dạy và học:**

1. Ổn định tổ chức

2. Kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh

3. Tổ chức dạy và họcbài mới:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thầy** | **Trò** | | | | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt** |
| **Tạo tâm thế**  - Thời gian: 1'  - Mục tiêu: Thu hút sự chú ý của HS vào bài mới.  - Phương pháp: Thuyết trình.  - Kĩ thuật: Động não | | | | | |
| ***Giới thiệu vào bài:*** Một trong những tình cảm thiêng liêng cao quý của mỗi con người là tình bạn thủa ấu thơ. Tình bạn thủa ấu thơ luôn hồn nhiên, trong sáng, bất chấp những rào cản xã hội, sự ngăn cản của người lớn. Tình cảm ấy luôn khắc sâu trong tâm trí mỗi người như một kỉ niệm đẹp khó quên. Tình cảm giữa A-li-ô-sa và những đứa trẻ hàng xóm là một tình cảm như thế. Chúng ta sẽ tìm hiểu cụ thể điều đó trong tiết HD đọc thêm hôm nay. | - Lắng nghe, suy nghĩ | | | | - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới, xác định được trọng tâm của bài. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  - Thời gian: 16' ( HS đã đọc, chuẩn bị bài ở nhà)  - Mục tiêu: Rèn kĩ năng đọc, nắm được những nét cơ bản về tác giả, xuất xứ văn bản, hiểu những từ khó.Thấy được tình bạn thân thiết giữa A-li-ô-sa với 3 đứa trẻ hàng xóm sống thiếu thốn tình thương, bất chấp những rào cản của người lớn. Lời văn tự sự giàu hình ảnh, đan xen giữa chuyện đời thường với truyện cổ tích.  - Phương pháp: Đọc diễn cảm, tự học.  - Kĩ thuật: động não | | | | | |
| **I . Tìm hiểu chung:**  - Yêu cầu HS học theo Sgk để nắm được một số nét cơ bản về tác giả, tác phẩm.  - Gv có thể bổ sung: Mac-xim Go-rơ-ki sinh trưởng trong một gia đình lao động nghèo bố là thợ mộc và mất sớm. Hồi nhỏ thường gọi là A-li-ô-sa. Ông đã trải qua thời kì thơ ấu cay đắng tủi nhục. 10 tuổi đã mồ côi cả cha lẫn mẹ phải sống với ông bà ngoại. Sớm bỏ học tự kiếm sống bằng nghề bới rác, đi ở, phụ bếp, tàu thuỷ.  - A-li-ô-sa ham học, đọc vừa kiếm vừa viết văn, sau này trở thành nhà văn nổi tiếng, người có công đầu xây dựng nền văn học cách mạng Nga-Xô Viết.  - Yêu cầu HS tự đọc, tóm tắt.  - HD học sinh tìm hiểu về:  + Phương thức biểu đạt chính .  + Thể loại .  + Bố cục.  + Ngôi kể. | **I. Tìm hiểu chung**  - Tự nghiên cứu sgk.  - Tự nghiên cứu sgk.  - Đọc ở nhà.  - Tự nghiên cứu sgk. | | **I . Tìm hiểu chung**  **1. Chú thích .**  a. Tác giả.  Mac-xim Go-rơ-ki (1868-1936) nhà văn cách mạng Nga.  b. Tác phẩm “Những đứa trẻ” là trích đoạn chương IX của tiểu thuyết “Thời thơ ấu” nằm trong bộ 3 tự thuật của Mac xim Go-rơ-ki viết vào năm 1912-1913 (trên 40 tuổi).  c.Từ khó (Sgk).  **2. Đọc .**  **3. Phương thức biểu đạt chính**  - Tự sự.  **4. Thể loại**  - Tiểu thuyết tự thuật  **5. Ngôi kể:**  - Ngôi thứ nhất, xưng “tôi”*.*  **6. Bố cục**: 3 phần  + Phần 1: Tình bạn tuổi thơ trong trắng.  + Phần 2: Tình bạn bị cấm đoán.  + Phần 3: Tình bạn vẫn tiếp diễn. | | |
| **II. Phân tích:**  ? Nổi bật trong văn bản trích trên là hình ảnh những nhân vật nào, cuộc sống tinh thần của chúng ra sao ?  - Giáo viên tóm tắt sơ lược đoạn trước của văn bản.  ? Theo dõi phần đầu văn bản? Vì sao A-li-ô-sa và 3 đứa trẻ con viên đại tá già sớm quen thân và quí mến nhau?  ? Khi 3 đứa trẻ kể chuyện mẹ chết phải sống với dì ghẻ... Em thấy A-li-ô-sa đã quan sát và cảm nhận như thế nào?  - Chúng ngồi sát vào nhau như những chú gà con.  - ....Mấy đứa trẻ lặng lẽ bước ra khỏi xe và đi vào nhà khiến tôi lại nghĩ đến những con ngỗng ngoan ngoãn.  - Đọc thầm đoạn 2 văn bản. Hình ảnh 3 đứa trẻ trước khi bị bố mắng tiếp tục hiện lên dưới sự quan sát và cảm nhận của Aliosa như thế nào?  ?Vì sao tác giả hai lần so sánh 3 đứa trẻ với những chú ngỗng con?  ? Điều đó khẳng định thêm phẩm chất gì của A-li- ô-sa?  ? Khi kể lại tình bạn của những đứa trẻ, tác giả hay lồng những chuyện đời thường và truyện cổ tích. Đó là một đặc điểm trong nghệ thuật kể chuyện của đoạn trích. ? Vậy cụ thể ra sao?  ? Việc kết hợp những chuyện thật đời thường với những truyện cổ tích trong đoạn trích có tác dụng nghệ thuật gì?  ?Qua tìm hiểu, em suy nghĩ gì về những đứa trẻ? | **II.Phân tích**  - Suy nghĩ trả lời.  - Nghe.  - Dựa vào Sgk trả lời  -Tìm chi tiết trong sgk.   * + Quan sát Sgk.   - Suy nghĩ trả lời.   * + Tự cảm nhận.   + Phát hiện sgk.   - Nêu tác dụng của yếu tố nghệ thuật...  - Khái quát trả lời. | | **II. Phân tích:**  ***1.Những đứa trẻ sống thiếu tình thương***  - Hoàn cảnh sống thiếu tình thương giống nhau khiến bọn trẻ thân thiết. những đứa trẻ đến với nhau một cách hồn nhiên, tự nhiên.  ***2.Những quan sát và nhận xét của A-li- ô-sa:***  - So sánh chính xác gợi hình ảnh đàn gà con mất mẹ, sợ hãi, co cụm vào nhau khi thấy diều hâu…  - So sánh - thể hiện dáng dấp bên ngoài của 3 đứa. Cho thấy chúng bị áp chế, cam chịu, lặng lẽ.  - A-li-ô-sa thông cảm với cuộc sống thiếu tình thương của các bạn.  ***3.Chuyện đời thường và truyện cổ tích:***  -Với nghệ thuật kể chuyện này, câu chuyện tình bạn của bọn trẻ sống thiếu tình thương mang ý nghĩa khái quát hơn và đậm màu sắc cổ tích nhiều hơn.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, cảm thụ thẩm mĩ. | | |
| **\*HD tổng kết:**  ? Nêu những nét khái quát về giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản? | **III.Tổng kết**  - Nhắc lại các ý về nội dung, nghệ thuật. | | **III. Tổng kết**  \*Ghi nhớ: SGK | | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**  - Thời gian: (Về nhà làm)  - Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu cảm nhận về văn bản.  - Phương pháp: Bình, vấn đáp.  - Kĩ thuật: Động não | | | | | |
| III. Luyện tập  - yêu cầu HS HĐ cá nhân, trả lời:  Suy nghĩ của em về tình bạn của những đứa trẻ. | III. Luyện tập  - Tự bộc lộ | | III. Luyện tập  *Bài tập:*  Suy nghĩ của em về tình bạn của những đứa trẻ. | | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân * Kĩ thuật: động não | | | | | |
| ? Từ văn bản “ Những đứa trẻ”, hãy nêu suy nghĩ của em về một tình bạn chân chính? | | * HS làm BT | | Nêu được biểu hiện, ý nghĩa của một tình bạn chân chính. | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân * Kĩ thuật: động não | | | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  Tìm đọc toàn bộ tác phẩm “Thời thơ ấu” của M. Go- rơ – ki, ghi lại nội dung chính của từng chương.  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Chia sẻ , lưu sản phẩm. | | Tìm đọc toàn bộ tác phẩm “Thời thơ ấu” của M. Go- rơ – ki, ghi lại nội dung chính của từng chương. | |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Đọc lại 2 văn bản, nắm giá trị nội dung, nghệ thuật.

- Hoàn thành bài tập.

- Chuẩn bị cho tiết 80: Ôn tập Tập làm văn

( Đọc trước bài, làm đề cương ôn tập)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  2/12/2018 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT 78. ÔN TẬP TẬP LÀM VĂN**

**I.Mức độ cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Nắm vững khái niệm văn bản thuyết minh và văn bản tự sự. Thấy đ­ợc sự kết hợp của ph­ơng thức biểu đạt trong văn bản thuyết minh, văn bản tự sự.

- Hệ thống văn bản thuộc kiểu văn bản thuyết minh và tự sự đã học.

***2. Kĩ năng:***

- Rèn kĩ năng khái quát, hệ thống hoá kiến thức trong học tập.

***3. Thái độ:***

- Yêu thích văn học, có ý thức vận dụng linh hoạt các ph­ơng thức biểu đạt khi tạo lập văn bản.

**II. Trọng tâm:**

***1. Kiến thức:***

- Khái niệm văn bản thuyết minh và văn bản tự sự.

- Sự kết hợp của ph­ơng thức biểu đạt trong văn bản thuyết minh, văn bản tự sự.

- Hệ thống văn bản thuộc kiểu văn bản thuyết minh và tự sự đã học.

***2. Kĩ năng:***

- Rèn kĩ năng khái quát, hệ thống hoá kiến thức trong học tập.

***3. Thái độ:***

- Yêu thích văn học, có ý thức vận dụng linh hoạt các ph­ơng thức biểu đạt khi tạo lập văn bản.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, hệ thống hóa kiến thức…

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

+ Ý tưởng thiết kế hoạt động: Qua việc ôn tập củng cố kiến thức, HS nắm được khái niệm văn bản thuyết minh và văn bản tự sự. Thấy đ­ợc sự kết hợp của ph­ơng thức biểu đạt trong văn bản thuyết minh, văn bản tự sự

+ Nội dung của hoạt động: Văn bản thuyết minh, Văn bản tự sự

+Phương pháp tổ chức dạy học: dạy học dự án, hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ**

* Kiểm tra đề cương ôn tập của HS (Lớp trưởng báo cáo)

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | | | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 5’   Mục tiêu: HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học, có hứng thú tiếp thu bài mới.   * Phương pháp tích cực: Nêu vấn đề * Kĩ thuật: động não, tia chớp | | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  HS thảo luận nhóm theo bàn: Có hững kiểu bài tập làm văn nào đã học từ lớp 6 - 9? Dấu hiệu để nhận biết các phương thức biểu đạt  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới. | + Thực hiện nhiệm vụ: thảo luận, thống nhất trong nhóm.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Lắng nghe. | | | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  - Thời gian: 33’  - Mục tiêu: Củng cố khái niệm văn bản thuyết minh và văn bản tự sự. Sự kết hợp của ph­ơng thức biểu đạt trong văn bản thuyết minh, văn bản tự sự.  - Ph­ơng pháp: Vấn đáp, thuyết trình, thảo luận nhóm.  - Kĩ thuật: Động não, khăn trải bàn. | | | | |
| **\* Hướng dẫn học sinh tổng kết nội dung câu hỏi 1 SGK**  + Giao nhiệm vụ:  HS suy nghĩ độc lập, trả lời các câu hỏi/Sgk  Phần tập làm văn trong chương trình Ngữ văn 9 có những nội dung lớn nào? Những nội dung nào là trọng tâm cần chú ý?  + HS thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ, nhận xét chéo, phản biện tích cực.  + GV nhận xét, chốt kiến thức.  **\* Hướng dẫn HS tổng kết nội dung thứ 2 SGK:**  -Phương pháp: Vấn đáp, thuyết trình.  H: Vai trò, vị trí, tác dụng của các biện pháp nghệ thuật và yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh như thế nào? Cho ví dụ?  + GV kết luận:  +Thuyết minh là giúp cho người đọc người nghe hiểu biết về đối tượng.  +Thuyết minh phải biết kết hợp các biện pháp nghệ thuật và các yếu tố miêu tả để bài viết sinh động.  +Khi thuyết minh về một ngôi chùa cổ người thuyết minh có khi phải sử dụng những lên tưởng, tưởng tượng, so sánh, nhân hóa để khơi gợi sự cảm thụ về đối tượng thuyết minh, đồng thời vận dụng miêu tả để người nghe hình dung ra ngôi chùa ấy với dáng vẻ như thế nào: màu sắc, không gian, hình khối, cảnh vật xung quanh…-> tránh sự khô khan, nhàm chán.  **\* Hướng dẫn học sinh phân biệt nội dung câu hỏi 3 SGK:**  - Yêu cầu HS trao đổi cặp đôi:  H: Phân biệt văn bản thuyết minh có yếu tố miêu tả, tự sự với văn miêu tả, tự sự?  \*GV phát phiếu học tập cho học sinh yêu cầu thảo luận nhóm–phân biệt sự khác nhau giữa thuyết minh và miêu tả.  - Gọi đại diện trình bày.  - Cho HS nhận xét chéo.  -GV nhận xét, chốt kiến thức:  **THUYẾT MINH:**  \* Đối tượng thường là các sự vật, đồ vật . . .  -Trung thành với đặc điểm của đối tượng, sự vật.  -Bảo đảm tính khách quan khoa học.  - Ít dùng tưởng tượng so sánh.  -Dùng nhiều số liệu cụ thể chi tiết.  - Ứng dụng trong nhiều tình huống cuộc sống, văn hóa, khoa học. Thường theo một số yêu cầu giống nhau (mẫu). Đơn nghĩa.  **MIÊU TẢ:**  \* Đối tượng thường là các sự vật, con người, hoàn cảnh cụ thể.  -Có hư cấu tưởng tượng, không nhất thiết phải trung thành với sự vật.  - Dùng nhiều so sánh, liên tưởng.  -Mang nhiều cảm xúc chủ quan của người viết.  -Ít dùng số liệu cụ thể chi tiết.  -Dùng nhiều trong sáng tác văn chương nghệ thuật.Ít tính khuôn mẫu. Đa nghĩa.  **\* HD ôn lại nội dung nêu trong câu hỏi 4 SGK:**  - Yêu cầu HS hoạt động cá nhân:  H: Sách ngữ văn 9 tập 1 nêu lên những nội dung gì về văn bản tự sự?  H Hãy cho ví dụ đoạn văn tự sự trong đó có sử dụng yếu tố miêu tả nội tâm; đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố nghị luận; đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố miêu tả nội tâm và nghị luận.  \*GV cho HS đọc những đoạn văn tiêu biểu của 3 dạng trên.  **\* HD ôn lại nội dung nêu trong câu hỏi 5 SGK:**  ? Thế nào là đối thoại , độc thoại, độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự.  - Hướng dẫn các em tìm đoạn văn theo yêu cầu.  **\*HD ôn lại nội dung nêu trong câu hỏi 6:**  ? Ng­ời kể chuyện có vai trò nh­ thế nào trong văn bản tự sự? | | **I. Các nội dung lớn và trọng tâm:**  - Suy nghĩ trả lời.  **II- Vai trò, vị trí, tác dụng ...**  - Nêu vai trò của các yếu tố bổ trợ trong văn bản thuyết minh.  - Cho VD minh hoạ.  - Nghe, ghi chép.  **III. Phân biệt văn bản thuyết minh có yếu tố miêu tả, tự sự ...**  - Thảo luận nhóm (2’)  - Đại diện trình bày.  - Nhận xét chéo.  - Nghe, ghi chép.  **IV.Nội dung văn bản tự sự**   * + Khái quát trả lời.   **V.Đối thoại, độc thoại, độc thoại nội tâm**   * + Nhớ lại kiến thức đã học trả lời.   - Tìm VD  **VI.Người kể chuyện trong văn tự sự**  - Suy nghĩ trả lời. | **I- Các nội dung lớn và trọng tâm:**  +Văn bản thuyết minh: trong tâm là luyện tập kết hợp giữa thuyết minh với các yếu tố nghị luận, giải thích, miêu tả.  +Văn bản tự sự: Sự kết hợp giữa tự sự với biểu cảm, miêu tả nội tâm, giữa tự sự với nghị luận.  +Một số nội dung mới trong văn bản tự sự như: đối thoại và đọc thoại nội tâm trong tự sự, người kẻ chuyện và vai trò của người kể chuyện trong văn bản tự sự.  **II- Vai trò, vị trí, tác dụng của các biện pháp nghệ thuật và yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh**  +Kết hợp các biện pháp nghệ thuật và các yếu tố miêu tả để bài viết sinh động.  **III- Phân biệt văn bản thuyết minh có yếu tố miêu tả, tự sự với văn miêu tả, tự sư:**  **1. Văn bản thuyết minh:**  -Trung thành với đặc điểm của đối tượng, sự vật một cách khách quan khoa học.  -Cung cáp đầy đủ tri thức về đối tượng cho người nghe, người đọc.  -Yếu tố miêu tả – tự sự là yếu tố phụ giúp cho văn bản thuyết minh thêm sinh động.  **2. Văn miêu tả:**  - Xây dựng hình tượng về một đối tượng nào đó thông qua quan sát, liên tưởng, so sánh và xúc cảm chủ quan của người viết.  -Mang cho người đọc, người nghe một cảm nhận mới về đối tượng.  **IV.Nội dung văn bản tự sự ở SGK- Ngữ văn 9 – Tập 1:**  + Nhận diện các yếu tố miêu tả nội tâm, nghị luận, đối thoại và độc thoại người kể chuyện trong văn bản tự sự.  + Thấy rõ vai trò, tác dụng của các yếu tố trên trong văn bản tự sự  + Kĩ năng kết hợp các yếu trên trong một văn bản tự sự.  VD: “Thực sự mẹ không lo lắng đến nỗi không ngủ được... Mẹ tôi âu yếm dẫn tôi đi trên con đường dài và hẹp.”(Cổng trường mở ra)  VD: “Lão không hiểu tôi, tôi nghĩ vậy và lấy làm buồn lắm...Cuộc đời này quả thực cứ mỗi ngày lại thêm đáng buồn”(Lão Hạc)  **V. Đối thoại, độc thoại, độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự.**  1. Khái niệm  + Đối thoại là trò chuyện (Đối đáp giữa 2 hoặc nhiều ng­ời).  + Độc thoại là lời của 1 ng­ời nói với chính mình  2. Vai trò, tác dụng:  đ Để thể hiện rõ tâm trạng, tính cách của nhân vật trong văn bản tự sự.  **VI. Người kể chuyện trong văn tự sự**  1. Ngôi kể mà người kể sử dụng: Thứ I , III.  2. Vai trò: Cuốn hút người đọc, tạo sự khách quan, tạo được sự tin cậy, chân thực, bộc lộ tính các, tâm trạng, tình cảm nhân vật…  3. Một số đoạn văn tiêu biểu  =>Những năng lực HS cần phát triển: giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, hệ thống hóa kiến thức, tạo lập văn bản... | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**   * Thời gian: 5’ * Mục tiêu: Vận dụng kiến thứ đã học vào giải quyết các bài tập. * Phương pháp tích cực: Hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân… * Kĩ thuật: động não, tia chớp,321… | | | | |
| + Giao nhiệm vụ: Chơi trò chơi: Ai thông minh và nhanh hơn. (2 đội chơi)  GV đưa một văn bản bất kì. Yêu cầu HS nhận diện phương thức biểu đạt cho toàn văn bản, cho từng đoạn.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, chốt kiến thức | | ***+ Thực hiện nhiệm.***  ***+*** Chia sẻ;nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm. |  | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân.   Kĩ thuật: động não | | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  Viết bài văn tự sự: Kể lại một lần em trót xem nhật kí của bạn. Trong bài văn có sử dụng yếu tố miêu tả, nghị luận.  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân.  - Chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. |  | |
| \***HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  Trao đổi với bạn bè, người thân, tìm hiểu thêm trên In-tơ-nét cácliệu tham khảo về cách tạo lập các văn bản theo từng phương thức biểu đạt cụ thể.  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | | *+ Thực hiện nhiệm vụ:* làm việc cá nhân,chia sẻ với người thân, bạn bè…  *+*Chia sẻ , lưu sản phẩm. |  | |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (2’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Chuẩn bị cho tiết Trả bài Tập làm văn số 3 ( xây dựng dàn ý đại c ương cho đề văn ở Bài viết số 3)

**Ngày kiểm tra:**

**TIẾT 79,80. KIỂM TRA VỀ THƠ VÀ TRUYỆN HIỆN ĐẠI**

**I. Mục tiêu bài học:**

- Qua bài làm của HS, thu thập thông tin để đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức kĩ năng trong chương trình Ngữ văn lớp 9 về phần thơ và truyện hiện đại.

- Đánh giá năng lực đọc - hiểu cảm thụ văn học của học sinh thông qua hình thức trắc nghiệm và tự luận.

**1. Kiến thức:**

- Kiểm tra kiến thức các tác giả, tác phẩm thơ và truyện hiện đại Việt Nam.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn kĩ năng tái hiện, hệ thống kiến thức.

- Rèn kĩ năng phân tích, cảm thụ, bình giá văn học.

**3. Thái độ, phẩm chất:**

- Thái độ nghiêm túc trong làm bài kiểm tra.

- Giáo dục đạo lí “Uống nước nhớ nguồn”; ý thức trách nhiệm với công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

**4. Năng lực cần hình thành cho HS:**

- Năng lực chung: tự giải quyết vấn đề, sử dụng ngôn ngữ, sáng tạo...

- Năng lực chuyên biệt: tư duy hình tượng, đọc – hiểu, cảm thụ thẩm mĩ, tạo lập văn bản...

**II. Chuẩn bị:**

- Chuẩn bị của thầy: Ra đề, nhập vào ngân hàng đề

- Chuẩn bị của trò: Ôn tập theo nội dung SGK

**III. Các bước lên lớp:**

**1.**Ổn định tổ chức

2.Kiểm tra sự chuẩn bị của HS

3.Nội dung tiết kiểm tra:

**\* Hoạt động 1**: Phát đề

**\* Hoạt động 2:** Học sinh làm bài.

- Yêu cầu HS làm bài tự giác, nghiêm túc.

**\* Hoạt động 3:** Thu bài.

- Giáo viên thu bài đúng giờ.Nhận xét giờ kiểm tra.

**\* Giao bài, hướng dẫn về nhà.**

- Tiếp tục ôn tập các tác phẩm truyện, thơ hiện đại.

- Soạn bài: Cố hương, Những đứa trẻ

(Đọc kĩ văn bản, trả lơi các câu hỏi/ Sgk. Sưu tầm thêm tư liệu có liên quan đến bài học)

## TUẦN 17

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  8/12/2018 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT 81,82. ÔN TẬP TẬP LÀM VĂN**

**I.Mức độ cần đạt:**

**1. Kiến thức:**

- Nắm vững khái niệm văn bản thuyết minh và văn bản tự sự.Sự kết hợp của ph­ơng thức biểu đạt trong văn bản thuyết minh, văn bản tự sự.

- Hệ thống đ­ợc kiến thức về các văn bản thuộc kiểu văn bản thuyết minh và tự sự đã học.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn kĩ năng khái quát, hệ thống hoá kiến thức trong học tập.

***3. Thái độ:***

- Yêu thích văn học, có ý thức vận dụng linh hoạt các ph­ơng thức biểu đạt khi tạo lập văn bản.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, hệ thống hóa kiến thức…

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

+ Ý tưởng thiết kế hoạt động: Qua việc ôn tập củng cố kiến thức, HS nắm được khái niệm văn bản thuyết minh và văn bản tự sự. Thấy đ­ợc sự kết hợp của ph­ơng thức biểu đạt trong văn bản thuyết minh, văn bản tự sự

+ Nội dung của hoạt động: Văn bản thuyết minh, Văn bản tự sự

+ Phương pháp tổ chức dạy học: dạy học dự án, hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ**

* Kiểm tra đề cương ôn tập của HS (Lớp trưởng báo cáo)

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 5’   Mục tiêu: HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học, có hứng thú tiếp thu bài mới.   * Phương pháp tích cực: Nêu vấn đề   Kĩ thuật: động não, tia chớp | | |
| + Giao nhiệm vụ:  HS làm việc cá nhân: Kể tên một số văn bản thuyết minh, tự sự, nghị luận đã học ở lớp 6,7,8,9. Nêu dấu hiệu nhận biết?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới: Tiết tr­ớc các em hệ thống lại kiến thức tập làm văn – về văn bản thuyết minh, về văn bản tự sự. Tiết học hôm nay chúng ta tiếp tục ôn tập, luyện tập về những yêu cầu cao hơn đối với một văn bản tự sự, thuyết minh và dấu hiệu nhận biết chúng. | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân,  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Lắng nghe. | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **\* HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC - LUYỆN TẬP:**  - Thời gian: 40’  - Mục tiêu: Củng cố khái niệm văn bản thuyết minh và văn bản tự sự. Thấy đ­ợc sự kết hợp của ph­ơng thức biểu đạt và vai trò của chúngtrong văn bản thuyết minh, văn bản tự sự .  - Ph­ơng pháp: Vấn đáp, thuyết trình, thảo luận nhóm....  - Kĩ thuật: Động não, khăn trải bàn... | | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***\* HD HS so sánh sự giống và khác nhau về văn bản tự sự ở lớp 9 và các lớp dưới:***  - Cho HS thảo luận nhóm (3’).  H: Các nội dung văn bản tự sự ở lớp 9 có gì giống và khác nhau so với các nội dung về kiểu văn bản này đã học ở những lớp dưới?  - Gọi đại diện trình bày.  - Ch HS nhận xét chéo.  -GV nhận xét, chốt kiến thức  ***\* HD học sinh xác định (nhận diện văn bản) qua câu hỏi 8:***  H: Giải thích tại sao trong văn bản có đủ các yếu tố miêu tả, biểu cảm nghị luận mà vẫn gọi đó là văn bản tự sự?  H: Theo em, liệu có một văn bản nào chỉ vận dụng một phương thức biểu đạt hay không?  ? Cho VD minh hoạ?  - Cho HS thảo luận theo bàn.  - Cho các nhóm nhận xét chéo.  - GV nhận xét.  + GV hướng dẫn HS chứng minh qua một số văn bản như: Làng (Kim Lân), Phong cách Hồ Chí Minh (Lê Anh Trà)  **\* Hướng dẫn học sinh thực hành điền khả năng kết hợp trong văn bản :**  - GV treo bảng phụ kẻ sơ đồ trên bảng – gọi HS đánh dấu vào các ô trống mà kiểu văn bản chính có thể kết hợp. | ***\*Câu 7.***   * + Thảo luận nhóm(3’) .   - Đại diện trình bày.  - Nhận xét chéo.  - Nghe, ghi chép.  \* Câu 8.  ***-*** Giải thích.   * + Suy nghĩ trả lời.   - Thảo luận nhóm.  - Đại diện trình bày.  - Nhận xét chéo.  - Nghe, nhớ.  ***\* Câu 9*.**  - Lên bảng điền. | ***Câu 7. So sánh sự giống và khác nhau về văn bản tự sự ở lớp 9 và các lớp dưới?***  a. Giống:  Văn bản tự sự phải có:  - Nhân vật chính và một số nhân vật phụ.  - Cốt truyện: Sự việc chính và một số nhân vật phụ.  b. Khác nhau:  - Ở lớp 9 có thêm:  + Sự kết hợp giữa tự sự với biểu cảm và miêu tả nội tâm.  + Sự kết hợp giữa tự sự với các yếu tố nghị luận.  + Đối thoại và độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự.  + Người kể chuyện và vai trò của người kể chuyện.  Câu 8. Nhận diện văn bản.  a. Trong văn bản có đủ các yếu tố miêu tả, biểu cảm nghị luận mà vẫn gọi đó là văn bản tự sự. Vì các yếu tố miêu tả nghị luận, biểu cảm chỉ là những yếu tố bổ trợ nhằm làm nỗi bật phương thức chính là tự sự.  b. Trong thực tế, ít gặp hoặc không có một văn bản nào thuần khiết đến mức chỉ vận dụng một phương thức biểu đạt duy nhất.  Câu 9. Khả năng kết hợp của các phương thức biểu đạt:  (Bảng minh họa bên dưới)  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt... |

**\* Bảng phụ lục cho câu 9:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Kiểu văn bản chính | Các yếu tố kết hợp với văn bản chính | | | | | |
| Tự sự | Miêu tả | Nghị luận | Biểu cảm | Thuyết minh | Điều hành |
| 1 | Tự sự | / | x | x | x | x |  |
| 2 | Miêu tả | x | / |  | x | x |  |
| 3 | Nghị luận |  | x | / | x | x |  |
| 4 | Biểu cảm | x | x | x | / |  |  |
| 5 | Thuyết minh |  | x | x |  | / |  |
| 6 | Điều hành |  |  |  |  |  | / |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân * Kĩ thuật: động não | | |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  - Lập dàn ý đại cương cho đề văn: Hãy kể về một kỉ niệm sâu sắc nhất của em.  ( L­u ý: Có sử dụng miêu tả, độc thoại nội tâm, nghị luận trong bài văn.)  ***+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả.***  + GV nhận xét, đánh giá. | ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** làm việc cá nhân  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | - Lập được dàn ý đại cương cho đề văn: Hãy kể về một kỉ niệm sâu sắc nhất của em.  (Biết sử dụng miêu tả, độc thoại nội tâm, nghị luận trong bài văn.) |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  - Vận dụng kiến thức phần Tập làm văn, Tiếng Việt để đọc - hiểu một đoạn văn bản tự sự theo đặc trư­ng thể loại tự sự.  ***+ Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.***  + GV nhận xét, đánh giá. | ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** làm việc cá nhân,chia sẻ với người thân, bạn bè…  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** chia sẻ , lưu sản phẩm. | - Vận dụng kiến thức phần Tập làm văn, Tiếng Việt để đọc - hiểu một đoạn văn bản tự sự theo đặc trư­ng thể loại tự sự. |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Chuẩn bị cho tiết Ôn tập Tập làm văn (Tiếp): đọc trước bài, trả lời các câu hỏi tiếp theo.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  15/12/2018 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT 83. TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 3**

**I. Mức độ cần đạt:**

***1.Kiến thức***:

- Nắm vững phương pháp làm văn tự sự (Kết hợp miêu tả với miêu tả nội tâm, đối thoại, độc thoại nội tâm, nghị luận ... trong văn tự sự).

- Nhận ra ưu - nhược điểm trong bài viết của mình, của bạn.

***2.K ĩ năng :***

***-*** Rèn kĩ năng phát hiện và sửa lỗi.

***3.Thái độ:***

***-*** Có ý thức đọc lại bài, sữa lỗi sau khi viết bài.

**II. Trọng tâm**

***1.Kiến thức***:

- Văn tự sự ( Kết hợp miêu tả với miêu tả nội tâm, đối thoại, độc thoại nội tâm, nghị luận ... trong văn tự sự)

***2.Kĩ năng :***

***-*** Rèn kĩ năng phát hiện và sửa lỗi.

***3.Thái độ:***

***-*** Có ý thức đọc lại bài, sữa lỗi sau khi viết bài.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, cảm thụ thẩm mĩ

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* Qua việc xây dựng đáp án và nhận xét của GV, HS nhận ra ưu - nhược điểm trong bài viết của mình, của bạn. Biết sửa lỗi.

*+ Nội dung của hoạt động:* Phân tích đề, xây dựng đáp án, nhận xét chung, sửa lỗi.

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân, vấn đáp…

**2.Trò:**

- Xem lại đề KT, xây dựng dàn ý đại cương.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ**

* KT sự chuẩn bị của HS (Lớp trưởng báo cáo)

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 5’   Mục tiêu: HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học, có hứng thú tiếp thu bài mới.   * Phương pháp tích cực: Vấn đáp * Kĩ thuật: động não. | | | |
| + Giao nhiệm vụ: HĐ cá nhân  ?Yêu cầu đối với bài viết số 3 là gì?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới: Các em đã viết bài TLV số 3. Đó là kiểu bài yêu cầu kể chuyện kết hợp với nghị luận, miêu tả nội tâm, độc thoại nội tâm. Để đánh giá xem bài viết của các em đã làm: được những gì, còn điểu gì chưa hoàn thành hoặc cần tránh. Tất cả những điều trên, chúng ta cùng nhau thực hiện trong giờ học này | | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Lắng nghe. | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**   * Thời gian: 15’ * Mục tiêu: HS nhận thấy những ưu, nhược điểm trong bài viết của mình và của bạn từ đó có hướng sửa chữa lỗi, phát huy điểm mạnh. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cặp đôi, cá nhân, vấn đáp, thuyết trình… * Kĩ thuật: động não, chia nhóm,321… | | | |
| **\* Đề bài:**  GV yêu cầu HS nhắc lại đề bài văn.  **\* HD tìm hiểu đề:**  \* KT kiến thức cũ: Trao đổi cặp đôi, xác định lại yêu cầu nội dung và bố cục của đề bài?  **\* HD HS lập dàn ý**  - GV hướng dẫn HS xây dựng dàn ý, biểu điểm.  **\* Nhận xét chung:**  - GV nhận xét chung về ưu, nhược điểm trong bài viết của HS. | **\* Đề bài:**  - Nêu đề bài  **I.Phân tích đề**  - Trao đổi cặp đôi, chia sẻ.  **II. Dàn ý**  - Xây dựng dàn ý đại cương.  **III. Nhận xét chung**  - Nghe, rút kinh nghiệm, ghi chép. | | **\* Đề bài:**  Tưởng tượng mình gặp gỡ và trò chuyện với người lính lái xe trong tác phẩm “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật. Viết bài văn kể lại cuộc gặp gỡ và trò chuyện đó.  **I. Phân tích đề**  \* Kiểu bài  - Tự sự (Kể chuyện tưởng tượng)  - Kết hợptự sự với nghị luận, miêu tả nội tâm ...  \*Nội dung: Người lính lái xe Trường Sơn kể về cuộc sống và chiến đấu của mình (Dựa theo bài thơ “Bài thơ về tiểu đội xe không kính”)  **II. Dàn ý:**  \*Mở bài(1,0 điểm)  - Giới thiệu hoàn cảnh gặp gỡ người chiến sĩ lái xe. (Trực tiếp vào chiến trường ? Đi thăm một gia đình thương binh ? Thăm chiến trường xưa cùng bố ?....)  \* Thân bài( 8 điểm)  1. Giới thiệu khái quát về người lính lái xe :  - Ngoại hình, phẩm chất, tác phong (vẫn nhanh nhẹn, sống gọn gàng, ngăn nắp, giản dị…). Suy nghĩ, hành động?  2. Cuộc trò chuyện:  - Em đề nghị bác kể chuyện ntnào?  - Em nghe bác kể những gì?( Dựa vào bài thơ để kể). Suy nghĩ, cảm xúc của em và người lính trong cuộc trò chuyện đó?  \* Kết bài( 1,0 điểm)  - Cảm nghĩ của em về người chiến sĩ lái xe, về thế hệ cha ông, về dân tộc.  - Niềm tin của em vào cuộc sống, tương lai của đất nước.  **III. Nhận xét chung**  \* Ưu điểm:  - Nhìn chung các bài viết đúng thể loại .  - Có sáng tạo trong khi kể.  - Có bố cục 3 phần rõ ràng.  \* Nhược điểm:  - Một số bài nội dung quá sơ sài: Đạt, thế Anh  - Chữ viết cẩu thả, mắc lỗi chính tả nhiều: Học, Nguyên, Phùng Đạt…  - Một số bài lựa chọn tình huống chưa thật hợp lí.  ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, hợp tác, giao tiếp tiếng Việt, tạo lập văn bản. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**   * Thời gian: 17’   Mục tiêu: Biết phát hiện và sửa lỗi cho bài viết của mình và của bạn.   * Phương pháp tích cực: Hoạt động cặp đôi, cá nhân… * Kĩ thuật: động não | | | |
| **\* HD HS chữa lỗi:**  - Giáo viên chữa lỗi cho học sinh trên bài viết của HS học sinh :  + Nêu những lỗi thường gặp về hình thức.  + Gọi HS sửa lỗi.  + GV sửa lỗi.  - GV nêu những lỗi thường gặp về nội dung; kĩ năng.  - Gọi HS sửa lỗi.  - GVnhận xét, sửa lỗi.  **V. Trả bài:**  - Trả bài.  - Gọi 1-2 em viết tốt đọc.  9ê:  - Yêu cầu HS sửa lỗi trong bài viết của mình vào phần giấy còn lại. | | **IV. Chữa lỗi**   * + Phát hiện lỗi.   - Sửa lỗi.  - Nghe, rút kinh nghiệm.  - Phát hiện lỗi.  - Sửa lỗi.  - Nghe, rút kinh nghiệm.  **V. Trả bài:**   * + Nghe, học hỏi.   - Suy nghĩ trả lời. | **IV. Chữa lỗi**  ***1. Về hình thức:***  \* Lỗi chính tả:  Lỗi  *->* Sửa đúng  *- trào hỏi -> chào hỏi*  *- ông chả lời -> ông trả lời*  *- hai người lói -> hai người nói*   * + *trò truyện -> trò chuyện*   + *sua tan nỗi niềm -> xua tan nỗi niềm*   + Bài của Nguyên:  - sinh da *-> sinh ra*  *- trở thuốc men -> chở thuốc men*  \* Viết sai do phát âm sai, chua hiểu rõ nghĩa của từ: bồ đội, mạnh dạng...  \*Viết tắt.  \* Viết hoa chưa đúng quy định:  - Viết hoa tùy tiện :s/S  - Tên văn bản không viết hoa phụ âm đầu  \* Chữ viết mất nét.  \* Chưa thống nhất cách xưng hô: tôi – em, ông – bác...  ***2. Về nội dung:***  - Một số bài nội dung còn sơ sài, chưa biết dựa vào văn bản để kể.  ***3. Về kĩ năng:***  \* Lỗi lặp từ, diễn đạt chưa lưu loát, lập luận chưa chặt chẽ: Lăng, Lộc, Thương.  \* Chưa kết hợp được các yếu tố miêu tả nội tâm, nghị luận trong bài tự sự: Mai, Cảnh, Hải...  **V. Trả bài, đọc điểm:**  - Trả bài cho HS và đọc các bài làm hay.  - Sửa lỗi : một số lỗi dùng từ và chính tả (HS tự đọc lại phát hiện và sửa lại)  \* Kết quả cụ thể:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Điểm | > 5 | 5 - > 8 | 8- 10 | %  trên TB | | Số bài | 3 | 22 | 3 | 89% |   ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: 5’ * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân.   Kĩ thuật: động não | | | |
| + Thực hiện nhiệm vụ.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | | ? Qua bài viết của mình, nêu được thông điệp muốn gửi tới người đọc. |  |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, sáng tạo của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | | |
| + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, chia sẻ với người thân, bạn bè…  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ , lưu sản phẩm. | |  |  |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Ôn lại kiến thức về văn tự sự.

- Chuẩn bị cho tiết Trả bài kiểm tra Tiếng Việt

( Xem lại đề bài, xây dựng đáp án )

**\* Rút kinh nghiệm:**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  18/12/2018 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT 84. TRẢ BÀI KIỂM TRA VĂN**

**I.Mức độ cần đạt:**

***1.Kiến thức***:

- Nhận ra đ­ợc những ư­u, nh­ược điểm trong bài viết của mình.

- Biết nhận ra những ­u, nh­ợc điểm trong bài viết của mình. Sửa lại những chỗ chưa đạt, củng cố các kiến thức cơ bản về truyện, thơ hiện đại Việt Nam đã học ở học kì I lớp 9.

***2.K ĩ năng :***

***-*** Rèn kĩ năng phát hiện và sửa lỗi.

***3.Thái độ:***

***-*** Có ý thức đọc lại bài, sữa lỗi sau khi viết bài.

- Giáo dục ý thức sống có lí t­ởng, cống hiến hết mình cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

**II. Trọng tâm**

***1.Kiến thức***:

- Kiến thức về thể loại, hoàn cảnh sáng tác của các tác phẩm.

- T­ t­ởng chủ đề của các truyện, thơ hiện đại.

- Nghị luận về nhân vật văn học.

***2.K ĩ năng :***

***-*** Rèn kĩ năng phát hiện và sửa lỗi.

***3.Thái độ:***

***-*** Có ý thức đọc lại bài, sữa lỗi sau khi viết bài.

- Giáo dục ý thức sống có lí t­ởng, cống hiến hết mình cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* Chấm bài, thống kê những ưu nhược điểm trong bài viết của học sinh.Qua việc xây dựng đáp án và nhận xét của GV, HS nhận ra ­u - nh­ợc điểm trong bài viết của mình, của bạn. Biết sửa lỗi.

*+ Nội dung của hoạt động:* Phân tích đề, xây dựng đáp án, nhận xét chung, sửa lỗi.

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân, vấn đáp…

**2.Trò:**

- Xem lại đề bài, xây dựng đáp án.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ**

***-*** KT trong khi trả bài

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | | | **Hoạt động của trò** | | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 5’   Mục tiêu: HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học, có hứng thú tiếp thu bài mới.   * Phương pháp tích cực: Vấn đáp,thuyết trình. * Kĩ thuật: động não. | | | | | |
| + Giao nhiệm vụ: HĐ cá nhân  ?Yêu cầu đối với bài Kiểm tra Truyện thơ hiện đại là gì?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới: Các em đã đ­ợc làm bài kiểm tra Văn (Phần truyện thơ hiện đại). Để đánh giá xem bài viết của các em đã làm được những gì, còn điểu gì cần rút kinh nghiệm, chúng ta cùng nhau thực hiện trong giờ học này. | | | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Lắng nghe. | | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**   * Thời gian: 15’ * Mục tiêu: HS nhận thấy những ­u, nh­ợc điểm trong bài viết của mình và của bạn từ đó có h­ớng sửa chữa lỗi, phát huy điểm mạnh. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cặp đôi, cá nhân, vấn đáp, thuyết trình… * Kĩ thuật: động não, chia nhóm,321… | | | | | |
| **\* Đề bài:**  - Yêu cầu HS nhắc lại đề bài .  ? Em hãy xác định yêu cầu của đề bài?  **\* HD học sinh xây dựng đáp án:**  - Yêu cầu HS xem lại đề bài, trao đổi cặp đôi, xây dựng đáp án. | **\* Đề bài:**  - Nêu đề bài  - Suy nghĩ trả lời.   1. **Đáp án**    * Xem lại đề bài, trao đổi cặp đôi, xây dựng đáp án. | | | | **I. Phân tích đề**  \*Đề bài ( đã phát)    **II. Đáp án, biểu điểm:** |
| **\* ĐÁP ÁN+ BIỂU ĐIỂM** | | | | | |
| **\* GV nhận xét chung**:  GV nhận xét chung về ­u - nh­ợc điểm trong bài viết của HS. | **III. Nhận xét chung**  - Nghe, rút kinh nghiệm, ghi chép. | | | | **III. Nhận xét chung**   1. Ưu điểm   - Nắm vững kiến thức về tác giả, tác phẩm.  - Biết phân tích, cảm thụ một đoạn thơ.  2. Nhược điểm:  - Khái quát nội dung đoạn văn bản chưa chính xác.  - Nhiều bài viết chưa hoàn chỉnh về nội dung.  - Còn mắc lỗi chính tả nhiều.  - Một số em diễn đạt chưa lưu loát, lập luận chưa chặt chẽ. ***=>Những năng lực HS cần phát triển:***  giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; cảm thụ thẩm mĩ. |
| **\* Hoạt động 3.Luyện tập**  - Thời gian: 15'  - Mục tiêu: Biết phát hiện và sửa lỗi cho bài viết của mình và của bạn.  - Ph­ơng pháp: Vấn đáp, phân tích ngữ liệu, thảo luận nhóm.  - Kĩ thuật: Động não, khăn trải bàn. | | | | | |
| **\* HD HS chữa lỗi:**  - Giáo viên chữa lỗi cho học sinh trên bài viết của HS học sinh :  + Nêu những lỗi th­ờng gặp về hình thức.  -+ Gọi HS sửa lỗi.  + GV sửa lỗi.  - GV nêu những lỗi th­ờng gặp về nội dung.  - Gọi HS sửa lỗi.  - GVnhận xét, sửa lỗi.  - GV nêu những lỗi th­ờng gặp về kĩ năng.  - Gọi HS sửa lỗi.  - GVnhận xét, sửa lỗi.  **V.Trả bài:**  - GV trả bài cho HS.  - Gọi 1-2 em viết tốt đọc | **IV. Chữa lỗi**   * + Phát hiện lỗi.   - Sửa lỗi.  - Nghe, rút kinh nghiệm.  - Phát hiện lỗi.  - Sửa lỗi.  - Nghe, rút kinh nghiệm.  - Phát hiện lỗi.  - Sửa lỗi.  - Nghe, rút kinh nghiệm.  **V.Trả bài:**   * + Nghe, học hỏi.   - Suy nghĩ trả lời. | | | | **IV. Chữa lỗi**  ***1. Về hình thức:***  \* Lỗi chính tả:  Lỗi  *->* Sửa đúng   * + lỗi lòng -> nỗi lòng   + chí tưởng tượng -> trí ….   + *chuyện ngắn -> truyện ngắn*   + *rất lặng lề -> rất nặng nề*   + *ngăn lắp -> ngăn nắp*   *- lồng làn yêu nước -> nồng nàn*  \* Chữ viết mất nét, chưa rõ ràng.  \* Chưa viết hoa tên văn bản, danh từ riêng.  ***2. Về nội dung:***  - Câu vận dụng hầu hết chưa đạt yêu cầu. Cần rút ra được bài học về đạo lí “Uống nước nhớ nguồn”, sống ân nghĩa thủy chung.  - Nhiều bài chưa hoàn thiện câu 2, phần Tạo lập văn bản.  - Nguyên nhân; Do phân bố thời gian chưa hợp lí giữa các câu.  ***3. Về kĩ năng:***  \* Lỗi lặp từ : Lặp từ nhiều.  \* Diễn đạt chưa lưu loát, lập luận chưa chặt chẽ.  **V.Trả bài:**  - Trả bài cho HS và đọc các bài làm hay.  - Sửa lỗi : một số lỗi dùng từ và chính tả (HS tự đọc lại phát hiện và sửa lại)  \* Kết quả cụ thể:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Điểm | < 5 | 5 - < 8 | 8- 10 | %  Trên TB | | Số bài |  |  |  |  |   ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: 7’ * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, cặp đôi.   Kĩ thuật: động não | | | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  - Đọc lại bài của mình và của bạn bên cạnh, trao đổi với bạn để sửa lỗi.  Nêu bài học cuộc sống mà em rút ra được từ các văn bản đã học?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | | - Tự phát hiện và sửa lỗi.  -Nêu bài học cuộc sống mà em rút ra được từ các văn bản đã học. | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, sáng tạo của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  Tham khảo, ghi lại một số tác phẩm cùng đề tài.  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | | + Làm việc cá nhân, chia sẻ với người thân, bạn bè…  + Chia sẻ , lưu sản phẩm. | | Tham khảo, ghi lại một số tác phẩm của đề tài. | |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Chuẩn bị bài "Ôn tập Tập làm văn" (Làm đề cương ôn tập theo câu hỏi/ Sgk)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  19/12/2018 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT 85. TRẢ BÀI KIỂM TRA TIẾNG VIỆT**

**I.Mức độ cần đạt:**

***1.Kiến thức***:

- Biết nhận ra những ưu, nhược điểm trong bài viết của mình. Sửa lại những chỗ chưa đạt, củng cố các kiến thức Tiếng Việt đã được học và tổng kết trong HK I lớp 9.

- Nắm vững kiến thức về thành ngữ, các kiểu câu, biện pháp tu từ, lời dẫn trực tiếp, gián tiếp...

- Nhận ra ưu - nhược điểm trong bài viết của mình, của bạn.

***2.K ĩ năng :***

***-*** Rèn kĩ năng phát hiện và sửa lỗi.

***3.Thái độ:***

***-*** Có ý thức đọc lại bài, sữa lỗi sau khi viết bài.

**II. Trọng tâm**

***1.Kiến thức***:

- Thành ngữ, các kiểu câu, biện pháp tu từ, lời dẫn trực tiếp, gián tiếp...

***2.Kĩ năng :***

***-*** Rèn kĩ năng phát hiện và sửa lỗi.

***3.Thái độ:***

***-*** Có ý thức đọc lại bài, sữa lỗi sau khi viết bài.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, cảm thụ thẩm mĩ

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* Qua việc xây dựng đáp án và nhận xét của GV, HS nhận ra ưu - nhược điểm trong bài viết của mình, của bạn. Biết sửa lỗi.

*+ Nội dung của hoạt động:* Phân tích đề, xây dựng đáp án, nhận xét chung, sửa lỗi.

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân, vấn đáp…

**2.Trò:**

- Xem lại đề KT, xây dựng dàn ý đại cương.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ**

* KT sự chuẩn bị của HS (Lớp trưởng báo cáo)

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 5’   Mục tiêu: HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học, có hứng thú tiếp thu bài mới.   * Phương pháp tích cực: Vấn đáp * Kĩ thuật: động não. | | | |
| + Giao nhiệm vụ: HĐ cá nhân  ?Yêu cầu đối với bài Kiểm tra Tiếng Việt là gì?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới: Các em đã được làm bài kiểm tra Tiếng Việt. Để đánh giá xem bài viết của các em đã làm được những gì, còn điểu gì chưa hoàn thành hoặc cần tránh. Tất cả những điều trên, chúng ta cùng nhau thực hiện trong giờ học này. | | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Lắng nghe. | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**   * Thời gian: 15’ * Mục tiêu: HS nhận thấy những ưu, nhược điểm trong bài viết của mình và của bạn từ đó có hướng sửa chữa lỗi, phát huy điểm mạnh. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cặp đôi, cá nhân, vấn đáp, thuyết trình… * Kĩ thuật: động não, chia nhóm,321… | | | |
| **\* Đề bài:**  GV yêu cầu HS nhắc lại đề bài văn.  ? Em hãy xác định lại yêu cầu nội dung và bố cục của đề bài?  **\* HD học sinh xây dựng đáp án:**  + Giao nhiệm vụ:  HS thảo luận nhóm theo bàn, xây dựng đáp án.  + GV nhận xét, chốt kiến thức: | **\* Đề bài:**  - Nêu đề bài  - Trả lời.  **II. Đáp án**  + HS thực hiện nhiệm vụ: thảo luận, thống nhất trong nhóm.  + Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực. | | **I. Phân tích đề**  \* Đề bài ( đã phát)    **II. Đáp án, biểu điểm:** |
| **D. ĐÁP ÁN + BIỂU ĐIỂM**  *(Theo Đề và đáp án)* | | | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**   * Thời gian: 15’   Mục tiêu: Biết phát hiện và sửa lỗi cho bài viết của mình và của bạn.   * Phương pháp tích cực: Hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân… * Kĩ thuật: động não, tia chớp, 321… | | | |
| **\* Nhận xét chung**:  GV nhận xét chung về ưu, nhược điểm trong bài viết của HS.  **\* HD HS chữa lỗi:**  - Giáo viên chữa lỗi cho học sinh trên bài viết của HS học sinh :  + Nêu những lỗi thường gặp về hình thức.  -+ Gọi HS sửa lỗi.  + GV sửa lỗi.  **V.Trả bài:**  - GV trả bài cho HS.  - Gọi 1-2 em viết tốt đọc  ( Chi, Ngân) | **III. Nhận xét chung**  - Nghe, rút kinh nghiệm, ghi chép.  **IV.Chữa lỗi**   * + Phát hiện lỗi.   - Sửa lỗi.  - Nghe, rút kinh nghiệm.  **V.Trả bài:**  - Nhận bài và sửa lỗi.   * + Nghe, học hỏi. | | **III. Nhận xét chung**  1. Ưu điểm:  - Nhìn chung các bài làm đảm bảo yêu cầu của đề. Làm tốt phần đọc hiểu.  2. Nhược điểm:  - Một số bài tự luận quá sơ sài  - Chữ viết cẩu thả.  - Một số bài chưa biết cách dẫn lời dẫn trực tiếp, xác định chưa đúng dẫn trực tiếp.  **IV. Chữa lỗi**  ***1. Về hình thức:***  \* Lỗi chính tả:  Lỗi  *->* Sửa đúng  phương trâm *-> phương châm*  *nâu đời -> lâu đời*  *kép lại -> khép lại*  *trọn lọc -> chọn lọc*  \* Viết hoa chưa đúng quy định:  \* Chữ viết mất nét, chưa rõ ràng, chưa viết hoa anh từ riêng.  \* Cuối câu chưa có dấu ngắt câu.  \* Chưa đúng hình thức đoạn văn  ***2. Về nội dung:***  - Một số bài nội dung còn sơ sài, chưa nêu được bài học rút ra từ văn bản “Phong cách Hồ Chí Minh”.  ***3. Về kĩ năng:***  \* Lỗi lặp từ, diễn đạt chưa lưu loát, lập luận chưa chặt chẽ.  \* Nhiều em chưa biết dẫn trực tiếp.  **V.Trả bài, đọc điểm:**  - Trả bài cho HS và đọc các bài làm hay.  - Sửa lỗi : một số lỗi dùng từ và chính tả (HS tự đọc lại phát hiện và sửa lại)  \* Kết quả cụ thể:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Điểm | Dưới 5 | 5 ->  > 8 | 8- 10 | Trên TB | | Số bài | 4 | 21 | 3 | 86% |   ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo,cảm thụ thẩm mĩ. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: 5’ * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân.   Kĩ thuật: động não | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  - Đọc lại một số bài thơ đã học. Tập xác định từ loại, kiểu câu, thành ngữ, cách dẫn trực tiếp (nếu có). Xác định và phân tích giá trị nghệ thuật trong các câu thơ mà em thích.  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | | Xác định được từ loại, kiểu câu, thành ngữ, cách dẫn trực tiếp (nếu có). Xác định và phân tích giá trị nghệ thuật trong các câu thơ mà em thích. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, sáng tạo của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  Tưởng tượng mình là nhân vật trữ tình trong bài thơ Ánh trăng của Nguyễn Duy, hãy ghi lại dòng tâm sự khi bắt gặp vầng trăng ?  (Có thể tham khảo ý kiến bạn bè, người thân)  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, chia sẻ với người thân, bạn bè…  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ , lưu sản phẩm. | |  |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Chuẩn bị cho tiết: Trả bài kiểm tra Văn (Xem lại đề, xây dựng đáp án)

**TUẦN 18**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  20/12/2018 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT 86. ÔN TẬP TẬP LÀM VĂN (TIẾP THEO)**

**I.Mức độ cần đạt:**

**1. Kiến thức:**

- Nắm vững khái niệm văn bản thuyết minh và văn bản tự sự.Sự kết hợp của phương thức biểu đạt trong văn bản thuyết minh, văn bản tự sự.

- Hệ thống được kiến thức về các văn bản thuộc kiểu văn bản thuyết minh và tự sự đã học.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn kĩ năng khái quát, hệ thống hoá kiến thức trong học tập.

***3. Thái độ:***

- Yêu thích văn học, có ý thức vận dụng linh hoạt các phương thức biểu đạt khi tạo lập văn bản.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, hệ thống hóa kiến thức…

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

+ Ý tưởng thiết kế hoạt động: Qua việc ôn tập củng cố kiến thức, HS nắm được khái niệm văn bản thuyết minh và văn bản tự sự. Thấy được sự kết hợp của phương thức biểu đạt trong văn bản thuyết minh, văn bản tự sự

+ Nội dung của hoạt động: Văn bản thuyết minh, Văn bản tự sự

+Phương pháp tổ chức dạy học: dạy học dự án, hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

**2.Trò:**

Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

Chuẩn bị theo hệ thống câu hỏi 11, 12/ 220

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ**

* Kiểm tra đề cương ôn tập của HS (Lớp trưởng báo cáo)

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\* HOẠT ĐỘNG1. KHỞI ĐỘNG**  - Thời gian: 3'  - Mục tiêu: Thu hút sự chú ý của HS vào bài mới.  - Phương pháp: Thuyết trình.  - Kĩ thuật: Động não | | |
| *\* Giới thiệu bài mới:*  Tiết trước các em hệ thống lại kiến thức tập làm văn – về văn bản thuyết minh, về văn bản tự sự, sự kết hợp giữa các phương thức biểu đạt trong cùng một văn bản. Tiết học hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu mối quan hệ, sự tác động qua lại giữa các phần Tập làm văn, văn bản, Tiếng Việt trong chương trình Ngữ văn. | - Lắng nghe, suy nghĩ | - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới, xác định được trọng tâm của bài. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2,3. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  - Thời gian: 25’  - Mục tiêu: Củng cố kiến thức về văn thuyết minh và văn tự sự. Thấy được sự tác động qua lại giữa các phần Tập làm văn, văn bản, Tiếng Việt.  - Phương pháp: Vấn đáp, thuyết trình, thảo luận nhóm....  - Kĩ thuật: Động não, XYZ, 321... | | |
| ***\* HD tìm tìm hiểu bố cục văn bản...:***  + Giao nhiệm vụ:  HS trả lời các câu hỏi sau:  ? Một số văn bản ngữ văn mà em đã học không có đủ 3 phần MB, TB, KB nhưng tại sao trong các bài tập làm văn của các em lại phải có đủ 3 phần trên?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.  + GV nhận xét, chốt kiến thức. | ***\* Câu 10.***  ***+*** HS làm việc cá nhân.    -Chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực. | ***Câu 10*. *Bố cục văn bản.***  Vì đó là những yếu tố mang tính chất chuẩn mực (trong nhà trường) khi đã ra trường có thể tự do, phá cách như các nhà văn. |
| ***+ HD tìm hiểu mối quan hệ giữa phầnTập làm văn và văn bản:***  + Giao nhiệm vụ:  Thảo luận theo bàn, trả lời các câu hỏi sau:  ? Những kiến thức và kỹ năng về kiểu văn bản tự sự ở tập làm văn có giúp được gì trong việc đọc hiểu các văn bản, tác phẩm tự sự trong sách giáo khoa ngữ văn ? Ngược lại học các văn bản tự sự trong sách ngữ văn giúp gì cho em viết các bài TLV ?  ? Cho ví dụ ?  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.  + GV nhận xét, chốt kiến thức.  ***\* HD tìm hiểu mối quan hệ giữa phần văn bản và Tiếng Việt:***  ? Những kiến thức, kĩ năng và tác phẩm tự sự có phần đọc hiểu văn bản và phần Tiếng Việt tương ứng và giúp em những gì trong việc viết bài văn tự sự ?  ? Cho ví dụ minh hoạ? | ***\* Câu 11*.**   * + Thảo luận, nhóm bàn.   - Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm.  ***\*Câu 12*.**  - Thảo luận theo bàn trả lời.  - Lấy VD minh hoạ. | ***Câu 11*.** ***Mối quan hệ giữa phầnTập làm văn và văn bản.***  - Những kiến thức và kỹ năng về kiểu văn bản tự sự ở tập làm văn đã soi sáng thêm rất nhiều cho việc đọc - hiểu văn bản - tác phẩm văn học tương ứng trong SGK Ngữ văn.  ***Câu 12*.** ***Mối quan hệ giữa phần văn bản và Tiếng Việt.***  - Những kiến thức, kĩ năng và tác phẩm tự sự của phần đọc hiểu văn bản và phần Tiếng Việt tương ứng giúp HS học tốt hơn khi làm bài văn kể chuyện (cung cấp những đề tài, nội dung, cách kể chuyện, dùng từ, ngôi kể, người kể chuyện, cách dẫn dắt xây dựng miêu tả nhân vật ).  - Có tác động qua lại lẫn nhau.***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ; sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt... |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm   Kĩ thuật: động não | | |
| - Yêu cầu HS làm bài tập bổ sung.  VD: Văn bản "Chiếc lược ngà", "Lão Hạc", "Làng" ...  - Gọi 1- 2 HS trình bày.  - Cho HS nhận xét chéo.  - GV nhận xét, uốn nắn. | - Trao đổi theo bàn, làm bài tập.  - Trình bày.  - Nhận xét.  - Nghe. | **Bài tập bổ sung:**  Bằng một văn bản cụ thể chứng minh rằng nó giúp ích em rất nhiều trong việc viết bài văn tự sự. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng...   Kĩ thuật: động não | | |
| ***+ Giao nhiệm vụ:***  + Tìm đọc một văn bản bất kì. Nhận diện các phương thức biểu đạt của từng đoạn văn.  ***+ Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.***  + GV NX, đánh giá. | ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** làm việc cá nhân,chia sẻ với người thân, bạn bè…  ***+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:*** chia sẻ, lưu sản phẩm. |  |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Ôn tập toàn bộ kiến thức về Tập làm văn, chuẩn bị cho bài kiểm tra Học kì I.

**Ngày kiểm tra:**

**TIẾT 87,88. KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**I.Mức độ cần đạt:**

**1. Kiến thức:**

- Kiểm tra kiến thức bài: “Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ”, Chiếc lược ngà, Đồng chí; từ loại, các biện pháp tu từ, nghị luận văn học.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn kĩ năng tái hiện kiến thức, dùng từ, đặt câu, tạo lập văn bản. – rèn kĩ năng phân tích, cảm thụ văn học.

**3. Thái độ:**

- Có thái độ nghiêm túc khi làm bài kiểm tra, thi cử.

- Giáo dục tình cảm gia đinh, tình yêu quê hương, đất nước, trân trọng vẻ đẹp của người lính cách mạng.

**II. Trọng tâm**

**1. Kiến thức:**

- Kiểm tra kiến thức bài: “Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ”, Chiếc lược ngà, Đồng chí; từ loại, các biện pháp tu từ, nghị luận văn học.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn kĩ năng tái hiện kiến thức, dùng từ, đặt câu, tạo lập văn bản. – rèn kĩ năng phân tích, cảm thụ văn học.

**3. Thái độ:**

- Có thái độ nghiêm túc khi làm bài kiểm tra, thi cử.

- Giáo dục tình cảm gia đinh, tình yêu quê hương, đất nước, trân trọng vẻ đẹp của người lính cách mạng.

**4. Năng lực cần hình thành cho HS:**

- Năng lực tự giải quyết vấn đề, sáng tạo, đọc – hiểu, cảm thụ thẩm mĩ, tư duy hình tượng.

**III. Chuẩn bị:**

**-** Giáo viên: Soạn giáo án, hướng dẫn HS ôn tập.

- Học sinh: Ôn tập toàn bộ kiến thức Ngữ văn Học kì I.

**IV. Tổ chức dạy và học:**

***1. Ổn định tổ chức***

***2. Kiểm tra bài cũ:***

- Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh.

***3. Tiến trình giờ kiểm tra:***

***\* Thời gian kiểm tra: Theo kế hoạch của phòng GD&ĐT.***

**\* Hoạt động 1:** Phát đề

- GV phát đề đã in.

**\* Hoạt động 2:** Học sinh làm bài

- Yêu cầu HS làm bài nghiêm túc, tự giác.

**\* Hoạt động 3:** Giáo viên thu bài, nhận xét giờ kiểm tra

- Giáo viên thu bài đúng giờ.

**\* Hoạt động 4:** HDVN

- Ôn tập toàn bộ kiến thức Ngữ văn Học Kì I.

## TUẦN 19

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  16/12/2018 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT 89. TẬP LÀM THƠ TÁM CHỮ ( Tiếp tiết 68)**

**I.Mức độ cần đạt**

***1. Kiến thức:***

- Nắm vững đặc điểm của thơ tám chữ, làm được bài thơ tám chữ theo đề tài nhất định.

***2. Kĩ năng:***

- Tạo vần, đối, nhịp, hình ảnh, cảm xúc khi làm thơ tám chữ.

***3. Thái độ:***

**-**  Có tâm hồn thi sĩ, yêu mến thơ ca.

**II. Trọng tâm:**

***1. Kiến thức:***

- Đặc điểm của thơ tám chữ.

***2. Kĩ năng:***

- Tạo vần, đối, nhịp khi làm thơ tám chữ.

***3. Thái độ:***

**-**  Có tâm hồn thi sĩ, yêu mến thơ ca.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

+ Ý tưởng thiết kế hoạt động: Qua ôn tập, củng cố, thực hành làm thơ, HS nắm vững đặc điểm thể thơ tám chữ, tự sáng tác được bài thơ tám chữ.

+ Nội dung của hoạt động: Làm thơ tám chữ.

+Phương pháp tổ chức dạy học: vấn đáp, hoạt động nhóm, cá nhân…

**2.Trò:**

- Đọc trước bài, dự kiến trả lời các câu hỏi, bài tập, sản phẩm; phiếu học tập.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

- Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ**

- KT trong tiết học.

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | | | **Hoạt động của trò** | | | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 5’   Mục tiêu: HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học, có hứng thú tiếp thu bài mới.   * Phương pháp tích cực: Nêu vấn đề * Kĩ thuật: động não, tia chớp | | | | | | |
| + Giao nhiệm vụ:  -Đọc lại theo trí nhớ một số bài thơ tám chữ đã học.  ? Nhận xét đặc điểm của bài thơ đó so với các yêu cầu chung về thể thơ này?  + HS báo cáo kết quả thực  hiện nhiệm vụ:  + GV nhận xét, dẫn dắt vào bài. | | | + HS thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân.  -Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét chéo, phản biện tích cực.  - Nghe. | | | - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới, xác định được trọng tâm của bài. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**   * Thời gian: 7’ * Mục tiêu: Củng cố kiến thức về thể thơ tám chữ. * Phương pháp tích cực: Hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân, vấn đáp… * Kĩ thuật: động não. | | | | | | |
| **\* HD HS nhớ lại đặc điểm thơ tám chữ:**  ***+ Giao nhiệm vụ:***  ? Nêu những yêu cầu cụ thể của bài thơ tám chữ?  - GV cho HS tham khảo một vài VD.  - Yêu cầu HS chỉ ra cách gieo vần, ngắt nhịp của đoạn thơ?  - Cho HS nhận xét chéo.  - GV nhận xét | | **I. Đặc điểm thơ tám chữ.**  - Nhớ lại kiến thức cũ trả lời.  - Đọc thơ.  - HS trình bày, nhận xét chéo.  - Nghe. | | | **I. Đặc điểm thơ tám chữ.**  - Mỗi dòng có tám chữ.  - Bài thơ có thể gồm nhiều đoạn dài, số câu không hạn định, có thể được chia thành các khổ ( thường mỗi khổ bốn dong).  - Có nhiều cách gieo vần nhưng phổ biến nhất là vần chân (được gieo liên tiếp hoặc gián cách).  \* VD:  Nét mong manh thấp thoáng cánh hoa *bay*  Cảnh cơ hàn nơi nước đọng bùn *lầy*  Thú sán lạn mơ hồ trong ảo *mộng*  Chí hăng hái ganh đua đời náo *động*  Tôi đều yêu, đều kiếm, đều say mê.  (Cây đàn muôn điệu - Thế Lữ)  … Cây bên đường, trụi lá đứng tần ngần  Khắp sương nhánh chuyển một luồng tê *tái*  Và giữa vườn im, hoa run sợ *hãi*  Bao nỗi phôi pha, khô héo rụng rời  (Tiếng gió - Xuân Diệu) | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**  - Thời gian: 10’  - Mục tiêu: Làm được bài thơ tám chữ theo đề tài tự chọn hoặc viết tiếp những câu thơ vào một bài thơ cho trước.  - Phương pháp: Vấn đáp, thực hành làm thơ,, bình thơ...  - Kĩ thuật: Động não, khăn trải bàn... | | | | | | |
| **\* HD làm thơ theo đề tài:**  - Yêu cầu HS tiếp tục công việc của tiết 70.  - Nêu yêu cầu:  + Câu thơ mới tạo phải đủ tám chữ.  + Phải đảm bảo sự lôgíc về nghĩa với những câu đã cho  + Phải có vần chân gián cách hoặc liên tiếp với câu đã cho.  - Cho HS thảo luận, làm tiếp các câu thơ.  - Gọi HS trình bày.  - Cho Các HS khác nhận xét, bình thơ.  - GV nhận xét, cho điểm. | **II. Làm thơ theo đề tài:**  - Nghe, ghi nhớ.  - Thảo luận theo bàn, làm tiếp các câu thơ.  - Trình bày.  - Bình thơ.  - Nghe, rút kinh nghiệm | | | **II. Làm thơ theo đề tài:**  a. Nhớ trường:  \* VD:  Nơi ta đến hằng ngày quen thuộc thế  Sân trường mênh mông, nắng cũng mênh mông  *Khăn quàng tung bay rực rỡ sắc hồng*  *Xa bạn bè sao bỗng thấy bâng khuâng.*  b. Nhớ bạn:  VD:  Ta chia tay nhau phượng đỏ đầy trời  Nhớ những ngày rộn rã tiếng cười vui  *Và nhớ những đêm lửa trại tuyệt vời*  *Tay nắm tay long lanh rơi lệ.* | | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: 20’ * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm   Kĩ thuật: động não | | | | | | |
| **\* HD tập làm bài thơ tám chữ:**  ***+ Giao nhiệm vụ:***  - Yêu cầu HS trình bày bài thơ tám chữ đã làm ở nhà.  - Cho HS nhận xét về cấu trúc bài thơ, vần, nhịp.  - GV nhận xét, cho điểm.  - HS nào chưa được trình bày thì GV thu lại và chấm điểm. | **III. Tập làm bài thơ tám chữ**  ***+ Thực hiện nhiệm vụ:*** làm việc cá nhân  ***+ Báo cáo kết quả:*** chia sẻ.  - Đọc thơ.  - Nhận xét, bình thơ.  -Nghe, rút kinh nghiệm  -Lưu sản phẩm. | | | **III. Tập làm bài thơ tám chữ hoàn chỉnh.** | | |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | | | | | |
| + Giao nhiệm vụ: Sưu tầm các bài thơ tám chữ, học tập cách làm, cấu tứ của bài thơ. Làm bài thơ tám chữ với đề tài: Mái trường mến yêu!  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, chia sẻ với người thân, bạn bè…  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ , lưu sản phẩm. | | | Sưu tầm các bài thơ tám chữ, học tập cách làm, cấu tứ của bài thơ. Làm bài thơ tám chữ với đề tài: Mái trường mến yêu! | | |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Hoàn thiện các bài tập, nắm vững nội dung các đơn vị kiến thức đã học.

- Xem lại đề kiểm tra học kì, xây dựng đáp án.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  29/12/2018 | Dạy | Ngày |  |
| Tiết |  |
| Lớp | 9 |

**TIẾT90. TRẢ BÀI KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**I.Mức độ cần đạt:**

***1.Kiến thức***:

- Vận dụng kiến thức tổng hợp của cả 3 phân môn: Tiếng Việt, văn bản đã học ở HK I. Đánh giá và nhận ra ưu - nhược điểm trong bài kiểm tra của mình, của bạn. Rút kinh nghiệm cho các bài kiểm tra tiếp theo.

***2.K ĩ năng:***

***-*** Rèn kĩ năng phát hiện và sửa lỗi.

***3.Thái độ:***

***-*** Có ý thức đọc lại bài, sữa lỗi sau khi viết bài.

**II. Trọng tâm:**

***1.Kiến thức***:

- Kiến thức tổng hợp của cả 3 phân môn : Tiếng Việt, văn bản đã học ở HK I.

***2.K ĩ năng:***

***-*** Rèn kĩ năng phát hiện và sửa lỗi.

***3.Thái độ:***

***-*** Có ý thức đọc lại bài, sữa lỗi sau khi viết bài.

***4. Những năng lực cụ thể HS cần phát triển:***

\* Năng lực chung:

- Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy.

- Nhóm năng lực quan hệ xã hội: giao tiếp, hợp tác

- Nhóm năng lực công cụ: sử dụng ngôn ngữ

\*Nhóm năng lực chuyên biệt: sáng tạo, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ

**III. Chuẩn bị**

**1.Thầy:**

*+ Ý tưởng thiết kế hoạt động:* Qua việc chấm bài, thống kê những ưu nhược điểm trong bài viết của học sinh, GV giúp HS nhận ra ưu - nhược điểm trong bài kiểm tra của mình, của bạn. Rút kinh nghiệm cho các bài kiểm tra tiếp theo.

*+ Nội dung của hoạt động:* Xây dựng đáp án, phát hiện ưu – nhược điểm trong các bài viết của HS, HS tự sửa lỗi trong bài của mình cũng như của bạn.

*+Phương pháp tổ chức dạy học:* hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân…

**-** GV: Chấm bài, thống kê những ưu nhược điểm trong bài viết của học sinh.

**2.Trò:**

- Xem lại đề kiểm tra, xây dựng đáp án, dàn ý cho bài KT.

**IV. Tổ chức dạy và học**

**Bước 1. Ổn định tổ chức lớp:**

* Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp.

**Bước 2.Kiểm tra bài cũ**

***-*** KT trong khi trả bài

**Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| **\*HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**   * Thời gian: 5’   Mục tiêu: HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học, có hứng thú tiếp thu bài mới.   * Phương pháp tích cực: Nêu vấn đề * Kĩ thuật: động não, tia chớp | | |
| *- ? Cho HS chơi trò chơi: Phỏng vấn chuyên gia*  - Chia lớp thành 2 đội chơi.  - Thành lập Ban giám khảo, thư kí.  - Nội dung: Hỏi đáp về các đơn vị kiên thức đã học ở HKII, theo cấu trúc đề KT HK.  - Yêu cầu HS tham gia trò chơi.  - Công bố kết quả.  - GV nhận xét, dẫn vào bài mới.  *\* Giới thiệu bài:* Chúng ta đã được làm bài KT HKI. Để đánh giá xem bài viết của các em đã làm: được những gì, còn điểu gì chưa hoàn thành hoặc cần tránh. Tất cả những điều trên, chúng ta cùng nhau thực hiện trong giờ học này. | - Lớp trưởng điều hành hoạt động.  - Tham gia chơi trò chơi. | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**   * Thời gian: 15’ * Mục tiêu: Xây dựng đáp án, biểu điểm. tự đánh giá được kết quả làm bài của mình. * Phương pháp tích cực: vấn đáp, hoạt động cặp đôi, cá nhân * Kĩ thuật: động não, tia chớp, 321… | | |
| **\* Đề bài:**  GV yêu cầu HS nhắc lại đề bài văn  \* KT kiến thức cũ:  ? Em hãy xác định lại yêu cầu nội dung và bố cục của đề bài?  **\* HD xây dựng biểu điểm:**  \* GV hướng dẫn HS xây dựng đáp án biểu điểm.  **\*Nhận xét chung**  - GV nhận xét chung về ưu, nhược điểm trong bài viết của HS. | **\* Đề bài:**  - Nêu đề bài  - Xác định yêu cầu của đề.  **II.Biểu điểm**  + Thực hiện nhiệm vụ: thảo luận, thống nhất trong cặp đôi: Xây dựng đáp án, biểu điểm.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  - Nghe, lưu sản phẩm.  **III.Nhận xét chung**  - Nghe, rút kinh nghiệm, ghi chép. | **I. Đề bài:**  (Xem lại đề đã phát)  **II.Biểu điểm**  (Như tiết KT)  **III. Nhận xét chung**  \* Ưu điểm:  - Nắm được kiến thức cơ bản, làm tốt phần đọc hiểu.  \* Nhược điểm:  - Một số bài nội dung quá sơ sài, vận dụng thực tế còn hạn chế.  - Chữ viết cẩu thả.  - Một số em chưa biết tách đoạn hợp lí trong thân bài. |
| **\*HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**   * Thời gian: 22’ * Mục tiêu: Vận dụng kiến thứ đã học vào giải quyết các bài tập. * Phương pháp tích cực: Hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân… * Kĩ thuật: động não, tia chớp, các mảnh ghép, 321… | | |
| **\* HD HS chữa lỗi:**  - Giáo viên giúp HS chữa lỗi trên bài viết của mình, của bạn:  + Nêu những lỗi thường gặp về hình thức.  -+ Gọi HS sửa lỗi.  + GV sửa lỗi.  - GV nêu những lỗi thường gặp về nội dung.  - Gọi HS sửa lỗi.  - GVnhận xét, sửa lỗi.  - GV nêu những lỗi thường gặp về kĩ năng.  - Gọi HS sửa lỗi.  - GVnhận xét, sửa lỗi.  **V.Trả bài:**  - GV trả bài cho HS.  - Gọi 1-2 em viết tốt đọc (Duyên)  - Yêu cầu HS sửa lỗi trong bài viết của mình vào phần giấy còn lại.  - Công bố điểm: | **IV. Chữa lỗi**   * + Phát hiện lỗi.   - Sửa lỗi.  - Nghe, rút kinh nghiệm.  - Phát hiện lỗi.  - Sửa lỗi.  - Nghe, rút kinh nghiệm.  - Phát hiện lỗi.  - Sửa lỗi.  - Nghe, rút kinh nghiệm.  **V.Trả bài:**   * + Nghe, học hỏi.   - Suy nghĩ trả lời. | **IV. Chữa lỗi**  ***1. Về hình thức:***  \* Lỗi chính tả:  \* Chữ viết mất nét, chưa rõ ràng.  \* Viết hoa tùy tiện và chưa viết hoa đúng quy định.  ***2. Về nội dung:***  - Nhiều bài chưa hoàn thiện câu 2, phần tự luận.  - Nguyên nhân; Do học bài chưa kĩ, phân bố thời gian chưa hợp lí giữa các câu.  ***3. Về kĩ năng:***  \* Lỗi lặp từ : Lặp từ ngữ  \* Diễn đạt chưa lưu loát, lập luận chưa chặt chẽ.  - Trả bài cho HS và đọc các bài làm hay.  - Sửa lỗi : một số lỗi dùng từ và chính tả (HS tự đọc lại phát hiện và sửa lại)  **V. Trả bài, tự sửa lỗi.**  \* Điểm cụ thể:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Điểm | <5 | 5->  dưới 8 | 8- 10 | % trên TB | | Số bài |  |  |  | % |   ***=>Những năng lực HS cần phát triển:*** giải quyết vấn đề, tư duy, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ, tự chữa lỗi, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**   * -Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết được các bài tập, các tình huống thực tiễn. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân. * Kĩ thuật: động não | | |
| + Giao nhiệm vụ:  Từ nhận xét của GV, sự góp ý của bạn bè, về nhà hãy tự sửa lỗi (có thể làm lại bài cho chính xác)  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân.  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. |  |
| **\*HOẠT ĐỘNG 5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG**   * Thời gian: (Có thể làm ở nhà) * - Mục tiêu: Mở rộng kiến thức bài học, phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo của HS. * Phương pháp tích cực: Hoạt động cá nhân, hoạt động với cộng đồng.   Kĩ thuật: động não | | |
| + Giao nhiệm vụ:  -Tìm đọc từ các nguồn tài liệu, tham khảo, sưu tầm các bài văn hay.  - Học cách lập luận, diễn đạt.  + Khuyến khích HS chia sẻ trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá. | + Thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân, chia sẻ với người thân, bạn bè…  + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ , lưu sản phẩm. | -Tìm đọc từ các nguồn tài liệu, tham khảo, sưu tầm các bài văn hay.  - Học cách lập luận, diễn đạt. |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà. (3’)**

- Ôn lại toàn bộ kiến thức HK I.

- Soạn bài “Bàn về đọc sách” của Chu Quang Tiềm:

+ Đọc trước văn bản.

+ Trả lời câu hỏi/ Sgk.